**ĐẠI CƯƠNG KINH LĂNG NGHIÊM  
Hòa Thượng Thích Thiện Hoa**

# THAY LỜI TỰA

Giữa cơn nắng hạn lại gặp mưa phùn, đang lúc ly loạn, lòng người đau khổ, lại được cam lồ pháp vị làm cho tâm hồn người bớt sự dau khổ, thì còn may mắn gì hơn!

Chúng tôi là cư sĩ của Phật học đường Nam Việt tại chùa Ấn Quang, không biết có phúc duyên gì, mặc dầu sinh trong đời Mạt pháp, mà vẫn gặp Chánh pháp của Phật Đà. Trên ba năm nay, chúng tôi thường đến Phật học đường Nam Việt học hỏi về giáo lý với quý vị Pháp sư. Càng học thấy càng hay; như người ăn mía: càng nhai lại càng ngọt. Sau xưa với đạo vị, mà quên bớt những sự đau khổ giữa lúc loạn ly.

Càng học lại thấy giáo lý càng thâm cao. Quý hóa thay! Năm nay chúng tôi được ngài Thích thiện hoa,, trưởng ban hoằng pháp Phật giáo Nam Việt, kiêm Đốc giáo Phật học đường Nam Việt ban cho một vật báo vô giá: giảng về đại cương kinh Lăng Nghiêm. Hay làm sao! Và thú vị làm sao! Chúng tôi không thể miêu tả ra hết được.

Chúng tôi thường nghe nói: Kinh Lăng Nghiêm là một bộ kinh Đại Thừa, vừa quý giá nhứt, mà cũng vừa cao siêu nhứt. Trước đây thỉnh thoảng chúng tôi cũng có thỉnh những bản của các nhà dịch khác để xem, nhưng khó hiểu quá! Ngoài cái khó về văn chương và danh từ triết lý chuyên môn lại còn nghĩa lý rộng sâu như biển, thật khó nắm lấy đại cương!

Hôm nay được nghe giảng Đại cương, thật chẳng khác nào bầu thế giới bao la, mà được thâu vào một bản đồ nhỏ hẹp, rất dễ ngắm xem.

Chúng tôi được nghe lời Phật dạy:

“Người chưa được độ mà muốn độ người đó là tâm Bồ tát; người đã được giác ngộ, rồi đem ra khai sáng cho người khác là hạnh của Như lai”.

Chúng tôi tự nghĩ rằng: “Mình đã là con của Phật, phải học theo hạnh Bồ tát: Mỗi khi được điều lợi gì, thì phải đều chia xớt cho mọi người”.

Nghĩ thế, nên chúng tôi yêu cầu Thầy Đốc giáo Phật học đường Nam Việt viết lại thành bài, và chung cùng nhau in ra phát hành; trong số đó, có ấn tống 1000 quyển (khi lần thứ nhất).

Như thế, trước để đền đáp Hồng ân của Tam bảo, và công trình giáo huấn của chư Tăng, sao mong cho mỗi người đọc hiểu, đều ngộ được chân tâm của mình, cùng chúng tôi đồng tu đồng chứng.

Mong thay! Vui lắm thay!

Chợ Lớn ngày 15 tháng 1 năm At Mùi (1955)  
T.M Cư Sĩ Phật Học Đường Nam Việt  
Phật Tử MINH PHÚC

# Bài 1: Đại Cương Kinh Thủ Lăng Nghiêm

*A. PHẦN DUYÊN KHỞI  
B. PHẦN CHÁNH ĐỀ  
I. Nguyên nhơn Phật nói kinh  
II. A Nan cầu Phật dạy phương pháp tu hành, lần thứ nhất.  
III. Phần lược giải:  
1. Định danh và giải nghĩa tên kinh.  
2. Nội dung kinh Lăng Nghiêm*

**A. PHẦN DUYÊN KHỞI**

Người đến đô thành lạ, nếu chẳng có bản đồ, thì không sao khỏi lầm đường lạc nẻo. Người đi trong biển khơi diệu-vợi, sóng dồi gió dập, lênh đênh giữa biển, nếu không có kim chỉ-nam, thì không dễ vượt qua mấy vạn trùng dương, trở về xứ sở. Người đi đánh giặc, nếu không có binh thơ đồ trận, không hiểu chiến thuật, chiến lược, thì không sao thắng được giặc, đem trở lại trật tự an ninh cho nước nhà, và giữ gìn non sông cẩm tú. Kẽ làm thợ nếu chẳng có mực thước, thì không sao làm thành món đồ có giá trị được.

Người tu hành cũng thế, nếu không hiểu được lối thắng, khúc quanh, chỗ đèo ải gay go, nơi hố hầm nguy hiểm trong đường lối tu hành, lớp lang chứng đạo, thì không sao khỏi lạc vào nẻo tà, sa nơi ác đạo.

Kinh-Lăng-Nghiêm là một bộ kinh quý báu vô cùng, chỉ đường lối tu hành một cách rành mạch, nào là giáo, lý, hạnh, quả đều rõ ràng. Người tu phải trải qua bao nhiêu địa vị, trong khi tu gặp những đều nguy hiểm thế nào, mà phải làm sao mới tránh khỏi những điều nguy-hiểm ấy, thì trong Kinh-Lăng-Nghiêm dạy hết sức rõ ràng.

Nói đến Kinh-Lăng-Nghiêm, hàng Phật tử ai chẳng nghe tiếng là một bộ kinh Đại -thừa, vừa hay nhứt, mà cũng vừa quý nhứt. Người tu hành hiểu được Kinh-Lăng-Nghiêm, chẳng khác nào người bộ hành có bản đồ, kẻ thủy thủ có kim chỉ nam, người thợ có dây mực, cây thước, kẻ chiến sỹ có binh thư đồ trận.

Vì Kinh-Lăng-Nghiêm quý giá như thế, nên thuở xưa các vị vua Ấn Độ cho là một quốc bảo, giữ gìn nghiêm ngặt không cho truyền bá ra ngoài. Trong lúc ấy bên Tàu, có Ngài Thiên-thai Trí-giả Đại-sư, được nghe Kinh-Lăng-Nghiêm quý báu như vậy, nên mỗi ngày hai lần sớm chiều xây mặt về phía Tây (Ấn Độ) quỳ lạy cầu khẩn cho Kinh-Lăng-Nghiêm được sớm truyền bá qua Tàu, để lợi ích quần-sanh.

Cách 100 năm sau, có Ngài Bát-Thích-Mật-Đế, người Ấn Độ, đã nhiều lần tìm cách đem Kinh-Lăng-Nghiêm đến truyền bá tại Trung Hoa, nhưng không kết quả, vì luật nước nghiêm cấm, kiểm soát rất chặt chẽ.

Đến lần cuối cùng, Ngài viết kinh trong tấm lụa mỏng, rồi cuốn lại, xẻ thịt bắp vế nhét vào, băng lại làm như người có ghẻ, mới đem ra được khỏi nước.

Chúng ta nên nhớ tưởng lại kỳ-công “Vị pháp vong xu” của Ngài Bát-Thích-Mật-Đế. Thử nghĩ: Một cây cỏ cắt vào da còn đau; một mụt ghẻ con, còn biết nhức; huống chi xẻ một đường dài nơi bắp thịt, nhét cho được một cuốn lụa con, trải qua bao nhiêu ngày, từ Ấn Độ sang đến Trung Hoa. Nếu không may bị tiết lộ thì phải tử hình. Như thế chúng ta đủ thấy sự quý báu của Kinh-Lăng-Nghiêm là dường nào! tâm vì đạo quên mình của Bồ Tát Bát-Thích-Mật-Đế đáng cho chúng sanh trọn đời bái phục.

Khi Ngài Bát-Thích-Mật-Đế đem Kinh-Lăng-Nghiêm này qua Tàu, đến đất Nam-thuyên, gặp quan Thừa-tướng tên Phòng-Dung, là bậc bác học uyên thâm, lại có lòng mộ Phật, nên Ngài trình bày với Thừa-tướng, về giá trị của Kinh-Lăng-Nghiêm mà Ngài đã huyền diệu sinh mang đến.

Quan Thừa-Tướng Phòng-Dung nghe nói rồi hết sức mừng rỡ, cho là đặng một vật báu chưa từng có. Nhưng khi đem cuốn lụa ra thì, vì bị máu mũ bám vào lâu ngày, nên mất cả chữ nghĩa.

Một bà có công lớn trong việc này, là Phu-nhân của Thừa-tướng Phòng-Dung. Bà đem cuốn lụa ấy nấu với một chất hóa học, thì máu mũ đều theo nước mà tan đi, chỉ lưu lại các nét mực, nên còn thấy để phiên dịch.

Quan Thừa-tướng thỉnh Ngài Bát-Thích-Mật-Đế dịch chữ Phạn ra chữ Tàu. Ngài Di-Già-Thích-Ca dịch từ ngữ, còn quan Thừa-tướng nhuận-sắc. Bởi thế nên Kinh-Lăng-Nghiêm chẳng những nghĩa lý rất hay, mà văn chương còn tuyệt diệu! Từ xưa các học giả, không những trong đạo Phật, mà cả đạo nho, các đại gia văn chương, một phen xem đến Kinh-Lăng-Nghiêm, đều kính phục và vô cùng khen ngợi cái nghĩa lý cao siêu, và văn chương tuyệt diệu của kinh.

**B. PHẦN CHÁNH ĐỀ**

**I. NGUYÊN NHÂN PHẬT NÓI KINH LĂNG NGHIÊM**

Theo lệ thường, mỗi năm đến ngày rằm tháng bảy, là ngày mãn hạ, chư Tăng cùng trong tự tứ, để rữa sạch những hành vi lỗi-lầm và những tưởng không tốt, cho giới thể được thanh tịnh, vì trong ba tháng kiết hạ an cư, chư Tăng đều thúc liễm thân tâm, trau giồi giới hạnh, tích công lũy đức, nên đến ngày mãn hạ, các hàng Phật tử cư sĩ đều đua nhau sắm đủ các món trai diên, thỉnh như tăng đến cúng dường, để gieo trồng cội phúc.

Hôm ấy, nhằm ngày húy nhựt của Tiên-Hoàng, nên vua Ba-Tư-Nặc sắm đủ các món trân tu mỹ vị rất linh đình, rồi chính vua thân hành đến rước Phật và chư Tăng về cúng dường.

Cũng hôm ấy, các hành trưởng giả, cư sĩ đều sắm đủ thức cơm chay, cung thỉnh chư Tăng đến cúng dường. Phật bảo Ngài Văn-thù chia ban, để đi đến từng nhà thọ cúng.

Trong lúc ấy, ông A-Nan vì đã chịu người thỉnh riêng trước, nên trở về chẳng kịp để dự vào hàng chúng Tăng thọ cúng .

Ông mang bình bát đi vào thành, oai nghĩa, tề chỉnh, bộ điệu chậm rãi, qua từng nhà một để khất thực. Vơi tâm bình đẳng, ông muốn làm phước điền cho tất cả mọi người, không phân biệt bậc quý phái hay hạng bình dân. Ông chỉ mong gặp những người chưa biết làm phước, hôm nay phát tâm cúng dường, để họ được ương trồng hạt giống lành, đặng ngày sau hưởng quả.

Vì lòng từ bi bình đẳng không lựa chọn, nên ông tuần tự trải qua các xóm làng. Không may ông gặp nhà tín-nữ ngoại đạo, tên Ma-Đăng-Già, dùng phép huyễn thuật là thần chú của Ta-Tỳ-Ca-La Tiên Phạm-thiên, bắt vào phòng, dùng đủ lời dịu ngọt, vuốt ve mơn trớn, ép uổng về tình duyên!….

A-Nan bị nạn, hết sức buồn rầu! Ông chắp tay niệm Phật, hướng về Đức Chí-tôn cầu cứu ! …Phật biết A-Nan bị nạn, nên khi thọ trai xong không kịp thuyết pháp, liền trở về tịnh xá ngồi Kiết-già, nên đảnh phóng hòa quang ấy có ngàn cánh, trên hoa sen có đức Hóa Phật ngồi kiết-già, nói thần chú Lăng-Nghiêm (*mỗi buổi khuya các chùa đều tụng) .*

Phật bảo Ngài Văn-thù đem thần chú ấy đi đến chổ nàng Ma-Đăng-gìa, để phá trừ tà chú, cứu nạn cho A-Nan.

**II. A-NAN CẦU PHẬT DẠY PHƯƠNG PHÁP TU HÀNH LẦN THỨ NHỨT**

Khi ông A-Nan được thoát nạn, về đến chổ Phật, cúi đầu kính lạy, buồn tủi, khóc than và bạch Phật rằng:

– Bạch Thế Tôn ! Con từ hồi nào đến giờ có lòng ỷ lại: Con là em Phật, được Phật thương yêu, chắc chắn Phật sẽ ban cho con thần thông trí huệ, hay đạo quả Bồ-đề, nên chỉ lo học rộng nghe nhiều, chẳng cần tu niệm, không ngờ ai tu nấy chứng, mặc dù con là em của Phật, nếu không tu, thì cũng bị đọa như ai; học nhiều mà không tu, thì cũng chẳng có ích gì! Cúi xin Phật rộng lòng từ bi, chỉ dạy cho con phương pháp nào mà mười phương các Đức Phật tu hành đều được thành chứng quả.

**III. PHẦN LƯỢC GIẢI**

**1. ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI NGHĨA TÊN KINH**

Khi đó Phật an ủi A-Nan và hứa sẽ dạy phương pháp tu hành để thành đạo chứng quả, là Kinh-Lăng-Nghiêm. Kinh này đọc cho đủ là:

“Linh đại Phật đảnh, Như-lai mật nhơn, tu chứng liễu nghĩa, chư Bồ Tát vạn hạnh, Thủ Lăng-Nghiêm”; gọi tắt là “Kinh Thủ-Lăng-Nghiêm” tức là Kinh nói về Chơn tâm.

a. Vì kinh này rất quý báu, đã ít có mà lại khó gặp, hành Tiểu-thừa Thinh-văn và quyền-thừa Bồ Tát không thể thấu suốt được, nên dụ như cái tướng “Vô kiết đảnh” của Phật. Vì tướng này rất quý báu và khó thấy, hàng Phàm phu và Nhị-thừa không thể thấy được.

b. Mười phương các Đức Phật đều y theo kinh này mà làm nhơn địa tu hành mà được thành đạo chứng quả, nên gọi là “Như lai mật nhơn”.

c. Y theo kinh này mà tu và chứng thì lối tu chứng ấy mới được là rốt ráo, nên gọi rằng “tu chứng liễu nghĩa”.

d. Các vị Bồ Tát tu pháp lục độ vạn hạnh đều y theo kinh này, nên kinh nầy cũng gọi là “Chư Bồ Tát vạn hạnh”.

đ. Tóm lại là “Thủ Lăng Nghiêm”, Tàu dịch là “Đại định kiên cố”. Nghĩa là cái bản thể chơn tâm sẳn có của tất cả chúng sanh và chư Phật, nó bao la trùm khắp cả vũ trụ, nên gọi là “Đại”. Tâm ấy thường tịch tịnh không vọng-động nên gọi rằng “Định”. Nó không bị thời gian thay đổi, hay không gian chuyển dời, thấu xưa suốt nay, bao giờ cũng vẫn thường như thế, ở nơi bậc thánh không thêm, tại phàm cũng không bớt, như như bất động, nên gọi rằng “Kiên cố”.

Chữ “Kinh” theo nghĩa hẹp là đường chỉ xuôi, tức là đường canh trong tấmvải. Tấm vải nhờ có đường canh xâu kết lại các chỉ ngang, mới thành một tấm vải.

Còn theo nghĩa rộng, chữ “Kinh” là xâu tóm các lời lẽ và nghĩa lý của Thánh-hiền làm thành một quyển hay một bộ.

Trong đạo Phật hay ngoài đời đều có Kinh điển. Song Kinh Phật có thêm chữ “khế” nên khác hơn kinh sách ở thế gian.

Chữ “khế” nghĩa là hợp:

a. Hợp căn cơ trình độ của chúng sanh.

b. Hợp chân lý.

Chữ Kinh có nghĩa “trường pháp”, là một chân lý không thay đổi: quá khứ Phật nói pháp như vậy, hiện tại Phật cũng nói pháp như vậy và vị lai Phật ra đời cũng nói pháp như vậy mà thôi, nên gọi là “thường pháp”.

Nói một cách xác thật hơn:

“Kinh này chính là tâm của chúng ta”.

a. Chúng ta sẳn có bản thể chơn tâm thanh tịnh và như như bất động, thế là nơi ta có “Thủ Lăng-Nghiêm” .

b. Y theo chơn tâm này mà khởi tu lục độ muôn hạnh của Bồ Tát, thì chính là nơi ta có “Chư Bồ Tát vạn hạnh”.

c. Y theo chơn tâm mà tu, và cũng y theo chơn tâm này mà chứng, tu chứng như thế mới là rốt ráo, nên gọi là “tu chứng liễu nghĩa”.

d. Chúng ta y chơn tâm này làm nhân địa tu hành, sẽ được thành Phật, nên gọi là “Như-lai mật nhơn”.

đ. Chơn tâm này rất quý báu, những hàng phàm phu, Tiểu-thừa và quyền thừa Bồ Tát không ngộ nhập được, nên dụ như “vô kiến đảnh tướng” của Phật. Chơn tâm chúng ta bao trùm cả vũ trụ, muôn sự muôn vật không ngoài chơn tâm ta, đó là nghĩa chữ “Kinh”.

Mười chính chữ đầu đề của kinh này: “Đại Phật đảnh, Như-lai mật nhơn, tu chứng liễu nghĩa, chư Bồ Tát vạn hạnh, Thủ Lăng-Nghiêm”, đã bao hàm toàn bộ kinh, nào là giáo, lý, hạnh, quả, thể đại, tướng đại và dụng đại, nhơn địa tu chứng đều trùm cả, mà rốt cuộc chỉ ở nơi tự tâm chúng ta sẳn đủ. Bởi ngộ được lý này, nên đức Lục-tổ Huệ-năng nói rằng:

*Không ngờ tâm mình vốn sẳn thanh tịnh  
Không ngờ tâm mình vốn không sanh diệt  
Không ngờ tâm mình sẳn đủ các pháp  
Không ngờ tâm mình vốn không lay động  
Không ngờ tâm mình hay sanh muôn pháp.*

Đọc đề mục kinh chỉ có 19 chữ, chúng ta thấy đã vui thú rồi, vì chính nơi ta sẳn có kinh “Đại Phật đảnh, Như-lai mật nhơn, tu chứng liễu nghĩa, chư Bồ Tát vạn hạnh, thủ Lăng-Nghiêm”. Chỉ vì chúng ta mê muội nên chẳng nhận được kinh Lăng Nghiêm của mình. Song nó cũng không mất, khi ngộ được thì sẽ thành Phật.

**2. NỘI DUNG KINH LĂNG NGHIÊM**

Nội dung của kinh Lăng-Nghiêm là Phật chỉ dạy cho chúng ta ngộ được chơn tâm. Chúng ta vì không ngộ được chơn tâm nên phải vĩnh kiếp làm chúng sanh, trầm luân trong biển sanh tử, chịu không biết bao nhiêu khổ sở. Còn như Phật thoát ly sanh tử luân hồi, được tự do giải thoát, thần thông tự tại, trí huệ vô ngại v.v….đều do các Ngài đã ngộ chơn tâm, nên mới được như thế.

Nói cho dể hiểu: Phật với chúng sanh vẫn đồng một thể tánh chơn tâm, nhưng các Ngài đã hoàn toàn giác ngộ được thể tánh ấy, nên mới thành Phật. Trái lại, chúng sanh vì mê muội thể tánh chơn tâm, nên phải bị sanh tử luân hồi. Nếu chúng sanh giác ngộ chơn tâm, thì sẽ được như Phật.

Ông A-Nan cầu Phật chỉ dạy phương pháp nào mà mười phương các Đức Phật đã tu hành và đều được chứng quả, thì Phật chỉ dạy, phải ngộ “Chơn tâm” mà thôi. Nếu ngộ được chơn tâm này thì thành Phật. Ngộ được chơn tâm, như người còn ngủ chiêm bao. Đây là phương pháp duy nhứt mà mười phương chư Phật tu hành đã được thành đạo chứng quả.

# Bài 02: Bảy Đoạn Phật Hỏi Về Tâm

**Bẩy Đoạn Phật Hỏi Về Tâm**

*I. A-nan chấp tâm ở trong thân  
II. A-nan chấp tâm ở ngoài thân  
III. A-nan chấp tâm ẩn trong con mắt  
IV. A-nan chấp lại tâm ở trong thân  
V. A-nan chấp tâm tùy chỗ hòa hợp mà có  
VI. A-nan chấp tâm ở chính giữa  
VII. A-nan chấp “không trước” làm tâm*

Trước khi muốn chỉ chơn tâm, Phật gạn hỏi cái vọng tâm. Khi đã hiểu vọng tâm rồi, thì về sau Phật chỉ cái chơn tâm mới khỏi lầm. Cũng như người, trước phân biệt được thau, đồng và vàng giả rồi, thì về sau chỉ đến vành thiệt, họ mới nhận được chắc chắn, nên trước hỏi về cái tâm.

Phật kêu A-Nan hỏi rằng: – Trong giáo pháp ta, ông ngưỡng mộ cái gì mà phát tâm xuất gia ?

A-Nan thưa:-Vì thấy Phật có 32 tướng tốt đẹp lạ thường, con sanh lòng hâm mộ và phát tâm xuất gia.

Phật hỏi:-Ông nói:”Vì thấy 32 tướng tốt của Phật , sanh lòng hâm mộ”, vậy ông lấy cái gì để thấy, và lấy cái gì để hâm mộ ?

A-Nan thưa:-Con lấy mắt để thấy và dùng tâm hâm mộ.

Phật hỏi:-Ông nói: “lấy con mắt để thấy và cái tâm hâm mộ”, vậy ông có biết cái tâm và con mắt ở chỗ nào không?

Ông từ hồi nào đến giờ, nhiều kiếp sanh tử luân hồi, cũng vì tâm và mắt! Nếu ông không biết nó ở chỗ nào, thì không bao giờ hàng phục được phiền não và trần lao.

Cũng như vị quốc vương, bị giặc đến xâm chiếm, đem binh dẹp trừ, nếu không biết giặc trú ngụ ở chỗ nào thì không bao giờ dẹp được giặc.

**I. A-NAN CHẤP TÂM TRONG THÂN**

Nan thưa:-Bạch Thế tôn, không những một mình con hiểu, mà tất cả chúng sanh cũng đều cho “con mắt ở trên mặt, còn tâm ở trong thân”. Phật Bác

Phật hỏi:-Ông ngồi trong giảng đường này, trước hết ông thấy cái gì ? Và vì sao ông thấy được cây cối ngoài vườn?

A-Nan thưa:-Bạch thế tôn, con ngồi trong giảng đường, trước thấy Phật cùng chư tăng, và nhờ mở các cửa, nên con nhìn ra ngoài, thấy được cây cối, cảnh vật bên ngoài.

Phật hỏi:-Có ai ngồi trong nhà, không thấy các vật trong nhà, mà lại thấy được cảnh vật bên ngoài không?

A-Nan thưa:-Bạch thế tôn, người ngồi trong nhà, mà không thấy các vật trong nhà, lại thấy cảnh vật bên ngoài là không có lý.

Phật nói:-Tâm ông cũng thế, nếu thật ở trong thân ông, thì trước hết nó phải thấy tim, gan, ruột, phổi hoặc móng tay ra, tóc dài, gân chuyển, mạch động ở trong, rồi sau do mở mắt, ông mới thấy đặng các cảnh vật bên ngoài. Cũng như người ngồi trong giảng đường này, trước hết phải thấy Phật cùng chúng tăng va những vật trong giảng đường, rồi sau nhìn ra ngoài, mới thấy núi sông cây rừng v.v..

Vậy có ai trước thấy tim, gan, ruột, phổi ở trong thân, rồi sau mới thấy các vật ở bên ngoài không ? Nếu không , thì ông nói:”tâm ở ngoài thân” là phi lý.

**II. A-NAN CHẤP TÂM Ở NGOÀI THÂN**

A Nan bạch Phật: Bạch Thế Tôn, cứ theo lý luận trên thì con hiểu: Tâm ở ngoài thân. Vì nếu ở trong thân, sao không thấy được các vật ở bên trong, mà chỉ thấy cảnh vật bên ngoài. Vậy nên con biết tâm ở ngoài thân. Cũng như cái đèn đốt ngoài nhà, nên chẳng sáng được trong nhà. Nghĩa này đúng rồi, chắc không còn lầm lạc nữ. Phật Bác.

Phật hỏi A – Nan: Cái tâm của ông, nếu ở ngoài thân, thì thân và tâm ông không dính dấp với nhau. Vậy trong lúc tâm biết, thân phải không biết; còn khi thân biết, thì tâm phải không biết.

Cũng như ta với các thầy Tỳ kheo, vì thân thể khác nhau, nên khi ta thọ trai, các thầy không no được .

Vậy ông thử xem cánh tay của ta đây, trong lúc mắt (thân) ông vừa thấy, tâm ông có biết liền không?

A-Nan thưa: Bạch Thế Tôn, trong lúc con mắt vừa thấy, thì tâm con liền phân biệt .

Phật hỏi: Nếu mắt ông vừa thấy, tâm ông liền biết, thì thân ông và tâm không thể rời nhau được, như thế thì ông nói: “Tâm ở ngoài thân” cũng không phải.

**III. A-NAN CHẤP TÂM ẨN TRONG CON MẮT**

A-Nan thưa: Bạch Thế Tôn, theo lời Phật bác: “tâm không phải ở trong thân, vì nó chẳng thấy được bên trong; cũng không phải ở ngoài thân, vì mắt vừa thấy, tâm liền biết, rõ ràng tâm thân không rời nhau”.

Cứ theo lý luận này, thì con hiểu: Tâm núp trong con mắt; cũng như con mắt của người mang kiến, nên chỉ thấy các cảnh vật bên ngoài, mà không thấy được vật bên trong. Phật Bác.

Phật hỏi A-Nan: Nếu tâm con núp trong con mắt, cũng như con mắt người mang kiến; vậy tôi hỏi: “Người mang kiến trong khi họ thấy cảnh vật, họ có thấy được cái kiến mang đó không ? ”

A-Nan thưa: Bạch Thế Tôn, thấy được .

Phật hỏi: Nếu tâm ông cũng như con mắt người mang kiến, thì vậy sao người mang kiến có thể thấy được cái kiến mang, còn tâm ông sao không thấy được con mắt của ông?

Nếu tâm ông thấy được con mắt của ông, thì con mắt của ông thành ra cảnh bị thấy, nó phải ở ngoài thân ông mới phải.

Nếu thân, tâm ngoài nhau, thì làm sao mắt ông vừa thấy, tâm ông liền phân biệt được?

Nếu tâm ông không thấy được con mắt của ông, thì sao ông tỷ dụ như con mắt người mang kiến?

Thế nên ông nói: “Tâm núp trong con mắt, như con mắt người mang kiến núp sau cái kiến”, cũng không phải.

**IV. ÔNG A-NAN CHẤP TRỞ LẠI, TÂM Ở TRONG THÂN**

A-Nan thưa: Bạch Thế Tôn, bây giờ con nghĩ: Nhắm mắt thấy tối, là tâm thấy trong thân (gan ruột); nhờ cửu khiếu, thất huyệt (các giác quan) trống hở, nên mở mắt thấy sáng là tâm thấy các cảnh vật ngoài thân. Chẳng biết nghĩa này có đúng không? Phật Bác.

Phật hỏi A-Nan: Ông nói: “Nhắm mắt thấy tối là thấy trong thân”; vậy thì khi ông thấy tối, cảnh tối đó có đối trước mắt ông hay không?

Nếu cái tối không đối trước mắt, thì không thành cái nghĩa thấy. Còn có đối trước mắt, thì thấy tối là thấy trước, sao ông lại nói thấy trong?

Nếu ông cho thấy tối là thấy trong thân (gan ruột) thì khi ở trong nhà tối không có ánh sáng, ông thấy tối đó, cũng là thấy gan ruột của ông sao?

Lại nữa, nếu nhắm mắt thấy tối, ông cho là thấy trong thân, mở mắt thấy sáng là thấy ngoài thân, vậy sao ông không thấy được cái mặt?

Cái mặt ở ngoài, ông mở mắt còn không thấy, thì khi nhắm mắt thấy tối, làm sao chắc là thấy trong thân?

Nếu ông thấy được cái mặt ông, thì con mắt với tâm hiểu biết của ông, phải ở ngoài thân ông.

Nếu tâm và mắt ở ngoài thân, thì nó không phải là tâm mắt của ông rồi.

Nếu ông cho tâm, mắt (ngoài thân ông) đó cũng là ông, vậy thì nay ta thấy được mặt ông, thế thì ta đây cũng là tâm, mắt của ông sao?

Lại nữa, trong lúc con mắt ông biết, thì thân ông cũng phải không biết, khi thân ông biết, thì con mắt ông phải không biết (vì ông chấp nó rời nhau).

Nếu ông cho cả hai đều biết, thì một mình ông phải có hai cái biết (tâm), vậy khi tu hành chứng quả, ông sẽ thành hai vị Phật sao?

Thế nên phải biết: Ông nói: “thấy tối là thấy trong thân” cũng không phải.

**V. A NAN CHẤP TÂM TÙY CHỒ HÒA HIỆP MÀ CÓ.**

A-Nan thưa: Bạch Thế Tôn, con thường nghe Phật dạy tứ chúng: “Do tâm sanh, nên các pháp mới sanh, do các pháp sanh, cho nên tâm mới sanh”. nay con suy nghĩ, thì cái “suy nghĩ” đó là tâm của con; tùy hòa hiệp chổ nào, thì tâm liền theo đó mà có, không phải ở trong, ngoài và chính giữa. Phật Bác.

Phật hỏi A-Nan: Ông nói: “Tùy hòa hiệp chổ nào, thì tâm liền theo đó mà có”; như thế thì cái tâm của ông không có thật thể.

Nếu tâm ông không có hình thể (tức là không có) thì lấy cái gì mà hòa hiệp? còn nó có hình thể, thì ông thử lấy tay mặt đánh qua tay trái, ông liền biết đau. Vậy cái tâm biết đau này, là từ trong thân chạy ra hay tử bên ngoài chạy vào ?

Nếu ông nói: “nó từ trong thân chạy ra”, thì trước hết nó phải thấy gan ruột trong thân của ông. Còn nếu nó từ ngoài hư không chạy vào, thì trước hết nó phải thấy cái mặt của ông.

A-Nan thưa: Con mắt thì thấy, còn cái tâm thì biết; Phật nói: “cái tâm thấy”, nghĩa đó không phải.

Phật hỏi: Nếu con mắt thấy thì những người chết, con mắt vẫn còn, sao họ không thất vật?

Nếu người chết, mà vẫn còn thấy vật, thì sao gọi là người chết?

Lại nữa, nếu cái tâm hiểu biết của ông có thật thể, thì có một thể hay nhiều thể, ở khắp cả thân ông, hay không khắp cả thân?

Nếu tâm ông có một thể, và ở khắp cả thân, thì khi ông lấy tay đánh thử một chổ trên thân ông, đáng lẽ ra thân đều biết đau hết, vì tâm ở khắp cả thân và đồng một thể.

Nếu cả thân đều biết đau, thì cái đau đó lẽ ra không có ở nhứt định chổ nào.

Nếu cái đau có chổ ở nhứt định, thì ông nói: “cái tâm một thể và ở khắp cả thân” cũng không phải. Còn nói “tâm ông có nhiều thể”, thì thành ra nhiều người; vậy cái nào tâm của ông?

Nếu tâm ông không ở khắp thân thể, vậy ông đồng thời vừa đụng trên đầu, và cũng vừa đụng dưới chân, khi ấy nếu đầu biết đau, thì chân phải không biết, còn chân biết đau, thì đầu phải không biết.

Nhưng thật tế thì, đầu và chân của ông cả hai đều biết đau.

Thế nên ông nói: “tùy hòa hiệp chổ nào, thì tâm tùy theo đó mà có”, cũng không phải .

**VI. A-NAN CHẤP TÂM Ở CHÍNH GIỮA**

A-Nan bạch Phật: Con nghe Phật cùng với ngài Văn Thù…khi luận về “thật tướng” (chơn tâm), Phật dạy rằng: “Tâm chẳng ở trong và cũng chẳng ở ngoài“.

Nay con suy nghĩ: Nếu tâm ở trong thân, sao chẳng biết được bên trong? Còn nói tâm ở ngoài, thì sao tâm lại biết nhau? Như thế thì “tâm” chắc ở chính giữa. Phật Bác.

Phật hỏi: Ông nói “Tâm ở chính giữa”, vậy cái “chính giữa”; còn ở chính giữa thân, thì đồng thời với ở trong thân, như đã nói trước. Nghĩa là: tâm phải thấy trước tim, gan, ruột, phổi ở bên trong .

Còn như ở về cảnh, thì có thể nêu (cái giữa) ra được , hay không nêu ra được?

Nếu không nêu ra được , thì đồng như không có; còn nếu ra được , thì không thể nhứt định chổ nào là chính giữa.

Vì sao? Như người lấy cái cắm chính giữa, nếu người ở phía đông thì xem thấy cây ấy cắm ở phía tây; còn người ở phía nam, thì xem thấy cây ở phía bắc.

Cái cây cắm nêu đó đã không nhứt định chổ nào là chính giữa, thì cái tâm của ông cũng phải lộn lạo không định.

A-Nan thưa: con nói “chính giữa” không phải hai chổ ấy. Như Phật thường nói: “con mắt đối với sắc trần, sanh ra nhãn thức”. Một bên con mắt thì có phân biệt, một bên sắc trần lại không phân biệt, cái thức sanh chính giữa, đó là chổ của tâm ở.

Phật hỏi: Ông nói: “Tâm ông sanh chính giữa căn và trần cảnh” hay không gồm cả hai .

Nếu gồm cả hai, thì căn với cảnh lộn lạo (căn không thành căn, cảnh không thành cảnh; vì vừa biết mà cũng là không biết). Song trần cảnh thì không có tri giác, còn căn lại có tri giác, hai bên đối lập riêng khác, vậy lấy chổ nào làm giữa.

Còn như không gồm cả căn và cảnh, thì tâm không thật thể. Vậy lấy cái gì làm chính giữa ?

Thế nên phải biết: Ông nói ” tâm ở chính giữa” cũng không phải.

**VII. A-NAN CHẤP CÁI “KHÔNG TRƯỚC” LÀM TÂM**

A-Nan thưa: Bạch Thế Tôn, ngày trước con thấy khi Phật cùng với ông Đại Mục Kiền Liên. Tu Bồ đề v.v…nói pháp, Phật có dạy rằng:

“Cái tâm hiểu biết phân biệt, không ở trong thân, không ở ngoài thân, không ở chính giữa, không ở chổ nào cả; “không dính mắc (vô trước) tất cả” đó gọi là tâm “.

Vậy nay con lấy cái “không dính mắc” đó làm tâm, chẳng biết có hay được không? Phật Bác.

Phật hỏi: -Ông nói: lấy cái “không dính mắc tất cả” làm tâm. Vậy tôi hỏi ông: tất cả các vật tượng trong thế gian này, nào là hư-không, thế-giới v.v…Vậy các vật tượng ấy có mà ông không dính mắc (trước) hay là không, mà ông không dính mắc?

Nếu các vật tượng ấy không có, thì cũng như lông rùa, sừng thỏ: nó đã không, thời có gì mà dính mắc.

Nếu còn có cái “không dính mắc” thì ông không thể nói rằng “không dính mắc được”. Vì cái gì không có hình tướng thì không, còn cái gì có hình tướng là có. Nếu có hình tướng thì phải bị “dính mắc”.

Thế nên ông nói: “không dính mắc tất cả làm tâm” cũng không phải.

**LƯỢC GIẢI**

Đã bảy lần Phật gạn vể tâm, ông A-Nan đều nói không trúng. Vậy nên biết: Nếu chưa ngộ được thể tánh chơn tâm, thì dù cho nói cách nào cũng sai cả. Chẳng khác nào như trong Nhiếp Đại Thừa luận có cái dụ: “kẻ mù rờ voi”. Người rờ nhầm cái chân thì nói con voi như cột nhà, người rờ nhằm lỗ tai, thì nói voi như ki hốt rác, người rờ nhằm đuôi, thì nói voi như cây chổi quét nhà v.v…mặc dù rờ trúng, nhưng nói và nghĩ thế nào cũng sai cả. Phải thấy chơn tướng của con voi, thì nói mới không sai.

Chúng ta cũng nên lưu ý; trong kinh này, ngài A-Nan đại diện cho chúng sanh mê lầm hiện tại, cũng như tương lai mà đứng ra thưa hỏi.

Có những đoạn ngài trình bày hoặc thưa hỏi rất thấp, là đại diện cho những chúng sanh mê lầm bực hạ căn. Có những đoạn Ngài trình bày hoặc thưa hỏi thâm thúy, là đại diện, cho những chúng sanh căn tánh bậc thượng. Vậy chúng ta không nên căn cứ lời trình bày trên mặt văn tự mà phê phán trình độ của Ngài.

# Bài 03: A Nan Cầu Phật Dạy

*I. Anan cầu Phật dạy phương pháp tu hành, lần thứ hai  
II. Phật gạn hỏi lại tâm lần thứ hai.  
III. Anan chấp cái “Suy nghĩ phân biệt ” làm tâm.  
IV. anan cầu Phật chỉ dạy phương pháp tu hành, lần thứ ba.  
V. Phật chỉ tâm lần thứ nhứt.  
VI. Phật chỉ cái thấy làm tâm, không phải con mắt .  
VII. Phật chỉ tâm lần thứ hai  
VII. Anan cầu Phật chỉ dạy ở nơi thân này cái nào “chơn” và cái nào “vọng”  
I. Vua Ba Tư nặc đứng dậy hỏi Phật .  
X. Phật chỉ tâm lần thứ ba  
XI. Phật chỉ “cái thấy” không sanh diệt*

**I. ANAN CẦU PHẬT DẠY PHƯƠNG PHÁP TU HÀNH LẦN THỨ HAI.**

Ông A-Nan đã bảy lần chỉ tâm đều không trúng, vì ông chấp vọng tưởng là tâm, nên bị Phật bác cả, lần thứ hai ông đứng dậy chắp tay kính lạy, cầu Phật chỉ dạy phương pháp tu hành để thoát ly sanh tử luân hồi.

A-Nan thưa rằng: -Bạch Thế Tôn ! Con là em Phật, tuy đã xuất gia, mà vẫn còn ỷ lại lòng thương yêu của Phật chỉ lo học rộng nghe nhiều, không chuyên tu niệm, nên không chứng được đạo quả, chẳng hàng phục nổi tà chú của ngoại dạo Ta-Tỳ-Ca-La; trái lại, còn bị Ma Đăng già bắt vào phòng dâm…phải nhờ Phật cứu độ. Vậy cúi xin Phật từ bi chỉ dạy cho con phương pháp tu hành, để phá trừ ác chiến và chứng thành đạo quả.

Thưa thỉnh xong, A-Nan và đại chúng kính cẩn và trông chờ lời Phật chỉ dạy.

**II. PHẬT GẠN HỎI TÂM LẦN THỨ HAI.**

Lúc bấy giờ Phật gạn hỏi lại cái “tâm” lần thứ hai, và bảo ông A-Nan phải phân biệt rành rõ cái nào là chơn tâm, và cái nào là vọng tâm.

Phật dạy: Ông nay muốn đặng đạo vô thượng Bồ đề, thì điều cận nhất là phải hiểu rõ hai món căn bản:

* Một căn bản của sanh tử luân hồi là vọng tâm.
* Một căn bản của Bồ đề, Niết bàn, là chơn tâm.

Nếu ông nhận lầm căn bản của sanh tử (vọng tâm) làm nhơn tu hành, thì không bao giờ giải thoát được. Cũng như người nhận giặc làm con, thì chỉ thêm bị phá hoại gia sản của mình mà thôi. Và cũng như người nấu cát làm cơm, dầu trải bao nhiêu năm cũng chẳng thành cơm được.

Vậy nay ông muốn biết đường lối tu hành để ra khỏi sanh tử luân hồi, thì ông hãy nghe tôi hỏi đây:

Phật liền đưa bàn tay, coi lại năm ngón và hỏi ông A-Nan rằng: Ông có thấy không?

A-nan đáp: Bạch Thế Tôn, thấy.

Phật hỏi: -Ông thấy cái gì?

Anan đáp: Con thấy Phật đưa bàn tay co năm ngón lại.

Phật hỏi: Ông lấy cái gì để thấy và lấy cái gì làm tâm?

**III. A-NAN CHẤP CÁI “SUY NGHĨ PHÂN BIỆT” LÀM TÂM**[^]

A-Nan thưa: con lấy “mắt” để thấy và cái “biết suy nghĩ phân biệt” làm tâm .

Phật quở: Dốt lắm, A-Nan ! cái đó không phải là tâm của ông.

LƯỢC GIẢI

Chúng ta nên lưu ý: Thông thường ai cũng đều có cái ”suy nghĩ phân biệt” là tâm của mình, mà Phật lại nói “không phải tâm”. Vậy chúng ta cần phải chính chắn suy xét chổ đó.

\* \*\*

A-Nan hoảng hốt, đứng dậy thưa Phật: Bạch Thế Tôn, cái “suy nghĩ, phân biệt” này, nếu không phải là tâm của con thì gọi nó là cái gì?

Phật dạy: nó là “vọng tưởng” (vọng tâm). Bởi các ông từ hồi nào đến giờ, lầm nhận “vọng tưởng” làm “chơn tâm”, cho nên nhiều kiếp trầm luân. Như người nhận giặc làm con, nên bị giặc phá hại.

A-Nan thưa: Bạch Thế Tôn, con vì thương Phật nên mới xuất gia, thì con mới dùng cái tâm này mà thương Phật. Con phụng thờ các đức Phật trong mười phương và làm tất cả các điều công đức, cũng dùng cái tâm này. Dầu cho con có làm các điều tội lỗi, hủy báng Phật pháp, đọa vào đại ngục đi nữa, thì con cũng dùng cái tâm này. Ngày hôm nay Phật nói “nó” không phải tâm của con, như thế thành như con không có tâm; nếu không có tâm, thì con đồng như cây, đá rồi ! Cúi xin đức Thế tôn từ bi chỉ giáo.

Phật dạy rằng: này A-Nannếu ông chấp cái “suy nghĩ, phân biệt” là tâm của ông, thì khi rời cảnh vật hiện tiền, cái tâm “hiểu biết, phân biệt” ấy, cũng vẫn còn, thế mới phải là tâm của ông. Nếu rời cảnh vật hiện tiền, mà tâm hiểu biết phân biệt ấy mất đi, thì không phải là chơn tâm của ông rồi.

Dầu cho ông diệt hết năm tri giác bên ngoài là thấy, nghe, hay, biết (năm giác quan), chỉ còn lưu lại cái “thầm thầm phân biệt” bên trong (thức thứ sáu) thì đó cũng là cái vọng tưởng phân biệt (ý thức thứ sáu) bóng dáng pháp trần không phải là chơn tâm của ông.

Này A-Nan, tôi không bắt buộc ông phải chấp cái “suy nghĩ phân biệt” đó là không phải tâm của ông; tôi chỉ bảo ông nên chính chắn suy xét: nếu rời cảnh vật hiện tiền, mà cái “suy nghĩ phân biệt” này vẫn còn, thì mới phải thật là chơn tâm của ông.

Còn nếu rời khỏi cảnh vật hiện tiền, mà phải “suy nghĩ phân biệt” này cũng mất luôn đi, thì rõ ràng nó là cái “vọng tưởng phân biệt ” (vọng tâm) bóng dáng của sáu trần, chớ không phải là “chân tâm thường trụ” của ông vậy.

Nếu ông nhận cái “hư vọng phân biệt sanh diệt” (vọng tưởng) nay làm tâm của ông, thì khi cảnh vật hiện tiền qua rồi, tâm ấy cũng theo cảnh vật mà diệt đi. Lúc ấy thành ra ông không có tâm rồi. Nếu không có tâm, thì ông lấy cái gì để tu hành, và thành đạo chứng quả.

Ông phải biết rằng: trong thế gian tất cả người tu hành, không được thành đạo, đều do chấp lầm cái “vọng tưởng sanh diệt” (vọng tâm) này làm chân thật (chơn tâm).

Chính ông ngày nay cũng thế, nên tuy học nhiều mà không được quả Thánh.

**IV. A-NAN CẦU PHẬT CHỈ DẠY PHƯƠNG PHÁP TU HÀNH LẦN THỨ BA.**

A-Nancùng Đại chúng, nghe Phật nói như vậy, đều ngẫn ngơ và im lặng.

Lúc bấy giờ ông A-Nan cúi đầu lạy Phật, quỳ gối chắp tay vừa khóc lóc, vừa bạch Phật rằng: Con từ khi xuất gia theo Phật đến nay, vì ỷ lại là em của Phật, tin chắc sẽ nhờ oai thần Phật ban cho đạo quả, chẳng cần tu tánh cực nhọc; không ngờ ai tu lấy chứng, không thể thay thế cho nhau được.

Hôm nay con mất “bản tâm” đi rồi thân tuy xuất gia mà tâm chẳng vào đạo, chẳng khác nào đứa cùng sanh tử bỏ cha trốn đi.

Nay con mới biết học nhiều mà không tu cũng như người không học mà cũng như người nói đến đủ các thức ăn, rốt cuộc trong bụng vẫn đói.

Bạch Thế Tôn, chúng con vì hai chứng phiền não và sở tri ràng buộc, nên không ngộ được chơn tâm. Cúi xin đức Thế Tôn thương xót kẻ bần cùng, chỉ dạy cho con phương pháp tu hành, để phát minh được tâm tánh.

**V. PHẬT CHỈ CÁI “THẤY” THƯỜNG CÒN**

Khi ấy Phật kêu A-Nan , dạy rằng: -Vừa rồi ông nói “thấy năm ngón tay của ta con mắt nắm lại”. Vậy thì sao có nắm tay? Và nhờ cái gì mà có cái thấy?

A-Nan thưa: -Bạch Thế Tôn, nhơn bàn tay của Phật co lại năm ngón, nên mới có nắm tay, và nhờ con mắt cho nên mới có cái thấy.

Phật hỏi: Vậy thì “không bàn tay chẳng có ngón tay, cũng như không con mắt thời chẳng có cái thấy “; so sánh như thế có đúng không?

A-Nanthưa: Bạch Thế Tôn, đúng.

Phật dạy: Không đúng hẳn! Không bàn tay thì không có nắm tay thì phải, không con mắt chẳng phải cái “thấy” không có.

Ông nên ra ngoài đường hỏi những người mù mắt: “các người có thấy gì không?”, thì họ đều trả lời với ông rằng: “Chỉ thấy tối đen”. Như thế thì rõ ràng: Người mù không có con mắt, mà cái “thấy” cũng vẫn còn.

Đây là cái bằng chứng: Mặc dù con mắt không có, và trần cảnh đối trước có tối và sáng khác nhau, nhưng cái thấy lúc nào cũng có (nói cái thấy là đại diện cho năm giác quan).

A-Nan thưa: Người mù thấy tối, thì sao gọi là thấy được?

**VI. PHẬT CHỈ TÂM LẦN THỨ NHỨT**

Phật hỏi A-nan: Người sáng mắt ở trong nhà tối thấy tối, cùng với người mù mắt thấy tối, vậy hai cái tối đó có khác nhau không?

A-Nan thưa: -Bạch Thế Tôn ! không khác.

Phật hỏi: Nữa trong nhà tối thấy tối, nếu có người đem đèn vào, họ thấy được các vật, vậy cái đèn thấy hay con mắt thấy?

A-Nan thưa: Mắ1 thấy chớ không phải đèn thấy.

Phật dạy: Cũng thế, người mù mắt khi lột mây rồi, thấy được cái cảnh vật, đó là tâm thấy chớ không phải mắt thấy.

Phật dạy tiếp: -Cái đèn chỉ làm cho sáng các vật, còn cái thấy là con mắt (dụ cho tâm) chớ không phải đèn ( dụ con mắt ). Lên một tầng nữa: con mắt chỉ làm cho tỏ rõ các vật, còn cái thấy là tâm, chớ không phải con mắt (đây là lần thứ nhứt Phật chỉ tâm ).

A-Nan và đại chúng nghe Phật giảng dạy như thế rồi, đều im lặng, nhưng trong tâm thật chưa hiểu, nên đều kính cẩn chắp tay, để chờ Phật chỉ dạy thêm.

LƯỢC GIẢI

Trong đoạn này, xin nói thêm tỷ dụ này cho dể hiểu: Con mắt của người cũng như bóng đèn điện, còn cái “thấy” của người cũng như điện. Khi dây đứt ( dụ dây thần kinh đứt ) bóng hư ( dụ mắt mù ) thì đèn không cháy, chớ không phải điện mất (không cái thấy ). Đến khi thay bóng mới nối dây lại, thì điện cháy trở lạ: không phải do bóng hay do dây mới có điện.

Cái “thấy của người cũng thế: khi mắt bị mây che thì chỉ thấy tối, chớ không phải cái “thấy” mất, đến khi lột mây rồi, thì cái “thấy” hiện ra, không phải do con mắt mới có cái thấy. Đoạn này Phật chỉ rõ cái “thấy” là tâm.

\* \*\*

**VII. PHẬT CHỈ TÂM LẦN THỨ HAI**

Khi đó Phật đưa bàn tay lên, năm ngón co lại rồi mở ra và hỏi ông A-Nan:-Ông có thấy cái gì không?

A-Nan thưa:-Thấy Phật đưa tay lên co vào rồi mở ra.

Phật hỏi: Tự cái tay của ta co mở, hay “cái thấy” của ông co mở ?

A-Nan thưa:- Tự tay Phật co mở, chứ “cái thấy” của con không co mở.

Phật khen: Phải lắm.

Phật lại phóng một đạo hào quang trên vai phía mặt của A nan: A-Nan liền xoay đầu ngó về phía bên mặt. Phật lại phóng hào quang trên vai phía trái của A-Nan; A-Nan xoay đầu ngó qua phía trái.

Phật hỏi: Cái đầu của ông hôm nay tại sao xoay qua lắc lại như vậy?

A-Nan thưa: vì Phật phóng hào quang trên hai vai của con, nên con xoay qua lắc lại để xem.

Phật hỏi: Vậy cái đầu của ông lắc, hay cái thấy của ông lắc?

A-Nan thưa: tự cái đầu con xoay qua lắc lại, chớ cái thấy của con không có xoay lắc.

Phật hỏi: -Cái nào động, cái nào tịnh?

A-Nan thưa:- Cái đầu của con có động và tịnh (dừng) chứ cái thấy của con không có động và tịnh.

Phật nói: Phải

Phật dạy tiếp:- Cái nào có co, có mở, có động, có tịnh, có sanh, có diệt, thì cái đó là vọng, thuộc về “khách” không phải ông. Còn cái nào không động tịnh, co mở, không sanh diệt, thì cái đó là “chơn”, thuộc về “chủ” chính là ông. Như thế chơn và vọng rất rõ ràng, ông còn chưa hiểu hay sao!

Tại sao từ hồi nào đến giờ, các ông cứ nhận cái vọng-thân tứ đại giả hợp này, cho là thật “thân” của mình; cái vọng trưởng sanh-diệt này, cho là thật “tâm” của mình; cảnh vật giả tạm, cho là thật “cảnh” cảnh của mình, mà lại bỏ cái chơn tâm thường còn bất sanh bất diệt của mình sẵn có kia đi ? Bởi thế nên các ông phải nhiều kiếp sanh tử luân hồi, thật là rất oan uổng!

LƯỢC GIẢI

Đoạn này Phật chỉ cái “thấy” không co mở, và không sanh, diêt, động, tịnh, đó là chơn tâm lưu lộ.

\* \*\*

**VIII A-NAN CẦU PHẬT CHỈ DẠY Ở NƠI THÂN NÀY CÁI NÀO “CHƠN”, CÁI NÀO “VỌNG”.**

Khi ấy A-Nan và đại chúng được nghe Phật tạm chỉ “cái thấy không động tịnh co mở là Tâm”, nên tất cả đều hớn hở vui mừng, và nghĩ rằng: Từ vô thỉ đến nay, tự mình làm mất bản tâm, nhận cái vọng tưởng phân biệt theo bóng dáng của trần cảnh làm tâm, ngày hôm nay mới ngộ được Tâm mình, nên hết sức vui mừng. Cũng như đứa con nhỏ khát sữa đã lâu, nay được gặp bà thân mẫu, nên ông và đại chúng cầu Phật chỉ rõ ở nơi thân thân tâm hiện tiền đây, cái nào chơn thật không sanh diệt và cái nào hư vọng có sanh diệt.

**IX. VUA BA TƯ NẶC ĐỨNG DẬY HỎI TIẾP**

Khi ấy vua Ba-tư nặc đứng dậy thưa Phật:-Bạch Thế Tôn, lúc trước chưa thọ giáo với Phật , con nghe phái ngoại- đạo Ca Chiên Diên và Tỳ La Chi tử đều nói :”Thân này sau khi chết rồi mất hẳn, gọi là Niết bàn”.

Hôm nay con tuy được Phật chỉ dạy, nhưng vẫn còn hồ nghi: làm sao biết rõ và chứng chắc cái tâm này không sanh diệt. Xin Phật từ bi chỉ dạy cho chúng con.

**X. PHẬT CHỈ TÂM LẦN THỨ BA**

Phật hỏi:-Đại vương! Cái thân của ông hiện tại đây, nó bền chắc như ngọc kim cương, còn mãi không hư họai, hay là phải hoại diệt?

Vua đáp:- Bạch thế tôn, thân con ngày nay đây, rốt cuộc rồi cũng bị hoại diệt.

Phật hỏi:-Ông chưa chết, làm sao biết nó sẽ bị hoại diệt?

Vua đáp:- Bạch thế tôn, cái thân vô thường của con đây, tuy chưa chết, nhưng hiện tiền nó đã tàn tạ dần ! ngày qua, rồi lại ngày qua! Mỗi niệm qua, qua từ sát na (tíc- tắc) không dừng!…cũng như củi đốt thành tro, cháy dần cho đến lúc tiêu tan! Vì thế nên con biết, thân này nhứt định sẽ tiêu diệt.

Phật nói:- phải!

Phật lại hỏi:-Đại vương! Thân thể ông đau phải tiêu diệt liền bây giờ?

Vua đáp:- bạch thế tôn, ngày qua tháng lại, hết hạ đến đông, nó thầm già chết, cho đến ngày nay, đầu bạc răng rụng, chân lỏng gối dùn, mắt mờ tai lảng, già nua đến thế này, mà con thật không hay không biết!

Bạch thế tôn, khi con hai mươi tuổi, tuy nói rằng tuổi trẻ, thật ra nhan sắc đã già hơn khi mười tuổi. Khi ba mươi tuổi lại già hơn khi hai mươi tuổi. Cho đến ngày nay, sáu mươi hai tuổi, lại già hơn khi năm mươi tuổi.

Nó âm thầm già chết, lấy trong khoảng thời gian mười năm mà nói như vậy. Nếu chín chắn suy nghĩ, thì cái già, chết này, không phải hạn định trong khoảng mười năm hay hai mươi năm, mà thật ra, mà nó già từng năm, từng tháng, từng ngày. Nếu suy nghĩ kỷ hơn nữa, thì nó già, chết từng phút, từng giây và từng sát na ( tíc tắc )! Năm nay già hơn năm rồi, tháng này già hơn tháng trước, ngày hôm nay già hơn ngày hôm qua, giờ này già hơn giờ trước. Phút này già hơn phút trước, cho đến sát na này cũng già hơn sát na trước. Thế nên con biết, thân này rốt cuộc rồi cũng tiêu diệt.

LƯỢC GIẢI

Cũng như cái đồng hồ, vì có chạy từng giây, cho nên mới qua từng phút. Bởi có đi từng phút, nên mới chỉ đến từng giờ, và ngày v.v…thân này già chết cũng thế.

\* \*\*

Phật hỏi:-Đai vương ! Ông thấy cái thân thể của ông âm thầm già chết như thế, nên ông lo buồn; vậy ở nơi thân thể sánh diệt, già chết này, ông có biết được cái gì chẳng sanh diệt già chết không?

Vua Ba Tư Nặc chắp tay cung kính thưa:-Bạch thế tôn, con thật không biết?

**XI. PHẬT CHỈ CÁI “THẤY” KHÔNG SANH DIỆT**

Phật dạy rằng: – tôi nay chỉ cho ông thấy cái không sanh diệt.

Này đại vương, khi ông mấy tuổi mới thấy được nước sông hằng?

Vua đáp:- khi lên ba tuổi, con được mẹ bồng đến yết kiến thành tỳ bà thiên ( thành trường thọ ) đi ngang qua sông này, nên lúc bấy giờ, con đã thấy được sông hằng.

Phật hỏi:-hôm nay ông thấy sông hằng, vậy cái “thấy” đó là khác không?

Vua thưa:- khi con ba tuổi thấy sông hằng, đến lúc ba mươi tuổi và nay được sáu mươi hai tuổi thấy sông hằng cũng đều không khác.

Phật dạy: -ngày nay ông lo buồn cho thân ông già yếu, đầu bạc mặt nhăn, không được như lúc còn trẻ. Vậy nay sáu mươi hai tuổi, ông xem thấy sông hằng, cùng với khi còn trẻ thấy sông Hằng, cái ”thấy”đó có già trẻ chi không?

Vua Ba tư nặc thưa: bạch thế tôn , cái “thấy” không có già trẻ.

Phật dạy, này Đại vương thân thể mặt mày ông tuy già, vậy cái nào có già, thì cái ấy sẽ bị biến đổi, tiêu diệt; còn cái nào không già, thì cái đó không bị biến đổi tiêu diệt. Nó đã không sanh diệt, thì đâu có bị ông làm cho nó sanh tử luân hồi được, rõ ràng như thế, ông không hiểu sao mà còn dẫn lời của ngoại đạo Mạt -già -Lê nói: thân này chết rồi hoàn toàn diệt mất?

Vua cùng đại chúng nghe Phật dạy rồi, đều biết rằng:người chết rồi, là tâm bỏ thân này thọ thân khác, không phải mất hẳn. Ai nấy đều hớn hở vui mừng vì đặng lợi ích chưa từng có.

LƯỢC GIẢI

Đọan này Phật chỉ thấy không già trẻ, sanh diệt đó là Tâm

# Bài 04: A Nan Cầu Phật Chỉ Cái Điên Đảo

I.- A Nan cầu Phật chỉ cái "điên đảo"   
II.- Phật dẫn tỷ dụ để chỉ rõ cái "điên đảo".   
III.- Phật chỉ ngay cái"điên đảo".   
IV.- Phật dạy: vì mê nên có thế giới và chúng sanh.   
V.-A Nan đã hiểu được chơn tâm song chưa dám nhận.   
VI.- Phật chỉ tâm lần thứ tư.   
VII.- A Nan Nan còn nghi hỏi Phật .   
VIII.- Phật chỉ tâm lần thứ năm.   
IX.-Phật dạy thêm, cái thấy là tâm chớ không phải vật.   
X.-A Nan nghi cái thấy có lớn, nhỏ, đứt, nối.   
XI.-Phật dạy: Trần cảnh có lớn nhỏ, cái thấy không có lớn nhỏ

**I. A-NAN CẦU PHẬT CHỈ CÁI “ĐIÊN- ĐẢO”.**

Khi ấy A-Nan đứng dậy lạy Phật, kính cẩn bạch rằng:

Nếu cái thấy, nghe, không sanh diệt này là “Tâm” của chúng con, tại sao trước kia đức Thế Tôn lại quở chúng con “bỏ mất chơn tâm, làm việc điên đảo “?

Cúi xin đức Như Lai mở rộng lòng từ bi hoan hỉ dạy cho chúng con biết cái “Điên đảo” ở chỗ nào.

**II. PHẬT DẪN TỶ DỤ ĐỂ CHỈ RÕ CÁI “ĐIÊN ĐẢO”.**

Khi đó Phật xuôi cánh tay chỉ xuống đất, hỏi ông A-Nan rằng:

Ông thấy cánh tay của ta như thế này, là xuôi hay ngược ?

A-Nan thưa: -Các người trong thế gian cho như thế là ngược; còn con thì không biết là ngược hay xuôi.

Phật lại hỏi ông A-Nan: -Các người trong thế gian cho như thế là ngược, thì họ cho như thế nào mới là xuôi?

A-Nan thưa: -Đức Như Lai đưa cánh tay lên, năm ngón chỉ thẳng lên hư không, như thế là xuôi.

Phật liền đưa tay lên, rồi kêu A-Nan mà bảo rằng: – Cũng một cánh tay này chứ không chi khác, chẳng qua chỉ đổi đầu làm đuôi, đổi đuôi làm đầu mà thôi, thế mà người thế gian, chấp thế này là ngược và thế kia là xuôi; điên đảo là đấy! Đấy là điên đảo.

Đem một cánh tay này mà so sánh, để chỉ rõ thêm ra: Thân Như Lai gọi là thân Phật (giác ngộ), thân các ông gọi là thân điên đảo (chúng sanh). Vậy ông nên chín chắn xem xét: thân ông và thân Phật, cái “Điên đảo” (chúng sanh) ở chỗ nào?

***LƯỢC GIẢI***

Ý Phật chỉ: Đồng một thể tánh chơn tâm, vì vô minh vọng động, chấp đây thật là Phật, kia thật là chúng sanh. Đó là “điên đảo”.

**III. PHẬT CHỈ NGAY CÁI “ĐIÊN- ĐẢO”**

Khi ấy A-Nan và đại chúng ngó Phật sửng sốt, đôi mắt không nháy, vì không biết ở nơi thân này và tâm này, cái “điên đảo” ở chỗ nào!

Phật thấy vậy thương xót mới dạy tiếp:

Ta thường nói: “Các pháp đều duy tâm biến hiện, cho đến thân và tâm ông ngày nay, cũng đều là vật ở trong chơn tâm hiện ra”. Tại sao các ông lại bỏ cái bản thể chơn tâm đi. Các ông vẫn ở trong ngộ (chơn tâm) làm mình (điên đảo là đó), thật đáng buồn thương!

**IV. PHẬT DẠY: VÌ MÊ NÊN CÓ THẾ – GIỚI VÀ CHÚNG – SANH.**

-Này A-Nan, bởi vô minh vọng động nên biến hiện ra có hư không, thế giới và chúng sanh. Trong thân chúng sanh vì có vọng tưởng lẫn lộn, nên nó vọng động leo chuyền bên trong (như vượn, như ngựa); khi các giác quan mở ra, thì nó rong ruổi theo trần cảnh bên ngoài (như vượn sút xiềng, ngựa tông chuồng). Rồi các ông chấp cái tướng vọng tưởng lăng xăng bên trong đó, cho là tâm tánh của mình. Một phen chấp nó làm tâm, thì không sao khỏi mê lầm cho rằng “tâm ở trong thân”.

Chứ đâu biết rằng: thân này, tâm này, cho đến núi, sông, thế giới và hư không đều là vật trong chơn tâm hiện ra cả.

***LƯỢC GIẢI***

Như người đương thức (dụ chơn tâm) bổng chốc buồn ngủ (dụ vô minh). Khi ngủ chiêm bao thấy có hư không, thế giới, chúng sanh và mình (dụ vô minh sanh ra thế giới và chúng sanh), rồi chấp cái thân và tâm trong chiêm bao kia là mình, mà bỏ cả cảnh thức tỉnh rộng lớn này đi v.v… (dụ như vì mê muội nên nhận cái vọng thân vọng tâm này làm mình, cảnh này là thật, mà bỏ cái toàn thể chơn tâm sáng suốt rộng lớn kia).

\*\*\*

Cái chơn tâm rộng lớn như vậy, các ông lại bỏ đi không nhận, trỡ lại chấp cái vọng thân, vọng tâm này cho là thật của mình. Cũng như toàn thể bể cả rộng khơi trong trẻo kia không nhận, trở lại chấp hòn bọt nhỏ nhen cho là toàn thể bể cả, thật là điên đảo! Các ông là một trong vô số người mê muội, thật đáng thương xót!

Như, cũng một cánh tay của ta, mà chầp thế này là ngược, thế kia là xuôi, cũng đồng một loại điên đảo!

**V. A-NAN ĐÃ HIỂU ĐƯỢC “CHƠN TÂM” SONG CHƯA DÁM NHẬN.**

Ông A-Nan vì thấy lòng từ bi tha thiết của Phật thương xót hết sức nồng hậu, chỉ dạy rất thâm trầm, nên cảm động rơi nước mắt, kính cẩn bạch Phật rằng:

-Con tuy nhờ Phật chỉ dạy cho hiểu được chơn tâm, nhưng hiện nay con vẫn còn dùng “cái tâm phân biệt” (vọng tâm) nghe lời Phật nói, rồi ngộ suông cái chơn tâm này mà thôi, nên chưa dám nhận chắc là tâm con. Vậy xin Phật thương xót chỉ dạy cho con hết nghi ngờ, để trỡ về với đạo vô thượng.

Phật dạy: Nếu các ông lấy vọng tâm nghe chánh pháp (chơn tâm) thì chánh pháp này cũng trở thành ra vọng, không thể nghe đặng chánh pháp. Các ông nên biết: ta cũng như người dùng ngón tay chỉ mặt trăng, các ngươi phải nhơn ngón tay mà xem mặt trăng. Nếu chấp ngón tay cho là mặt trăng, thì chẳng những không thấy được mặt trăng, mà cũng không biết luôn cả ngón tay. Vì cho ngón tay là mặt trăng, thì không những không biết ngón tay là gì, mà cũng không biết thế nào là tối và sáng. Vì mê chấp ngón tay là mặt trăng, thì tối và sáng làm sao rõ được.

Nay nếu các ông chấp cái “phân biệt” (vọng) làm tâm của mình, thì cái tâm này, khi rời tiếng nói pháp của ta, cũng vẫn còn phân biệt, thế mới phải thật là tâm của các ông (chủ). Nếu rời tiếng nói pháp của ta ra, mà các ông không còn phân biệt nữa, thì đó là vọng (khách) chớ không phải thật tâm (chủ) của các ông rồi. Cũng như người khách, chỉ ngủ nhờ rồi đi, chớ không ở lại được. Nếu thật là chủ nhà, thì ở luôn chớ không còn đi đâu nữa. Cũng thế, nếu thật là tâm của ông, thì không đi đâu cả. Tại sao khi rời tiếng nói pháp của ta, thì ông không còn phân biệt nữa? Không những cái “phân biệt” về tiếng, cho đến cái “phân biệt” về sắc, hương, vị, xúc và pháp, nếu rời sáu trần cảnh ra, thì nó đều không còn phân biệt nữa. Thế thì cái tâm của ông đồng là khách, có chỗ trả về. Vậy cái nào là “chủ”, thật là tâm của ông ?

A-Nan hỏi Phật: – Nếu cái tâm của con có chỗ trả về (trần cảnh qua thì tâm phân biệt hết) thì tại sao đức Như Lai lại nói: “Cái chơn tâm của con không trả về đâu cả?”. Xin Phật mở lòng từ bi chỉ dạy cho.

**IV. PHẬT CHỈ TÂM LẦN THỨ TƯ**

Phật dạy:- Này A-Nan, tất cả cảnh vật trong thế gian không ngoài: sáng, tối, trống, bít, trong, đục v. v… Nay ta đem các vật này, cái nào trả về cho bản nguyên của cái nấy.

Như ánh sáng thì trả về cho mặt nhựt, vì không mặt nhựt thì không sáng; còn tối thì trả về cho ban đêm, thông thả về cho trống, bít trã về cho vách, trong trả về cho tịnh, đục trả về cho bụi v.v… Cái nào trả về cho cái nấy rồi; còn cái “thấy” của ông thấy các cảnh vật đó, ông muốn nó trở về đâu? Nếu trả về cho cái sáng, thì khi tối đến đáng lẽ ông không thấy tối. Nếu trả nó về cho tối, thì khi sáng đến ông cũng phải không thấy sáng; còn trả về cho trống, bít v.v… cũng thế. Rõ ràng các cảnh vật tuy có thiên sai vạn biệt, mà “cái thấy” của ông thật không sai khác. Như vậy, cái nào có thể trả được, thì cái đó là khách, tự nhiên không phải là ông rồi; còn cái nào ông không trả về được, thì cái đó là chủ, quyết định của ông chớ ai?

Cái tâm của ông mầu nhiệm sáng suốt và sẳn sàng như vậy, tại sao ông lại tự mê muội đi, trở lại nhận cái vọng làm mình, đành chịu nổi chìm trong biển khổ sanh tử, thật đáng thương xót!

***LƯỢC GIẢI***

Đoạn này Phật phân tách các trần tướng, cái nào trả về cái nấy, để cho rõ “cái thấy” không trả về đâu được. Đó là cái “chủ”, là “tâm” của chúng ta vậy.

\*\*\*

VII. **A-NAN CÒN NGHI HỎI PHẬT**

A-Nan thưa: Bạch thế tôn, con tuy biết cái “thấy” này, không trả về đâu được, nhưng làm sao biết chắc nó là “chơn tâm” của con?

VIII. **PHẬT CHỈ TÂM LẦN THỨ NĂM**

Phật dạy rằng: Này A-Nan, ông thử xem trước mắt, tất cả các cảnh vật sum la vạn tượng, nào là núi sông, đất nước v.v… Ông nên lựa riêng ra cái nào thuộc về cảnh vật, còn cái nào là tâm ông. Này A-Nan, cùng tột tầm mắt thấy của ông, ngó lên thì thấy mặt trời, mặt trăng, đó là vật chớ không phải là ông; xem rộng ra, núi, sông, cây cối, cỏ hoa, người thú; cho đến gió bụi, chim chóc, cũng đều là vật chớ không phải ông.

A-Nan, tất cả các cảnh vật, mặc dù có cao thấp, xa gần, ngàn sai muôn khác, song cũng đều là “vật bị thấy” của ông cả. Các vật loại tuy có sai khác, mà cái thấy của ông không khác. Thế thì cái “thấy” này chính là “tâm” của ông chứ không phải vật.

***LƯỢC GIẢI***

Đoạn này Phật chỉ tâm rất rõ ràng.

\*\*\*

IX. **PHẬT DẠY THÊM CÁI “THẤY” LÀ TÂM CHỨ KHÔNG PHẢI VẬT**

Nếu cái “thấy” này là vật, thì ông cũng có thể thấy được cái “thấy” của ta.

Nếu ông cùng ta đồng thấy một vật, (bị thấy) mà ông cho là thấy được “cái thấy” của ta, thời khi ta không thấy, sao ông chẳng thấy được cái “không thấy” của ta? (vì cái thấy không phải vật nên chẳng thấy được nó). Nếu ông nói: thấy được cái “không thấy” của ta, thì ông thấy cái gì đó, chớ quyết định không phải là thấy cái “không thấy” (tâm) của ta. Nếu ông không thấy được cái “không thấy” của ta, thì quyết định nó là “tâm”, đương nhiên không phải là vật rồi. Lại nữa, nếu cái thấy là vật, thì khi ông thấy nó, nó cũng phải thấy được ông. Như vậy thời tâm, vật lôn lạo; và trong thế gian này, không thể phân biệt được loài hữu tình (tâm), và loài vô tình (vật).

***LƯỢC GIẢI***

Đại ý đoạn này Phật nói vật thì bị thấy, còn tâm thì không bị thấy. Bởi cái thấy là tâm, nên không thể thấy được nó.

\*\*\*

Này A-Nan, khi ông thấy các cảnh vật, cái thấy của ông khắp giáp tất cả, cái thấy đó không phải của ta và của người khác, thì quyết định của ông chớ ai?

Rất rõ ràng như thế, tại ông còn nghi “chơn tâm” của ông? Cái “chơn tâm” của ông như vậy, sao ông không tự nhận lấy, lại đi cầu ta chỉ “chơn tâm” cho nữa?

***LƯỢC GIẢI***

Đoạn này, Phật chỉ tâm rõ ràng hơn hết.

\*\*\*

X. **A-NAN NGHI “CÁI THẤY” CÓ LỚN NHỎ, ĐỨT NỐI.**

A-Nan thưa Phật: -Bạch Thế Tôn, nếu cái “thấy” này quyết định là tâm của con, chớ không phải của ai, thì khi con xem vũ trụ bao la, thấy mặt trời, mặt trăng… lúc bấy giờ cái thấy của con rộng lớn khắp giáp cả hư không. Khi con trở vào trong nhà, thì chỉ thấy nội trong nhà thôi. Vậy cái thấy này nó phải rút nhỏ lại, chun vào nhà, hay là khi vào nhà, nó bị tường vách cắt đứt, nên còn nhỏ như thế ? Chúng con không biết nghĩa này thế nào, xin Phật từ bi chỉ dạy.

XI. **PHẬT DẠY: TRẦN CẢNH CÓ LỚN NHỎ, CÁI “THẤY” KHÔNG LỚN NHỎ**

Phật dạy: Này A-Nan, trong thế gian tất cả cảnh vật có lớn nhỏ trong ngoài, tốt xấu v.v… đều thuộc về trần cảnh hiện tiền cả, chớ không phải cái thấy của ông có lớn nhỏ, tóp lại hay nới ra. Cũng như trong cái hộp vuông, thì thấy hư-không vuông, trong cái chén tròn thấy hư không tròn. Vì chén tròn, hộp vuông, nên thấy hư không có vuông và tròn, chớ không phải cái hư không thật có tướng vuông tròn. Nếu hư không quyết định là vuông, thì khi để cái chén tròn, đáng lẽ không thấy hư không tròn. Trái lại, Nếu hư không quyết định là tròn, thì khi để hộp vuông, đáng lẽ không thấy nó vuông.

Vậy nên biết: vuông, tròn là tại đồ vật, chớ không phải hư không có vuông, tròn. Nếu phá hết các đồ vuông, tròn thì ông sẽ thấy hư không không có tướng vuông, tròn. Không phải bỏ hư không vuông mà có hư không tròn, hay trừ hư không tròn mà có hư không vuông.

Cái “thấy” của ông cũng thế, không có vuông tròn hay lớn nhỏ, mà lớn nhỏ, vuông tròn là tại cảnh vật.

Nếu ông cho khi vào nhà, cái “thấy” quyết định phải tóp nhỏ lại, thì ông ra ngoài sân xem mặt nhựt, ông phải kéo giản cái “thấy” ra đến mặt nhựt hay sao? Lại nữa, khi vào nhà, nếu ông cho cái thấy bị cắt đứt đi, thì khi xoi vách trống ra một lỗ, thấy được bên ngoài, sao cái thấy của ông không có đầu nối?

Nghĩa đó rất rõ ràng như vậy, chớ có chi lạ mà ông nói không biết.

A-Nan, tất cả chúng sanh từ vô thỉ đến giờ vì mê mình (tâm) làm vật, bỏ mất chơn tâm của mình, bị cảnh vật xoay chuyển (chi phối) nên thấy có lớn nhỏ, rộng hẹp, tốt xấu v.v… Nếu ai chuyển xoay được cảnh vật, thân tâm đặng sáng suốt viên mãn, thì đồng với chư Phật. Lúc bấy giờ không rời nơi đạo tràng (chổ nầy) mà ở trên đầu một mảy lông, có thể chứa đựng khắp cả mười phương thế giới.

***LƯỢC GIẢI***

Từ nơi thể tánh chơn tâm, vì vô minh vọng động, sanh ra có hư không thế giới, chúng sanh cùng các cảnh vật, nên gọi “mê mình là vật”. Khi có cảnh vật rồi, cứ theo đó mà phân biệt xấu tốt, lớn nhỏ, mừng giận v.v… nên nói “bị vật chuyển xoay”.

Đến khi hết vô minh vọng động, trở lại với thể tánh chơn tâm, thì các cảnh vật ấy không còn; như người thức giấc chiêm bao, thì cảnh chiêm bao kia hết, nên nói “xoay chuyển vật” là thế.

Lúc bấy giờ, một sợi lông hay mười phương thế giới cũng đều là chơn tâm cả. Đã đồng là chơn tâm, thì không còn thấy thế giới lớn hơn sợi lông, hay sợi lông nhỏ hơn thế giới, vì đồng một thể tánh, nên nói: “Trên đầu một sợi lông, có thể chứa đựng mười phương thế giới”.

Đoàn này lý thâm, phải suy nghĩ nhiều mới hiểu.

# Bài 05: Ngài A Nan Nghi: Nếu Cái Thấy Là Mình

*I. A-Nan nghi: nếu “cái thấy” là mình,  
thì tâm này là ai?  
II. Cái thấy rời tất cả cái tướng.  
III. Cái thấy tức tất cả các pháp.  
IV. Phật trấn tĩnh đại chúng.  
V. Ngài Văn Thù đứng lên thưa hỏi.  
VI. Phật dạy: Cái thấy không có “thị” và “phi thị”.  
VII. A-Nan nghi: Chơn tâm đồng với thuyết tự nhiên ngoại đạo.  
VIII. Phật bác cái chấp “tâm tự nhiên mà có”.  
IX. A-Nan nghi: Tâm do nhơn duyên sanh.  
X. Phật bác cái chấp: “nhơn duyên sanh”.  
XI. Phật day: Chơn tâm không thể dùng tâm suy nghĩ hay lời nói luận bàn được  
XII. A-Nan trở lại nghĩ “nhơn duyên sanh”.  
XIII. Phật gạn lại hỏi “cái thấy” để chỉ rõ chơn tâm.  
XIV. Phật chỉ cái “thấy” không phải vọng, song chưa phải là chơn tâm.  
XV. Phật chỉ tâm lần thứ sáu.*

**I. A-NAN NGHI: NẾU CÁI “THẤY” LÀ MÌNH THÌ THÂN TÂM NÀY LÀ AI?**

A-Nan thưa Phật: -Bạch thế tôn! Nếu cái “thấy” này thật là “tâm” con, thì thân tâm của con hiện nay đây là ai? Và nếu cái “thấy” thật của con, thì nó phải hiện ở trước, khiến cho con thấy được nó. Lại nữa, thân tâm của con hiện nay đây, biết phân biệt được nó (cái thấy), còn nó không biết phân biệt được thân tâm con. Xin đức Thế Tôn mở lòng đại bi chỉ dạy cho kẻ chưa ngộ này.

**II. CÁI THẤY (TÂM) RỜI TẤT CẢ HÌNH TƯỚNG**

Phật dạy A-Nan: Ông nói “cái thấy phải ở trước mặt để ông thấy nó”, nói như vậy không phải, vì nếu cái “thấy” thật ở trước mặt ông, ông thấy được nó, thì cái “thấy” đó ở chỗ nào phải có nhất định và phải chỉ ra được .

Nay ông ngồi trong rừng Kỳ đà, xem các cảnh vật, đưa tay chỉ ra từng món: chỗ im mát kia là rừng cây, cái sáng chiếu nọ là mặt nhựt, nơi ngăn ngại này là vách, chỗ trống đó là hư không; cho đến cỏ cây hoa lá, các vật lớn nhỏ tuy khác, song đều có hình tướng, có thể chỉ ra được cả. Còn cái “thấy” nếu có ở trước mặt ông, thì ông nên lấy tay chỉ chắc chắn, cái nào là cái “thấy”. Nếu hư không là cái “thấy” thì cái gì là hư không? Còn nếu cảnh vật là cái “thấy”, thì cái gì là cảnh vật? Đối với các cảnh vật sum la vạn tượng, ông nên chín chắn phân tích rõ ràng, rồi chỉ cho ta xem, cái nào là cái “thấy” cũng như chỉ các vật, không có lầm lộn.

A-Nan thưa: Bạch Thế Tôn! Con mở tầm con mắt và đưa tay chỉ khắp tất cả, thì đều là “vật” chớ không có cái nào là “thấy”. Dù cho bực Bồ tát cũng không thể phân tích ở nơi muôn vật để chỉ riêng cái “thấy” ra được; huống chi chúng con là bậc sơ học thinh văn, làm sao chỉ được.

Phật dạy: Phải lắm!

***LƯỢC GIẢI***

Tâm không phải cái hình tướng, cũng như vàng không phải là vòng, kiềng, xoa, xuyến v.v …

**III. CÁI THẤY (TÂM) TỨC TẤT CẢ PHÁP**

Phật dạy rằng: Này A-Nan! Như lời ông nói: “Trong các cảnh vật, không thể chỉ riêng cái “thấy” ra được “; vậy nay ông đứng trước cảnh vật chỉ lại coi, cái nào không phải là cái “thấy”?

A-Nan thưa: Con hiện đang xem tất cả các cảnh vật, không biết cái nào không phải cái “thấy”. Nếu rừng cây kia không phải cái “thấy”, thời làm sao thấy được rừng cây. Còn rừng cây là cái “thấy”, thì sao gọi là rừng cây. Lại nữa, hư không nếu không phải là cái “thấy”, thì làm sao thấy được hư không. Còn nếu hư không tức là cái “thấy”, thì sao lại gọi là hư không. Con chín chắn suy nghĩ: cái nào cũng là cái “thấy” cả.

Phật dạy: phải lắm!

Khi đó đại chúng nghe lời Phật nói như vậy, tất cả đều hoang mang lo sợ, vì không biết nghĩa ấy thế nào.

***LƯỢC GIẢI***

Tâm đã sanh ra các pháp, thì pháp nào cũng là tâm cả:

Cũng như vàng đã làm ra các đồ trang sức thì món nào cũng là vàng cả.

\*\*\*

**IV. PHẬT TRẤN TĨNH ĐẠI CHÚNG**

Phật dạy A-Nan và đại chúng hoang mang, sợ hãi, nên sanh tâm thương xót, liền an ủi A-Nan và đại chúng rằng:

Như-Lai nói chơn thật, chẳng dối trá, không phải như chúng ngoại đạo Mạc-già-lê, nói năng rối loạn không nhất định đâu. Các ông nên bình tĩnh và chín chắn suy xét lại, chớ để cho Như Lai thêm lòng thương xót.

**V. NGÀI VĂN THÙ ĐÚNG LÊN THƯA HỎI**

Khi ấy Ngài Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương tử thương cả bốn chúng, nên đứng dậy lạy Phật, cung kính chắp tay và thưa rằng:

– Bạch Thế Tôn! Trong đại chúng đây chưa hiểu cái nghĩa: Các cảnh vật là cái “thấy” hay không phải cái “thấy”?

Bạch Thế Tôn! Các cảnh vật hiện tiền đây, nếu là cái “thấy”, thì phải chỉ ra được; còn nếu không phải cái “thấy”, thì đáng lẽ không thể thấy được. Vì trong đại chúng không hiểu nghĩa này thế nào, cho nên mới sợ hãi, hoang mang. Cúi xin đức Như Lai duỗi lòng từ bi chỉ dạy cho biết: Các cảnh vật hiện tiền đây, cùng với cái “thấy” này, nguyên là gì? Trong đây không có cái “phải” và cái “không phải”.

***LƯỢC GIẢI***

Đoạn này lý thâm, nên ngài Văn -Thù mới đứng lên thưa hỏi: người học phải suy xét nhiều mới hiểu được.

Nói cảnh vật và cái thấy, tức là chỉ cả vật chất với tinh thần đồng một thể tánh chơn tâm. Vì chơn tâm thì không thể suy nghĩ và bàn luận được, phải tự ngộ mà thôi, nên nói, “nguyên nó là cái gì?” (vì không thể nói ra được). Bởi nó rời đối đãi thị phi, nên nói “trong đó không có cái phải và cái không phải”.

\*\*\*

**VI. PHẬP DẠY: CÁI “THẤY” KHÔNG CÓ “PHẢI” VÀ “KHÔNG PHẢI” (THỊ, PHI THỊ)**

Phật kêu ngài Văn -Thù và Đại chúng, dạy rằng:

– Mười phương các đức Phật và các vị Đại Bồ tát an trụ trong chơn tâm rồi, thời không còn thấy thật có các cảnh vật là căn, trần, thức nữa. Cái thấy cùng với cảnh vật bị thấy, nguyên là “chơn tâm”. Đã là chơn tâm, thì đâu còn có “phải” hay “không phải” nữa. Như ông là Văn Thù, vậy có thể nói ông là “thật” Văn Thù hay “không thật” Văn Thù được không?

Văn-Thù thưa: -Bạch Thế Tôn! Chính như thế đó, con là Văn -Thù rồi, thì không thể nói “thật Văn-Thù” được; vì nếu nói “thật Văn-Thù”, thì phải nói ông Văn-Thù giả (thứ hai). Song con nay đã là Văn-Thù rồi, thì không thể nói “thật” hay “không thật” được.

***LƯỢC GIẢI***

Chơn tâm không hai, nên không còn thị và phi đối đãi; không thể nói “quấy” đã đành, mà nói “phải” cũng không trúng. Bởi vì nó ngoài vòng đối đãi, cũng như ông Văn-Thù là Văn-Thù, không thể nói:”thật” hay “không thật” được .

Phật dạy: Cái thấy cùng với cảnh vật bị thấy cũng lại như vậy, đều là thể tánh chơn tâm, vì vọng động mà có ra: thấy nghe và các cảnh vật. Nó cũng như mặt trăng thứ hai, đâu có gì mà nói “phải” hay “không phải”. Nghĩa là chỉ có một mặt trăng chánh, (chơn tâm) trong đó không có cái “phải” mặt trăng hay “không phải” mặt trăng.

Nay ông thấy có cái “thấy” và “cảnh vật bị thấy” đó là vọng tưởng; còn đối với thể tánh chơn tâm, thì không còn nói phải hay không phải được. Bởi thế nên chơn tâm nói ra ngoài cái phạm vi “chỉ bày” và “không chỉ bày” của ông rồi.

***LƯỢC GIẢI***

Suy nghĩ không tới nói năng không nhấm. Đại ý đoạn này nói: chỉ có một chơn tâm, không thể nói phải hay không phải, nó vượt ra ngoài sự đối đãi và nói năng phân biệt.

Vì vọng động mà sanh ra các vật chất (cảnh) và tinh thần (tâm). Cũng như chỉ có một mặt trăng chánh, không thể nói phải mặt trăng hay không phải mặt trăng; vì lòa mà thấy in tuồng có mặt trăng thứ hai.

\*\*\*

**VII. A-NAN NGHI “CHƠN TÂM” ĐỔNG VỚI THUYẾT “TỰ NHIÊN” CỦA NGOẠI ĐAO.**

A-Nan thưa: -Bạch Thế Tôn ! ngày trước Phật ở tại núi Lăng Già, có dạy cho ông Đại Huệ Bồ Tát v.v… rằng: “các chúng ngoài đạo kia thường chủ trương thuyết “tự nhiên sanh”, còn ta thời nói “các pháp do nhơn duyên sanh”, nên không đồng với thuyết của các ngoại đạo kia”.

Hôm nay nghe lời Phật dạy, thì con hiểu cái “chơn tâm” này in như tự nhiên mà có; chớ không phải “nhơn duyên sanh”, vì nó rời tất cả các vọng tưởng điên đảo, không sanh, không diệt. Cúi xin Phật từ bi chỉ dạy cho con ngộ được chơn tâm thường trụ này, mà không lạc vào thuyết “tự nhiên” của các tà đạo.

***LƯỢC GIẢI***

Cái chơn tâm này, nó tuyệt đối đãi, ngoài thị và phi. Nếu còn chấp có, không, thị và phi, nhơn duyên hay tự nhiên v.v… Đều không trúng cả. Song chúng sanh vì cái mê chấp nhiều đời, cũng như cây chuối nhiều bẹ, lột hết bẹ này, thì nó bày ra bẹ khác. Phật vừa bác xong thị và phi, thì ông A-Nan liền chấp nhơn duyên và tự nhiên v.v… than ôi! Lưới mê nhiều đời chồng chập, thật khó trong một lúc vẫy vùng ra khỏi!

**VIII. PHẬT BÁC CÁI CHẤP “TÂM TỰ NHIÊN MÀ CÓ”**

Phật dạy rằng: Ta đã dùng nhiều phương tiện và thành thật chỉ dạy cho tường tất như thế, mà ông cũng chưa hiểu ngộ, lại còn mê muội chấp là tự nhiên nữa.

A-Nan nếu thật tự nhiên, thì ông phải chỉ rõ cái “thấy” này, lấy gì làm cái thể tự nhiên của nó? Lấy cái “sáng” làm tự nhiên hay lấy cái “tối” làm thự nhiên? Lấy cái “trống không” làm tự nhiên hay lấy cái “ngăn bít” v.v… làm tự nhiên?

A-Nan, nếu lấy cái “sáng” cho là tự nhiên cái thể của nó như vậy, thì khi tối lại, đáng lẽ ông không thấy được tối. Cho đến lấy cái “tối” v.v… làm thể tự nhiên của nó, thì khi sáng đến, cái thấy của ông phải mất, làm sao thấy được cái sáng v.v…

**IX. A-NAN LẠI NGHI TÂM DO “NHƠN DUYÊN SANH”**

A-Nan thưa: Bạch Thế Tôn, cái thấy này nếu không phải tự nhiên mà có, thì chắc do nhơn duyên sanh. Con hiểu như vậy chẳng biết có phải không? xin đức Thế Tôn từ bi chỉ dạy.

**X. PHẬT BÁC CÁI CHẤP “NHƠN DUYÊN SANH”**

Phật bác rằng: Ông nói “nhơn duyên sanh”. Vậy nay ta hỏi ông: Cái thấy này là nhơn duyên cái sáng mà có, hay nhơn duyên cái tối mà có? Nhơn duyên cái trống không mà có, hay nhơn duyên cái ngăn bít v.v… mà có?

A-Nan, nếu nhơn duyên cái sáng mà có, thì khi tối đến, ông phải không thấy được cái tối; còn nhơn duyên cái tối, cái trống, cái bít v.v…cũng vậy.

**XI. PHẬT DẠY: CHƠN TÂM KHÔNG THỂ SUY NGHĨ VÀ LUẬN BÀN ĐƯỢC.**

Phật dạy: A-Nan! Ông phải biết: Cái thấy (tâm) này không phải “nhơn”, không phải “duyên”, không phải “tự nhiên”, và cũng không phải “không tự nhiên”, không cái “phi”, không cái “bất phi”, không cái “thị”, không cái “phi thị”, nó rời tất cả tướng, mà chính là tất cả pháp. Như thế thời ông làm sao để tâm suy nghĩ cho tới, dùng lời nói luận bàn cho kịp và gọi nó bằng thứ gì được. (Ly ngôn thuyết tướng, ly tâm duyên tướng, ly danh tự tướng).

Nếu ông để tâm suy nghĩ và dùng lời nói luận bàn, thì cũng như người quơ tay chụp bắt hư không; chỉ thêm mệt nhọc, chớ làm sao mà chụp bắt hư không cho được.

***LƯỢC GIẢI***

Đến chỗ cao siêu tuyệt diệu, thì không còn suy nghĩ, luận bàn được; nếu còn suy nghĩ luận bàn được thì không phải là cao siêu tuyệt diệu.

Bởi thế nên Đức Thích Ca đóng cửa thất tại nước Ma-Kiệt, ông Duy-Ma-Cật ngậm miệng tại thành Tỳ-Da, tổ Đạt-Ma ngồi tại chùa Thiếu Lâm, day mặt vô vách chín năm, không nói một lời, đều vì cái lý cao siêu, không thể luận bàn được.

\*\*\*

**XII. A-NAN TRỞ LẠI NGHI “NHƠN DUYÊN SANH”**

A-Nan thưa Phật: Bạch Thế Tôn! Cái “thấy” này nếu không phải “nhơn” không phải “duyên”, tại sao đức Thế Tôn thường cùng với các thầy Tỳ-kheo nói: “Cái thấy phải đủ bốn duyên mới sanh”; như nhơn hư không, ánh sáng, tâm và con mắt mới sanh. Vậy nghĩa này thế nào?

Phật dạy rằng: Này A-Nan, ta nói thuyết nhơn duyên, là đứng về phần sự tướng (hiện tượng), chỉ các pháp trong thế gian mà nói, chớ không phải chỉ cho lý tánh tuyệt đối (bản thể) vậy.

***LƯỢC GIẢI***

Về phương diện pháp tướng (mượn danh từ triết học nói cho dễ hiểu, gọi là phần hiện tượng) nói về “thức”, thì Phật nói có căn, trần, thức và nhơn duyên v.v… Còn đứng về phương diện pháp tánh (mượn danh từ triết học nói cho dễ hiểu, gọi là phần bản thể) thì không còn danh tướng, nói năng kêu gọi hay suy nghĩ được.

Bởi thế nên trong kinh, Phật nói: “Đạo ta cao siêu không thể suy nghĩ và luận bàn được”. Kinh này là nói về phần lý tánh tuyệt đối.

\*\*\*

**XIII. PHẬT GẠN HỎI LẠI CÁI “THẤY” ĐỄ CHỈ RÕ CHƠN TÂM**

Phật hỏi: Này A-Nan! bậy giờ ta hỏi ông: người đời thường nói “tôi thấy”. Vậy thế nào là “thấy” và thế nào là không “thấy”?

A-Nan thưa: Người đời nhơn có ánh sáng mới thấy được cái vật, thì gọi là “thấy”; còn không có ánh sáng, chẳng thấy các vật, thì bảo rằng “không thấy”

Phật dạy: Nếu không có ánh sáng mà bảo là không thấy, thì khi tối đến đáng lẽ ông cũng không thấy được cái “tối”? Còn như ông thấy được cái “tối”, thì khi đó chẳng qua không có ánh sáng mà thôi, chớ sao lại nói “không thấy”?

Lại nữa, nếu khi tối ông không thấy được cái “sáng”, mà ông cho là thấy, thì khi sáng ông không thấy được cái “tối”, đáng lẽ cũng phải bảo là không thấy mới phải. Như vậy,thời “tối” và “sáng” cả hai đều phải bảo là “không thấy” hết.

Bởi thế, ông nên biết: “tối” và “sáng” hai món trần tướng nó tự thay đổi với nhau, còn cái “thấy” của ông lúc nào cũng có. Vậy thì thấy “tối” và “sáng” đều gọi là thấy cả, tại sao khi thấy tối, ông nói “không thấy”?

**XIV. PHẬT CHỈ THẤY CÁI KHÔNG PHẢI VỌNG, SONG CHƯA PHẢI LÀ CHƠN TÂM**

(Đoạn này nguyên ở trước, nay djch giả đem lại đây cho thuận nghĩa).

Phật dạy A-Nan rằng: -Cái “thấy” của ông đó, không phải là vọng, song chưa phải là “chơn tâm”. Nó cũng như mặt trăng thứ hai (do lòa con mắt mà có) tuy không phải bóng mặt trăng dưới nước, nhưng chưa phải là mặt trăng chánh.

***LƯỢC GIẢI***

Mặt trăng chánh là dụ cho chơn tâm, mặt trăng thứ hai là dụ cho cái thấy, nghe v.v… các giác quan về phần trực giác. Bóng mặt trăng là dụ cho vọng tưởng phân biệt.

Đại ý đọạn này nói cái “thấy” không phải vọng tâm, nhưng cũng chưa phải là chơn tâm, nghiã là nó gần với chơn tâm mà thôi. Cũng như mặt trăng thứ hai do lòa con mắt mà có; nó không phải bóng mặt trăng dưới nước,nhưng cũng chưa phải là mặt trăng chánh.

\*\*\*

Phật dạy: A-Nan, ông phải biết: Khi ông thấy sáng, thì cái “thấy” của ông không phải là cái “sáng”; khi ông thấy tối, cái “thấy” của ông không phả là cái “tối”; khi ông thấy trống không, cái thấy của ông không phải là cái “trống không”; khi ông thấy ngăn bít cái “thấy” của ông không phải là cái “ngăn bít”.

***LƯỢC GIẢI***

Nói cái “thấy” chớ kỳ thực là chỉ chung cho cả cái “nghe, hay, biết”. Nói “sáng, tối, trống, bít” là chỉ chung cho các cảnh vật.

Đại ý bài này nó: Khi thấy các cảnh vật, thì cái “thấy” không phải là cảnh vật.

\*\*\*

**XV. PHẬT CHỈ CHƠN TÂM LẦN THỨ SÁU.**

Phật dạy:- Ông đã hiểu rõ bốn nghĩa này rồi; ông nên hiểu thêm lên một từng nữa: Khi chơn tâm đã khởi ra cái “thấy” (cái giác quan), thì cái “thấy” không phải là “chơn tâm”; cái “thấy” còn cách biệt với chơn tâm, (vì còn một lớp mê), cái “thấy” không thể bì kịp với “Chơn tâm” (đoạn này Phật mới chỉ chính xác cái chơn tâm)

***LƯỢC GIẢI***

Mượn danh từ triết học nói cho dễ hiểu: khi bản thể (tâm) khởi ra hiện tượng (các giác quan) thì hiện tượng không phải là bản thể, hiện tượng còn cách biệt với bản thể, hiện tượng không thể bì kịp bản thể. Cũng như khi nước đã biến thành sóng, thì sóng không phải hoàn toàn là nước, sóng còn xa biệt với nước (vì bị gió xao động), sóng không thể bì kịp nước.

Đành rằng “tâm” cùng với cái “thấy” v.v… không hai, nhưng vì mê nên tâm biến ra các giác quan thấy nghe hay biết. Lúc bấy giờ cái thấy nghe hay biết, không phải là chơn tâm. Ngộ rồi thì cái thấy nghe hay biết mới gọi là “chơn tâm”. Song khi chưa ngộ thì không thể nói cái thấy, nghe v.v… Các giác quan là chơn tâm được.

Cũng như nước với sóng không khác, nhưng vì gió động nên nước biến thành sóng; lúc bấy giờ sóng không phải là nước, nươc cách biệt với sóng. Đến khi hết gió xao động thì sóng trở lại thành nước. Nhưng khi còn động thì không thể nói sóng đó là nước. Như thế thời ông làm sao lại nói là “nhơn duyên, tự nhiên, hòa hợp, và phi hòa hợp” được. Các ông là hàng Thinh văn, trí thức hẹp hòi, không thông hiểu được thật tướng (chơn tâm). Ta đã chỉ dạy nhiều lần rồi, vậy các ông nên khôn khéo suy nghĩ và cố gắng tiến lên tu hành, chớ nên giải đãi trên con đường bồ đề.

# Bài 06: A Nan Không Hiểu Hỏi Phật

*I. A-nan không hiểu hỏi Phật  
II. Phật chỉ hai món vọng thấy  
III. Dụ về nghệp chung của cá nhơn .  
IV. Dụ về nghiệp chung của đồng loại  
V. Lấy nghiệp riêng để chỉ rõ nghiệp chung  
VI. Phật chỉ các pháp đều về chơn tâm  
VIII. A-nan ngi cái nghĩa bốn đại hòa hiệp sanh  
IX. Phật quở A-nan học nhiều mà nhiều mà không hiểu  
X. Phật nói cái tánh của bốn đại phi hòa-hiệp  
XI. Đất từ chơn tâm biến hiện  
XII. Lửa từ chơn tâm biến hiện  
XIII. Nước từ chơn tâm biến hiện  
XIV. Gió từ chơn tâm biến hiện*

**I. A-NAN KHÔNG HIỂU HỎI PHẬT**

A-Nan thưa Phật: – Bạch Thế Tôn,vừa rồi Phật nói cái nghĩa “nhơn duyên, tự nhiên hòa hiệp và bất hòa hiệp”,chúng con còn chưa hiểu, nay lại nghe Phật nói đến nghĩa “tâm sanh ra cái thấy, cái thấy không phải tâm…” chúng con lại còn thêm mù mịt nữa. Cúi xin đức Như lai duỗi lòng từ bi, chỉ dạy cho chúng con ngộ được nhơn tâm thanh tâm thanh tịnh, sáng suót này.

**II. PHẬT CHỈ HAI MÓN VỌNG THẤY**

Phật dạy: -A-Nan ông phải chín chắn nghe, ta sẽ vì các ông phân biệt chỉ dạy,cũng khiến cho chúng sanh đời sau ngộ được đạo quả Bồ đề. Này A-Nan, tất cả chúng sanh bị sanh tử luân hồi trong thế gian, đều do hai món điên đảo phân biệt vọng thấy, tức nơi đó phát sanh ra sự nghiệp, rồi theo nghiệp mà chịu khổ luân hồi.

***LƯỢC GIẢI***

Từ nơi tâm động vọng sanh ra các nghiệp, rồi theo nghiệp mà chịu khổ hay vui. Cũng như người từ mê mà sanh ra ngủ, từ nơi đó mà hiện ra các cảnh vật vui, buồn rồi chịu lấy buồn vui.

\*\*\*

-Thế nào là hai món?

1- Cái điên đảo thấy thuộc về nghiệp riêng của cá nhơn.

2- Cái điên đảo vọng thấy thuộc về nghiệp chung của nhơn loại.

**III. DỤ VỀ NGHỆP CHUNG CỦA CÁ NHƠN.**

A-Nan, sao gọi là cái điên đảo vọng thấy thuộc về nghiệp riêng của cá nhơn? Dụ như người nhặm con mắt, ban đêm dòm đèn thấy có vòng tròn lòa đỏ năm màu (ngũ uẩn).

Ý ông ghĩ sao? Cái vầng đỏ năm màu ấy, của đèn hay cái thấy?

A-Nan, nếu ông nói “của đèn” thì sao những người không nhặm mắt, họ chẳng thấy vầng đỏ, mà duy có người nhặm, mắt mới thấy thôi?

Nếu nói “cái vầng đỏ đó của cái thấy, thì cái thẫy đã thành vầng đỏ; vậy người nhặm con mắt thấy vầng đỏ, thì bảo là thấy cái gì? (vì cái thấy đã thành vầng đỏ rồi), thì hông thể nói thấy vầng đỏ nữa được”

Lại nữa nếu ông chấp “cái vầng đỏ rời đèn riêng có”, thời đáng lẽ ông xem bàn ghế chung quanh đều có vầng đỏ cả. Còn nói “vầng đỏ rời cái thấy riêng có”, thì không cần con mắt thấy. Vậy thì tại sao người nhặm mắt thấy có vầng đỏ?

Thế nên phải biết: cái mà sáng là ở nơi đèn, cái thấy vì bệnh mắt mà có bóng lòa. Cái “bóng lòa” và cái “thấy lòa” đều do nơi mắt nhặm. Còn cái thấy được lòa nhặm, thì “cái thấy” đó không phải nhặm hiện.

***LƯỢC GIẢI***

Đại ý đoạn này Phật nói: Vì vô minh vọng động (nhặm) mà thấy có cái cảnh vật hiện ra như vậy (lòa đỏ). Chớ không phải do chơn lý (dụ đèn) hay chơn trí (dụ cái thấy) và cũng không thể nói nó ngòai chơn lý hay chơn trí.

\*\*\*

**IV. DỤ VỀ NGHIỆP CHUNG CỦA ĐỔNG LOẠI**

– A-Nan, sao gọi là nghiệp chung vọng thấy của đồng loại? Dụ như trong thế giới này có nhiều nước. Nhưng chỉ có một nước vì dân chúng đồng tạo ác nghiệp, nên điều cảm thấy có điềm không tốt, như sao chổi, sao phướng, hoặc hai mặt trời, hai mặt trăng v.v… Còn dân chúng ở các nước khác thời đều không thấy và cũng không nghe.

**V. LẤY NGHIỆP RIÊNG ĐỂ CHỈ RÕ NGHIỆP CHUNG**

 Này A-Nan, như người nhặm con mắt, vì nghiệp riêng của họ, nên “vọng thấy” cái đèn có vầng đỏ hiện ra. Tại con mắt nhặm mới thành ra lòa, chớ “cái thấy” đó không lòa. So sánh như các ông ngày hôm nay, thấy có núi, sông, thế giới và chúng sanh đó, đều do ái “nhặm lòa từ vô thỉ” (vô minh vọng động từ vô thỉ) cho nên mới thấy cảnh vật hiện ra như vậy.

Các ông nên biết: “mắt thấy” (kiến) với cảnh vật bị thấy (kiến duyên) hiện tiền đây, đều do cái “vọng thấy” (giác minh) hiện ra. Cái “vọng thấy” đó (giác kiến) nó lòa nhặm, chớ cái chơn tâm không nhòa nhặm.

Cái chơn tâm biết được cái lòa nhặm đó (giác sở giác sanh) nó không phải ở trong lòa nhặm (giác phi sảnh trung). Như thế thời làm sao bảo cái chơn tâm đó là các cảm giác thấy, nghe, hay biết được ư? Đây chính là cái nghĩa “tâm sanh ra cái thấy, cái thấy không phải tâm v.v… ông mới vừa hỏi trước”.

Thế nên, nay ông thấy “tôi”, thấy “ông” cùng thấy “thế giới” và “chúng sanh “, đều do ông lòa nhặm (vô minh vọng động) mà thấy như vậy, chớ không phải cái thấy (tâm) đó nó lòa nhặm, cho nên không thể bảo nó (chơn tâm) là “cái thấy”.

***LƯỢC GIẢI***

Đại ý đọan này nói: từ nơi chơn tâm, vì vô minh vọng động, nên khởi ra có căn và cảnh (cái thấy và cái bị thấy). Vì các cảm giác: thấy, nghe, hay, biết cùng với các cảnh vật bị thấy, đều do vô minh vọng động hiện ra cả. Còn “chơn tâm” vì không phải là vô minh, nên không thể gọi nó (chơn tâm) là cái cảm giác: nghe, thấy, hay, biết được.

Đây là giải lại cái nghĩa ở đọan trước nói: “chơn tâm sanh ra cái thấy v.v. ( kiến kiến chi thời) không phải là chơn tâm (kiến phi thị kiến). Cái thấy nó còn xa cách chơn tâm v.v…”

Nên nhớ lỗi tại “vô minh vọng động”, chớ không phải lỗi tại cái “thấy” và “cảnh bị thấy”. Cũng như tại nhặm chớ không phải lỗi tại “cái thấy” của con mắt và” bóng lòa “.

**VI. PHẬT KẾT THÚC LẠI**

A-Nan, một người nhặm mắt, vì nghiệp riêng của họ, nên họ thấy có cái vầng đỏ; cũng như dân chúng trong một nước, do ác nghiệp chung tạo của họ, nên đồng thấy những điềm không lành hiện ra.

Lên một tầng nữa, là toàn cả chúng sanh trong mười phương thế giới ngày nay đây, đều do “vô minh vọng động từ vô thỉ” nên đồng vọng thấy có thế giới chúng sanh hiện ra vậy.

Từ nơi chơn tâm, vì hư vọng nên hiện ra các cảm giác thấy, nghe, hay, biết. Do hòa hiệp vọng sanh ra, rồi cũng do hòa hiệp vọng diệt đi.

Nếu các ông xa lìa được các duyên hòa hiệp cùng bất hòa hiệp, và trừ hết các nhơn sanh tử rồi, thì cái chơn tâm thường trụ thanh tịnh, bất sanh bất diệt hiện ra, và các ông được viên mãn đạo Bồ Đề.

***LƯỢC GIẢI***

Phật lấy một người nhặm đế dụ một nước thấy điềm ác; lấy một nước để dụ chúng sanh trong mười phương. Vì vô minh vọng động từ vô thỉ, nên thấy có chúng sanh và thế giới. Cũng như người nhặm mắt thấy có vầng đỏ. Nếu hết nhặm thì vầng đỏ không còn, lúc ấy con mắt lành mạnh tự hiện.

Cũng như vô minh vọng tưởng hết, thì thế giới chúng sanh chẳng còn. Lúc bấy giờ chơn tâm sáng suốt hiện ra, được viên mãn đạo Bồ đề, thế gọi là bực Đại Giác.

**VII. PHẬT CHỈ CÁC PHÁP ĐỀU TRỞ VỀ CHƠN TÂM**

 A-Nan, ông còn chưa hiểu: các trần tướng huyễn hóa đó là nơi tâm sanh ra, rồi cũng tùy tâm diệt mất (đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận). Cái “tướng” (hiện tượng) của nó thì huyễn vọng, còn “tánh” (bản thể) của nó lại chơn thường.

Nào là: 5 ấm, 6 nhập, 12 xứ, 18 giới đều do nhơn duyên hư vọng hòa hiệp tạm có sanh; nhơn duyên biệt ly hư vọng tạm gọi là diêt. Các ông không biết: nào sanh, diệt, khứ, lai đều gốc ở nơi chơn tâm thường trụ. Trong thể tánh chơn như thường trụ này, tìm kiếm cái khứ, lai, mê, ngộ, sanh tử v.v… quyết không thể được.

***LƯỢC GIẢI***

Hiện tượng các pháp thì vọng, mà bản thể của các pháp lại chơn. Đứng về phần hình tướng (hiện tượng) các pháp thì thấy có sanh, diệt, khứ, lai. Còn đứng về phần bản tánh (bản thể) thời tìm cái khứ, lai, sanh, diệt, mê, ngộ không thể được.

**VIII. A-NAN NGHI CÁI NGHĨA BỐN ĐẠI HÒA HIỆP SANH**

A-Nan thưa Phật rằng: -Bạch Thế Tôn, trước kia ngài thường nói “Tất cả các vật trong thế gian đều do bốn đại hòa hiệp sanh”. Tại sao ngày hôm nay, Như Lai bác bỏ cả thuyết “nhơn duyên ” và “tự nhiên”. Chúng con không biết nghĩa này thế nào? Cúi xin đức Từ tôn chỉ dạy nghĩa trung đạo rốt ráo cho chúng con.

***LƯỢC GIẢI***

Phật đã nhiều lần bác cả nhơn duyên và tự nhiên, mà ông A-Nan vẫn còn chấp mãi. Cũng vì lưới nghi nhiều lớp, không thể một lần lột hết được!

**IX. PHẬT QUỞ A-NAN HỌC NHIỀU MÀ KHÔNG HIỂU**

Phật dạy rằng: -Ông trước kia nhàm chán quả Thinh văn, Duyên giác là thuộc về Tiểu-thừa, phát tâm cầu đạo vô thượng Bồ đề, cho nên ta mới vì ông chỉ bày nghĩa lý cao thượng thứ nhứt (đệ nhứt nghĩa đế). Tại sao ông còn đem lời nói tầm thường trong thế gian, là thuyết “nhơn duyên” để tự ràng buộc lấy mình? Ông tuy học nhiều mà không hiểu chi cả; cũng như người trong thế gian nói đến tên món thuốc này, món thuốc kia, đến khi thuốc thật đem ra trước mắt, thì họ không thể phân biệt được, thật đáng thương xót!

Ông nên chăm chú nghe, nay ta sẽ vì các ông, cùng với những người tu về Đại-thừa đời sau, mà phân biệt chỉ dạy, để cho các ông thông hiểu được thật tướng (chơn tâm).

A-Nan yên lặng, lóng nghe lời Phật dạy.

**X. PHẬT NÓI CÁI TÁNH CỦA TỨ-ĐẠI PHI HÒA HIỆP**

A-Nan, ông nói rằng: “Do bốn đại hòa hiệp sanh ra tất cả vật”. Này A-Nan, nếu cái thể tánh (bản tánh) của bốn đại kia không có hòa hiệp, thời nó không có hòa hiệp, thời nó không thể hòa với gì được; cũng như hư không, không hòa hiệp với các vật. Còn nó có hòa hiệp, thời đồng với vật biến hóa (hiện tượng sanh diệt) nghĩa là, trước sau thành nhau, như nước thành băng, băng trở lại thành nước. Sanh diệt nối nhau, sanh tử, tử sanh, sanh sanh tử tử, xoay tròn như vòng lửa, không dứt đoạn.

***LƯỢC GIẢI***

Ông A-Nan lấy “hình tướng” (hiện tượng) của tứ đại có hư vọng hòa hiệp mà hỏi. Còn Phật chỉ cái “thể tánh” (bản thể) của tứ đại không hòa hiệp, cũng như hư không, để giải thích. Nếu nó (tánh) có hòa hiệp thì cũng đồng như các tướng (tứ đại) có sanh diệt.

\*\*\*

**XI. ĐẤT TỪ CHƠN TÂM BIẾN HIỆN**

– A-Nan, ông xem đất kia, lớn là quả địa cầu, còn nhỏ là hạt bụi (vi trần). Chẻ hạt bụi rất nhỏ (cực vi) ra làm bảy phần, thì thành hạt bụi lân hư (gần với hư không). Cái giáp ranh của sắc tướng tột đến chừng đó. Nếu chẻ hạt bụi nhỏ nhứt này (lân hư) ra làm một lần nữa, thì thành hư không. Thế thì rõ ràng hư không do chẻ bụi mà có, không phải do hòa hiệp sanh.

Này A-Nan, như lời ông nói: “Do hòa hiệp sanh ra các vật trong thế gian”. Vậy ông thử xem một hạt bụi nhỏ nhứt này (lân hư), phải dùng bao nhiêu hư không hòa hiệp lại mới thành ra nó? không lẽ hạt bụi nhỏ nhứt này hòa hiệp lại thành ra hạt bụi nhỏ nhứt (lân hư trần).

***LƯỢC GIẢI***

Nếu nói “các vật do hòa hiệp thành” thì hạt bụi nhỏ nhất này cũng phải do hòa hiệp mà thành.

Vậy thì lấy cái gì hòa hiệp thành hạt bụi này. Nếu nói “lấy hư không hòa hiệp lại thành” thì phi lý. Còn không lấy hư không thì lấy cái gì hòa hiệp thành ra nó? (vì ông A-Nan chấp các pháp do hòa hiệp mà sanh). Nếu nói lấy sắc tướng hòa hiệp, thì thành ra một vật lớn, chớ không phải là thành hạt bụi nhỏ nhứt (lân hư trần) nữa.

\*\*\*

-Lại nữa, nếu chẻ hạt bụi nhỏ nhứt (lân hư) ra thành hư không, thì rõ ràng hư không không phải do hòa hiệp thành. Nếu nói do hòa hiệp thành, thì phải dùng bao nhiêu sắc tướng hòa hiệp lại mới thành hư không? không thể hư không tự nó hòa hiệp thành hư không?

***LƯỢC GIẢI***

Vì chấp “các pháp do hòa hiệp mà có” thì hư không cũng do hòa hiệp mà có. Vậy hư không lấy cái gì hòa hiệp mà thành? Không lẽ lấy hư không hòa hiệp thành hư không . Đoạn trên Phật chỉ hạt bụi, đoạn này Phật chỉ hư không, đều phi hòa hiệp cả.

\*\*\*

-Vậy nên biết: khi sắc hòa hiệp thì không phải hư không, khi hư không hòa hiệp thì không phải sắc. Cái sắc còn có thể chia chẻ ra được, chớ hư không làm sao mà hòa hiệp cho được?

***LƯỢC GIẢI***

Đại ý đoạn này, Phật nói các pháp hư vọng như huyễn, như hóa, phi hòa, phi hiệp, do chúng sanh mê vọng mà thấy in tuồng như thật.

\*\*\*

Các ông không biết: trong chơn tâm, tánh (bản thể) của sắc là chơn không (tâm); tánh (bản thể) của không là chơn sắc (tâm). Nó vốn sẵn thanh tịnh, khắp giáp cả pháp giới; tùy theo tâm của chúng sanh tạo nghiệp và phân biệt như thế nào, thì có ứng hiện ra như thế nấy. Chúng anh không biết, chấp là nhơn duyên sanh, hay tự nhiên có v.v… những cái chấp đó, đều do thức tâm phân biệt so đo cả. Phàm có nói năng, phân biệt, thì đều không đúng.

***LƯỢC GIẢI***

Thật ra các vật ở giữa này, không có nhứt định vật gì, thật là vật gì cả. Tùy theo tâm của chúng sanh tạo nghiệp như thế nào, thì nó hiện ra như thế ấy. Đối với chúng sanh đó, nó thật hay đúng với loài đó thôi.

Như chén nước đây, nếu đồng nghiệp loài người thì đều thấy thật là nước; còn đối với con vi trùng trong chén nước, thì không phải là nước nữa rồi, mà chính là nhà cửa của nó.

Hay như cái bàn gổ này, đối với loài người thì thấy nó là cái bàn thật, chớ đối với con mọt, thì lại không thành cái bàn nữa, mà thật là món ăn của chúng.

Thêm một tỷ dụ nữa, như thân này đối với loài người, thì thấy thật là thân người, chớ đối với con vi trùng trong thân, thì không thành cái thân nữa, mà thật là một thế giới bao la vô tận của nó.

Vậy thì thấy thật nước hay thật chỗ ở, thật cái bàn gỗ hạy thât món ăn, thấy thật thân người hay thật thế giới, đều tùy theo tâm niệm phân biệt nhận định riêng của mỗi loài như thế nào, thì nó thành ra thế nấy. Nên trong kinh nói: “tùy tâm biến hiện”. Chúng ta thường thấy: Khi nào tâm ta vui vẽ, thì thấy cảnh vật chung quanh đều vui, cho đến ngủ chiêm bao củng thấy cảnh vui hiện ra. Trái lại, khi nào tâm ta buồn phiền thì thấy cảnh vật chung quanh cũng buồn bực; mỗi mỗi đều do tâm mình biến hiện ra cả, nên có câu:

“***Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu***

***Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ!”***

**XII. LỬA TỪ CHƠN TÂM BIẾN HIỆN**

– A-Nan, lửa không có tự thể, nó chỉ gá các duyên mà sanh. Ông hãy xem những nhà trong thành này, khi họ muốn nấu ăn, thì họ cần cái kiếng (dương tọai) đưa ra trước mặt trời lấy lửa. Này A-Nan, lửa ấy nếu nhơn hòa hiệp mà có, thì nó từ trong cái kiếng sanh, từ bùi nhùi ra, hay từ nơi mặt nhựt đến?

Nếu lửa từ mặt nhựt đến, cháy được bùi nhùi trong tay của ông, thì những cây rừng và các cảnh vật nó vừa trãi qua đó đáng lẽ đều phải bị cháy cả.

Còn nói “lửa từ trong kiếng sanh ra cháy cái bùi nhùi”, sao cái kiếng người cầm đó không cháy? Và cái bàn tay của người cầm củng không cháy?

Còn nói “lửa trong bùi nhùi sanh” thì cần gì phải có bàn tày cầm cái kiến hứng ánh sáng mặt trời, mới có lữa?

Ông nên chín chắn xem xét: cái kiếng ở nơi tay người cầm, mặt nhựt thời ở trên trời, bùi nhùi thì nằm tại đất. Cái kiếng và mặt trời vẫn xa nhau, không phải hòa, không phải hiệp. Vậy thì lửa này từ đâu mà đến cháy đây? Không lẽ lửa không từ đâu cả mà tự có?

Các ông không biết trong chơn tâm, tánh (bản thể) của lửa (tâm) là thật không; tánh (bản thể) của không (tâm) mới là lửa thật. Nó vẫn thanh tịnh khắp giáp cả pháp giới, tùy theo tâm của chúng sanh phân biệt như thế nào, thì nó hiện ra như thế nấy.

Nếu một người cầm kiếng lấy lửa, thì một chỗ đó có lửa hiện ra. Nếu tất cả người trong thế gian đều cầm kiếng lấy lửa, thì khắp tất cả trong thế gian đều có lửa hiện ra; chỉ tùy theo vọng nghiệp của chúng sanh mà hiện đó thôi, chớ không có xứ sở gì. Người thế gian không biết, dùng thức tâm hư vọng phân biệt mê lầm chấp cho nhơn duyên sanh, hoặc tự nhiên có v.v… phàm có nói năng, phân biệt đều không đúng sự thật.

***LƯỢC GIẢI***

Đại ý như đoạn trên ( đất)

 \*\*\*

**XIII. NƯỚC TỪ CHƠN TÂM BIẾN HIỆN**

A-Nan, tánh nước không tịnh, đứng chảy chẳng thường. Như trong thành Thất La, các vị đại huyễn sư, như ông Ca-tỳ-la-tiên, Chiết-ca-la-tiên, Bác-đầu-ma và Ha-tát-đa v.v… Các vị này thường lấy nước mặt trăng hòa với thuốc. Họ chờ đêm nào trăng sáng trong, cầm hột châu phương chư hứng dưới mặt trăng, thì có nước chảy ra ở thau.

Vậy nước ấy từ hột châu sanh hay từ hư không ra? Hay từ mặt trăng đến?

– A-Nan, nếu từ mặt trăng đến, nó làm cho hột châu ra nước; vậy thời từ phương xa đến đây, trong khi trãi qua cây cối các cảnh vật, nó phải đều làm cho ngập ướt cả; nếu thế thì cần gì phải có hột châu phương chư (hột châu lấy nước)? Song sự thật các cảnh vật không ngập ướt, thì rõ ràng nước ấy không phải từ mặt trăng đến.

Còn nói “nước từ hạt châu ra”, thì hột châu nếu đã chảy ra được nước, đáng lẽ lúc nào nó cũng tự chảy ra được nước, cần gì phải chờ nữa đêm hứng mặt trăng sáng mới có nước?

Còn nói “nước từ hư không sanh” thì hư không vô biên, nước cũng phải vô biên; vậy thì từ nhơn gian cho đến thiên thượng, tất cả cỏ cây, đất đai đều bị ngập lụt cả.

Ông nên chín chắn xem xét: Mặt trăng ở trên trời, hột châu ở tay người cầm, cái thau hứng nước lại để dưới đất. Mặt trăng với hột châu để cách xa nhau, không phải hòa cũng không phải hiệp, vậy nước đó từ đâu mà đến? Không lẽ không nhơn đâu mà nó tự có.

Ông không biết trong chơn tâm, tánh (bán thể) của nước (tâm) thật không; tánh (bản thể) của không (tâm) thật nước, vốn sẳn thanh tịnh khắp giáp cả pháp giới, tùy tâm của chúng sanh phân biệt như thế nào, thì nó hiện ưng như thế nấy. Một người cầm hột châu lấy nước, thì một chỗ đó có nước. Nếu tất cả người trong thế gìan đều cầm hột châu lấy nước, thì khắp cả trong thế gian đều có nước. Nước tùy theo nghiệp chướng trong chúng sanh mà phát hiện ra; nó không có phương hướng sứ sở gì. Người trong thế gian không biết, lầm chấp nhơn duyên sanh, hoặc tự nhiên có, đều do thức tâm vọng chấp, phân biệt cả. Phàm có nói năng, luận bàn thế nào, cũng đều không trúng cả.

**XIV. GIÓ TỪ CHƠN TÂM BIẾN HIỆN**

 – A-Nan, tánh gió không tịnh, động và tịnh chẳng thường. Như ông thường đắp y đi vào đại chúng, cái chéo y của ông phất qua người gần bên, thì có một chút gió quạt đến mặt người. Vậy gió này từ chéo y bay ra, hay từ hư không bay đến, hay từ nơi mặt người sanh?

A-Nan, nếu gió này từ cái y bay ra, thì cái y đã thành gió, vậy nó phải bay bổng rời khỏi thân ông, và ông đắp y thành ra đắp gió hay sao? Ta hay xổ cái y ra, ông hãy thử xem coi gió ở chổ nào? chẳng lẽ trong y có chổ cất (để) gió.

Nếu gió từ hư không sanh, vậy thời khi ông không động cái y, sao chẳng có gió? Và hư không thường còn, thì gió cũng phải thường sanh, nếu khi nào không có gió, thì hư không phải diệt. Song thật ra gió có thể diệt (hết) chớ hư không làm sao diệt được.

Nếu hư không có sanh diệt, thời không gọi là hư không; còn gọi là hư không thời làm sao lại sanh ra gió được.

Còn ông nói “gió từ nơi mặt người bị phất sanh”; nếu thật thế, thì gió phải phất đến mặt ông mới phải, tại sao nó lại phất ngược trở lại mặt người bị phất.

Ông nên chính chắn xem xét: Cái y là ở nơi ông, cái mặt là thuộc về người kia (bị phất), còn hư không thì tự yên lặng; gió (động) với hư không (lặng) tánh khác nhau, không hòa không hiệp, vậy gió từ nơi đâu mà phát động đến đây? Không lẽ không từ nơi đâu mà tự có.

Các ông không biết trong chơn tâm, tánh (bản thể) của gió (tâm) là thật không, tánh (bản thể) của không (tâm) là thật gió, vốn sẳn thanh tịnh, khắp giáp cả pháp giới, tùy tâm chúng sanh phân biệt như thế nào, thời nó hiện ra như thế nấy. Một người phất y, thời có một chút gió sanh ra. Nếu tất cả mọi người trong thế giới đều phất y, thì cả thế giới đều có gió, theo nghiệp của chúng sanh mà phát hiện, không có phương hướng, xứ sở gì. Thế gian không biết, khởi thức tâm phân biệt so đo, lầm chấp là nhơn duyên sanh, hoặc tự nhiên có v.v… đều không đúng cả.

# Bài 07: Hư Không Từ Chân Tâm Biến Hiện

I. - Hư không từ chơn tâm biến thiện   
II. - Các giác quan từ chơn tâm biến thiện   
III. - Thức (phân biệt) từ chơn tâm biến thiện   
IV. - A Nan ngộ được chơn tâm,  đứng dậy phát nguyện rộng lớn.

**I. HƯ KHÔNG TỪ CHƠN TÂM BIẾN THIỆN**

– A-Nan, hư không vô hình, nhơn các hình sắc mà hiện bày ra. Như ở trong thành Thất la này, khi dân chúng mới cất nhà, thì họ đào giếng để múc nước. Đào một thước đất, thì thấy có một thước hư không hiện ra, đào xuống mười thước thì thấy có mười thước hư không hiện ra; hư không cạn hay sâu là tùy người đào nhiều hay ít. Vậy hư không này là do đất sanh, do đào mà có, hay không do đâu mà tự sanh ?

– A-Nan, hư không này, nếu không do đâu mà tự sanh, thì khi chưa đào sao không thấy có hư không, mà chỉ thấy đất đặc? Còn cái hư không do đào mà có, thì khi quăng đất ra, đáng lẽ phải thấy hư không vào. Nếu quăng đất ra trước mà không thấy hư không vào, thời sao lại nói “hư không do đào đất mà có”. Nếu hư không không ra vào, thời đáng lẽ nó cùng với đất không khác; nếu không khác thời đồng với đất. Vậy khi quăng đất ra, sao chẳng thấy hư không ra?

Nếu nói “hư không do đào đất mới có”, thời khi đào, đáng lẽ phải ra hư không chớ sao lại ra đất? Còn nói “hư không chẳng do đào mà ra” thì khi đào ra đất, tại sao thấy có hư không?

Các ông nên chín chắn quan sát: đào là từ nơi tay người tùy theo chỗ mà đào. Còn đất cục là nhơn chỗ đất cái dời đi. Đào là việc thật, còn hư không thì trống không, hai cái không dính líu gì với nhau, không hòa không hiệp. Vậy hư không từ nơi đâu mà ra không lẽ không nhơn đâu mà hư không tự có.

Các ông biết trong chơn tâm tánh (bản thể) của hư không (tâm) là chơn giác (tâm); tánh (bản thể) của giác (tâm) là chơn không, vốn sẳn thanh tịnh, khắp giáp cả pháp giới, tùy theo tâm chúng sanh thế nào, thì nó hiện ra thế ấy. Một chỗ đào giếng, thì một chỗ có hư không, khắp cả trong thế gian đều đào giếng, thì khắp cả thế gian có hư không; tùy theo nghiệp của chúng sanh mà hiện ra, không có phương hướng xứ sở gì. Người trong thế gian không biết, khởi tâm phân biệt so đo, chấp là nhơn duyên sanh hoặc tự nhiên có v.v… đều không đúng cả.

A-Nan, ông nên biết: hiện tiền tánh của năm đại: đất, nước, gió, lửa và hư không vốn viên dung khắp giáp, không lay động, đều là chơn tâm cả, không có sanh và diệt. Chỉ tại các ông mê muội không biết mà thôi.

***LƯỢC GIẢI***

Đất, nước, gió, lửa và hư không, năm đại này thuộc về phần vật chất, đại diện cho các cảnh vật. Hai đại diện sau (kiến và thức) là thuộc về phần tinh thần, đại diện cho các thức.

**II. CÁC GIÁC QUAN TỪ CHƠN TÂM BIẾN HIỆN**

A-Nan, cái thấy không tự thể, nhơn đối với cảnh vật và hư không mà có, như ông ngày nay ngồi trong rừng Kỳ đà, sớm mai thấy sáng, chiều lại thấy tối, đêm không trăng trời thấy tối, có trăng lại thấy sáng. Nhơn có tối và sáng, nên ông mới thấy có phân biệt.

Vậy cái thấy này cùng với tối, sáng và hư không là một thể hay không phải một thể? Đồng hay khác?

Này A-Nan, khi tối thì không có sáng, khi sáng không có tối. Nếu cái thấy này cùng với tối đồng một thể thì khi sáng đến, cái thấy phải mất. Còn cái thấy này cùng với cái sáng đồng một thể, thì khi tối lại, cái thấy diệt. Nếu cái thấy diệt, thời làm sao thấy tối và thấy sáng. Lại nữa, tối và sáng khác nhau, còn cái thấy lại không sinh diệt, như thế thời làm sao nói đồng một thể được. Nếu nói cái thấy cùng với tối, sáng và hư không chẳng phải một thể, thì rời tối, sáng và hư không, ông hãy chia riêng cái thấy của ông ra xem thử hình tướng của nó thế nào. Nếu trời tối, sáng và hư không thì cái thấy của ông như lông rùa, sừng thỏ; nghĩa là không có. Khi phân tách ra tối, sáng và hư không, ba cái đều khác, thì cái thấy của ông ở chổ nào?

Lại nữa, tối sáng trái nhau, thế nào nói đồng được? Rời tối, sáng và hư không ra, không có cái thấy, thì làm sao nói khác được? Không thể chia ranh đây là hư không, kia là cái thấy được, thời làm sao lại nói không đồng, tối, sáng chẳng đồng, còn cái thấy không biến đổi thì sao lại nói không khác?

Ông nên chín chắn suy xét: cái sáng là từ nơi mặt nhựt, cái tối thuộc ban đêm, chỗ trống thuộc hư không, nơi bít là thuộc về đất; cái “thấy” có biết còn hư không không biết, không phải hòa không phải hiệp. Vậy cái “thấy” từ nơi đâu mà sanh, không phải tự nhiên có?

Các ông không biết: trong chơn tâm, cái tánh của “thấy” là tâm (giác minh), tâm là tánh của thấy; vốn sẳn thanh tịnh khắp cả pháp giới, tùy tâm của chúng sanh phân biệt như nào, thì hiện ra theo sự hiểu biết của chúng sanh như thế ấy. Như một con mắt là một cái thấy. Cho đến tai nghe, mũi ngữi, miệng nếm, thân xúc, ý biết, sáu giác quan cũng vậy, đều khắp cả pháp giới, tùy theo nghiệp của chúng sanh mà hiện ra, không có phương hướng xứ sở gì.

***LƯỢC GIẢI***

Như điện, vào đèn thì đèn cháy, vào quạt quạt lại quay v.v… điện không có phương hướng xứ sở gì, chỉ tùy duyên phát hiện. Còn tâm cũng thế, tâm vẫn là một, nếu đến mắt thì thấy, còn đến tai thì nghe v.v… tùy duyên phát hiện.

\*\*\*

Thấy, nghe, hay, biết sáu giác quan kể là một, cùng với hư không và bốn đại, thành ra sáu đại, tánh có viên dung vốn không lay động, đồng một thể chơn tâm, không sanh không diệt, thế gian vì mê lầm không biết, sanh tâm phân biệt, chấp cho nhân duyên sanh, hoặc tự nhiên có đều không đúng cả.

**III. THỨC (PHÂN BIỆT) TỪ CHƠN TÂM ĐẾN THIỆN**

-Này A-Nan, cái “thức” (phân biệt) không có căn nguyên, nhơn sáu căn và sáu trần mà vọng hiện. Ông nay dùng mắt xem khắp trong hội này, thì con mắt của ông chẳng khác nào như cái kiếng chiếu cảnh, không có phân biệt gì riêng khác. Rồi cái “thức” của ông mới khởi lên, tuần tự phân biệt: đây là ông Văn Thù, kia là ông Phú-Lâu-Na, đó là ông Mục-Kiền-Liên, nọ là ông Tu-Bồ-Đề v.v… vậy cái thức hiểu biết phân biệt này, từ cái thấy sanh, hay từ nơi cảnh vật sanh? Từ hư không ra, hay không do đâu mà tự xuất hiện?

A-Nan, nếu nói “cái thức của ông từ nơi cái thấy sanh”, mà không có tối, sáng, cảnh vật và hư không bốn món, thì cái “thấy” của ông không có. Cái thấy còn không có, thời cái thức phân biệt kia làm sao từ nơi cái thấy mà sanh được.

Còn nói “thức phân biệt này từ cảnh vật sanh, chớ không phải từ nơi cái thấy”. Nếu không có cái thấy để thấy tối, sáng, cảnh vật và hư không các tướng, thời cái “thức” của ông từ nơi đâu mà sanh được.

Còn nói “thức từ hư không sanh, không phải từ nơi cảnh vật và cái thấy”. Nếu không có cái “thấy” thời không thấy được sáng, tối, cảnh vật và hư không. Còn nếu không có các cảnh vật thì thấy, nghe, hay, biết không từ nơi đâu mà có.

Nếu nói “thức không phải từ cảnh vật và cái thấy sanh”, như thế thì nó đồng với cái không. Còn nói “nó có mà không phải đồng cảnh vật”, thì dầu cho cái thức của ông có phát sanh ra nữa, cũng không thể phân biệt cái gì được.

Nếu nói “thức không nhân đâu, thoạt nhiên xuất hiện”, thì sao khi ban ngày, ông không thể phân biệt được mặt trăng?

Ông nên chín chắn suy xét: cái thấy thì nó gá nơi con mắt của ông, còn các hình tướng là ở nơi cảnh vật. Những gì có hình tướng thời có, còn không hình tướng là không. Cái “thức” thì động (có phân biệt), còn cái thấy lại yên lặng (không phân biệt), không phải hòa không phải hiệp. Vậy thì cái thức phân biệt của ông từ đâu sanh ra? Không lẽ không do đâu mà tự có?

Các ông không biết trong chơn tâm, tánh của thức là tâm, tâm mới thật là thức (chơn thức), nó nhiệm mầu yên lặng, sáng suốt, khắp giáp cả pháp giới, hàm chứa và sanh ra mười phương hư không thế giới, chỉ tùy theo nghiệp của chúng sanh mà hiện ra, không có phương hướng xứ sở. Thế gian không biết, khởi thức tâm phân biệt chấp trước, cho là nhân duyên sanh hoặc tự nhiên có v.v… đều không đúng cả.

Các ông nên biết: đất, nước, gió, lửa, hư không, cái thấy và thức tâm gọi chung là bảy đại, tánh của nó đều là chơn tâm viên mãn khắp giáp tất cả, vốn không sanh diệt. Các ông vì mê muội nên không biết.

***LƯỢC GIẢI***

Chúng ta nên phân biệt rõ ràng: “thức” và cái “thấy”.

Cái “thấy” là thuộc các giác quan, về phần trực giác. Nó cũng như cái kiếng chiếu cảnh, không có phân biệt tính toán. Còn “thức” thì có phân biệt tốt, xấu, hay, dở v.v… So theo Duy thức tôn, để nói cho dể hiểu: trong đây nói “thức” là chỉ cho thức thứ “Sáu”; còn nói cái “thấy” là chỉ về năm thức trước.

Tóm lại, nói đất, nước, gió, lửa, hư không, cái thấy và thức, cộng là bảy đại, gồm cả vật chất cả tinh thần.

Đất, nước, gió, lửa, hư không là thuộc về vật chất, còn thấy các thức là thuộc về phần tinh thần. Trong vũ trụ tuy có thiên hình vạn trạng, nhưng tóm lại thì không ngoài vật chất và tinh thần.

Đoạn này là cả nói về vật chất lẫn tinh thần đều từ nơi chơn tâm, tùy theo nghiệp của chúng sanh mà hiện ra như thế này, hoặc như thế kia, ngàn sai muôn khác. Như người chiêm bao thấy hiện ra các cảnh vật (đât, nước v.v…)

Về bản thể (tâm) của bảy đại thì chơn, không có sanh diệt. Còn về hiện tượng (các hình tướng) thì vọng. Vì chúng sanh mê muội không biết, chấp thế này hoặc thế kia, (như người đương chiêm bao chấp các cảnh chiêm bao là thật). Một phen ngộ được chơn tâm, thì bảy đại này đều trở về thể tánh chơn tâm (như người thức giấc, thì cảnh chiêm bao liền hết; lúc bấy giờ mới biết các cảnh vật trong chiêm bao đó, đều do tâm chiêm bao hiện ra).

**IV. A-NAN VÌ NGỘ ĐƯỢC CHƠN TÂM NÊN ĐỨNG DẬY PHÁT LỜI THỀ NGUYỆN RỘNG LỚN**

 Khi ấy A-Nan và đại chúng nhờ Phật chỉ dạy rất cặn kẽ, nên mỗi người đều ngộ được chơn tâm của mình rộng lớn khắp cả mười phương hư không. Lúc bấy giờ ông lại thấy cả mười phương thế giới rất nhỏ hẹp và rõ ràng cũng như một lá cây cầm trong tay. Tất cả các cảnh vật sum-la vạn-tượng trong thế gian này, đều ở trong chơn tâm; chơn tâm bao trùm khắp giáp cả mười phương thế giới. Khi ấy ông xem trở lại cái thân do cha mẹ sanh đây, thật nhỏ nhen làm sao! Như một hạt bụi nhỏ ở trong mười phương hư-không, dù còn, dù mất cũng không thấm vào đâu và cũng như một hòn bọt nhỏ, nỗi ở trong bể cả rộng khơi, dầu sanh dầu diệt cũng không nhằm gì.

Vì ông A-Nan hiểu lộ được chơn tâm của mình còn không diệt và rộng lớn như vậy, nên ông đứng trước Phật chắp tay kính lạy, và xứng theo chơn tâm rộng lớn, mà nói bài kệ phát nguyện như vầy:

***NGUYÊN VĂN CHỮ HÁN***

*Diệu trạm, Tổng trì, Bất động tôn*

*Thủ Lăng-Nghiêm vương, thế hi-hữu,*

*Tiêu ngã ức kiếp điên đảo tưởng,*

*Bất lịch tăng-kỳ hoạch pháp thân.*

*Nguyện kim đắc quả thành bảo vương,*

*Hườn độ như thị hằng sa chúng,*

*Tuơng thử thâm tâm phụng trần sát,*

*Thị tắc danh vi báo Phật ân.*

*Phục chỉnh Thế-Tôn vị chứng minh:*

*Ngũ trược ác thế hệ tiên nhập,*

*Như nhất chúng sanh vị thành Phật,*

*Chung bất ư thử thủ Nê-hoàn.*

*Đại hùng, đại lực, đại từ bi,*

*Hi cánh thẩm trừ vi tế hoặc,*

*Lĩnh ngã tảo đăng vô thượng giác,*

*Ư thập phương giới tọa đạo tràng*

*Thuấn-nhã-da tánh khả tiêu vong,*

*Thước-ca-ra tâm vô động chuyển.*

***DỊCH NGHĨA***

Kính lạy Pháp thân, Báo-thân, Hóa-thân Phật, và kinh Thủ-Lăng-Nghiêm vương là ngôi Pháp-bảo rất hi hữu trên đời. Tiêu trừ cho con các vọng tưởng điên đảo từ ức kiếp, khiến con chẳng cần trải qua vô số kiếp tu hành mà vẫn đặng pháp-thân Phật.

Hôm nay con nguyên mau đặng thành quả Phật, để trở lại độ chúng sanh nhiều như hằng sa. Con nguyện đem thân-tâm này, phụng sự các Đức Phật nhiều như vi trần. Thế mới gọi là đền ơn chư Phật.

Cúi xin Đức Thế-Tôn chứng minh cho lời nguyện của con: “trong đời ngũ trược tội ác này, con thề vào trước để cứu khổ chúng sanh “. Nếu còn một chúng sanh nào chưa được thành Phật, thì con thề chẳng lãnh quả vui Niết-bàn.

Phật là đấng Đại Hùng, Đại-lực và Đại-từ-bi. Cúi xin Ngài tiêu trừ các điều mê lầm vi tế cho con, khiến cho con sớm đặng thành quả Phật, để hóa độ chúng sanh khắp cả mười phương thế giới. Giả sử hư không kia có thể tiêu diệt hết, chớ chí nguyện của con đây chẳng hề lay động.

***LƯỢC GIẢI***

Ngài A-Nan vì ngộ được chơn tâm của mình rộng lớn bao hàm cả vũ trụ: vô biên thế giới vô tận chúng sanh đều ở trong chơn tâm cả. Lúc bấy giờ, Ngài thấy mười phương thế giới rất rõ ràng và rất nhỏ hẹp cũng như cái lá cây nằm ở trong tay, còn thân này nhỏ nhen như hạt bụi bay trong hư không, dầu còn dầu mất cũng chẳng thấm vào đâu.

Bởi Ngài ngộ được chơn tâm rộng lớn, cùng với chúng sanh đồng một thể không hai, cho nên Ngài mới xứng theo chơn tâm rộng lớn, khởi ra đồng thể đại bi, phát lời thề nguyện rộng sâu như thế.

Xem như câu:

Trong đời ngũ trược tội ác này, con thề vào trước để cứu khổ chúng sanh. Nếu còn một chúng sanh nào chưa thành Phật, thì con thề chẳng lãnh quả Niết-bàn…

Và câu:

Giả sử hư không kia có thể tiêu hết, mà chí nguyện của con đây chẳng hề lay động.

Trong kinh nói: “Thế giới vô biên, chúng sanh vô tận”, biết bao giờ độ cho hết tất cả chúng sanh, mà Ngài lại thề nguyện xung phong vào đời ngũ trược tội ác trước hết, để cứu độ chúng sanh. Nếu còn một chúng sanh nào chưa thành Phật, thì Ngài chẳng chịu an vui ở cảnh Niết-bàn.

Thật là lòng từ bi rộng lớn vô cùng, chí nguyện cao thượng hy sinh độ đời của Ngài như thế, đáng cho chúng ta trọn đời bái phục…

Trông lên Ngài rồi ngó lại ta… thấy rõ tâm chí và hành vi của mình, thật cũng quá ư hẹp hòi và thấp thỏi!

# Bài 08: Ông Phú Lâu Na Hỏi Phật

**I. ÔNG PHÚ LÂU NA HỎI PHẬT HAI CÂU QUAN TRỌNG**

Lúc bấy giờ ông Phú Lâu Na Di Ða La Ni Tử đứng dậy lạy Phật, chắp tay cung kính và thưa rằng: Bạch Thế Tôn, trong hàng tứ chúng, Phật thường khen con thuyết pháp hơn hết; ở trong hội này con lại chứng được quả Vô lậu. Thế mà hôm nay con nghe Phật nói pháp nhiệm mầu cao thượng, hãy còn chưa hiểu. Cũng như người điếc đứng xa một trăm bước nghe tiếng muỗi kêu; thấy còn không được, huống chi lại nghe.

 Bạch Thế Tôn:

1. Chơn tâm này đã vốn thanh tịnh, tại sao lại thoạt sanh ra sơn hà đại địa và các chúng sanh?

2. Lại nữa, Phật nói “đất, nước, gió, lửa, tánh nó vắng lặng thường còn, viên dung khắp giáp pháp giới”. Bạch Thế Tôn, nếu nước khắp tất cả, thì lửa phải tắt; còn lửa biến khắp thời nước phải khô; tánh lửa thì nóng, tánh nước lại lạnh, hai thứ trái nhau, tại sao đồng cùng khắp cả hư không, mà nó không diệt nhau? Lại nữa, đất thì có hình chất, còn hư không lại trống, tại sao hai thức đều khắp giáp cả pháp giới, mà không có chướng ngại nhau? Cúi xin đức Như Lai vén mở ngút mây mờ cho chúng con.

Thưa hỏi xong, ông Phú Lâu Na kính cẩn trở lui, để chờ nghe lời Phật chỉ dạy.

***LƯỢC GIẢI***

Ðoạn này ông Phú Lâu Na hỏi Phật hai điều:

1. Chơn tâm đã thanh tịnh tại sao thoạt sanh ra có thế giới và chúng sanh?

2. Ðất, nước, gió, lửa, tánh nó chống trái nhau, tại sao lại dung hòa được và biến khắp cả pháp giới?

Về câu hỏi trước thì trong kinh này Phật đã trả lời rõ rồi. Còn về câu hỏi sau chúng ta cũng nên phân biệt cho rõ: Phật nói nước, lửa v.v… biến khắp cả pháp giới, đó là Phật chỉ về phần “bản thể” mà nói. Ông Phú Lâu Na nghi nước, lửa v.v… trái nhau, làm sao đều biến khắp được. Thế là ông Phú Lâu Na đứng về phần “hiện tượng” mà hỏi.

Về phần hiện tượng thì có chướng ngại, còn bản thể thời không bao giờ chướng ngại.

\*\*\*

**II. PHẬT TRẢ LỜI CÂU HỎI THỨ NHẤT**

Phật day: Này Phú Lâu Na, như lời ông hỏi: “Chơn tâm đã vốn thanh tịnh, tại sao lại sanh ra sơn hà đại địa, thế giới và chúng sanh”.

Vậy ông có thường nghe ta nói: “Chơn tâm nhiệm mầu vắng lặng mà thường sáng suốt chiếu soi” không? (Tánh giác diệu minh, bản giác minh diệu)

Phú Lâu Na thưa: Bạch Thế Tôn, con có thường nghe Phật dạy như thế.

Phật hỏi: Vậy chơn tâm này, ông cho nó tự có tánh sáng suốt chiếu soi (phân biệt) hay là không có sáng suốt chiếu soi?

Phú Lâu Na thưa: Vì nó sẵn có tánh sáng suốt chiếu soi (phân biệt) nên mới gọi là tâm. Nếu nó không có tánh sáng suốt chiếu soi (phân biệt) thì không gọi là tâm, vì nó không phân biệt được cái gì cả.

Phật dạy: Như lời ông nói: “Nếu nó không sáng suốt chiếu soi (phân biệt) thì không phải là tâm, vì nó không phân biệt được cái gì cả”. Vậy ông có hiểu chăng: nếu có chiếu soi phân biệt, thì không phải là chơn (vì có năng phân biệt thì phải có bị phân biệt), còn không có chiếu soi phân biệt, thì chắng phải là tâm. Nếu tâm mà không sáng suốt thì không phải là chơn tâm thanh tịnh rồi.

 Ông nên hiểu: Chơn tâm vẫn sáng suốt, vì ông vọng chấp cái “sáng suốt phân biệt” làm tâm, nên thành ra có năng phân biệt (tâm) và bị phân biệt (cảnh).

Chơn tâm của ông không phải cái “bị phân biệt”, nhưng vì ông khởi ra cái “năng phân biệt”, nên nó (chơn tâm) trở lại thành cái “bị phân biệt” (cảnh). Ðã vọng thành cái “bị phân biệt”, cố nhiên ở nơi ông phải vọng sanh ra cái “năng phân biệt”.

Thế là ở nơi chơn tâm của ông vẫn thanh tịnh không có năng và sở, mà thoạt nhiên thành ra có năng và sở (vô đồng dị trung, xí nhiên thành dị)

***LƯỢC GIẢI***

Ðại ý đoạn này Phật chỉ cái nguyên nhân từ chơn tâm thanh tịnh, vì vọng động nổi lên nên sanh ra có thế giới và chúng sanh.

Chơn tâm thanh tịnh mỗi người đều sẵn đủ. Nếu chấp nó “không có phân biệt” thì chẳng phải là tâm; còn chấp nó “có phân biệt” thì chẳng phải là chơn.

Bởi ông Phú Lâu Na chấp cái “phân biệt chiếu soi” làm tâm, nên đã có cái phân biệt, cố nhiên phải có cái bị phân biệt. Thế là năng, sở vừa hiện, thì bỉ và thử rõ ràng.

Ðây là Phật chỉ cái hành tướng của vọng, từ nơi tâm của mọi người khởi lên một cách rõ ràng.

Một vọng niệm vừa nổi lên, thì có trăm ngàn vọng niệm khác tiếp tục theo sanh ra, cho đến vô cùng tận. Nhơn đó mà có hư không, thế giới và chúng sanh đồng thời hiện ra. Cũng như người đương thức (dụ chơn tâm) bỗng chốc buồn ngủ nổi lên, (dụ vô minh vọng động) chiêm bao thấy có núi sông, nhà cửa các cảnh vật hiện ra (dụ hư không, thế giới và chúng sanh).

\*\*\*

**III. PHẬT CHỈ NGUYÊN NHÂN CHUNG: SANH RA HƯ KHÔNG, THẾ GIỚI VÀ CHÚNG SANH**

Từ một thể chơn tâm không khác, vì vọng niệm phân biệt, có năng sở, bỉ thử sai khác, nên hiện ra có hư không và thế giới. Nhơn có hư không thế giới nên mới có chúng sanh. Ðã có thế giới nên mới có chúng sanh. Ðã có thế giới và chúng sanh lăng xăng đối đãi nhau, nên khởi lên vô số vọng tưởng phân biệt: tốt, xấu, phải, chẳng v.v… Vì thế mà sanh ra đủ các phiền não trần lao nhiễm ô. Cái có hình tướng và sanh diệt là thế giới, cái không hình tướng và yên tịnh là hư không; khác với hư không, thế giới là chúng sanh vậy.

**IV. PHẬT CHỈ CHỈ NGUYÊN NHÂN RIÊNG VÀ TUẦN TỰ SANH RA VŨ TRỤ**

**1. *NGUYÊN NHÂN SANH GIÓ***

Từ nơi chơn tâm, do vô minh vọng động mà có hư không. Hư không mờ mịt vì vô minh sanh. Trong “hư không” có chất động, vì là vọng. Bởi thế nên trong hư không có gió (phong luân) để duy trì thế giới.

**2. *NGUYÊN NHÂN SANH RA VÀNG NGỌC***

Nhơn hư không sanh ra gió, và vì nơi tâm chúng sanh có tánh cố chấp phân biệt, cho nên ứng hiện ra ngoài thế giới có những chất cứng chắc là vàng ngọc (vàng ngọc cứng chắc là vì tâm cố chấp sanh. Nó sáng ngời là do tâm phân biệt sanh). Ðây là nguyên nhân có chất kim khí để bảo trì thế giới.

**3. *NGUYÊN NHÂN SANH RA LỬA***

Trong tâm chúng sanh vì có tánh cố chấp phân biệt nên sanh ra chất cứng chắc là kim khí, và vì có vọng động mà thành ra gió. Rồi gió thổi kim khí, nó cọ xát mãi, nóng lên, nên nháng sanh ra ánh sáng là lửa. Ðây là cái nguyên nhân có lửa để nấu đốt các vật.

**4. *NGUYÊN NHÂN SANH RA NƯỚC***

Chất vàng ngọc vừa sáng ngời và đượm mát. Nhơn lửa xông lên, nên có hơi nước rịn ra. Ðây là cái nguyên nhân có nước để bao bọc cả mười phương thế giới.

***LƯỢC GIẢI***

Vì tâm vọng đọng nên biến hiện ra ngoài thế giới có gió. Vì tâm cố chấp, cho nên biến hiện ra ngoài thế giới có vàng ngọc. Vì tâm nóng nảy, nên biến hiện ra ngoài thế giới có lửa. Vì tâm tham ái, cho nên biến hiện ra ngoài thế giới có nước.

**5. *NGUYÊN NHÂN SANH RA CỒN ÐẢO VÀ BIỂN***

Vì tánh lửa bốc lên, còn nước thì lại chảy xuống, nên có chỗ thấp ướt là sông biển, chỗ nổi lên cao là cồn đảo. Bởi lửa và nước dung hòa nhau, cho nên trong biển thỉnh thoảng bốc lên ánh sáng của lửa, trong cồn đảo lại có sông rạch thường chảy ra nước.

***LƯỢC GIẢI***

Trong bộ Tông cảnh nói: “Vì tâm luyến ái nên ứng hiện ra ngoài thành sông biển. Vì tâm cố chấp nên ứng hiện ra ngoài thành cồn đảo, tâm khinh mạn thành ra gió, tâm nóng nảy, sân hận thành ra lửa. Bởi thấy sắc dục sanh tâm luyến ái, nên hiện ra ngoài thế giới: Trong cồn đảo có nước thường chảy. Ví trái với sự thương yêu thì nổi sân, nên hiện ra ngoài thế giới: trong biển có lửa phát lên. Tóm lại, bốn đại đều duy tâm biến hiện (dụ như chiêm bao, nếu ban ngày nghĩ tưởng cái gì, thì ban đêm hiện ra cảnh ấy).

**6. *NGUYÊN NHÂN SANH RA NÚI***

Vì thế lực của nước yếu hơn lửa, nên bị lửa bốc lên kết hành núi cao. Bởi thế nên đập đá thì có lửa, còn đốt quá nóng, thì nó chảy ra nước.

***LƯỢC GIẢI***

Vì tâm giận nhiều thương ít, nên ứng hiện ra ngoài thế giới có núi cao.

**7. *NGUYÊN NHÂN SANH RA CỎ CÂY***

 Vì thế lực của đất yếu hơn nước, cho nên bị nước rút lên làm cỏ cây. Bởi thế nên cỏ cây, nếu bị đốt thì thành tro (đất) còn ép thì nó lại ra nước.

***LƯỢC GIẢI***

Vì tâm thương yêu nặng nề, tánh cố chấp ít, nên ứng hiện ra ngoài thế giới thành cỏ cây.

\*\*\*

Tóm lại, vì ở trong tâm chúng sanh, các vọng tưởng xen nhau phát sanh, nên ứng hiện ra ngoài thế giới có các cảnh vật. Bởi nhân duyên này mà thế giới nối nhau sanh mãi không dứt.

**V. PHẬT CHỈ NGUYÊN NHÂN CÓ CHÚNG SANH (NHƠN SANH)**

 Ông Phú Lâu Na, cái “hư vọng phân biệt” đó không có gì lạ, chỉ vì ông chấp cái “phân biệt chiếu soi” làm tâm. Ðã có phân biệt, tất nhiên phải có cái “bị phân biệt” đối đãi nhau. Vì thế nên cái “năng phân biệt” không vượt ngoài cảnh “bị phân biệt” được. Do nhân duyên này, nên nghe không ngoài tiếng, thấy không ngoài sắc, ngửi không ngoài mùi, nếm không ngoài vị v.v… vọng thành 6 căn và 6 trần đối nhau, nên phân ra có: thấy, nghe, hay, biết.

Rồi theo nghiệp lực kéo dẫn, cho nên có những loài sanh con (như người và thú) loài sanh trứng (như chim và cá) loài sanh chỗ ẩm ướt (như vi trùng v.v…) loài hóa sanh (như trời và địa ngục)

Thần thức khi đầu thai, nhơn thấy ánh sáng (lửa dục) của cha mẹ phát ra, rồi nó khởi ra cái “tưởng” chung chạ làm việc dục ấy. Nếu nó sẽ là trai thì ưa mẹ mà ghét cha, còn nó sẽ là gái thì thương cha mà ghét mẹ. Vì tình lưu luyến nơi ái dục không rời được, nên nó tự kết nạp tư tưởng của nó với tinh huyết của cha mẹ khi giao cấu đó, kết thành ra thai. Vì có nhân duyên với nhau và đồng nghiệp kéo dẫn, nên kết thành thai nghén. Loài sanh thai, sanh trứng, sanh nơi ẩm thấp, hoặc hóa sanh đều tùy theo nghiệp của mỗi loài mà cảm ứng.

 Loài sanh trứng là do nơi tưởng nhiều, loài sanh thai là do nơi tình nặng, loài thấp sanh là do hiệp với chỗ ẩm thấp, loài hóa sanh thì rời cảnh vật tự nó hóa hiện. Bốn loài biến đổi, tùy theo nghiệp lành hay dữ mà cảm thọ quả báo có thăng và trầm. Do nhân duyên ấy mà chúng sanh bỏ thân này thọ thân kia, nối nhau không dứt.

**VI. PHẬT CHỈ NGUYÊN NHÂN CHÚNG SANH TIẾP TỤC SANH**

**1. Tham dục**: Này Phú Lâu Na, chúng sanh vì tình ân ái kết chặt, thương tưởng quyến luyến nhau không rời, cho nên trong thế gian, cha mẹ, con cháu tiếp tục sanh ra không cùng tột, gốc tại lòng tham dục vậy.

**2. Tham sát:** Loài nào cũng thương yêu thân mạng, muốn cho mình được sống nên tham ăn những vật bổ dưỡng. Vì thế mà trong thế gian này, loài mạnh ăn thịt loài yếu, loài khôn giết loài dại. Bốn loài (noãn, thai, thấp, hóa) ăn nuốt lẫn nhau, gốc tại lòng tham sát hại.

**3. Tham trộm cướp:** Bởi loài người ăn thịt loài vật, loại vật trở lại ăn thịt người. Người chết làm vật, vật chết làm người, các loài chúng sanh, sanh sanh tử tử, nối tiếp nhau. Các ác nghiệp đã tạo ra rồi, thì cùng nhau vay trả, cho đến nghìn đời không tột, gốc tại lòng tham lam trộm cướp.

***LƯỢC GIẢI***

Loài vật, chúng nó không muốn cho người giết thân mạng nó, mà người lại ỷ sức mạnh giết hại để ăn, thế nên phạm tội cướp giựt. Có vay cố nhiên phải có trả; nên giết hại không những phạm tội sát sanh, mà còn phạm cả tội cướp giựt.

Loài này cướp giựt thân mạng loài kia, loài kia giết hại loài này; trả vay, vay trả lẫn nhau, đến trăm ngàn kiếp không ra khỏi sanh tử.

Trai mê sắc gái, gái thương tình trai, vì tình ân ái thương yêu lẫn nhau, nên trăm ngàn kiếp bị phiền trược trong vòng luân hồi.

Tóm lại, vì ba nghiệp sát, đạo, dâm làm gốc, nên nghiệp (nhơn) và quả nối nhau, không bao giờ cùng tận.

Này ông Phú Lâu Na, thế giới, chúng sanh và nghiệp quả ba món điên đảo tương tục này đều ở trong chơn tâm, vì vô minh vọng động sanh ra “năng phân biệt” và “sở phân biệt” tương đối, nên vọng thấy có sơn hà đại địa, thế giới và chúng sanh, rồi tiếp tục sanh hóa, vô cùng hư vọng.

**VII. PHÚ LÂU NA HỎI TIẾP: CHƯ PHẬT ÐÃ CHỨNG ÐƯỢC CHƠN TÂM THANH TỊNH RỒI, VẬY CHỪNG NÀO NỔI VỌNG TRỞ LẠI**

Ông Phú Lâu Na hỏi Phật: Bạch Thế Tôn, cái chơn tâm của con đã cùng với Phật không khác, vốn thanh tịnh không tăng không giảm; bỗng nhiên vọng động nổi lên, sanh ra thế giới và chúng sanh. Vậy các đức Như Lai đã chứng được chơn tâm ấy rồi, chừng nào vô minh vọng động nổi lên, sanh trở lại thế giới và chúng sanh nữa?

**VIII. PHẬT DÙNG BA THÍ DỤ ÐỂ GIẢI THÍCH**

**1. *DỤ NHƯ NGƯỜI LẦM PHƯƠNG HƯỚNG ÐỂ CHỈ RÕ NGỘ RỒI KHÔNG MÊ TRỞ LẠI***

Phật dạy rằng: Này Phú Lâu Na, như người lầm phương hướng, tưởng phía Nam là phía Bắc. Ông nghĩ sao, cái “mê lầm” ấy nhơn mê mà có, hay nhơn ngộ mà sanh? Này Phú Lâu Na, không phải nhơn ngộ, mà cũng không phải nhơn mê. Vì sao? Cái mê không có căn nguyên, thì làm sao nói nhơn mê mà có. Còn ngộ không thể sanh ra mê được thì sao lại nói nhơn cái ngộ mà sanh.

Phú Lâu Na, người kia đương lúc đi lầm đường, nếu có người biết đường chỉ lại cho họ: đây là phía Nam, kia là phía Bắc v.v… Vậy từ đó về sau họ còn lầm lộn nữa không?

Phú Lâu Na thưa: Bạch Thế Tôn, người kia không còn lầm lộn nữa.

Phật dạy: Này Phú Lâu Na, mười phương các đức Như Lai cũng vậy, khi ngộ được chơn tâm thành Phật rồi, thì không bao giờ mê trở lại làm chúng sanh nữa. Vì cái mê lầm không thật, rốt ráo chẳng có gốc rễ. Trước kia vốn không mê, nhưng in tuồng có cái mê trong cái ngộ (như đám mây che mặt nhựt). Ðến khi giác ngộ được cái mê, thì cái mê kia tự diệt; cái “giác ngộ” ấy không sanh trở lại cái mê nữa.

**2. *DỤ NHƯ HOA ÐỐM GIỮA HƯ KHÔNG KHI DIỆT RỒI KHÔNG CÒN SANH TRỞ LẠI***

Lại nữa, cũng như người bị nhặm con mắt, thấy có đốm hoa lăng xăng giữa hư không. Ðến khi hết nhặm rồi thì hoa kia tự hết. Nếu người ấy còn nhìn lại chỗ các hoa đốm diệt ở nơi hư không kia để trông mong cho hoa sanh trở lại, nếu như thế ông thử nghĩ, người đó khôn hay dại?

Phú Lâu Na thưa: Hư không không có hoa đốm, mà vọng thấy có hoa đốm sanh diệt, thế đã là điên đảo rồi, huống nữa, trông mong nó sanh trở lại, thật người ấy điên đảo lắm, không còn nói dại hay khôn nữa được.

Phật nói: Ông đã hiểu như vậy, tại sao còn hỏi: “Như Lai đã ngộ được chơn tâm thanh tịnh rồi, vậy chừng nào nổi vọng trở lại, sanh ra sơn hà đại địa nữa?”

**3. *DỤ NHƯ VÀNG VÀ CỦI***

Cũng như vàng trong mỏ, khi đào lên đã lọc hết khoáng thành vàng ròng rồi, lúc bấy giờ không còn trở lại làm khoáng nữa. Và cũng như cây đốt thành tro, không thể trở lại thành cây nữa được.

Chư Phật cũng thế, khi chứng được Bồ đề Niết Bàn rồi, không còn vọng động trở lại làm chúng sanh nữa.

**IX. PHẬT TRẢ LỜI CÂU HỎI THỨ HAI**

Phật nói: Phú Lâu Na, như lời ông hỏi: “Nước và lửa tại sao chẳng diệt nhau, trái lại được dung hòa cùng nhau và đều biến khắp cả vũ trụ? Hư không với đất tánh chất không đồng, tại sao dung biến được?”

Này Phú Lâu Na! Tất cả các pháp xem về tướng (hiện tượng) của nó, nguyên là hư vọng, không thể chỉ bày cái gì thật là cái gì được. Nó đã hư vọng không thật mà ông lại còn hỏi “tại sao nó chẳng diệt nhau”. Như thế chẳng khác nào người ngồi trông đợi cho cái hoa đốm giữa hư không kia kết đậu thành ra trái, thì làm sao mà kết đậu cho được!

***LƯỢC GIẢI***

Như cái hình chớp bóng chiếu trên miếng vải trắng, bởi nó không thật, nên không cái nào ngại cái nào cả.

\*\*\*

Còn xem về tánh (bản thể) của các pháp, thì nguyên nó là chơn. Duy có một thể chơn tâm, nguyên không phải đất, nước, gió, lửa, thì sao lại chẳng dung hòa nhau được.

**X. PHẬT CHỈ CHƠN TÂM TÙY DUYÊN BIẾN HIỆN**

Phú Lâu Na! Chơn tâm của ông như thế, nếu ông phân biệt hư không thì có hư không hiện ra, phân biệt đất, nước, gió, lửa, thì đều có đất, nước, gió, lửa hiện ra.

Cũng như hai người đồng xem một mặt trăng dưới nước. Rồi một người đi qua phía đông và một người đi qua phía tây, thì hai người đều thấy có mặt trăng đi theo mình cả, không có chuẩn định.

Ông không thể hỏi: “Mặt trăng chỉ một, tại sao đi theo cả hai người”; hay là nói “hai người đi riêng đều thấy có hai mặt trăng, tại sao hiện nay chỉ thấy có một” (Khi hai người đứng chung một chỗ).

Phú Lâu Na! Ông nên biết: Vì các pháp hư huyễn, không thể lấy đâu làm bằng cứ được.

**XI. CHÚNG SANH TRÁI VỚI CHƠN TÂM SÁNG SUỐT VÀ HIỆP THEO VỌNG TRẦN**

 Phú Lâu Na! Các ông vì trái với chơn tâm sáng suốt, mê muội hiệp theo vọng trần, nên chơn tâm tùy duyên biến hiện ra có hư không thế giới, các thứ trần lao trong thế gian, cùng khắp cả pháp giới. Vì thế nên ông thấy có gió động, hư không lặng, mặt nhựt sáng, mây mờ, sắc tướng và hư không lấn nhau, nước và lửa diệt nhau v.v…

**XII. CHƯ PHẬT HIỆP VỚI CHƠN TÂM SÁNG SUỐT**

Còn ta (Phật) thì trái với vọng trần, hiệp với chơn tâm thường trụ bất sanh bất diệt, biến khắp cả pháp giới. Cho nên ta mới được tự tại vô ngại: Ở trong một hiện ra vô lượng, vô lượng hiệp làm một, trong nhỏ hiện lớn, trong lớn hiện nhỏ; không rời nơi đạo tràng mà hiện khắp cả mười phương thế giới. Thân ta bao trùm mười phương hư không vô tận. Trên đầu một mảy lông hiện ra các cõi nước; ngồi trong hạt bụi, mà chuyển đại pháp luân. Vì ta diệt hết vọng trần, trở lại với bản tâm thanh tịnh sáng suốt, nên mới được như vậy.

***LƯỢC GIẢI***

Vì Phật đã ngộ chơn tâm thanh tịnh, nên mới được tự tại vô ngại, không còn bị các vật lớn, nhỏ, nhiều, ít v.v… làm chướng ngại.

Trái lại, chúng sanh vì mê chơn tâm, hiệp theo vọng trần nên thấy có các vật lớn, nhỏ, rộng, hẹp chướng ngại.

Bởi tâm có chướng ngại (vọng phân biệt) nên thấy ngoài trần cảnh có chướng ngại. Nếu trong tâm hết chướng ngại (không vọng) thì không còn thấy có một vật gì làm chướng ngại cả.

# Bài 09: Phật Dạy Chân Tâm Phi Tất Cả Tướng

I. Phật dạy: chơn tâm phi tất cả tướng  
II. Phật dạy: chơn tâm tức là tất cả Pháp  
III. Đến một từng nữa là chơn tâm không thể nói “phi” và “tức”  
IV. Phật lấy cây đờn để tỷ dụ  
V. Ông Phú Lâu Na hỏi Phật: chơn tâm nhơn đâu có vọng  
VI. Phật dạy: đã là vọng thì không có sở nhơn, như ông Diễn Nhã Đạt Đa  
VII. Nếu các “vọng duyên” dứt, tâm “cuồng vọng” tiêu thì chơn tâm hiện bày  
VIII. A Nan nghi “tâm bồ đề” do nhơn duyên sanh  
IX. Phật định nghĩa chữ nhân duyên tự nhiên và bác  
X. Phật phá chấp nhân duyên để dẫn vào “vô công dụng”  
XI. Phật phá chấp tự nhiên để thành vô hí luận  
XII. Phật quở ông A Nan học nhiều không tu, thì chẳng có lợi ích gì  
XIII. So sánh để khuyến khích tu hành

**I. Phật dạy: chơn tâm phi tất cả tướng**

Phật dạy: Chơn tâm này phi tâm (thức) phi đất, nước, gió, lửa và phi hư không.

(Ðoạn này nói: Chơn tâm phi ngũ uẩn.

Thọ, tưởng, hành, thức thuộc về tâm;

còn đất, nước, gió, lửa thuộc về sắc.)

Nó phi nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý; phi sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp; phi nhãn giới cho đến phi thức giới.

(Ðoạn này nói: Chơn tâm phi lục nhập, thập nhị xứ và thập bát giới. Nó phi ấm, giới, nhập tức là nói phi cảnh giới lục phàm)

 Chơn tâm phi minh vô minh và minh vô minh tận, cho đến phi lão tử và phi lão tử tận.

(Ðoạn này nói: Phi 12 nhơn duyên, cả lưu chuyển và hoàn diệt là cảnh giới của Duyên giác)

Phi khổ, tập, diệt, đạo; phi trí và phi đắc.

(Ðoạn này nói: phi tứ đế là cảnh giới của Thinh văn)

 Phi bố thí, trì giới, tinh tấn, nhẫn nhục, thiền định và trí huệ.

(Ðoạn này nói: Phi lục độ là cảnh giới của Bồ tát).

Cho đến phi Như lai, Ứng cúng, Chánh biến tri… (mười hiệu) phi Ðại Niết Bàn và phi bốn đức của Niết Bàn: thường, lạc, ngã, tịnh.

(Ðoạn này nói: phi cảnh giới Phật. Từ Thinh văn, Duyên giác, Bồ tát và Phật gọi là tứ thánh)

Tóm lại, chơn tâm phi tất cả các pháp thế gian (6 cõi phàm) và xuất thế gian (4 quả thánh) vậy.

***LƯỢC GIẢI***

Ðã là chơn tâm thì không còn vọng. Vì không còn vọng nên không có đối đãi: ngộ mê, thánh phàm, chúng sanh và Phật, hữu vi hay vô vi v.v… vì nó tuyệt tánh, ly tướng.

\*\*\*

**II. Phật dạy: chơn tâm tức là tất cả Pháp**

Phật dạy: Chơn tâm này, cũng tức tất cả pháp; tức là tâm; tức là đất, nước, gió, lửa và hư không; tức là nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý; tức là sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp; tức là nhãn thức giới cho đến ý thức giới; tức Tứ đế; tức Thập nhĩ nhân duyên; tức là Lục độ; tức là Phật và bốn đức Niết bàn. Nói tóm lại, chơn tâm tức là tất cả pháp thế gian và xuất thế gian.

***LƯỢC GIẢI***

Tâm đã sanh ra tất cả pháp, thì tâm là tất cả pháp. Cũng như bột đã làm ra các thứ bánh, thì bột đó tức là bánh.

**III. Ðến một từng nữa là chơn tâm không thể nói “phi” và “tức”**

Phú Lâu Na, cái chơn tâm này lại rời tất cả “tức” và “phi”, mà cũng là “tức” và “phi tức”.

Chơn tâm như thế, thì từ kẻ phàm phu cho đến các vị thánh: Thinh văn, Duyên giác, làm sao lấy tâm trí suy nghĩ cho đến đạo vô thượng bồ đề của Như lai, hay dùng lời nói luận bàn của thế gian mà ngộ nhập chỗ tri kiến của Phật cho được?

***LƯỢC GIẢI***

Ðây là chỗ tuyệt đối, không thể nói năng, suy nghĩ và kêu gọi là gì được. Túng cùng chỉ gọi “Chơn tâm” thôi. Bởi thế nên Phật đóng cửa thất tại nước Ma Kiệt; ông Duy Ma ngậm miệng ở thành Tỳ Gia, cũng vì lý đạo quá cao siêu và nhiệm mầu, nên không thể nói ra được vậy.

**IV. Phật lấy cây đờn để tỷ dụ**

Tỷ dụ như cây đờn cầm hay đờn tỳ bà v.v… tuy sẵn có tiếng hay, nhưng phải nhờ ngón tay hay của người biết khảy (nhạc sĩ) mới có thể phát ra tiếng hay được.

***LƯỢC GIẢI***

Thí dụ này rõ ràng và thật tế lắm. Người đờn hay khảy ra tiếng hay, người đờn vừa khảy ra tiếng vừa, người đờn dở khảy tiếng dở, song đều có tiếng cả. Dụ như chơn tâm của chúng ta tùy duyên biến hiện các pháp; nếu khéo dùng thì hiện ra Phật, còn vừa vừa thì thành Bồ tát, Thinh văn, vụng lắm thì thành tam đồ lục đạo, đều có biến hiện cả.

\*\*\*

Ta cùng với các ông cũng đồng một bản thể chơn tâm thanh tịnh này và viên mãn khắp giáp tất cả. Song ta làm việc gì và lúc nào cũng đều chơn cả. Còn các ông tâm vừa móng lên, thì phiền não trần lao đã khởi trước.

Bởi các ông không siêng năng cầu đạo vô thượng, chỉ ưa mến quả Tiểu thừa, mới vừa chứng được chút ít lại cho là đầy đủ.

**V. Ông Phú Lâu Na hỏi Phật: chơn tâm nhơn đâu có vọng**

Ông Phú Lâu Na thưa: Bạch Thế tôn, con cùng với Phật đã đồng một chơn tâm viên mãn không khác. Nhưng con bị vọng tưởng từ vô thỉ, nên nhiều kiếp phải chịu sanh tử luân hồi, nay tuy chứng đặng quả Thánh, mà chưa cứu cánh (còn ở về Tiểu thừa).Còn đức Thế Tôn thì tất cả các vọng đã hoàn toàn diệt, Ngài đã chứng chơn tâm thường trụ rồi, được tự tại giải thoát. Vậy con xin kính hỏi đức Thế tôn: Tất cả chúng sanh vì sao có vọng, tự che lấy chơn tâm mà phải chịu trầm luân?

**VI. Phật dạy: đã là vọng thì không có sở nhơn, như ông Diễn Nhã Ðạt Ða**

Phật dạy: Này Phú Lâu Na, ông tuy trừ nghi, mà các mê lầm chưa hết. Tôi nay dùng việc thật tế và hiện tiền trong thế gian để chỉ dạy ông: vừa rồi đây, ông có nghe câu chuyện chàng Diễn Nhã Ðạt Ða tại thành Thất la không? Một buổi sáng nọ chàng lấy gương soi mặt, thấy cái đầu trong gương (bóng) có mặt mày đáng thương. Chàng trở lại giận trách “cái đầu thiệt của mình đây sao không thấy được mặt mày của mình; hay là ma quỷ?”. Rồi bỗng nhiên chàng nổi cuồng vùng chạy… Theo ý ông, người này nhơn cái gì mà bỗng nhiên nổi cuồng vụt chạy?

Ông Phú Lâu Na thưa: Người ấy tự tâm họ cuồng, chớ không có nhơn cái chi cả.

Phật dạy: Cũng vậy đó, ông Phú Lâu Na. Ðã nói là “vọng” thì đâu có sở nhơn, còn có sở nhơn thì không phải là vọng. Các vọng tưởng tự nó nhơn nhau liên tiếp phát sanh; từ đời này đã mê rồi chất chứa thêm cái mê, cho đến nhiều kiếp. Ta đã nhiều lần chỉ dạy, mà các ông hãy còn chưa ngộ trở lại. Này Phú Lâu Na, cái “mê” như vậy đó, nhơn mê tự có? Nếu người biết được cái “mê” ấy không nguyên nhân, thì cái “mê vọng” đó không còn gá nương vào đâu nữa. Lúc bấy giờ dầu muốn cho nó sanh còn không thể được, huống chi muốn diệt.

Các ông nên biết: người đặng đạo Bồ đề rồi (ngộ chơn tâm), cũng như người thức giấc mộng, mà muốn nói lại việc chiêm bao; mặc dầu trong tâm nhớ biết rõ ràng, nhưng không làm sao chỉ các vật trong chiêm bao ra được, vì nó không thật có, vả lại nó cũng không có nguyên nhân nữa. Cũng như chàng Diễn Nhã Ðạt Ða, tự sợ cái đầu của mình, rồi nổi cuồng vụt chạy, chớ không có sở nhơn gì cả.

Nếu cái “cuồng” kia thoạt nhiên hết, thì cái “đầu” vẫn y nguyên. Dù cho khi chưa hết cuồng thì cấi đầu ấy cũng không mất. Này Phú Lâu Na, các “mê vọng” như vậy đó, chớ có nhơn cái gì đâu!

***LƯỢC GIẢI***

Cái đầu là dụ cho “chơn tâm”. Tự nổi cuồng là dụ cho các “vọng tưởng” tự sanh. Hết cuồng rồi thì cái đầu vẫn y nguyên, dầu đương cuồng cái đầu cũng không mất, là dụ cho ngộ rồi thì chơn tâm tự hiện, dầu chưa ngộ, chơn tâm cũng không mất.

**VII. Nếu các “vọng duyên” dứt, tâm “cuồng vọng” tiêu thì chơn tâm hiện bày**

Này Phú Lâu Na, các ông khi đối với trần cảnh (thế giới, chúng sanh, nghiệp quả) chỉ đừng có khởi vọng niệm phân biệt, thì tham, sân, si (ba duyên) không khởi. Ba duyên không khởi, thời ba nhơn sát, đạo, dâm chẳng sanh. Lúc bấy giờ anh khùng Diễn Nhã Ðạt Ða (mê) ở trong tâm các ông tự hết, mà hết tức là Bồ đề (sáng suốt). Khi ấy chơn tâm của ông thanh tịnh sáng suốt tự hiện bày, khắp cả pháp giới, không cần phải cực nhọc khó khăn tu chứng, hay xin cầu nơi ai cả.

***LƯỢC GIẢI***

Bởi đối cảnh khởi tâm phân biệt, nên sanh ra tham, sân, si. Vì tham, sân, si mới có sát, đạo, dâm. Do sát, đạo, dâm nên phải chịu sanh tử luân hồi.

Tỷ dụ như người khi đối với nữ sắc v.v… chỉ thấy qua không khởi vọng niệm phân biệt thì chẳng có hại chi. Ðến lúc khởi tâm phân biệt đây là xấu, thì tâm ghét giận nổi lên. Còn phân biệt kia đẹp thì tâm tham muốn sanh ra. Tham, sân đã sanh thì si cũng theo đó mà khởi.

Còn khi đối cảnh, ma tâm không khởi phân biệt thời vọng niệm chẳng sanh, vọng niệm không sanh thì chơn tâm tự hiện.

Thật là một pháp tu trực chỉ mau thành Phật nhứt, mà cũng là khó nhất. Chúng ta suốt đời chỉ tu theo bốn chữ Phật dạy: “Bất tùy phân biệt” (đối cảnh không khởi phân biệt) cũng chưa chắc đã tu xong

\*\*\*

Tỷ dụ cùng tử, trong túi áo có sẵn hột châu như ý, nhưng không hay biết, nên chịu nghèo hèn vất vả phải đi làm thuê mướn ở các phương xa, kiếm ăn qua ngày tháng, song hột châu ấy không mất. Ðến khi gặp người tri thức (quen) chi cho biết “Anh đã sẵn có hột châu vô giá trong túi áo kia”. Lúc bấy giờ anh muốn gì được nấy, giàu có vô cùng. Chừng ấy anh mới hối ngộ rằng: hột thần châu này chính mình đã sẵn có, không phải do nơi người mà được.

***LƯỢC GIẢI***

Lời tỷ dụ này rất hay, Phật chỉ rõ chúng sanh đều sẵn có Phật tánh (chơn tâm). Nhưng vì không ngộ, nên phải nhiều kiếp làm chúng sanh khổ sở, mà Phật tánh thì vẫn không mất. Ðến khi ngộ được chơn tâm, chứng thành quả Phật, phước trí đầy đủ rồi mới biết rằng: Chơn tâm này chính mình sẵn có, không phải do nơi người mà được.

\*\*\*

**VIII. A Nan nghi “tâm bồ đề” do nhơn duyên sanh**

Khi đó A Nan đứng dậy lạy Phật, chắp tay bạch rằng: – Ðức Thế Tôn nói: “Ba duyên tham, sân, si dứt rồi, thời ba nhơn sát, đạo, dâm không sanh. Lúc bấy giờ anh khùng Diễn Nhã Ðạt Ða trong tâm ông tự hết, mà hết tức là Bồ đề, không phải do nơi người mà đặng”.

– Bạch Thế tôn, như thế thì tâm Bồ đề rõ ràng là do nhân duyên sanh rồi. Tại sao đức Như Lai lại bác thuyết nhơn duyên sanh? Không những riêng chúng con là hàng Thinh văn tuổi trẻ hữu học, do nhơn duyên mà tâm được khai ngộ; chính như trong hội này, những vị đã đặng vô lậu, như ông Ðại Mục Kiền Liên, ông Xá Lợi Phất và ông Tu Bồ Ðề từ dòng Phạm chí ngoại đạo, cũng do nghe Phật nói nhân duyên, mà tâm được khai ngộ.

Nay Phật nói: “Tâm Bồ đề không từ nơi nhơn duyên sanh”. Như thế thì chúng ngoại đạo Câu Xá Ly kia nói về thuyết “tự nhiên” cũng thành đúng lý hay sao? Xin Phật duỗi lòng đại bi, vạch mở chỗ mê mờ cho chúng con.

***LƯỢC GIẢI***

Ông A Nan trước đã nghi nhân duyên và tự nhiên, đều bị Phật phá rồi, nay ông lại còn nghi nhân duyên và tự nhiên nữa. Bởi vì lưới nghi chồng chập nhiều đời, vả lại hàng Thinh văn pháp chấp khó trừ. Cũng như cây chuối, lột được bẹ này, lại bày ra bẹ khác. Lột cho hết bẹ thì lõm chuối mới bày. Phá nghi cho hết, thì “chơn tâm” mới hiện.

\*\*\*

**IX. Phật định nghĩa chữ nhân duyên tự nhiên và bác**

Phật dạy rằng: Này A Nan, như chàng Diễn Nhã Ðạt Ða kia, vì nhân duyên soi gương, cho nên chàng mới sanh ra cuồng. Ðến khi hết cuồng thì tánh không cuồng (tỉnh) tự nhiên sanh ra; có phải cái lý nhân duyên và tự nhiên cùng tột như thế chăng?

Này A Nan, chàng Diễn Nhã Ðạt Ða kia, nếu cái đầu của chàng đã là tự nhiên, thì lúc nào cũng vẫn tự nhiên, vậy do nhân duyên gì nổi cuồng sợ chạy?

Nếu cái đầu là tự nhiên, vì nhơn duyên soi gương cho nên mới cuồng, vậy cái đầu cũng vẫn tự nhiên, sao chẳng vì nhân duyên soi gương mà mất đi. Phải biết: cái đầu vẫn không biến đổi hay mất đi, còn “cuồng sợ” tự nó vọng sanh. Vậy thì cần gì phải có nhân duyên soi gương mới sanh ra cuồng?

***LƯỢC GIẢI***

Ðoạn này đại ý nói: Nếu nói “chơn tâm tự nhiên” thì lúc nào cũng vẫn tự nhiên, vậy do nhân duyên gì mà nổi vọng. Nếu nói “có nhân duyên nên nổi vọng” sao chẳng do nhân duyên mà chơn tâm kia mất. Vậy thì biết, chơn tâm không biến đổi, cái “cuồng vọng” tự nó vọng sanh, không cần gì phải có nhân duyên.

\*\*\*

– Còn nói “cái cuồng đó tự nhiên sẵn có”, vậy thì khi chưa cuồng nó núp ở chỗ nào?

Cái đầu đã tự nhiên không có cuồng vọng, vậy vì sao nổi cuồng vụt chạy?

Nếu như người ngộ được “cái đầu mình sẵn có”, biết được cái “cuồng” tự nó vọng sanh, thì thuyết nhân duyên và tự nhiên đều là nói chơi cả.

**X. Phật phá chấp nhân duyên để dẫn vào “vô công dụng”**

– Thế nên Ta nói: “Ba duyên: tham, sân, si đoạn hết, tức là tâm Bồ đề”. Nếu cái “vọng tâm sanh diệt kia diệt, mà tâm Bồ đề sanh”, như thế cũng còn ở trong vòng sanh diệt. Phải diệt và sanh đều hết, mới được vô công dụng đạo (chỗ cứu cánh).

***LƯỢC GIẢI***

Ðoạn này Phật phá chấp nhân duyên để dẫn nhập đạo vô công dụng.

\*\*\*

**XI. Phật phá chấp tự nhiên để thành vô hí luận**

– Nếu ông chấp “vọng tâm sanh diệt kia diệt rồi, thì tâm Bồ đề tự nhiên sanh”; như thế cũng còn ở trong vòng sanh diệt, chưa phải thật là tự nhiên. Phải không còn sanh và diệt, mới thật là tự nhiên.

Ông nên hiểu thêm: không phải tự nhiên sanh, không phải nhân duyên hòa hiệp khởi; ly (rời) cả tự nhiên và nhân duyên hòa hiệp, mà cái “ly” đó cũng không còn nữa, như thế mới phải là chỗ rốt ráo (vô hí luận).

***LƯỢC GIẢI***

 Ðoạn này là Phật chỉ đến chỗ cứu cánh tuyệt đối, nếu còn nói năng phân biệt, thì chưa phải là tuyệt đối.

**XII. Phật quở ông A Nan học nhiều không tu, thì chẳng có lợi ích gì**

 – A Nan! Ông đối với quả Bồ đề Niết Bàn của Phật hãy còn cách xa lắm! Nếu ông không siêng năng, trải qua nhiều kiếp chịu cực nhọc tu hành, thì dầu cho có nhớ hết nghĩa lý nhiệm mầu trong mười hai bộ kinh của mười phương các đức Phật, nhiều như số cát sông Hằng, cũng chỉ giúp thêm cho ông việc nói giỏi mà thôi, chớ không lợi chi cho ông cả.

Ông nay luận bàn về thuyết nhân duyên và tự nhiên rất là thông suốt. Người đời khen ông là bực học rộng nghe nhiều. Nếu trong nhiều kiếp ông chỉ chứa chất cái học suông này mà không tu, thì không bao giờ khỏi được cái nạn Ma Ðăng Già kia vậy.

Nếu cái học và nghe suông của ông đó có lợi thì cần gì phải nhờ đến thần chú Lăng nghiêm của ta, để làm cho nàng Ma Ðăng Già kia nguồn tình khô cạn, lửa dục tiêu tan, lại tinh tấn tu hành, trong đạo pháp của ta, nàng chứng được quả thánh thứ Ba (A Na Hàm). Khi đó ông mới được giải thoát.

**XIII. So sánh để khuyến khích tu hành**

A Nan! Ông tuy nhiều kiếp ghi nhớ các nghĩa lý nhiệm mầu của Như Lai, nhưng không bằng một ngày tu tập nghiệp vô lậu, xa lìa hai cái khổ thương ghét (tham, sân) ở thế gian.

Bằng chứng rõ ràng, như nàng Ma Ðăng Già nguyên trước kia là kẻ dâm nữ, do nhờ thần chú của ta, mà nguồn tình khô cạn, lửa dục tiêu tan, lại xuất gia tu hành làm Tỳ kheo ni.

Còn bà Gia Du Ðà La là mẹ của La Hầu La, vì biết được nhân đời trước, do tham ái mà nhiều đời phải chịu khổ, nên một niệm tu theo nghiệp lành vô lậu, mà được ra khỏi tình ái ân triền phược và đặng thọ ký.

Kẻ phụ nhân tu hành còn được như thế, huống chi các ông là nam tử, đã học rộng nghe nhiều mà trở lại chấp chỗ thấy, nghe suông, chẳng biết tiến tu, sao tự khinh mình đến thế!

***LƯỢC GIẢI***

Ðoạn này Phật quở trách rất là thống thiết! Nếu chỉ học nhiều mà không tu thì chẳng có lợi ích gì. Chúng ta đọc đoạn này chớ nên nghĩ rằng: “Phật chỉ quở một mình ông A Nan”, mà chính Ngài quở trách chung tất cả chúng ta vậy.

**L*ƯU Ý:****Từ trước đến đây, Phật nói về phần lý, từ đây về sau, Phật mới chỉ về đường lối tu hành*

# Bài 10: A Nan Thuận Lại Chỗ Mình Đã Ngộ

*I. A Nan thuật lại chỗ mình đã ngộ và thỉnh Phật chỉ dạy phương pháp tu hanh để nhập chơn tâm  
II. Phật chỉ dạy phương pháp tu  
III. Nghĩa quyết định thứ nhứt  
IV. Nghĩa quyết định thứ hai  
V. Vì vọng nổi lên nên chơn tâm bị ẩn  
VI. Xoay vọng về chơn thì sáu căn được tự tại  
VII. Dẫn chứng các vị thấy, nghe, hay, biết được tự tại, không còn bị cuộc hạn nơi căn  
VIII. A Nan nghi: các giác quan hiện tiền là vọng, tại sao Phật lại dây nương nơi đó làm nhơn địa tu hành, để chứng đặng quả Phật chơn thật  
IX. Phật bảo đánh chuông để chứng nghiệm “tánh nghe” thường còn  
X. Phật chỉ khi ngủ, cái “nghe” cũng không mất*

**I. A Nan thuật lại chỗ mình đã ngộ và thỉnh Phật chỉ dạy phương pháp tu hành để nhập chơn tâm**

Ông A Nan và đại chúng được Phật dạy bảo rất tường tất, nên các điều nghi lầm đã trừ hết, ngộ được chơn tâm (thật tướng), nhưng chưa biết làm sao chứng nhập, nên các ông cúi đầu lạy Phật, chắp tay kính cẩn thưa rằng:

Bạch Thế Tôn, Ngài đã dùng đủ phương tiện dẫn dắt chúng con ra khỏi sông mê bể khổ. Hôm nay, chúng con tuy ngộ được chơn tâm của mình, biến khắp cả mười phương thế giới, nhưng còn bị Như Lai quở trách, học nhiều mà không tu, chẳng bẳng người lo tu tập.

 Nay chúng con cũng như người bần cùng vất vả, được vị Thiên Vương ban cho cái nhà lầu tốt đẹp, song chưa biết làm sao vào nhà. Cúi xin đức Như Lai chỉ dạy cho chúng con, được vào tri kiến của Phật (chứng nhập chơn tâm).

**II. Phật chỉ dạy phương pháp tu**

Phật dạy A Nan và đại chúng: Các ông nếu phát tâm Bồ đề, đối với các pháp môn tu hành chí quyết tăng tấn, tâm không giải đãi thì khi mới phát tâm, trước phải phân biệt rành rõ hai nghĩa quyết định.

**III. Nghĩa quyết định thứ nhứt**

Này A Nan! Các ông muốn bỏ Tiểu thừa Thinh văn, tu theo Ðại thừa Bồ tát, vào tri kiến của Phật, thì trước phải quan sát cái nhơn địa phát tâm cùng với quả vị sẽ chứng là đồng hay khác?

Nếu các ông dùng cái vọng tâm sanh diệt làm nhơn tu hành, mà mong cầu cho đặng quả Phật, thường còn không sanh diệt thì không thể được. Ðây là điều quyết định thứ nhứt.

***LƯỢC GIẢI***

Ðoạn trước Phật đã dạy: Nếu dùng vọng tâm làm tu nhơn, mà muốn đặng quả thường trụ, thì như người nấu cát muốn cho thành cơm, dầu trải qua bao nhiêu kiếp cũng không thể được. Hành giả phải an trụ nơi chơn tâm làm nhơn địa tu hành, thì mới đặng quả Phật bất sanh bất diệt.

\*\*\*

A Nan! Ông hãy xét coi: trong thế gian những vật gì có làm ra, đều phải hoại diệt, chứ chưa từng nghe cái hư không có hoại diệt bao giờ, vì hư không không phải là vật bị làm ra vậy (hư không dụ chơn tâm, các vật là dụ vọng tâm có sanh diệt)

Xét lại trong thân ông, những vật cứng dẻo (da, thịt, gân, xương) là đất; những vật đượm ướt (máu, huyết, mồ hôi, mỡ) là nước; chất ấm, nóng trong người thuộc về lửa; những vật lưu động (hơi thở ra vào) là thuộc về gió. Do bốn món này nó phiền phược và phân chia cái chơn tâm của ông, thành ra có thấy, nghe, hay, biết, từ thỉ chí chung năm lớp ngầu đục (ngũ trược).

Tỷ dụ như nước trong sạch có người lấy bụi đất quăng vào, thì đất sẽ mất chất cứng, còn nước mất chất trong sạch, trở thành ngầu đục, nên gọi là ô trược.

A Nan! Nay ông muốn cho cái thấy, nghe, hay, biết (các giác quan) trở lại để hiệp với bốn đức Niết bàn của Như Lai: Thường, lạc, ngã, tịnh, thì trước ông phải lựa ra cái gốc rễ sanh tử (vọng tâm) và y theo chơn tâm thanh tịnh viên mãn bất sanh bất diệt làm nhơn địa tu hành.

***LƯỢC GIẢI***

Vì còn ở trong vòng mê nên gọi là các giác quan: thấy, nghe, hay, biết; đến khi ngộ rồi thì các giác quan này trở lại thành bốn đức Niết bàn: thường, lạc, ngã, tịnh.

Chúng ta cũng nên phân biệt cho rõ nghĩa: 1. chơn tâm, 2. các giác quan, 3. vọng niệm phân biệt. Như nước biển trong veo, (dụ chơn tâm) chảy vào các sông ngòi lẫn lộn bùng đục (dụ cho chơn tâm lưu lộ nơi các căn, thành các giác quan; “đục” là dụ còn ở nơi mé) nổi sóng ba đào (dụ cho vọng niệm phân biệt)

\*\*\*

Các ông hãy xoay cái hư vọng sanh diệt trở lại chơn tâm thanh tịnh không sanh diệt; phải lấy chơn tâm không sanh diệt này làm nhơn địa tu hành, thì sau mới chứng được quả Phật thường trụ.

Cách tu hành cũng như lóng nước. Nước đục để yên tịnh trong một cái bình, để lâu thì những bụi cát từ từ chìm lặn, mà nước trong hiện ra; hễ càng yên tỉnh thì nước càng trong. Ðây là dụ cho giai đoạn thứ nhứt, khi mới hàng phục được phiền não khách trần (phiền não vừa lặng). Ðến chừng lọc bỏ cặn đục chỉ còn toàn là nước trong, là dụ cho giai đoạn thứ hai, khi đã đoạn trừ căn bản vô minh.

Ðến khi chỉ còn hoàn toàn là nước trong, thì dù lắc cho mấy nó cũng vẫn trong. Còn khi đoạn được căn bản vô minh, chỉ còn chơn tâm thanh tịnh hiện tiền, lúc bấy giờ dầu có tạo tác thi vi làm đủ mọi việc, song cũng đều là chơn, vẫn hiệp với đức tánh thanh tịnh mầu nhiệm của Niết bàn, không còn bị phiền não nhiễu loạn.

***LƯỢC GIẢI***

Ðoạn này hay lắm; Phật dạy lối tu rất rõ ràng và thật tế. Hiệp với đoạn trước Phật dạy: “Khi đối cảnh không khởi phân biệt, thì vọng niệm chẳng sanh. Vọng niệm không sanh thời chơn tâm tự hiện”.

Cũng như nước đứng trong, thì cặn cáu lóng chìm. Lóng càng lâu thì nước càng trong. Ðến khi dứt sạch căn bản vô minh, chỉ còn toàn thể chơn tâm, thì hành động thi vi chi cũng đều là thanh tịnh. Nên kinh nói: “Như Lai án túc hải ấn phát quang v.v…” (Phật vừa để chơn, thì biển trong in ánh sáng). Như nước đã lọc bõ cặn rồi thì lắc mấy cũng vẫn trong. Ðoạn này cũng chỉ rõ cái nghĩa “thành Phật rồi không trở lại làm chúng sanh”.

Các đạo khác tu hành dẫu cao siêu cho mấy, chẳng qua cũng như nước lóng mà chưa lọc bỏ được cặn. Lâu lâu phiền não nổi lên, thì phải đọa trở lại, nên gọi là hữu lậu (còn sa rớt).

\*\*\*

**IV. Nghĩa quyết định thứ hai**

A Nan, các ông phát tâm dõng mãnh, quyết định dẹp trừ các tướng hữu vi, cầu quả đại thừa, thì cần phải xét rõ gốc rễ của phiền não: Từ vô thỉ đến nay, cái nào là phát nghiệp vô minh (bất giác vọng động) cái nào nhuận sanh vô minh (ái, thủ) cái gì tạo (lục thức), cái gì lãnh thọ (bát thức). Ðây là nghĩa quyết định thứ hai.

Các ông tu đạo Bồ đề, nếu không xét rõ gốc rễ của phiền não, thì đối với căn và trần hư vọng này, không thể biết được cái “điên đảo” ở chỗ nào. Cái chỗ ở còn không biết thời làm sao hàng phục được giặc phiền não để chứng quả Phật.

Các ông hãy xem trong thế gian, những người mở gút, nếu họ chẳng thấy được mối, thì không mong gì mở được. Chưa từng nghe cái hư không bị ai mở được, vì hư không vô hình chẳng có gút và mở vậy (hư không dụ cho chơn tâm).

Ông nên hiểu: Hiện tiền sáu căn của ông đây: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý, chúng làm mai mối cho sáu giặc (sáu thức), đến cướp giựt của báu nhà ông. Bởi thế nên các ông cùng tất cả chúng sanh, từ vô thỉ đến nay bị triền phược trong vòng luân hồi, không vượt ra ngoài ba cõi được.

***LƯỢC GIẢI***

Vì sáu căn làm mai mối, dẫn chúng sanh ra sáu thức là lục tặc, cướp hại chơn tánh. Nghĩa là vì căn đối với cảnh, khởi vọng niệm phân biệt, nên chơn tâm phải bị mờ. Cũng như gió xao động, cặn cáu nổi lên, nên tánh nước trong phải ẩn.

\*\*\*

**V. Vì vọng nổi lên nên chơn tâm bị ẩn**

Này A Nan, sáu căn của ông như vậy, do vô minh vọng động nổi lên, nên chơn tâm bị ẩn. Từ đây về sau, mỗi khi chiếu soi thì gồm cả vọng đều phát.

Bởi thế nên rời tối và sáng, thời mắt ông không thấy, rời động và tịnh thì tai ông không nghe, rời thông và nghẹt thì mũi ông không ngửi, rời các vị ra thời lưỡi ông không nếm, rời các xúc trần thì thân ông không biết, rời cả pháp trần thì ý ông không phân biệt.

**VI. Xoay vọng về chơn thì sáu căn được tự tại**

Chỉ sáu căn của ông không theo sáu trần cảnh khởi vọng niệm phân biệt, tùy ông mở gút (vọng nhiễm) được một căn nào thì các căn đều được giải thoát. Nghĩa là ngoài không cùng với trần cảnh gút chặt, trong thâu phục phiền não trở lại với chơn tâm sáng suốt, thì năm căn bị gút chặt kia cũng đều được hoàn toàn giải thoát. Lúc bấy giờ sáu căn tự tại, thay nhau cần dùng, các giác quan: thấy, nghe, hay, biết, không còn bị cuộc hạn nơi các căn: mắt, tai, mũi, lưỡi v.v… chỉ nương các căn phát ra tác dụng; không cần có trần cảnh đối chiếu mà cũng vẫn thấy, nghe, hay, biết.

**VII. Dẫn chứng các vị thấy, nghe, hay, biết được tự tại, không còn bị cuộc hạn nơi căn**

A Nan! Ông đã thấy trong hội này, như ông A Na Luật Ðà không có con mắt mà vẫn thấy. Rồng Bạt Nan Ðà không lỗ tai mà vẫn nghe. Thần nữ Căn Dà không lỗ mũi mà ngửi được mùi. Ông Kiều Phạm Bác Ðề cái lưỡi không phải lưỡi người, mà biết được các món ăn của người. Ông Thần Thuấn Nhã Ða không có thân mà vẫn biết xúc. Ông Ma Ha Ca Diếp tu diệt tận định, dứt trừ ý căn đã lâu, mà vẫn phân biệt được rõ ràng.

A Nan! Hiện nay các căn của ông nếu hoàn toàn gỡ hết cái gút chặt nơi trần cảnh (không theo trần cảnh phân biệt) trong chinh phục được phiền não, trở về với chơn tâm rồi thì hiện tiền thân căn và thế giới đây đều không còn; cũng như nước nóng băng tan, ông liền chứng được quả Phật.

A Nan! Như người thế gian, cái thấy của họ chỉ gom ở con mắt. Nếu bảo họ nhắm mắt lại, thì hiện tiền tối đen, sáu căn mờ mịt, đầu chân in nhau. Người kia lấy tay rờ khắp cả thân thể, tuy mắt họ không thấy, mà cũng vẫn biết đâu là đầu và đâu là chân; cái hiểu biết đồng nhau (đây cũng là một bằng chứng: các giác quan chẳng bị cuộc hạn nơi căn và trần).

A Nan, nhơn sáng mới thấy, nếu tối thời không thấy. Nay không cần sáng mà cũng thấy biết, như thế thì cái tối kia không thể làm mờ (mất) cái “thấy biết” của ông được. Căn và trần các vọng đã tiêu rồi, thì liền trở lại với chơn tánh.

**VIII. A Nan nghi: các giác quan hiện tiền là vọng, tại sao Phật lại dạy nương nơi đó làm nhơn địa tu hành, để chứng đặng quả Phật chơn thật**

A Nan thưa: Bạch Thế tôn, như lời Phật dạy: “Muốn cầu quả Phật thường còn, thì cái nhơn địa phát tâm tu hành phải chơn thật, mới chứng được quả vị chơn thật”.

Bạch Thế tôn! Bồ đề, Niết bàn, Chơn như, Pháp tánh, Yêm ma la thức, Không Như Lai tạng và Ðại viên cảnh trí, bảy danh từ tuy khác, chớ cũng đồng một quả Phật thanh tịnh thường còn không hoại.

Còn cái thấy, nghe, hay, biết, các giác quan của con đây, nếu rời các trần cảnh hiện tiền: tối, sáng, động, tịnh, v.v…, thời không còn thấy, nghe, hay, biết nữa. Quanh quẩn tới lui, chín chắn suy tìm, thì cái tâm của con hoàn toàn không chơn thật. Tại làm sao Phật dạy lấy cái hư vọng đoạn diệt này làm nhơn tu, để cầu quả Phật thường còn không sanh-diệt cho được. Vậy thì lời nói của Phật trước sau trái nhau, làm sao gọi là “Như Lai nói thật”, xin đức Từ tôn, từ bi vén mở chỗ mê mờ cho chúng con.

**IX. Phật bảo đánh chuông để chứng nghiệm “tánh nghe” thường còn**

Phật dạy: A Nan, ông tuy học rộng, nghe nhiều, nhưng các phiền não hữu lậu (mê lầm) chưa hết, nên ông chỉ biết suông cái tên “điên đảo”. Ðến lúc cái “điên đảo” thật hiện tiền, thì ông lại không biết. Như thế thì sự tin hiểu của ông chưa được chắc chắn. Tôi nay đem những việc thường trong đời, để trừ các nghi lầm cho ông.

 Khi đó Phật liền bảo ông La Hầu La đánh một tiếng chuông, rồi hỏi ông A Nan rằng:

-Ông có nghe không?

 A Nan thưa: Nghe.

 Ðến lúc chuông hết ngân, Phật lại hỏi:

 Ông có nghe không?

 A Nan thưa: Không nghe.

Phật lại bảo ông La Hầu La đánh một tiếng chuông nữa và hỏi: Ông có nghe không?

 A Nan đáp: Nghe.

Phật hỏi: Thế nào là nghe và thế nào là không nghe?

A Nan thưa: Vì đánh chuông có tiếng ngân, nên con nghe, đến khi tiếng chuông hết ngân thì con không nghe.

Phật dạy: A Nan! Khi tiếng chuông hết ngân, ông nói rằng: “không nghe”; nếu ông thật không có “cái nghe” thì ông đồng như cây đá, tại sao khi đánh tiếng chuông thứ hai, ông lại có nghe?

Vậy cho biết: cái “tiếng” (cảnh) khi có khi không, chớ cái “nghe” (tâm) của ông lúc nào cũng có. Nếu cái “nghe” của ông thật không, thì cái gì biết được “không nghe” đó?

Thế nên ông phải biết: cái “tiếng” đối với cái “tiếng” nó tự sanh và diệt, chớ ở cái “nghe” (tâm) của ông, không phải vì tiếng sanh mà nó “có”, tiếng diệt mà nó “không”. Tại ông điên đảo hôn mê, nhận cái “thường” (tánh nghe) làm đoạn diệt (tiếng), chớ không phải rời sáu trần cảnh: sắc, thinh, hương, v.v… mà các giác quan thấy, nghe, hay, biết của ông không có.

***LƯỢC GIẢI***

Ðây là lần thứ bảy, Phật chỉ rất rõ ràng các giác quan: thấy, nghe v.v… là tâm và thường còn.

\*\*\*

**X. Phật chỉ khi ngủ, cái “nghe” cũng không mất**

Bằng chứng thứ hai: Như người đang ngủ, nằm trên giường chõng, trong nhà có người giã gạo, khi đó người ngủ kia mơ màng, tưởng là tiếng trống hoặc tiếng chuông, đến chừng thức dậy rồi mới nhận rõ đó là tiếng chày giã gạo.

A Nan! Người ngủ kia, mặc dù đối với cảnh vật hiện tiền, họ không thấy biết, mà cái “nghe” của họ cũng không mất.

Dù cho thân thể ông đến khi già chết tiêu tan, mà cái “tánh nghe” này cũng không vì ông già, chết đó mà tiêu diệt. Bởi chúng sanh từ vô thỉ đến giờ, cứ theo các trần cảnh, khởi vọng niệm phân biệt lăng xăng, chưa từng ngộ được chơn, tâm thường còn của mình

Vì cứ nương theo vọng niệm phân biệt, chẳng nương theo chơn tâm thường trụ, cho nên đời đời nhiễm ô, trôi lăn trong vòng sanh tử. Vậy các ông phải bỏ cái vọng niệm sanh diệt, theo về với chơn tâm thường trụ. Khi chơn tâm thanh tịnh sáng suốt hiện tiền rồi, thì căn thân, trần cảnh và vọng trần và tâm cấu nhiễm đã tiêu rồi, lúc bấy giờ lo gì chẳng thành quả Phật vô thượng.

# Bài 11: A Nan Hỏi Phật Trói Cột Ở Chỗ Nào

Ngài A Nan hỏi Phật: Trói Cột Ở chỗ Nào và Làm Sao Mở được  
I. Ngài A Nan hỏi Phật: trói cột ở chỗ nào và làm sao mở được?   
II. Phật chỉ chỗ trói cột (gút)   
III. A Nan Hỏi: tại sao bị sanh tử luân hồi hay được tự tại giải thoát cũng vì sáu căn?   
IV. Phật nói bài kệ tóm lại nghĩa trên   
V. Vọng hết thì chơn hiện

**Ngài A Nan hỏi Phật: Trói Cột Ở chỗ Nào và Làm Sao Mở được**

**I. Ngài A Nan hỏi Phật: trói cột ở chỗ nào và làm sao mở được?**

A Nan thưa: Bạch Thế Tôn, như lời Phật dạy về cái nghĩa thứ hai là phải biết rõ gốc rễ của phiền não ở chỗ nào, mới có thể trừ được. Cũng như người mở gút, nếu không biết mối gút ở đâu thì không bao giờ mở được.  
Bạch Thế tôn! Chính thế, chúng con đây cũng vậy, từ vô thỉ đến nay, cùng với các vô minh chung (đồng) sanh và chung diệt; tuy mang danh xuất gia, học rộng nghe nhiều, thật ra cũng như người bị bệnh rét (làm cử) cách ngày (giác thời tự ngộ, xúc cảnh hoàn mê).

 Cúi xin đức Như Lai thương xót những kẻ trầm luân hiện tại cũng như vị lai chỉ dạy cho ở nơi thân tâm này, chỗ nào triền phược (gút), và làm sao mở được ?

**II. Phật chỉ chỗ trói cột (gút)**

Khi đó Phật cùng với mười phương chư Phật, đều thương xót A Nan và đại chúng cùng các chúng sanh đời sau, nên trên đảnh các Ngài đồng phóng hào quang quý báu chiếu khắp tất cả, đồng gọi A Nan cùng đại chúng và dạy rằng:  
– Nay các ông muốn biết cái “câu sanh vô minh” (vô minh chung cùng sanh từ vô thỉ đến nay) để trừ, và “quả vô thượng Bồ đề” để tu chứng, vậy nay ta sẽ chỉ rõ cho các ông.

Này A Nan, khiến cho các ông nhiều kiếp sanh tử luân hồi, chỉ vì sáu căn, mà làm cho các ông chứng được đạo quả Bồ đề an vui giải thoát, cũng chỉ vì sáu căn của các ông mà thôi.

***LƯỢC GIẢI***

Mười phương các đức Phật, đồng phóng hào quang, đồng dạy như vậy, là để cho A Nan và đại chúng đều biết: đây là một phương pháp duy nhứt, không những một mình đức Thích Ca, mà cả mười phương chư Phật cũng đồng chỉ dạy như thế.

\*\*\*

**III. A Nan hỏi: Tại sao bị sanh tử luân hồi hay được tự tại giải thoát cũng vì sáu căn?**

Ông A Nan đã nghe Phật chỉ dạy, nhưng chưa hiểu nên kính cẩn hỏi Phật:

– Bạch Thế tôn, tại sao làm cho chúng con nhiều kiếp sanh tử luân hồi cũng vì sáu căn, còn được an vui giải thoát cũng chỉ do sáu căn, chứ không phải do vật gì khác ?

Phật dạy rằng: Căn và trần đồng một thể (tâm), triền phược và giải thoát không hai (mê thì triền phược, ngộ thì giải thoát). Các thức hư vọng, cũng như hoa đốm giữa hư không.

***LƯỢC GIẢI***

Căn trần không lỗi mà lỗi tại vọng thức phân biệt, song thức thì hư vọng không có thật thể như hoa đốm giữa hư không.

Cũng đồng căn và trần này, song phàm phu vì mê, khởi vọng thức phân biệt ngã, pháp, nên bị triền phược, gọi là kiết (gút). Thánh nhơn cũng đồng căn trần này, song vì giác ngộ không khởi phân biệt chấp thật có ngã, pháp nên được giải thoát, thế gọi là (mở).

\*\*\*

 A Nan, vì có trần cảnh, nên ở nơi căn mới khởi ra phân biệt. Vì đã có cái năng phân biệt ở nơi căn, nên mới hiện ra cái tướng bị phân biệt là cảnh. Căn (kiến) và cảnh (tướng) đối đãi nhau vọng hiện, chớ không thật có (vô tánh). Cũng như hình cây lau gác nhau.

***LƯỢC GIẢI***

Vì các cây lau gác nhau, nên ở xa xem như có hình người hay vật. Cái hình này không thật. Ðây là dụ cho căn trần hư huyễn không thật, vì đối đãi nhau nên vọng hiện ra mà thôi.

\*\*\*

– Thế nên, khi thấy, nghe, hay, biết, mà khởi vọng niệm phân biệt, đó là gốc vô minh. Còn khi thấy, nghe, hay, biết mà không khởi vọng niệm phân biệt, đó là Niết bàn. Ở trong chơn tâm thanh tịnh, không có dung chứa vật gì cả.

***LƯỢC GIẢI***

Ðoạn này Phật dạy, khi sáu căn đối với sáu trần cảnh, nếu khởi vọng niệm phân biệt, đó là gốc của vô minh triền phược (trói cột). Bởi thế nên Phật nói: “vì sáu căn làm cho các ông sanh tử luân hồi”. Trái lại, khi sáu căn đối với sáu trần, mà không khởi vọng niệm phân biệt đó là Niết bàn, là giải thoát (mở gút), nên Phật nói: “Làm cho các ông được an vui giải thoát cũng vì sáu căn”.

\*\*\*

**IV. Phật nói bài kệ tóm lại nghĩa trên**

Khi đó Phật muốn tóm lại các nghĩa trên, nên nói bài kệ ý nghĩa như vầy:

***NGUYÊN VĂN CHỮ HÁN***

**Chơn tánh hữu vi không**

**Duyên sanh có như huyễn**

**Vô vi vô khởi diệt**

**Bất thật như không hoa**

**Ngôn vọng hiển chư chơn**

**Vọng, chơn đồng nhị vọng**

**Do phi chơn phi chơn**

**Vân hà kiến sở kiến**

**Trung gian vô thật tánh**

**Thị cố nhược giao lô**

**Giải kết đồng sở nhơn**

**Thánh phàm vô nhị lộ**

**Nhữ quán giao trung tánh**

**Không hữu nhị câu phi**

**Mê hối tức vô minh**

**Phát minh tiện giải thoát**

**Giải kết nhơn thứ đệ**

**Lục giải nhứt diệc vong**

**Căn tuyển trạch Viên Thông**

**Nhập lưu thành Chánh giác**

**Ðà na vi tế thức**

**Tập khí thành bộc lưu**

**Chơn phi chơn khủng mê**

**Ngã thường bất khai diễn**

**Tự tâm thủ tự tâm**

**Phi huyễn thành huyễn pháp**

**Bất thủ vô phi huyễn**

**Phi huyễn thường bất sanh**

**Huyễn pháp vân hà lập**

**Thị danh diệu liên hoa**

**Kim cang vương bảo giác**

**Như huyễn tam ma đề**

**Ðàn chĩ siêu vô học**

**Thử A tỳ đạt ma**

**Thập phương Bạc Già phạm**

**Nhứt lộ Niết bàn môn**

***DỊCH NGHĨA BÀI KỆ***

Xứng theo chơn tánh (chơn tâm) thì các pháp hữu vi (vọng) không thật có, do nhơn duyên sanh, cũng như vật huyễn thuật.

Xứng về chơn tánh thì vô vi (chơn) cũng không thật có, vì nó không sanh diệt, như hoa đốm giữa hư không.

Nói hữu vi là vọng, để hiển vô vi kia là chơn. Vì đối đãi nhau mà có, nên “chơn” và “vọng” cũng đồng vọng cả. Ðến lý này, còn không thể nói là “chơn” hay “phi chơn”, thì làm sao gọi nó là cái “thấy” (căn) hay cái “bị thấy” (trần) được. Vì nó như vật huyễn, chẳng có thật tánh, cũng như hình cây lau gác.

Giải thoát hay triền phược đồng do sáu căn. Ðược chứng Thánh hay bị đọa phàm cũng bởi sáu căn, chớ không có con đường nào khác. Các ông cứ xem hình cây lau gác kia, nói có hay nói không đều không thể được. Hễ mê muội là vô minh, còn giác ngộ thì giải thoát.

Cột gút lại hay mở ra, đều phải theo thứ lớp. Khi sáu gút (sáu căn) mở rồi, thì cái tên một cũng không còn (vì không còn đối đãi, nên không thể kêu gọi). Các ông lựa được căn viên thông tu hành, thì mau đặng thành quả Phật.

Thức A Ðà Na (thức thứ tám) rất là tinh tế, các chủng tử trong thức này nó sanh diệt rất vi tế, như giòng nước chảy mau. Ta đối với phàm phu và tiểu thừa không hề giảng nói (thức này) vì sợ chúng mê lầm chấp là “chơn” hay là “vọng”, đều có hại cả.

Tự nơi tâm các ông, trở lại chấp lấy tự tâm các ông. Chơn tâm không phải huyễn mà trở lại thành hư huyễn. Nếu đối với các “chơn” mà các ông không sanh tâm chấp thủ; với cái “chơn” kia hãy còn không sanh, huống chi là cái “hư huyễn” làm gì có được.

Ðây là con đường duy nhứt của mười phương các đức Phật tu hành đến cảnh Niết bàn. Pháp này tên là Diệu Liên Hoa, cũng tên Kim Cang Vương Bảo Giác và cũng tên là Như huyễn Tam ma đề. Chỉ tu trong giây phút thì được quả vô học.

Khi đó A Nan và đại chúng nghe Phật nói bài kệ nghĩa lý thâm trầm, nên tâm trí mỗi người đều trở nên sáng suốt, được lợi ích chưa từng có.

***LƯỢC GIẢI***

Ông A Nan đã mấy lần cầu Phật chỉ dạy phương pháp nào mười phương các đức Phật tu hành để được thành đạo chứng quả. Ðiều ấy, Phật chỉ dạy đến đây đã tường tận.

Từ trước đến đây là nói về phần đốn tu và đốn chứng. Từ đây về sau Phật mới dạy về phần tiệm tu.

\*\*\*

V. **Vọng hết thì chơn hiện**

– Này A Nan, tùy ông lựa chọn sáu căn mà tu hành, nếu sự kiết phược ở nơi căn của ông trừ rồi, thì các trần tướng kia, tự diệt; khi các vọng đã tiêu hết, thì đó là “chơn” chứ gì nữa!  
A Nan, ông hãy xem cái khăn đã cột sáu gút đây, có thể đồng một thời mở được hết sáu gút được không?

A Nan thưa: – Bạch Thế tôn, sáu gút tuy đồng một cái khăn, song khi cột, đã tuần tự mà cột, thì khi mở cũng phải theo thứ lớp mà mở, không thể đồng một thời mở được hết.

Phật dạy: – Sáu căn của ông khi giải trừ cũng phải như vậy. Mở gút đầu tiên là phá trừ ngã chấp (chấp ta) trước chứng đặng nhơn không. Tiến đến từng thứ hai là phá trừ pháp chấp, sau mới chứng đặng pháp không. Ngã, pháp đều không sanh, thế mới gọi là Bồ tát đặng Vô sanh nhẫn (an nhẫn nơi nhơn, pháp đều không sanh)

# Bài 12: A Nan Hỏi Phật Pháp Tu Viên Thông

Ngài A Nan hỏi Phật pháp tu viên thông  
I. Ngài A Nan hỏi Phật pháp tu viên thông   
II. Phật hỏi hai mươi lăm vị Thánh, do tu pháp môn gì mà được chứng quả   
III. Hai mươi lăm vị Thánh đều thuật lại pháp tu của mình được chứng đạo quả   
IV. Ngài Quán Âm kể lại sự kết quả

**I. Ngài A Nan hỏi Phật pháp tu viên thông**

Ngài A Nan và đại chúng nhờ Phật khai thị trí tuệ sáng suốt, tâm hết nghi lầm, nên đồng lạy Phật, quỳ gối chắp tay và kính cẩn thưa rằng:  
– Bạch Thế tôn, chúng con là kẻ phiêu linh nhiều kiếp bần cùng cô quạnh, không biết nhờ có hạnh phúc gì mà được làm em của Phật, cũng như đứa hài nhi mất sữa đã lâu, nay lại gặp được từ mẫu!

 Bạch Thế tôn, hôm nay chúng con thâm tâm đã được khai ngộ, hết những nghi ngờ, nghe Phật chỉ dạy hiểu được cái nghĩa “sáu gút mở thì cái tên một gút cũng không còn”. Nhưng chúng con còn chưa hiểu “tu căn nào mới được viên thông”. Cúi xin đức Như Lai, duỗi lòng đại bi khai thị cho chúng con lần cuối cùng, may ra ở cơ hội này, con trở lại với bản tâm thanh tịnh của mình, được thành đạo quả.

II. **Phật hỏi hai mươi lăm vị Thánh, do tu pháp môn gì mà được chứng quả**

Khi đó đức Phật hỏi toàn thể đại chúng: – Các ông là người tu hành trong đạo của ta, vậy khi các ông mới phát tâm, đối với 18 giới (sáu căn, sáu trần và sáu thức) do tu theo phương tiện nào mà được thành đạo quả?

***LƯỢC GIẢI***

Tuy nói 18 giới, chớ tóm lại thì có 6 căn. Do sáu căn tu hành mà được thành đạo quả. Nên trước kia Phật nói: “Sanh tử luân hồi hay an vui giải thoát, cũng chỉ tại sáu căn của các ông” (vì muốn cho độc giả hiểu qua những pháp tu của 24 vị Thánh, nên lần tái bản quyền Ðại cương Lăng nghiêm này, chúng tôi có trích một đoạn (từ trang 166 đến 201) trong bản kinh Lăng nghiêm do ông Tâm Minh dịch in thêm vào đây, để giúp độc giả nghiên cứu)

\*\*\*

**III. Hai mươi lăm vị Thánh đều thuật lại pháp tu của mình được chứng đạo quả**

***1- DO THANH TRẦN CHỨNG A LA HÁN***

Ông Kiều Trần Như trong hàng năm vị Tỳ kheo, liền từ chỗ ngồi đứng dạy bạch Phật rằng: – Con ở nơi Lộc Uyển và Kê Viên, gặp đức Như Lai khi mới thành đạo; nhân nghe âm thanh thuyết pháp của Phật mà tỏ ngộ lý Tứ đế. Phật hỏi các Tỳ kheo, thì con trước hết được gọi là “hiểu”; Như Lai ấn chứng cho con tên là A Nhã Ða. Con do nơi âm thanh vi diệu viên mãn mà thành bực A La Hán. Nay Phật hỏi pháp tu viên thông, thì như chỗ sở chứng của con, âm thanh là hơn cả.

***LƯỢC GIẢI***

Viên dung thông nhập Như lai tạng diệu chơn như tánh của các pháp nên gọi là viên thông. Bất cứ tu pháp nào mà chứng được chơn như của tất cả Pháp thì đều gọi pháp đó là viên thông.

Trong các đoạn trước, Phật đã chỉ rõ cho chúng ta thấy: sanh tử luân hồi do nơi sáu căn, mà được an vui diệu thường cũng do nơi sáu căn; sáu căn tuy vọng, nhưng không thể ngoài sáu căn mà tìm cái chơn được, vì rằng trong khi đang mê, chúng ta đem sáu căn này mà thấy nghe cảm xúc; đến khi giác ngộ chúng ta, chúng ta cũng chỉ đem sáu căn này mà tiếp xúc với trần cảnh. Vậy mà khi mê thì các căn bị ràng buộc nên gọi là gút (kiết); đến khi ngộ thì sáu căn được viên thoát nên gọi là mở.

Vì sao mà thành ra cột gút, và làm sao để mở gút thì trước Phật đã dùng phương tiện cột khăn mở khăn để chỉ dạy rõ ràng. Ðồng một tánh Như Lai tạng mà vì nguyên do mê lầm nên hiện ra sáu căn ràng buộc. Bởi thế nên nếu nói rằng vọng, thì căn nào cũng vọng; mà nói rằng chơn, thì căn nào cũng chơn. Nếu một căn được chơn thì tất cả các căn đều chơn. Lúc bấy giờ các căn tự tại không còn bị bó buộc trong phạm vi: mắt chỉ thấy sắc, tai chỉ nghe tiếng, mũi chỉ ngưởi mùi v.v… mà trái lại sáu căn tự tại thọ dụng. Vậy nên tu nhãn căn, không phải là liệt, tu nhĩ căn không phải là thắng v.v… cho đến bất luận tu một căn nào hay một món đại nào cũng như nhau cả, không gì hơn chẳng gì kém, miễn làm sao thấy rõ thật tánh của một pháp thì được viên ngộ viên thoát. Ông A Nan tuy đã thâm ngộ cái ý nghĩa viên ngộ viên tu ấy, nhưng hiện tiền chưa rõ sáu căn, căn nào thích hợp với trình độ của mình và chúng sanh ở cõi Ta bà này, nên cầu Phật chỉ bày. Phật liền gạn hỏi trong đại chúng, các vị Bồ tát và các vị A La Hán đã chứng quả vô học, để xem mỗi người, khi ban sơ phát tâm, tu theo phương tiện gì mà đặng ngộ đạo. Một điều mà chúng ta nên chú ý là Phật gạn hỏi chỗ ngộ đạo của các bậc Thánh hiền tăng, đây không phải để so sánh chỗ hơn kém, mà cốt để chứng minh lời Phật đã dạy trước, để chỉ rõ lối tu viên đốn của Ðại thừa, khác lối tu tiêm thứ của Nhị thừa, và để cho ngài A Nan nhân đó, tự lựa căn nào viên thông thích hợp với trình độ của mình mà tu để được giải thoát. Không riêng ông A Nan, nếu chúng ta sau khi nghe hiểu và biết lựa lấy một pháp thích hợp để tu hành, thì sẽ đặng ngộ nhập viên thông tam muội.

Ông Kiều Trần Như cùng bốn thầy Tỳ kheo (5 ông này theo Phật tu khổ hạnh và được Phật hóa độ trước nhứt) nhân âm thanh của Phật thuyết pháp mà ngộ lý Tứ đế, chứng viên thông; nên đối với pháp môn thích hợp làm cho ông chứng ngộ, thì thanh trần là hơn cả. Thứ nhứt nhờ âm thanh của Phật giảng về Tứ đế mà ngộ được lý Tứ đế (khổ, tập, diệt, đạo). Thứ hai ông quan sát rõ thấu thật tướng của âm thanh, mà ngộ đạo. Thật tướng của âm thanh là vô tướng, không đọa về nhân duyên, tự nhiên, hòa hợp, phi hòa hợp như trước Phật đã chỉ dạy; nó thường vắng lặng, cùng khắp 10 phương, theo nghiệp cảm, theo tâm lượng của chúng sanh mà phát hiện, nên tuy khi chúng ta không đem tâm phân biệt, mà khi ấy tiếng cũng chẳng phải không, chẳng phải các chúng sanh khác cũng tuyệt không nghe thấy như ta. Xưa nay chúng ta chỉ phân biệt theo giả ảnh của thanh trần sanh diệt đối đãi với ta, nên bị thống khổ theo khi có tiếng, hay khi không có tiếng, chứ chưa hề lắng lòng định trí rời vọng trần để quán thật tánh của những tiếng động tịnh là từ đâu, nên cũng chưa hề liễu nhập tánh âm thanh vốn là tánh diệu chơn như của Như Lai tạng. Thật tướng âm thanh đã như vậy, thì thật tướng trí do âm thanh thuyết minh cũng vậy.

\*\*\*

***2- DO SẮC TRẦN CHỨNG A LA HÁN***

Ông Ưu Ba Ni Sa Ðà liền từ chỗ ngồi đứng dây đảnh lễ chân Phật mà bạch rằng:

– Con gặp Phật lúc mới thành đạo, nhơn quán tướng bất tịnh, sanh tâm rất nhàm chán xa lìa; từ tướng bất tịnh đến tướng xương trắng, vi trần rồi tan về hư không, sắc không, không hai, ngộ thật tánh các sắc, thành vô học đạo. Ðức Như lai ấn chứng cho con tên Ni Sa Ðà, sắc phù trần tiêu hết, sắc diệu tánh châu mật viên dung. Con từ sắc tướng kia mà thành bực A La Hán. Nay Phật hỏi viên thông thì như chỗ sở chứng của con, quán sắc làm nhơn là hơn cả.

***LƯỢC GIẢI***

Ông Ưu Ba Ni sa Ðà (Tàu dịch là Trần Tánh, theo chỗ ngộ mà đặt tên), nhơn quán sắc tướng mà chứng quả. Hàng Nhị thừa thì quán bất tịnh để sanh tâm nhàm chán diệt tham dục, cầu chứng Niết bàn. Trái lại hàng Bồ tát quán bất tịnh để nhận rõ nhân duyên thống khổ, chỗ đảo chấp Bất tịnh kế tịnh của chúng sanh mà hóa độ, phá trừ tâm tham đắm sắc thân ngũ dục.

Ông Ưu Ba Ni Sa Ðà tu theo pháp quán đó, tịnh tâm nhiếp ý, quán sát thân phần của chúng sanh, chỉ toàn là một vật nhơ nhớp thối tha, cả từ đầu đến chân, từ trong ra ngoài, và rõ ràng nhứt khi thân ấy đã thành một tử thi phình trướng bầm xanh, bại hoại, máu mủ chảy ra, gân thịt úa rửa, cầm thú rúc ăn, xương gân ly tán, chỉ còn nắm xương khô, lần lần tiêu ra tro bụi, biến vào hư không. Các sắc thân đã tan về hư không, đâu có phân biệt chia rẽ sai khác; chỉ vì đem tâm phân biệt, tương đối với sắc mà gọi là không, tương đối với không mà gọi là sắc, vậy nên sắc, không đều không tự tánh.

\*\*\*

***3- DO HƯƠNG TRẦN CHỨNG A LA HÁN***

Ông Hương Nghiêm Ðồng tử liền từ chỗ ngồi, đứng dậy đảnh lễ chân Phật mà bạch rằng: – Con nghe đức Như Lai dạy con chín chắn quán các tướng hữu vi. Con liền từ tạ Phật lui về nhà thanh trai yên tịnh, trông thấy các thầy Tỳ kheo đốt hương trầm thủy, mùi hương lặng lẽ bay vào trong mũi; con quan sát mùi hương đó: Chẳng phải là gỗ, chẳng phải hư không, chẳng phải khói, chẳng phải lửa, đi không chỗ tới, đến không chỗ bắt đầu, do đó vọng ý thức con tiêu diệt, phát minh tánh vô lậu. Ðức Như lai ấn chứng cho con hiệu là Hương Nghiêm, hơi hương phù trần thoạt diệt, hơi hương hiệu tánh được mật viên. Con do nơi hương trần kia mà thành bực A La Hán. Nay Phật hỏi viên thông, thì như chỗ sở chứng của con, hương nghiêm là hơn cả.

***LƯỢC GIẢI***

Ông Hương Nghiêm Ðồng tử (theo chỗ ngộ mà đặt tên) nhân quan sát cái tướng hữu vi là hương trần mà chứng được viên thông. Thường thường chúng ta chỉ tưởng mùi hương là một thứ sẵn có của gỗ trầm v.v… hễ có gỗ trầm là có hương; nhưng xét kỹ thì mùi hương ấy đâu phải chỉ do gỗ trầm mà có được; còn do không khí, do lửa đốt và do tỷ căn của ta tiếp xúc, tỷ thức giác xúc, ý thức phân biệt nữa,nếu ngoài công năng của hai thứ năng tri, sở tri trên ra thì không thành mùi hương được. Vậy thật ra tánh chơn thật hương trần không phải là năng tri sở tri, cũng không phải là ly năng tri sở tri mà nó có ra, chỉ tùy theo nghiệp của mỗi chúng sanh mà phát hiện.

\*\*\*

***4- DO VỊ TRẦN CHỨNG BỒ TÁT***

Hai vị Pháp vương tử Dược Vương và Dược Thượng cùng năm trăm Phạm thiên trong hội, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Phật mà bạch rằng: – Con từ vô thỉ kiếp làm lương y trong đời, miệng con từng nếm các vị cỏ, cây, vàng, đá của thế giới Ta bà này, số đến mười vạn tám nghìn thứ; như vậy đều biết hết thảy vị của: đắng, cay, chua, ngọt, mặn, lạt, các vị hòa hiệp, câu xanh, biến dị, cho đến nào là lạnh, là nóng, có độc, không độc, đều biết khắp cả. Sau con lại nhân thừa sự đức Như Lai mà hiểu rõ vị tánh, chẳng phải không, chẳng phải có, chẳng phải tức thân tâm, chẳng phải ly thân tâm, phân biệt vị trần, mà đặng khai ngộ. Do đó, Phật ấn chứng cho anh em con hiệu là Dược Vương Bồ tát, Dược Thượng Bồ tát và làm pháp vương tử ở trong hội này; chúng con nhơn vị trần mà đặng giác ngộ, lên hàng Bồ tát. Nay Phật hỏi viên thông, thì như chỗ sở chứng của con, quán vị trần làm nhơn là hơn cả.

***LƯỢC GIẢI***

Vị trần là các vị cay, chua, đắng, ngọt; vị hòa hiệp như các món ăn do nhiều thức hiệp lại; vị câu sanh như ớt sẵn cay, bồ hòn sẵn đắng; vị biến dị là do thay đổi mà ra, như mật ông để lâu hóa chua, rượu để lâu thì lạt…

Ngài Dược Vương, Dược thượng Bồ tát do phân biệt quán sát bổn nhân của vị trần mà chứng đạo. Quán sát nguyên nhân của vị, như thế nào? Nếu nói vị cho hư không thì sao nếm hư không, không biết ngọt, đắng; nói rằng vị thiệt có, thì vị vốn vô hình; nói rằng vị tức là thân tâm, thành ra nó có tánh biết; còn nói vị ly thân tâm thì cái gì phân biệt mà biết vị. Hai vị Bồ tát quan sát như vậy, ngộ nhập cái tánh phi tức, phi ly, phi không, phi hữu của vị trần, nên vọng ý tiêu tan, mà giác tánh được tỏ bày vậy.

\*\*\*

***5- DO XÚC TRẦN MÀ CHỨNG THÁNH***

Ông Bạt Ðà Bà La với mười sáu người bạn Bồ tát sơ phát tâm, liền từ chỗ ngồi, đứng dậy đảnh lễ chân Phật mà bạch rằng: – Kiếp trước, lúc đức Phật Oai Âm Vương ra đời, chúng con nhân đặng gặp Phật, nghe pháp mà xuất gia, trong ngày chúng Tăng tắm gội, con theo thứ tự vào nhà tắm, thì thoạt nhiên ngộ biết thủy trần vốn rửa bụi trần hay không rửa bụi trần, tâm giác thường vắng lặng, không có tướng gì… do tập quán cũ ấy nhớ mãi cho đến ngày nay, theo Phật xuất gia được thành bậc vô học. Ðức Oai âm vương gọi tên con là Bạt Ðà Bà La, nhân diệu xúc tỏ bày sáng suốt, thành vị Phật tử trụ. Nay Phật hỏi viên thông, thì như chỗ sở chứng của con, quán xúc trần làm nhơn là hơn cả.

***LƯỢC GIẢI***

Ông Bạt Ðà Bà La (Tàu dịch là Thiên Thủ hay Hiền Hộ) nhân quán xúc trần mà ngộ nhập viên thông. Xúc là đụng chạm, tiếp xúc. Cảnh bị biết của thân căn, hay nói cách khác là cảnh ứng hợp thân cần phát sanh, nhận biết có lạnh, nóng, trơn, nhám v.v… đều là xúc trần. Như vậy, xúc trần được phát hiện là bởi có thân căn với sắc cảnh, thiếu một không thành, xúc trần hư dối. Vả lại như khi đối trước một lò lửa, nếu kẻ rét thì có cảm xúc ấm, còn kẻ ấm thì lại có cảm xúc nóng thêm. Vậy thì chỉ tùy chúng sanh mà thành lạnh hay nóng, không có thật thể nhất định. Ðối với nước cũng vậy, khi chúng ta dùng nước tắm gội thân thể, nước chảy trên mình mà sinh ra cảm giác thế này thế khác, gọi là xúc trần. Nhưng xét nghiệm kỹ thì khi ta gọi là tắm rửa, ấy là rửa thân thể hay rửa bụi trần? Nếu nói là rửa thân thể, thì như không bụi trần lấy gì để rửa, nếu nói là rửa bụi trần, thì như nước chảy trên đất cũng gọi là tắm rửa đặng sao? Thế thì nước, bụi trần, thân thể vốn thật an nhiên, nước không phải hay rửa (năng), mà bụi trần và thân thể không phải bị rửa (sở), cho nên xúc trần chỉ là tướng giả dối, đối đãi theo vọng nghiệp chúng sanh không xúc mà hiện xúc, nên xúc trần đều là như huyễn: phi hữu, phi vô. Ngộ được như vậy mà tu hành, tức thành bực vô học.

\*\*\*

***6- DO PHÁP TRẦN CHỨNG A LA HÁN***

Ông Ma Ha Ca Diếp và Tỳ kheo ni Tử Kim Quang, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Phật và bạch rằng: – Con nhớ kiếp trước, trong thế giới này có nhiều đức Phật ra đời hiệu Nhựt Nguyệt Ðăng, con được thân cận nghe pháp tu học, sau khi Phật diệt độ thì cúng dường xá lợi, đốt đèn nối ánh sáng, lại dùng vàng tử kim sáng chói mà thếp hình tượng của Phật. Từ đó đến nay đời đời thân con thường được đầy đặn, ánh sáng như đồng vàng tử kim, còn Tỳ kheo ni Tử Kim Quang này chính là quyến thuộc của con, từng đã cùng phát tâm một lúc với con. Con xem thấy thế gian sáu trần biến hoại, nên chỉ đem tâm không tịch tu hành, thành diệt tận định. Thân tâm tự tại hay vượt qua trăm ngàn kiếp, dường như khảy móng tay. Con do quán sát pháp không tịch mà thành bậc A La Hán; đức Thế tôn cho con là người tu hạnh đầu đà bậc nhứt. Diệu pháp mở sáng, các lậu tiêu trừ. Nay Phật hỏi viên thông, thì như chỗ sở chứng của con, quán pháp trần làm nhơn là hơn cả.

***LƯỢC GIẢI***

Ông Ma Ha Ca Diếp nhân quán pháp trần mà ngộ nhập viên thông. Pháp trần là tất cả ấn tượng của tiền trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, lưu lại trong tâm ý mà làm cảnh sở duyên cho ý thức. Tất cả cảnh giới thế gian tóm lại không ngoài sáu trần; sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp ấy. Những pháp đó luôn luôn biến chuyển hoặc âm thầm kín đáo, hoặc rõ rệt phô bày, chứ không niệm nào yên lặng dừng nghỉ. Vừa vị lai đã thành hiện tại, vừa hiện tại đã thành quá khứ; như vậy hãy chỉ vào đâu mà cho là có pháp thiệt. Chỉ vào vị lai ư? Hay chỉ vào quá khứ, hiện tại? Thiệt không thể chỉ vào đâu được. Pháp trần đã không thiệt, pháp trần là chơn không, thì các món thọ tưởng, hư vọng phiền não, nương pháp trần sanh ra cũng liền tiêu diệt, phá trừ ý thức, chứng diệt tận định. Khi ấy thân tâm tự tại, đối với không gian cũng như đối với thời gian: không rời chỗ ngồi mà ở khắp mười phương, vượt trăm ngàn kiếp mà dường như trong giây phút khảy móng tay, thoát ngoài vòng chướng ngại của những sự lâu, mau, xa, gần, hạn cuộc.

Sáu vị trên đây do tu sáu trần mà được chứng quả.

\*\*\*

***7- DO NHÃN CĂN CHỨNG A LA HÁN***

Ông A Na Luật Ðà liền từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ chân Phật và bạch rằng: – Con mới xuất gia thường ưa ngủ nghỉ, nên bị Như Lai quở trách là loại súc sanh. Nghe lời Phật quở, con khóc lóc tự trách, thức suốt bảy ngày không ngủ, hư cả hai mắt. Ðức Thế tôn dạy cho con phép Tam muội nhạo kiến chiếu minh kim cang. Con không do con mắt mà vẫn xem thấy mười phương, tánh chơn rỗng suốt, như xem cái trái trong bàn tay. Như lai ấn chứng cho con thành bực A La Hán. Nay Phật hỏi viên thông, thì như chỗ sở chứng của con, xoay cái thấy trở về tánh nguyên, ấy là thứ nhứt.

***LƯỢC GIẢI***

Ông A Na Luật Ðà nhân tu về nhãn căn, xả bỏ sắc trần, xoay cái thấy (hư vọng) trở về kiến tinh (chơn tánh) mà thành bậc vô học.

Kiến tánh thường diệu thường minh, nương nơi con mắt mà phát ra cái dụng thấy sắc gọi là nhãn căn; kiến tánh vốn đã diệu minh, cho nên kiến dụng chẳng lúc nào không minh không diệu. Chúng sanh nhiều kiếp mê lầm không tự nhận biết, trở lại chấp rằng cái thấy chỉ do con mắt mà có sắc trần; hễ có sắc trần thì gọi rằng có thấy; còn không sắc trần thì gọi rằng không thấy: mở mắt là thấy, nhắm mắt là không. Ðã đem tánh thấy viên dung cùng khắp mà khuôn khổ một nơi, nên bị cách ngại, thấy không ngoài sống mũi, thấy không thấu đặng hai đời. Dẫu khi nhắm mắt, khi ngủ mê không thấy đã đành, mà khi mở mắt cũng chẳng thấy được sự thật của muôn pháp. Trong một đoạn trước, Phật gạn hỏi ông A Nan về cái thấy là tâm hay con mắt? Và Ngài đã bảo: Tâm thấy chớ không phải mắt thấy. Ðây Phật chỉ cái kiến tánh này cho đến cái văn tánh, khứu tánh, v.v… cho chúng sanh rõ. Thế nên biết rằng: Có mắt không tâm, không thành có thấy; có tâm không mắt cũng thấy khắp mười phương, ấy gọi là “nhạo kiến chiếu minh”. Kiến tánh bản minh đó, xưa nay không hề lay chuyển, ấy gọi là kim cang Tam muội.

***8- DO TỶ CĂN MÀ CHỨNG A LA HÁN***

Ông Châu Lợi Bàn Ðặc Ca, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ chân Phật và bạch rằng: – Con vì thiếu sự tụng trì, nên tánh tình ngu độn, khi mới gặp Phật, nghe pháp xuất gia, chỉ tụng trì một câu kệ của Như Lai, mà trong trăm ngày không thuộc, hễ nhớ trước thì quên sau, nhớ sau thì quên trước; Phật thương con ngu muội, dạy pháp an cư, điều hòa hơi thở ra vào; con liền quán hơi thở đến vi tế cùng tột, thấy các hạnh sanh, trụ, dị, diệt từng mỗi sát na, mà tâm được rỗng rang tự tại không chút ngăn ngại; hết các món lậu thành A La Hán, ở dưới tòa của Phật, được ấn chứng thành vô học đạo. Nay Phật hỏi viên thông, thì như chỗ sở chứng của con, xoay hơi thở trở về tánh không, ấy là thứ nhất.

***LƯỢC GIẢI***

Ông Châu Lợi Bàn Ðặc Ca (là hai anh em, Tàu dịch là Ðại Lộ Biên và Tiểu Lộ Biên. Ðây là chi ông em) nhân tu tỷ căn mà chứng nhập viên thông.

Kiếp xưa, ông là một vị Ðại pháp sư vì tâm bỏn xẻn Phật pháp, không muốn nói cho ai nghe, nên bị quả báo ngu mê thiếu tánh nghe nhiều, hiểu rộng. Nhân đó Phật mới dạy phương pháp nhiếp tâm là điều hòa hơi thở ra vào, đếm từ một đến trăm, từ trăm lui một; sau khi tâm định tĩnh, xét cùng tột đến tướng vi tế của hơi thở, thảy đều sanh, trụ, dị, diệt từng mỗi sát na. Tâm chỉ chú vào hơi thở, ngoài hơi thở không riêng có sự vật gì, cũng không có tướng hơi thở nữa, bởi vì hơi thở đã từng sát na chuyển biến, hơi thở không có thật tánh; vậy do tánh yên lặng, quán cảnh thanh tịnh, mà được rỗng rang sáng suốt.

\*\*\*

***9- DO THIỆT CĂN CHỨNG A LA HÁN***

Ông Kiều Phạm Bác Ðề, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ chân Phật mà bạch rằng: – Con bị khẫu nghiệp nặng nề; trong kiếp quá khứ đã chê bai vị Sa Môn, nên đời đời mắc bệnh, miệng thường nhơi như trâu. Ðức Như Lai dạy cho pháp môn Nhứt vị thanh tịnh tâm địa; con nhân đó mà tâm được tịch diệt vào tam ma địa, quán sát cái tánh biết vị không phải thân, cũng không phải vật; liền trong miệng ấy, vượt bỏ các lậu thế gian, bề trong giải thoát thân tâm, bề ngoài không dính mắc thế giới, xa lìa ba cõi như chim ra khỏi lồng, tiêu hết các món trần cấu, nên đặng con mắt pháp thanh tịnh, thành A La Hán. Ðức Như Lai ấn chứng cho con thành vô học đạo. Nay Phật hỏi viên thông, thì như chỗ sở chứng của con, xoay về quán sát tánh biết vị ấy là thứ nhứt.

***LƯỢC GIẢI***

Ông Kiều Phạm Bác Ðề (Tàu dịch là Ngưu từ) nhân tu thiệt căn mà chứng nhập viên thông. Trong một kiếp quá khứ, ông từng buông lời chê bai vị lão Tăng, nên nhiều đời mắc lấy cái tật miệng thường nhơi suông như trâu.

Phật thuyết pháp lúc nào cũng tùy căn cơ, tùy tập quán của chúng sanh cả; nên Ngài đã tùy tập quán của ông, mà dạy cho pháp môn nhứt vị thanh tịnh tâm địa; nghĩa là quán cái tánh biết vị khắp hiện nơi thiệt căn, vốn thường thanh tịnh không phải đối đãi giả dối, không thay đổi theo mặn, đắng, ngọt, cay, nên gọi là nhứt vị. Ðã vậy, thì cái tánh chẳng phải trần nên chẳng phải vô tri, mà chẳng phải căn nên không giả dối; vì vậy, các món dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu, trong thế gian không thể ô nhiễm buộc ràng; tuy ở trong ba cõi, mà vốn xa lìa ba cõi, như chim ra khỏi lồng, thông dung tự tại, thấy biết rộng xa. Ấy gọi là Pháp nhãn thanh tịnh thành A La Hán, không còn thọ sanh trong vòng luân hồi sanh tử.

\*\*\*

***10- DO THÂN CĂN CHỨNG A LA HÁN***

Ông Tất Lăng Già Bà Ta liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đầu lạy chân Phật và bạch rằng: – Lúc con mới xuất gia theo Phật nhập đạo, thường nghe đức Như Lai dạy những điều thống khổ trong thế gian; con đi khất thực trong thành, để tâm tư niệm pháp môn đó, bất giác giữa đường đạp nhằm gai độc, chân bị thương, sự đau nhức khắp cùng thân thể. Con liền nghĩ rằng: có tánh biết mới biết sự đau nhức đó. Tánh biết ấy chính là giác tâm thanh tịnh, tuy biết cái “biết đau” mà nó không phải bị đau. Con lại suy nghĩ: Nếu như vậy thì một thân lẽ nào lại có hai tánh biết? Con nhiếp niệm chưa bao lâu, thân tâm bỗng nhiên không tịnh; trong hai mươi mốt ngày thì các lậu tập tiêu hết, thành quả A La Hán, được Phật ấn ký, chứng bậc vô học. Nay Phật hỏi viên thông, thì như chỗ sở chứng của con, là xả bỏ thân chấp, thuần một giác tánh, ấy là thứ nhứt.

***LƯỢC GIẢI***

Ông Tất Lăng già Bà Ta (Tàu dịch là Dư Tập) nhân tu thân căn mà ngộ nhập viên thông. Giác tâm thanh tịnh vốn thường bất biến, hàm dung không có năng sở, không có trong ngoài, không bị khổ vui làm lay động; chúng sinh nhơn mê, khởi ra vọng tưởng phân biệt, chấp có ngoại cảnh, có nội thân, cuộc tánh biết nơi thân căn làm nơi y chỉ, mà lãnh nạp các cảnh thuận nghịch giữa thế gian. Vì vậy nên không tránh khỏi các món khổ. Ông Tất Lăng Già Bà Ta nghe theo lời Phật, quán khổ đế giữa thế gian trong khi đi khất thực, bất giác chân đạp nhằm gai độc, đau buốt toàn thân, mà càng chứng rõ khổ đế một cách thống thiết. Nhân đau nhức mà phát suy nghĩ: tự mình biết mình đang đau; vậy đã có cái đau lại có cái biết đau; đau là cái biết hư vọng nơi thân căn, tùy nhân duyên ngoại cảnh mà phát hiện có năng có sở; chữ “biết đau” chính là chỉ giác tâm thanh tịnh, ra ngoài có không, dù đau hay không đau cũng không thể làm tăng giảm. Ngặt vì trong lúc tâm ngã pháp chưa tiêu, nên tướng năng sở vẫn còn hiện tiền, cần phải nhiếp niệm vậy, sau mới không cả thân tâm, đoạn trừ năng sở, không thấy có cái tướng đau, không thấy cái tướng bị đau, chỉ thuần một giác tâm thanh tịnh. Lúc ấy, chẳng những giác tức là giác mà mê cũng tức là giác; tánh giác hoàn toàn viên mãn không còn bị điều chi ô nhiễm.

***11- DO Ý CĂN MÀ CHỨNG A LA HÁN***

Ông Tu Bồ Ðề liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đầu lạy chân Phật và bạch rằng: – Nhiều kiếp lại đây, tâm con rỗng rang không ngại, nhớ lại kiếp thọ sanh nhiều như số cát sông Hằng, lúc còn ở trong thai liền biết muôn pháp không tịch, như thế cho đến thấy cả mười phương toàn không, và giáo hóa khiến cho chúng sanh chứng đặng không tánh. Nhờ đức Như Lai phát minh tánh chơn không của bản giác tánh “không” viên mãn sáng suốt, chứng A La Hán, liền vào biển giác không tịch sáng suốt tôn quý của Như Lai, đồng tánh tri kiến với Phật, nên được ấn chứng thành bực vô học. Con do tánh không mà giải thoát, không ai sánh bằng. Nay Phật hỏi viên thông thì như chỗ sở chứng của con, là đem các tướng quy vào phi tướng, mà năng phi sở phi cũng diệt, xoay tánh biết nơi ý căn về không vô, ấy là thứ nhứt.

***LƯỢC GIẢI***

Ông Tu Bồ Ðề (Tàu dịch là Không Sanh) nhân tiêu trừ ý căn mà chứng nhập Viên thông. Ý căn là tánh hay hiểu biết tất cả pháp trần, hễ có pháp trần thì có ý căn, mà ý căn tiêu trừ thì pháp trần không tịch. Pháp pháp đều không tịch cả, dù sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn tất cả đều không; ở trong thân tâm chánh báo không, ở ngoài thế giới y báo cũng không, nên tâm đặng tự tại không bị năm uẩn ngăn che, không bị cái hôn mê cách ấm, khi ở trong thai cũng như ra khỏi thai, chỉ là tùy tưởng thọ sanh mà vẫn không bị sắc thân chướng cách. Tuy vậy, mặc dù ngộ được không lý, nhưng chưa ngộ tánh chân như của Như Lai tạng là tức nơi không mà tùy duyên hiện hữu, tức nơi diệu hữu mà vốn không, cái không ấy mới thiệt là cái tánh chân không của đệ nhất nghĩa, của nhất chân pháp giới; vậy nên nhất thời đốn ngộ tánh chân không, ấy tức đồng một tánh thấy biết cùng khắp như chư Phật, không có sai khác.

Năm vị trên đây do tu năm căn mà chứng đạo quả.

\*\*\*

***12- DO NHÃN THỨC MÀ CHỨNG A LA HÁN***

Ông Xá Lợi Phất liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ chân Phật và bạch rằng: -Con nhiều kiếp lại đây, tâm thấy rất tanh tịnh, như vậy trong nhiều đời thọ sanh như số cát sông Hằng, mà đối với các pháp biến hóa của thế gian, xuất thế gian, hễ một phen thấy liền thông suốt không bị ngăn ngại. Một hôm, nhân ở giữa đường con gặp đặng hai anh em ông Ca Diếp Ba cùng đi với nhau, tuyên nói kệ nhân duyên mà ngộ biết tự tâm vốn không ngằn mé. Con theo Phật đi xuất gia, tánh thấy biết viên mãn sáng suốt, được sức vô úy thành A La Hán làm trưởng tử của Phật, từ miệng Phật mà có, do pháp Phật mà hóa sanh. Nay Phật hỏi viên thông, thì như chỗ sở chứng của con là do tâm thấy pháp sáng, sáng cùng tột các pháp sở tri, sở kiến, ấy là thứ nhứt.

***LƯỢC GIẢI***

Ông Xá Lợi Phất (Tàu dịch là Thu Tử) do tu nhãn thức mà chứng nhập Viên thông. Do nhãn thức thanh tịnh nên tất cả pháp tướng của thế gian đều thấy thông suốt cả; nhận thấy thông suốt các pháp biến hóa ấy nên đến khi nghe thấy bài kệ nhân duyên, liền ngộ đặng thật tướng trung đạo, ngộ Tạng tâm cùng khắp pháp giới, không phải lớn nhỏ, không có ngằn mé trong ngoài. Bài kệ nhân duyên theo Ðại thừa nghĩa là:

***“Các pháp nhân duyên sanh  
Tôi nói nó là không  
Gọi nó là giả danh  
Cũng gọi nghĩa trung đạo”***

(Nhân duyên sở sanh pháp, ngã thuyết tức thị không, diệc danh thị giả danh, diệc danh trung đạo nghĩa). Các pháp do nhân duyên hòa hiệp sanh, không có thật tánh tức là không; tuy không nhưng đã tùy vọng nghiệp cơ cảm của chúng sanh, chẳng phải không có giả tướng phát hiện; ngoài giả không thể có không, ngoài không không thể có giả, không và giả không hai, ấy tức là thật tướng trung đạo của các pháp. Ðã ngộ lý trung đạo tức là ngộ được Tạng tâm tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên, không phải giả, không phải không, nhưng không chỗ nào không có, không pháp nào không do Tạng tâm, tùy duyên biến hiện, mà thấy biết cùng tận tất cả pháp, không chút ngăn che sợ hãi.

\*\*\*

***13- DO NHĨ THỨC MÀ CHỨNG BỒ TÁT***

Ông Phổ Hiền Bồ tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ chân Phật và bạch rằng:

– Con đã từng làm vị Pháp vương tử với hằng sa đức Như Lai. Mười phương các đức Như Lai mỗi khi dạy hàng đệ tử có căn cơ Bồ tát, tu hạnh Phổ Hiền, thảy đều lấy tên con mà đặt tên. Bạch Thế tôn! Con dùng tâm mà nghe và phân biệt mọi niệm lự, tri kiến của chúng sanh; nếu ở phương nào khác, ngoài hằng sa cõi nước, có một chúng sanh phát tâm tu niệm hạnh Phổ Hiền, thì trong khi ấy, con liền cỡi voi trắng sáu ngà, phân hóa trăm ngàn thân đến khắp các nơi ấy; dầu cho chúng sanh đó nghiệp chướng sâu dày không thể thấy con, thì con nhân trong khi tối tăm lấy tay rờ đầu, gia hộ an ủi khiến đặng thành công đức. Nay Phật hỏi viên thông, như bổn nhân chứng ngộ của con, là phát minh tánh nghe, phân biệt tự tại, ấy là thứ nhứt.

***LƯỢC GIẢI***

Ông Phổ Hiền Bồ tát (hạnh độ sanh cùng pháp giới là Phổ, gần địa vị cực thánh là Hiền) nhân tu nhĩ thức mà chứng nhập viên thông. Phổ Hiền có ba vị khác nhau:

1.Vị Tiền Phổ Hiền tức là hai vị Tư lương và Gia hạnh.

2.Ðương vị Phổ Hiền tức Sơ địa cho đến Ðẳng giác, Diệu giác.

3.Vị hậu Phổ Hiền, tức là khi chứng Phật quả rồi, nhưng không quyến luyến cái vui nơi cảnh Niết bàn, chỉ vì nguyện đại bi luôn luôn trở lại độ sanh tế vật, như Ngài Văn Thù, Quán Âm, Phổ Hiền v.v… Vậy biết Ngài Phổ Hiền là vị Ðại Bồ tát đã thành Phật mà trở lại độ sanh. Chính trong nhân địa, Ngài đã phát 10 lời đại nguyện: Từ “lễ kỉnh chư Phật” cho đến “Phổ giai hồi hướng”. Ngài đã phát minh tánh nghe chơn thật của bản tâm thanh tịnh, không còn tùy tùng theo cái nghe hư vọng của nhĩ căn và nhĩ thức, nên không bị điều chi cách ngại; nên hễ có mỗi một chúng sanh nào cách xa hằng sa thế giới mà phát tâm tu hạnh Phổ Hiền, thì Ngài liền quán biết rõ ràng, phân vô số thân, cỡi voi trắng sáu ngà (biểu 6 độ của Bồ tát) đến tận nơi mà tìm cách an ủi, khuyên lơn, tán thán, gia hộ khiến chúng sanh ấy mau thành tựu như Ngài. Các vị muốn tu Bồ tát thừa sau khi thấy rõ chơn tâm, phát minh căn bản trí, đều phải khởi sai biệt trí, tùy nghi phương tiện mà giáo hóa độ sanh mới thành tựu viên mãn Phật quả; nếu thiếu hạnh Phổ Hiền tế độ quần sanh thì hạnh giác tha bị thiếu, nên Phật dạy các Bồ tát tu hạnh lợi tha đều nên tu theo hạnh đức Phổ Hiền và cũng lấy tên ấy mà làm tên của mình.

\*\*\*

***14- DO TỶ THỨC MÀ CHỨNG A LA HÁN***

Ông Tôn Ðà La Nan Ðà liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ chân Phật và bạch rằng: – Con lúc đầu xuất gia theo Phật nhập đạo, tuy đối với giới luật (giới) giữ gìn đầy đủ, mà đối với pháp Tam ma địa (định) thì tâm thường loạn động, nên chưa thành vô lậu. Ðức Thế Tôn dạy con cùng ông Câu Thi La quán tướng trắng trên chót sống mũi. Lúc đầu quán kỹ, trải qua 21 ngày thấy hơi trong mũi ra vào như khói, thân tâm thế giới trong ngoài rỗng suốt, khắp đều trong sạch như ngọc Lưu ly. Rồi dần dần tướng khói tiêu tan mà hơi thở lại biến thành sắc trắng, tâm đặng khai ngộ; các lậu tiêu trừ, hơi thở ra vào hóa thành ánh quang minh, soi cùng mười phương thế giới, chứng quả A La Hán. Ðức Thế Tôn thọ ký cho con, tương lai chứng đặng Bồ đề. Nay Phật hỏi viên thông, con do tiêu trừ hơi thở; hơi thở tiêu nên tâm phát sáng, sáng càng viên mãn, các lậu dứt trừ, ấy là thứ nhứt.

***LƯỢC GIẢI***

Ông Tôn Ðà La Nan Ðà nhân tu về tỷ thức mà ngộ nhập Viên thông; trên đường tu hành chơn chánh đến kết quả vô thượng Bồ đề là phải đủ ba điều kiện cần yếu: giới luật, thiền định và trí tuệ. Giới để ngăn ngừa tội lỗi, Ðịnh để đón dẹp vọng tưởng tán loạn, Huệ để phá vô minh thấu rõ thật lý. Bởi vậy mặc dầu giữ gìn giới luật hoàn toàn mà tâm thiếu thiền quán, bị tán loạn, thì bao nhiêu hoặc lậu vô minh vẫn còn tương tục ngăn che thánh quả vô lậu. Thiền quán cốt tại buộc tâm vào một chỗ hay một pháp môn để quán sát. Như Phật dạy ông Tôn Ðà La Nan Ðà, Câu Thi La chuyên tâm quán tướng trắng đầu chót sống mũi; hễ quán tâm lần sâu xa, thì cảnh sở quán lần thanh tịnh, nên thấy hơi thở có khi như hơi khói, có khi thành trắng, đến khi hóa ra ánh sáng, đều do quán tâm sâu cạn mà ra cả. Cảnh sở quán đã sáng suốt, tâm năng quán cũng viên minh, thì thân tâm thế giới mười phương, thảy đều trong suốt như chất lưu ly, không nhơ bợn, không ngăn cách, ấy là dứt nhân sanh tử, được Phật thọ ký chứng quả Bồ đề.

\*\*\*

***15- DO THIỆT THỨC MÀ CHỨNG A LA HÁN***

Ông Phú Lâu Na Di Ða La Ni Tử, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ chân Phật và bạch rằng:

– Con từ nhiều kiếp lại đây, biện tài vô ngại, tuyên nói các pháp khổ, không đạt cùng thật tướng; như vậy cho đến tất cả pháp môn bí mật của hằng sa Như Lai, con đều đem giải bày rất rõ ràng, vi diệu ra giữa đại chúng không chút sợ sệt. Ðức Thế Tôn biết con có tài hùng biện, nên dùng âm thanh tuyên nói pháp luân dạy con đem ra truyền bá. Con ở trước Phật dùng tiếng thuyết pháp như sư tử rống, để giúp Phật chuyển pháp luân, đặng thành A La Hán. Ðức Thế Tôn ấn chứng con là người thuyết pháp không ai bằng. Nay Phật hỏi viên thông, con do pháp âm, hàng phục lũ ma oán, tiêu diệt các lậu, ấy là thứ nhứt.

***LƯỢC GIẢI***

Ông Phú Lâu Na Di Ða La Ni Tử, nhân tu thiệt thức mà ngộ nhập viên thông. Thiệt thức có công năng biết vị và thuyết pháp. Phật vì muốn cứu chúng sanh khỏi vòng điên đảo, chấp mọi sự vật là thường, là lạc, là ngã, là tịnh, nên truyền dạy Pháp vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh. Nhân đó mà hàng Nhị thừa giải thoát phần đoạn sanh tử, chứng Vô dư y Niết bàn và đem giáo hóa dẫn đạo chúng sanh. Thật ra trong khi Phật dạy lý vô thường, khổ, Vô ngã, bất tịnh, là mật ý cốt chỉ cho chúng sanh đương nơi bốn điều ấy nhận thấu thật tướng, bình đẳng thường, lạc, ngã, tịnh, của tất cả các pháp. Vì thật tướng ấy mới là pháp môn bí mật của hằng sa đức Như Lai, là chỗ muốn chỉ cho âm thanh luân của Phật tuyên nói; nếu ngọ đặng pháp môn ấy như ông Phú Lâu Na, thì biện luận thuyết pháp không ai sánh bằng, mặc dù nói pháp khổ, không mà không ly thật tướng; tuy không ly thật tướng mà tự tại tuyên nói khổ không, để điều nhiếp chúng sanh, hàng phục ma ngoại.

\*\*\*

***16- DO THÂN THỨC MÀ CHỨNG A LA HÁN***

Ông Ưu Ba Ly liền từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ chân Phật mà bạch rằng:

– Con thân hành theo Phật, thấy Ngài vượt thành xuất gia, chính con quán thấy đức Như Lai, 6 năm tu khổ hạnh, hàng phục loài ma, uốn dẹp ngoại đạo, giải thoát các tham dục thế gian; lại được thừa lãnh giáo giới của Phật chế; như thế cho đến 3.000 oai nghi, 84.000 hạnh vi tế, nào tánh nghiệp, nào giá nghiệp, con đều gìn giữ thanh tịnh, thân tâm vắng lặng, thành bậc A La Hán. Con là giềng mối trong chúng đệ tử của Như Lai. Phật ấn chứng tâm con, giữ giới tu thân, chúng suy tôn là bậc thượng thủ. Nay Phật hỏi viên thông thì con trước do chấp giữ thân, thân đặng tự tại; sau lại do chấp giữ tâm, tâm đặng thông suốt. Vậy sau tất cả thân tâm thảy đều thông lợi, ấy là thứ nhứt.

***LƯỢC GIẢI***

Ông Ưu Ba Ly nhân tu thân thức mà ngộ nhập Viên thông. Ông là một người hầu cận của Phật trong khi Ngài còn làm Thái tử, nên thấy rõ hành động của Phật khi xuất gia, khi tu khổ hạnh cho đến khi thuyết phục tà ma, thành đạo quả và thiết chế giới luật, lại là vị đệ tử trì luật thứ nhứt, lãnh thọ giới luật, thanh tịnh tu trì. Nào những điều thể tánh vốn ác như sát, đạo, dâm, vọng, gọi là tánh nghiệp; những điều thể tánh tuy không ác nhưng vì hay mở đường tội lỗi như rượu v.v… mà Phật chế ngăn gọi là giá nghiệp, cho đến 3.000 oai nghi (250 giới đều có 4 cử động là đi, đứng, ngồi, nằm, 250 x 4 = 1.000; 1.000 đối với 3 tụ giới thành ra 3.000). 84.000 tế hạnh (3.000 oai nghi đem phối với bảy chi: sát, đạo, dâm, lưỡng thiệt, vọng ngôn, ác khẩu, ỷ ngữ, thành 21.000; lại phối với 4 phần phiền não là đa tham, đa sân, đa si, tham si đồng phần, thành ra 84.000) thảy đều giữ gìn, không giới nào khuyết phạm, thân thường ở trong giới, toàn thân tức là giới, khi giới đã đặng thanh tịnh, thì thân ấy là thân tịch diệt, mà tâm ấy là tâm chơn thường diệu giác, mặc dù ở trong thế gian uế ác mà không bao giờ ô nhiễm như diệu liên hoa vậy.

\*\*\*

***17- DO Ý THỨC MÀ CHỨNG A LA HÁN***

Ông Ðại Mục Kiền Liên liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ chân Phật và bạch rằng:

– Lúc trước con đi khất thực, giữa đường gặp ba anh em ông Ca Diếp Ba, là Ông Ưu Lầu Tần Loa, ông Già Da và ông Na Đề tuyên nói nghĩa nhân duyên sâu xa của Như Lai; con liền phát tâm, thấu suốt rộng lớn, đức Như Lai cho con mặc y ca sa, râu tóc con tự rụng hết. Con dạo đi cùng mười phương, không bị ngăn ngại, phát minh thần thông, được chúng suy tôn con là hơn hết và thành A La Hán. Ðâu chỉ một mình Thế Tôn, mà mười phương Như Lai củng đều khen thần lực con, tròn sáng thanh tịnh, tự tại không e sợ. Nay Phật hỏi viên thông, con xoay ý thức về tánh viên trạm, tam quang mở bày, ví như lắng dòng nước đục, lâu ngày thành trong suốt, ấy là thứ nhứt.

***LƯỢC GIẢI***

Ông Ðại Mục Kiền Liên nhân tu ý thức mà ngộ nhập viên thông. Sau khi nghe ba anh em ông Ca Diếp Ba nói lý nhân duyên của Phật, liền ngộ đặng nhân duyên thâm nghĩa, không phải như nghĩa thông thường, nói các pháp có ra là do nghiều cái họp lại; hơn nữa các pháp nhơn duyên sanh tức không thiệt có, tức là như huyễn, tức là trung đạo thật tướng; chính nơi các pháp đối đãi sanh diệt, mà nhận ra thật tướng, tuyệt đối không sanh diệt. Vậy nên dầu gần dầu xa, dầu lớn dầu nhỏ, không còn chút gì ngăn ngại, xứng ý thật tướng, phát hiện thần thông để độ chúng sanh và phụng thờ chư Phật. Vì được như vậy nên ông Mục Kiền Liên mới được gọi là thần thông bực nhứt.

Sáu vị trên đây là do tu sáu thức mà được viên thông.

***18- DO LỬA MÀ CHỨNG A LA HÁN***

Ông Ô Sô Sắc Ma ở trước Như Lai chắp tay cúi đầu đảnh lễ chân Phật và bạch rằng: – Con thường nhớ lại nhiều kiếp xa xôi về trước, tánh nhiều tham dục. Có đức Phật ra đời hiệu là Không Vương. Ngài dạy: người nhiều dâm tánh là thành đống lửa hãi hùng, lại dạy con quán khắp 100 hài 4 vóc, các khí lạnh, nóng và tinh thần bề trong mà được ngưng tịnh, hóa tâm đa dâm thành ra lửa trí huệ. Từ đó chư Phật đều gọi con là Hỏa đầu. Con do sức hỏa quang tam muội mà thành A La Hán, tâm phát nguyện lớn: “Hễ chư Phật thành đạo thì con làm người lực sĩ hầu cận, uốn dẹp lũ ma oán”. Nay Phật hỏi viên thông, con do quán sát cái xúc nóng nơi thân tâm, rỗng suốt không ngại, các lậu tiêu trừ, phát sanh lửa trí huệ lớn báu, lên bậc vô thượng giác, ấy là thứ nhứt.

***LƯỢC GIẢI***

Ông Ô Sô Sắc Ma nhân tu về Hỏa đại mà ngộ nhập viên thông. Chỉ vì còn vọng tưởng nên còn tánh tham dâm; do tánh tham dâm mới kết thành lửa nghiệp hẩy hừng đốt cháy thân tâm, lu mờ ánh sáng trí huệ. Nhưng vọng tưởng chỉ là tâm, tham dâm chỉ là tâm, mà trí huệ cũng chỉ là tâm; nếu tâm vọng tưởng tham dâm ngừng tiêu, thì lửa trí huệ phát hiện. Ông Ô Sô Sắc Ma vốn người nhiều dâm dục; sau khi nghe đức Phật Không Vương dạy cho biết người đa dâm biến thành đống lửa dữ, mới chuyên tâm quán sát toàn thân tứ đại vốn không chủ tể; 100 hài và 4 vóc, khi lạnh khi nóng v.v… đều thuộc về tứ đại; tâm đa dâm vốn không tự tánh, tất cả đều do vọng tưởng mà ra; bởi tạng tâm tùy duyên biến hiện, ngộ được tất cả vô tánh, tức thành định lực hỏa quang tam muội đốt cháy hết thảy thế gian và oán ma sanh tử.

\*\*\*

***19- DO ÐẤT MÀ ÐƯỢC CHỨNG BỒ TÁT***

Ông Trì Ðịa Bồ Tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ chân Phật và bạch rằng: – Con nhớ kiếp xưa thuở đức Phổ Quang Như Lai hiện thân ra đời. Con làm thầy Tỳ kheo thường đi đến các nẻo đường, bến đò, ruộng đất hiểm trở, hoặc không được bằng phẳng, phòng hai xe ngựa, thi con đắp ngay ngắn, hoặc làm cầu cống, hoặc gánh cát, đất, siêng năng khổ nhọc như vậy, trải qua vô lượng đức Phật ra đời. Hoặc có chúng sanh ở chỗ chợ búa, cần người chuyển vật, con vì họ trước hơn ai cả, chuyển đi đến nơi tận chỗ để đổ vật xuống, liền đi ngay, chứ không nhận lấy tiền thuê. Trong khoảng đức Phật Tỳ Xá Phù ra đời, ở thế gian, phần nhiều bị đói thiếu, con làm người chuyên chở không kể gần xa, chỉ lấy thuê một tiền; nếu có xe trâu mắc phải bùn lầy thì con đem sức lực vì chúng đẩy xe, cứu vớt sự khổ não. Vị quốc vương thuở ấy, mời Phật thiết trai cúng dường; bấy giờ con sửa sang đất đai bằng phẳng chờ Phật đi qua. Ðức Tỳ Xá Như Lai khi đi ngang qua, xoa đầu con và bảo: “Hãy bình tâm địa thì thế giới đại địa tất cả đều bình”. Tâm con liền đặng mở mang, thấy rõ vi trần tạo thành ra thế giới, bình đẳng không khác; tự tánh của vi trần không chạm lẫn nhau, cho đến đao binh cũng chẳng hề đụng chạm; trong các pháp tự tánh, ngộ được vô sanh nhẫn, thành bực A La Hán. Xoay tâm tiểu thừa này vào trong vị Bồ tát, nghe các Như Lai nói chỗ tri kiến Phật như Diệu Liên Hoa; con đặng chứng tỏ lần đầu tiên mà làm vị thượng thủ. Nay Phật hỏi viên thông, con do chỗ đế quán hai thứ vi trần của căn thân và thế giới bình đẳng như nhau, vốn từ Như Lai tạng hư vọng phát sinh trần cấu, trần cấu tiêu rồi thí trí viên mãn, thành Bồ tát, ấy là thứ nhứt.

***LƯỢC GIẢI***

Ngài Trì Ðịa Bồ Tát nhân nơi địa đại mà chứng ngộ viên thông. Phàm những vị phát tâm hướng cầu Bồ đề mà tu Bồ tát hạnh, thường xem việc lợi tha làm trọng, lợi kỷ làm khinh, lắm khi vì xả kỷ để mà lợi nhân cũng không tiếc. Nhưng phương tiện thực hành Bồ tát hạnh sai khác nhau, có vị dùng lời nói dịu dàng thuyết pháp để lợi ích chúng sanh, có vị đem tiền tài của cải bố thí để lợi ích chúng sanh v..v… còn như ngài Trì Ðịa thì thường đem thân lực mạnh khỏe mà giúp ích nhiếp hóa chúng sanh; từ kiếp đức Phật Phổ Quang xuất thế, mãi về sau vô lượng kiếp Ngài thường đi qua các nẻo đường, bến đò, và bất cứ nơi nào hiểm trở lầy lội, phương ngại người đi, ngài đều ra công tự gánh đất cát sửa sang bằng phẳng, xây dựng cầu cống hoặc gánh gồng mang chở vật nặng giúp người về tận nơi chỗ mà không lấy tiền thuê, cho đến đẩy dùm xe trâu bùn lầy tự đi không nổi v.v… Sau nhân gặp đức Tỳ Xá Như Lai dạy một câu rằng: “Nên bình tâm địa thì đại địa thế giới tất cả đều bình”. Tâm liền khai ngộ, Ngài chứng quả vô sanh. Câu ấy nghĩa là tất cả đại địa vi trần từ trong thân đến ngoài thế giới đều giả dối, không có tự tánh, chỉ do nhất tâm biến hiện. Chúng sanh vì mê không ngộ cảnh sở hiện ấy toàn là duy tâm, vốn không trong ngoài, năng sở cao thấp, nên mới thấy tướng bất bình; nếu gạt bỏ hết các vọng tưởng đảo điên, mà bình được tâm địa nơi mình thì đại địa ở ngoài thế giới tự nhiên bằng phẳng, xem thấy các vi trần hiệp thành nơi thân, vi trần hiệp thành ngoại giới vốn đồng một tâm, tâm đồng một tánh, bình đẳng như như, không ngăn ngại nhau thì dù dao cắt vào thân thể như rạch vào hư không; vi trần không diệt cũng như băng tiêu tức thành nước, chỉ băng diệt chứ không bị mất. Pháp tánh vốn tự viên dung, chẳng có gì thêm, bớt, sanh, diệt. Nếu ngộ pháp tánh ấy tức là nhập chỗ tri kiến của Phật.

\*\*\*

***20- DO NƯỚC MÀ ÐƯỢC CHỨNG BỒ TÁT***

Ông Nguyệt Quang Ðồng tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ dưới chân Phật và bạch rằng:

– Con nhớ hằng hà sa số kiếp về trước, có đức Phật ra đời hiệu là Thủy Thiên, dạy các vị Bồ tát tu phép quán nước, chứng nhập chánh định. Quán nước ở trong thân, tánh nó không cướp đoạt nhau. Ðầu tiên quán từ nước miếng, rồi đến mồ hôi, tinh huyết, đại tiện, tiểu tiện xoay vần trong thân mà vẫn đồng một tánh nước. Quán thấy nước ở trong thân cùng nước biển hương thủy nơi cõi phù tràng vương ngoài thế giới bình đẳng không sai khác. Lúc con mới thành pháp quán nước, thì chỉ trong thấy nước mà chưa được không thân (nghĩa còn chấp có thân này). Ðang lúc còn làm Tỳ kheo yên lặng tu thiền ở trong nhà, thì có người đệ tử từ nơi cửa sổ ngó vào, chỉ thấy nước trong khắp đầy cả nhà, không thấy gì khác, nó trẻ dại không biết, liền lấy một viên ngói quăng vào trong nước quấy nước lên tiếng, ngó quanh quẩn rồi bỏ đi; sau khi con xuất định, liền cảm nghe đau bụng, giống như ông Xá Lợi Phất gặp phải nạn quỷ vi hại. Con tự suy nghĩ: Nay ta đã được quả A La Hán, khỏi bịnh duyên lâu ngày, vì sao nay bỗng phát sinh đau bụng, chừng bị thối thất chăng! Bấy giờ đứa nhỏ thẳng đến trước con, nói lại việc như trên; con liền bảo: “Hễ ngươi trông thấy nước lại, thì nên liền mở cửa vào lượm viên ngói quăng đi”. Ðứa nhỏ vâng lời, lúc sau con nhập định, nó trở lại thấy nước và viên ngói rõ ràng, liền mở cửa lượm ra. Ðến khi con xuất định, thần thể lại y như cũ. Gặp vô lượng Phật, như vậy đến đời đức Sơn Hải Tự Tại Thông Vương Như Lai, con được vong thân, thân cùng nước biển hương thủy khắp mười phương hiệp một tánh chơn không, không hai không khác. Ngày nay đối trước Như Lai được danh hiệu Ðồng Chơn, dự hội Bồ tát. Nay Phật hỏi viên thông con do thủy tánh, một vị lưu thông, chứng được phép vô sanh nhẫn, viên mãn đạo Bồ đề, ấy là thứ nhứt.

***LƯỢC GIẢI***

Ông Nguyệt Quang đồng tử nhân quán thủy đại mà ngộ nhập viên thông. Thủy đại là chỉ tất cả nước trong biển cả, nước lưu hành trong thân v.v… thủy thấy in tuồng có trong có ngoài, mà vốn dung thông. Quán thủy đại dung thông cùng khắp thế giới, không chỗ nào không phải nước, toàn một tướng nước mà thôi, thì tâm phân biệt tiêu diệt, chân trí vô phân biệt hiện ra. Nhưng đây ông Nguyệt Quang lúc đầu vì chưa chứng được chơn tự tánh; tánh thủy tức là chơn không, tánh thân tức là chơn không, tất cả đều chơn, tất cả đều không; nên ông thấy còn có thân, còn đem thân nhập định, dụng tâm quán nước, chứ chưa phải tâm tức là định, định tức là tâm, tâm tức là nước, nước tức là tâm. Vậy nên khi nhập định quán nước, có tướng nước hiện tiền, đứa đồng tử thấy nước quăng ngói vào trong, đến khi xuất định tướng nước không còn, lại nghe tâm đau; về sau gặp đời đức Sơn Hải Tự Tại Thông Vương xuất thế mới được vong thân; thân đã vong, pháp cũng diệt, thì cùng mười phương đồng một tánh thủy chơn không, không hai không khác, chẳng nhập định xuất định, mà tự nhiên chứng được vô sanh pháp nhẫn.

\*\*\*

***21- DO GIÓ MÀ CHỨNG THÁNH QUẢ***

Ông Lưu Ly Quang Pháp vương tử, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ chân Phật và bạch rằng:

– Con còn nhớ trải qua hằng hà sa số kiếp trước, có đức Phật ra đời hiệu Vô Lượng Thanh, khai thị tánh Bổn giác diệu minh cho các hàng Bồ tát, quán thế giới này và các thân chúng sanh, đều bởi sức gió nhân duyên hư vọng chuyển biến ra. Lúc bấy giờ con quán cõi nước đứng yên, quán thời gian qua lại, quán thân phần đi đứng, quán tâm niệm động lay, tất cả các thứ động không hai, như nhau không sai khác.

Con hiểu biết rằng tánh của các món động ấy, đến thì không có chỗ ban đầu, đi không nơi cùng tột; chúng sanh điên đảo số như vi trần trong mười phương, đều đồng một tánh hư vọng cả. Như vậy cho đến những loại chúng sanh ở trong một Tam thiên đại thiên thế giới, chẳng khác nào trong một cái đồ chứa hàng trăm mòng muỗi vo vo loạn lạc, ở trong phân tấc nổi sanh cuồng náo, gặp Phật chưa bao lâu mà chứng vô sanh nhẫn; bây giờ tâm địa mở mang, trông thấy phương đông cõi Phật bất động, làm con đấng Pháp vương (Phật), kính thờ mười phương Phật, thân tâm phát sáng, rỗng suốt không ngăn ngại. Nay Phật hỏi viên thông, con do quán sát phong lực giả dối không chỗ nương, ngộ tâm Bồ đề chứng nhập tam ma địa, hiệp với mười phương Phật, toàn một diệu giác tâm, ấy là thứ nhứt.

***LƯỢC GIẢI***

Ông Lưu Ly Quang pháp vương tử do phong đại mà ngộ nhập viên thông. Tánh bổn giác diệu minh thường không diêu động, nhân xem thấy sự chuyển lay gọi là phong đại hay phong lực. Ông Lưu ly Quang thường quán tất cả thân tâm thế giới đều nhơn phong lực chuyển biến, nào sự thành lập phương cõi, sự qua lại của thời gian; sự động chỉ nơi thân, sự động niệm nơi tâm, thảy đều không tự tánh, đều do sức gió hư vọng phát sanh, không thật có đến có đi, hay có sanh diệt; chúng sanh không nhận biết, chỉ do một tánh hư vọng như thế, nên cuộc chấp nơi thân phần bé nhỏ, thân lại ràng buộc vào thế giới; rồi tự chịu lấy sự sanh tử luân hồi rất là đảo điên oan uổng; không khác nào trăm ngàn con mòng muỗi vô tri ở trong đồ hẹp bé gang tấc, tự kêu la inh ỏi, diêu động lăng xăng, mà thật ra gió hư vọng không chỗ nương, chỉ nương Bồ đề bổn giác. Như sóng nổi từ nước, hễ gió hư vọng tiêu, tức Bồ đề hiển lộ thông suốt không ngại. Mười phương chư Phật đều lấy cái đó làm tâm; hết thảy chúng sanh cũng lấy đó làm tâm, chỉ một diệu tâm vô nhị ấy; nhưng mà chứng nhập được là phải diệt hết mê lầm.

\*\*\*

***22- DO HƯ KHÔNG MÀ CHỨNG BỒ TÁT***

Ông Hư Không Tạng Bồ tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ chân Phật và bạch rằng:

– Con với đức Như Lai cùng ở thời đức Phật Ðịnh Quang (Phật Nhiên Ðăng) chứng được vô biên thân, lúc ấy tay cẩm 4 viên bảo châu lớn, chiếu sáng mười phương cõi Phật số như vi trần, đều hóa thành hư không. Lại nơi tự tâm hiện ra cái gương tròn lớn, từ gương phóng ra mười ánh sáng vi diệu quý báu; trong ánh sáng lưu xuất mười phương các cõi nước khắp hư không, rồi trở lại vào trong gương và lần vào thân con. Thân đồng như hư không, chẳng còn sợ ngăn ngại, nên có thể khéo léo hiện thân vào các quốc độ số như vi trần, rộng làm Phật sự, được công đức tùy thuận rộng lớn.  
Ðạt thần lực như thế ấy là con chín chắn quán sát tứ đại không chỗ nương, sanh diệt theo vọng tưởng; hư không không hai và cõi Phật vốn đồng, phát minh tới chỗ đồng, chứng đặng vô sanh nhẫn. Nay Phật hỏi viên thông, con do quán sát hư không không ngằn, ngộ nhập Tam ma địa, diệu lực viên mãn sáng suốt, ấy là thứ nhứt.

***LƯỢC GIẢI***

Ngài Hư Không Tạng Bồ tát nhân tu không đại mà chứng nhập viên thông. Quán sát 4 món đại là giả dối, như huyễn đều do vọng tưởng của chúng sanh phát hiện; mà vọng tưởng không có thiệt tánh, y nơi nhứt tâm; khi đã ngộ lý duy tâm triệt để thì cả 4 đại sắc không, bổn lai bình đẳng như hư không. Như bài kệ nói:

*Hư không chẳng phải cao, thấp cũng không thể có; các pháp cũng như vậy, tánh vốn không cao thấp. Bồ tát Hư Không Tạng, đặng kho tàng hư không. Ðầy đủ cho hữu tình, thức ấy không cùng tận.*

Ðem thức tâm hư không vô tận ấy mà ấn nhập tất cả pháp, thì pháp nào cũng vô tận, toàn tâm là sắc, vậy nên tất cả pháp đều duy tâm sở hiện, duy tâm không có trong ngoài.

Trong bài này, ngọc châu là tiêu biểu sắc pháp, gương sáng là tiêu biểu tâm pháp. Toàn sắc là tâm không phân chia chủ bạn, nên hay soi chiếu mười phương vi trần cõi Phật hóa thành hư không. Toàn tâm là sắc, không phải xa rời nơi bổn tế. Nên hay phóng quang hiện phương cõi, đều vào trong gương, trong thân không chút nào ngăn ngại; chính nơi thân mà hiện độ, nơi độ mà hiện thân, để hoằng pháp độ sanh, tiếp nối Phật chủng mà không bao giờ trái với tánh bình đẳng thanh tịnh của pháp thân, nên gọi là đức tùy thuận rộng lớn.

\*\*\*

***23- DO THỨC ÐẠI MÀ CHỨNG THÁNH QUẢ***

Ngài Di Lặc Bồ tát, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ chân Phật và bạch rằng:

– Con nhớ trải qua vi trần số kiếp về trước, có đức Phật ra đời là Nhựt Nguyệt Ðăng Minh. Từ đức Phật ấy, con được xuất gia, nhưng tâm con còn nặng nề thế danh, ưa giao du với các giòng quyền quý. Lúc ấy đức Thế Tôn dạy con tu tập pháp định duy tâm thức mà ngộ nhập Tam ma địa. Nhiều kiếp lại đây, do sức Tam muội ấy, con kính thờ hằng hà sa số Phật và tâm ham chuộng thế danh kia nay đã hết. Ðến kiếp đức Phật Nhiên Ðăng ra đời, con mới được chứng pháp vô thượng diệu viên thức tâm tam muội, thấy khắp hư không, các cõi nước dù uế, tịnh, có, không, thảy đều do tâm thức con biến hóa hiện ra. Bạch Thế Tôn! Bởi con liễu chứng duy tâm thức tánh như vậy, từ thức tánh xuất hiện vô lượng Như Lai, nên nay đặng Phật thọ ký sẽ bổ xứ làm Phật. Nay Phật hỏi viên thông, con do chín chắn quán sát mười phương đều là duy thức, thức tâm viên mãn sáng suốt, chứng nhập tánh viên thành thật, xa lìa tánh y tha và biến kế chấp, ngộ vô sanh nhẫn, ấy là thứ nhứt.

***LƯỢC GIẢI***

Ðức Di Lặc Bồ tát nhân tu duy thức mà ngộ viên thông.

Ngộ tất cả vạn Pháp đều do nơi thức biến hiện thì cảnh nào cũng là tánh cảnh, cũng là tánh viên thành thật. Không ngộ tất cả vạn pháp do nơi thức biến hiện, in tuồng sanh mà không thật sanh, in tuồng diệt mà không thật diệt; nếu chấp thiệt có sanh diệt, thành pháp y tha. Các pháp do y tha (nhân duyên) sanh khởi mà không nhận là y tha, lại so đo sai lầm, chấp có ngã, ngã sở, cho nên thường bị danh tướng thế gian ràng buộc. Tâm còn ham chuộng thế danh, vì còn cho thế gian là thiệt. Trái lại, sau khi ngài Di Lặc tu tập phép duy tâm, duy thức, quán sát tất cả danh là giả, tất cả tưởng là giả, không vì duyên gì còn làm sanh trưởng tâm ham mê danh vị được nữa. Lần lần chứng được vô thượng diệu viên thức tâm tam muội (chơn duy thức tánh) chẳng những không thấy thiệt có tướng vạn pháp, cũng không còn thấy thiệt có tướng duy thức; vì mười phương Như Lai, quốc độ sắc không v.v… đều không món nào ra ngoài thức tánh ấy mà tự có. Các pháp đã là thức tánh, thì pháp pháp đều là tự tánh viên mãn, thành tựu chân thật, nơi tánh viên thành, sanh vốn vô sanh. Cho nên xa lìa y tha như huyễn, nơi tánh viên thành không thiệt có ngã và ngã sở, xa lìa biến kế sai lầm, chứng pháp vô sanh nhẫn.

\*\*\*

***24- DO KIẾN ÐẠI MÀ CHỨNG THÁNH QUẢ***

Ngài Ðại Thế Chí pháp vương tử cùng các Bồ tát đồng hàng là năm mươi hai vị, liền từ chỗ ngồi, đảnh lễ chân Phật và bạch rằng:

– Con nhớ hằng sa số kiếp trước, có đức Phật ra đời hiệu Vô Lượng Quang. Nội trong một kiếp ấy, mười hai đấng Như Lai kế nhau ra đòi. Vị Phật sau hết hiệu là Siêu Nhựt Nguyệt Quang. Ngài dạy con tu phép Niệm Phật Tam muội. Ví như có hai người, một đàng chuyên nhớ, một đàng chuyên quên, thì hai người ấy hoặc gặp nhau cũng như chẳng gặp, dù thấy nhau cũng như không thấy; nếu cả hai người nhớ nhau, hai mối nhớ càng ăn sâu thì dù đời này cho đến trải qua đời khác, cũng luôn luôn như bóng với hình, không bao giờ trái xa.  
Mười phương các đức Như Lai thương nhớ chúng sanh như mẹ nhớ con, nếu con trốn tránh, tuy mẹ nhớ cũng chẳng có ích gì; nếu con nhớ mẹ như mẹ nhớ con, thì mẹ con đời đời không xa cách nhau. Nếu chúng sanh đem tâm nhớ Phật, niệm Phật thì hiện tại hay tương lai chắc chắn thấy Phật, cách Phật không xa, chẳng cần tu hành phương tiện nào khác mà tự nhiên tâm được khai ngộ. Cũng như người ướp hương mà thân có hương như thế gọi là dùng hương quan để trang nghiêm vậy. Chỗ bổn nhơn tu hành của con là do tâm niệm Phật mà ngộ vô sanh nhẫn, nguyện ở cõi này để nhiếp hóa mọi người niệm Phật vãng sanh Tịnh độ. Nay Phật hỏi viên thông, con vốn không lựa chọn, chuyên thâu nhiếp cả sáu căn, khiến cho Tịnh niệm nối luôn, được vào Tam ma địa, ấy là thứ nhứt.

***LƯỢC GIẢI***

Kiến đại cũng tức là căn đại; trước thức đại thuộc về thức, đây kiến đại thuộc về căn. Ngài Ðại Thế Chí Pháp vương tử, nhơn tu kiến đại mà ngộ nhập viên thông.

Không như các viên thông trước, chỉ lựa chọn từng căn để hạ thủ công phu, mà trái lại ở đây, ngài Ðại Thế Chí nhân pháp niệm Phật Tam muội nhiếp phục cả 6 căn, quy cả 6 căn đều thâu về nơi nhứt niệm niệm Phật, không để tán loạn dong ruổi theo ngoại duyên. Tịnh niệm thường nối luôn, không xen một niệm gì khác, thì quyết nhiên chứng đặng niệm Phật tam muội, thường thương xót tưởng niệm chúng sanh, như nhớ con dại; nếu chúng sanh chuyên tâm nhớ Phật, niệm Phật như con biết nhớ mẹ, như mẹ nhớ con, thì hiện tiền hoặc tương lai, quyết định gặp Phật, thấy Phật, vì nhân nào quả nấy mảy mún không sai. Trái lại, Phật tuy nhớ chúng sanh, mà chúng sanh cứ trốn tránh không biết nhớ Phật; cũng như hai người, một bên chuyên nhớ, còn một bên chuyên quên, thì gặp cũng như không gặp, thấy cũng như không thấy, chẳng ích gì.

Vả chăng, tâm mê ngộ của chúng sanh cũng như mẹ và con vậy. Tâm ngộ như mẹ, tâm mê như con, ngộ luôn luôn có trong mê, ví như mẹ thương nhớ con, mà mê thì không biết tự nhận, niệm niệm chuyển dời trái tánh giác, hiệp trần lao, ví như con trốn tránh không nhớ nghĩ đến mẹ, bởi vậy mà uổng chịu luân hồi sanh tử! Nếu biết phản quán, đem tâm niệm Phật giác ngộ nơi tự tâm, thì mỗi phút, mê hóa thành giác, năng sở đều chứng nhập tánh pháp giới bình đẳng, không ly đương độ mà nhiếp hóa những chúng sanh niệm Phật đồng vãng sanh Tịnh độ.

Bảy vị trên đây do tu bảy đại mà chứng đạo quả.

\*\*\*

***25- DO NHĨ CĂN MÀ ÐƯỢC NGỘ ÐẠO***

Khi đó, đức Quán Thế Âm Bồ tát đứng dậy cung kính lạy Phật và thưa rằng:

– Bạch Thế Tôn, con nhớ từ hằng hà sa số kiếp về trước, có Phật ra đời, tên là Quán Âm. Con đối với trước Phật Quán Âm phát tâm Bồ đề. Ngài dạy con từ nơi nghe rồi nhớ và tu mà được vào chánh định (văn, tư, tu là điều cần yếu của người tu hành).

Khi mới nghe tiếng, không chạy theo thinh trần, xoay cái nghe trở vào chơn tánh (nhập lưu vong sở). Vì chỗ vào (chơn tánh) đã yên lặng, nên độ và tịnh hai món trần cảnh không sanh.

***LƯỢC GIẢI***

Ðại ý đoạn này nói: Khi cái nghe đối với tiếng, không khởi vọng niệm phân biệt theo tiếng, do xoay cái nghe trở lại tự tánh, nên tâm yên, cảnh tịch. Ðây mới giai đoạn thứ nhứt.

\*\*\*

Như thế lần lần tăng tấn đến cái nghe (năng) và cảnh bị nghe (sở) cũng hết (đoạn trên nói thinh trần yên tịnh, song còn cái nghe; đoạn này nói “cái nghe” và “trần bị nghe” đều hết).

Cũng không an trụ ở chỗ hết nghe. Cái biết hết và cái bị biết củng không còn (đoạn trên nói “cái nghe với cái bị nghe hết”, nhưng còn chấp ở nơi “cái hết”. Ðoạn này nói cũng không chấp ở nơi chỗ hết. Song sợ e còn “cái biết hết”, nên nói tiếp: cái biết và cái bị biết cũng không).

“Cái biết” và “cái bị biết” cả hai đều không, đến chỗ cùng tột viên mãn. Song hãy còn cái “không”, phải tiến lên một từng nữa là cái “không” với cái “bị không” cả hai đều diệt hết. Khi các cái sanh và diệt đã diệt hết, thì cái chơn tâm tịch diệt hiện tiền.

\*\*\*

***LƯỢC GIẢI***

Cách tu hành của Ngài Quán Thế Âm Bồ tát là:

1. Bắt đầu từ khi cái nghe đối với thinh trần, không khởi phân biệt theo thinh trần, nên thinh trần tự vắng lặng; song còn cái “nghe”.

2. Ðến giai đoạn thứ hai cái nghe (năng, sở) cũng hết, song còn cái “hết”.

3. Ðến từng thứ ba không chấp ở nơi hết, song còn cái “biết hết”.

4. Ðến từng thứ tư là “cái biết” đó cũng không, song còn cái “không”.

5. Lên đến từng thứ năm là cái “không” đó cũng không còn. Lúc bấy giờ các cái vọng niệm phân biệt chấp trước đều hết, thì chơn tâm thanh tịnh tự hiện bày; cũng như các cặn đục đã hết, thì tánh nước trong tự hiện. Mười phương các đức Phật hay các vị đại Bồ tát tu hành, chỉ có một con đường duy nhứt là trừ hết “vọng” thì “chơn” hiện bày, như lau gương sạch bụi, thì ánh sáng tự hiện, thế gọi là thành Phật, hay là chứng đại Niết bàn.

\*\*\*

**IV. Ngài Quán Âm kể lại sự kết quả**

(Ðoạn trên là Ngài ngộ được chơn tâm, từ đây về sau là chơn tâm khởi ra diệu dụng)  
– Bạch Thế Tôn, do con tu như vậy, nên vượt ra khỏi thế gian, và xuất thế gian. Vì đã được chơn tâm thanh tịnh sáng suốt viên mãn khắp cả mười phương cùng với chư Phật và chúng sanh đồng một thể tánh ấy, nên con được hai điều thù thắng:

a. Hiệp với đức “từ độ sanh” của chư Phật.

b. Hiệp vời lòng “bi ngưỡng mộ” của tất cả chúng sanh. Và được các món diệu dụng như sau:

*A. HIỆN RA 32 ỨNG THÂN ÐỂ HÓA ÐỘ TẤT CẢ CHÚNG SANH*

– Bạch Thế Tôn, con nhờ chứng được chỗ đồng thể đó, nên cùng với chư Phật hiệp đức từ, hiện ra 32 ứng thân để tùy thuận theo các chúng sanh mà hóa độ.

*1. Hiện thân Phật*

*2. Hiện thân Ðộc giác*

*3. Hiện thân Duyên giác*

*4. Hiện thân Thinh văn*

*5. Hiện thân Phạm vương*

*6. Hiện thân Ðế thích*

*7. Hiện thân Trời tự tại*

*8. Hiện thân Trời đại tự tại*

*9. Hiện thân Ðại tướng quân*

*10.Hiện thân Tứ thiên vươong*

*11. Hiện thân Thái tử*

*12. Hiện thân vua*

*13. Hiện thân trưởng giả*

*14. Hiện thân cư sĩ*

*15. Hiện thân tể quan*

*16. Hiện thân Bà la môn*

*17. Hiện thân Tỳ kheo*

*18. Hiện thân Tỳ kheo ni*

*19. Hiện thân Ưu bà tắc*

*20. Hiện thân Ưu bà di*

*21. Hiện thân bà Chúa*

*22. Hiện thân đồng nam*

*23. Hiện thân đồng nữ*

*24. Hiện thân Trời*

*25. Hiện thân Rồng*

*26. Hiện thân Dược xoa*

*27. Hiện thân Càn thát bà*

*28. Hiện thân A tu la*

*29. Hiện thân Khẩn na la*

*30. Hiện thân Ma hầu la đà*

*31. Hiện thân người*

*32. Hiện thân các chúng sanh*

*B. ÐƯỢC 14 MÓN KHÔNG SỢ*

– Bạch Thế Tôn, con nhờ tu pháp này, chứng được chỗ đồng thể với chúng sanh, nên cùng với chúng sanh đồng một lòng bi ngưỡng mộ. Vì thế nên con khiến cho các chúng sanh đặng 14 món không sợ.

1. Chúng sanh khổ não quán tiếng tăm được giải thoát

2. Vào lửa không cháy

3. Vào nước không chìm

4. Quỷ không hại được

5. Dao chặt không đứt

6. Quỷ không thể thấy được

7. Không ai trói cột được

8. Không ai trộm cướp được

9. Lìa tâm dâm dục

10. Lìa nóng giận

11. Lìa si mê

12. Cầu nam đặng nam

13. Cầu nữ đặng nữ

14. Niệm danh hiệu Quán Thế Âm công đức bằng niệm danh hiệu của hằng sa Bồ tát

*C. ÐƯỢC 4 MÓN KHÔNG THỂ NGHĨ BÀN*

– Bạch Thế Tôn, con nhờ tu pháp môn này mà đặng bốn món thần diệu không thể nghĩ bàn:

1. Hiện nhiều đầu, nhiều tay và nhiều mắt

2. Hiện hình nói thần chú

3. Chúng sanh hy sinh tài sản cầu con thương xót

4. Chúng sanh cầu chi được nấy

– Bạch Thế Tôn, do đó mà đức Phật Quán Âm thọ ký cho con tên là Quán Thế Âm.

# Bài 13: Văn Thù Lựa Pháp Tu Viên Thông

*I. Phật bảo Ngài Văn Thù lựa pháp tu viên thông  
II. Ngài Văn Thù vâng lời Phật lựa phương pháp tu  
III.Chúng sanh ở thế giới ta bà này nhờ có nghe pháp mới biết đường lối tu hành  
IV. Công năng của nhĩ căn (tai nghe)  
V. Ngài Văn Thù quở trách ông A Nan học nhiều mà không tu  
VI. Các vị nghe pháp được chứng ngộ  
VII. A Nan cầu Phật chỉ dạy phương pháp để độ chúng sanh đời sau  
VIII. Phật dạy phải tu giới, định, huệ  
IX. Đây nói về đại thừa tâm giới có bốn: dâm, sắc, đạo, vọng*

**I. Phật bảo Ngài Văn Thù lựa pháp tu viên thông**

Khi ấy Phật bảo Ngài Văn Thù Sư Lợi:  
-Ông đã nghe các vị đại Bồ tát và A La Hán vừa trình bày các phương pháp tu hành được thành đạo quả. Thật ra 25 pháp tu này, đối với các vị thánh, thì tu pháp nào cũng đều được chứng quả cả, không có pháp nào hơn và kém. Song nay ta muốn cho A Nan và chúng sanh đời sau, nếu muốn vào đại thừa Bồ tát thì đối với 25 pháp tu này, ông nên lựa pháp nào tu hành để mau thành đạo vô thượng Bồ đề.

**II. Ngài Văn Thù vâng lời Phật lựa phương pháp tu**

Ngài Văn Thù Sư Lợi vâng lời Phật dạy, đứng dậy lạy Phật, kính cẩn nói bài kệ, khen chơn tâm nhiệm mầu sáng suốt, chỉ rõ cái “vọng” vốn không và lựa chọn pháp tu viên thông.

**NGUYÊN VĂN CHỮ HÁN**

*Giác hải tánh trừng viên  
Viên trừng giác nguyên diệu  
Nguyên minh chiếu sanh sở  
Sở lập chiếu tánh vong  
Mê vọng hữu hư không  
Y không lập thế giới  
Tưởng trừng thành quốc độ  
Trí giác nãi chúng sanh  
Không sanh đại giác trung  
Như hải nhứt âu phát  
Hữu lậu vi trần quốc  
Giai y không sở sanh  
Âu diệt không bổn vô  
Huống phục chư tam hữu  
Quy nguyên tánh vô nhị  
Phương tiện hữu đa môn  
Thánh tánh vô bát thông  
Thuận nghịch giai phương tiện  
Sơ tâm nhập tam muội  
Trì tốc bất đồng luân*

**DỊCH NGHĨA**

-Chơn tâm thanh tịnh viên mãn lại nhiệm mầu, như biển đứng lặng và rộng sâu. Vì vọng động chiếu soi (phân biệt) nên sanh ra có cảnh bị chiếu (bị phân biệt). Khi năng, sở đã vọng sanh, thì cái “tánh chơn” lại ẩn (chiếu tánh vong).

**LƯỢC GIẢI**

Như biển đứng lặng lóng trong, vì xao động nên thành sóng, lúc bấy giờ tánh trong lặng của nước bị ẩn đi v.v…

\*

 Từ mê muội vọng động cho nên có hư không, nhơn hư không mà có thế giới. Những vọng tưởng si mê lóng lại thành ra thế giới, còn cái phân biệt hiểu biết thì làm chúng sanh.

 Hư không sanh ở trong chơn tâm rộng lớn này, cũng như chùm bọt nổi trên mặt biển. Thế giới nhiều như vi trần đều y hư không mà sanh; khi bọt tan cũng như hư không diệt, thì hằng sa thế giới đều tiêu hết.

 Trở về chơn tâm thì đồng một, nhưng trên đường tu có nhiều phương tiện. Đối với bực Thánh, tu pháp nào cũng đều là phương tiện cả. Còn đối với kẻ sơ tâm tu hành lại có khó và dễ, bởi căn cơ không đồng. Hôm nay con xét 25 pháp tu của các vị Thánh vừa trình bày, thì duy có pháp tu nhĩ căn (tai nghe) của ngài Quán Âm mới là viên thông.

**III. Chúng sanh ở thế giới ta bà này nhờ có nghe pháp mới biết đường lối tu hành**

Bạch Thế Tôn, Phật ra đời ở thế giới Ta bà này, dùng âm thanh nói pháp để giáo hóa chúng sanh. Chúng sanh nhờ có nghe tiếng của Phật nói pháp mới biết đường lối tu hành được thanh tịnh. Hôm nay muốn đặng chánh định, quyết phải nhờ có nghe rồi mới tu được.

**IV. Công năng của nhĩ căn (tai nghe)**

Bạch Thế Tôn, như lời Ngài Quán Thế Âm nói: “Ngài ở chỗ thanh vắng, mười phương đồng đánh trống, nhứt thời dồng được nghe”; nên duy có nhĩ căn (tai nghe) mới được viên thông. Mắt xem còn bị cách ngại; miệng, mũi, thân và ý cũng không bằng, chỉ có nhĩ căn là hơn hết. Mặc dầu bị cách vách, hay tiếng ở xa gần, tai đều nghe được cả, nên nhĩ căn mới thật là viên thông.

Âm thanh khi có, khi không, còn cái nghe lúc nào cũng có. Khi không có tiếng, thế gian nói rằng: “không nghe”; thật ra chẳng phải “cái nghe” không có. Không tiếng, cái nghe không diệt; có tiếng, cái nghe cũng không sanh. Bởi cái nghe không có sanh và diệt, nên nó mới thật là thường.

Dầu cho ở trong chiêm bao, tâm không có suy nghĩ phân biệt, mà “cái nghe” ấy cũng không mất (vì khi chiêm bao vẫn còn nghe tiếng chày giã gạo). Cái nghe, nó thoát ngoài tâm niệm suy nghĩ phân biệt, nên thân và tâm (thức thứ sáu) đều không bằng (không bằng tiếng nghe).

**V. Ngài Văn Thù quở trách ông A Nan học nhiều mà không tu**

– Nay chúng sanh ở thế giới Ta bà này, nhờ có nghe nói chỉ dạy, nên mới hiểu biết tu hành. Song chúng sanh vì mê cái “tánh nghe thường còn” của mình, cứ chạy theo tiếng nói phân biệt, cho nên mới bị lưu chuyển.  
A Nan, ông tuy học rộng nhớ nhiều, nhưng vì chạy theo vọng trần phân biệt, nên không khỏi đọa lạc theo tà. Nếu ông xoay cái nghe trở vào tự tánh, thì sẽ đặng hết vọng.

 A Nan, ông nên chú ý nghe: Tôi vâng oai thần của Phật, nói pháp môn tu hành này. Ông đem cái nghe của ông, nghe tất cả pháp môn thâm mật của chư Phật, nhiều như vi trần, nếu các phiền não dục lậu không trừ, thì cái nghe càng thêm lầm lỗi. Ông biết đem cái nghe của ông, nghe các pháp môn của chư Phật, sao ông không đem cái nghe đó, trở lại nghe “tánh nghe” (chơn tánh) của mình.

 A Nan, cái “nghe” nó không phải tự nhiên sanh, do có tiếng (thinh trần) nên mới gọi rằng “nghe”. Nếu xoay cái nghe trở vào tự tánh, không chạy theo tiếng, thế là thoát ly được cái tiếng (thinh trần) lúc bấy giờ cái nghe này cũng không còn gọi tên là nghe nữa (vì không còn đối đãi, nên chẳng tên kêu gọi). Một căn (lỗ tai) đã được phản vọng trở về chơn rồi, thì cả sáu căn cũng đều được giải thoát.

 A Nan, các trí giác: thấy, nghe, hay, biết của ông đó, đều là hư huyễn, như con mắt bị nhặm. Còn ba cõi sum la vạn tượng đây, cũng không thật, đều như hoa đốm giữa hư không. Khi cái thấy, nghe, hay, biết xoay trở lại chơn rồi, thì cũng như con mắt kia hết nhặm. Khi cái vọng trần tiêu hết, thì tâm ông được thanh tịnh.

**LƯỢC GIẢI**

Vì vọng động cho nên mới có thấy, nghe, hay, biết là năng phân biệt. Bởi có năng phân biệt, nên mới có cảnh bị phân biệt là ba cõi muôn vật. Đến khi năng phân biệt hết, thì cảnh bị phân biệt cũng tiêu, lúc bấy giờ chơn tánh hiện bày. Cũng như vì mắt nhặm nên mới thấy hoa đốm, đến khi nhặm hết thì hoa đốm không còn, và chỉ còn con mắt trong sáng.

\*

 Khi tâm hoàn toàn thanh tịnh rồi, thí cái trí quang sáng suốt hiện ra. Lúc bấy giờ chơn tâm ông vừa tịch tịnh lại vừa chiếu soi, bao trùm khắp cả mười phương hư không thế giới, lúc bấy giờ ông trở lại xem cảnh vật hiện tiền ở thế gian này, cũng như là việc trong chiêm bao. Khi ông được như thế rồi thì nàng Ma đăng già ở trong mộng kia làm gì bắt ông được!

 Sáu căn của ông cũng thế, gốc từ nơi tâm, vì vô minh vọng động thành ra sáu căn, nếu một căn được phản vọng về chơn rồi, thì sáu dụng kia (sáu giác quan) đều không thành. Nếu trần cấu còn thì ông vẫn còn ở địa vị hữu học (còn phải tu). Khi trần cấu hết, thì tâm tánh ông được hoàn toàn sáng suốt, đó là Phật.

 A Nan, ông chỉ xoay cái nghe của mình trở về chơn tánh, không chạy theo phân biệt vọng trần bên ngoài, thì ông liền thành đạo vô thượng, đây thật là pháp tu viên thông.

 Các đức Phật nhiều như số vi trần cũng đều do một con đường này mà đến cửa Niết bàn. Hiện tại các vị Bồ tát và những người tu hành đời sau, đều y pháp môn này mà thành đạo. Chính tôi cũng nhờ pháp môn này mà được chứng quả, đâu phải một mình Ngài Quán Thế Âm tu mà thôi.

 Nay Phật dạy cho con lựa pháp môn tu hành, để cho người đời sau tu hành mau thành đạo quả, thì duy có pháp tu của Ngài Quán Thế Âm là hơn hết. Còn bao nhiêu các pháp tu hành khác, đều nhờ oai thần của Phật gia hộ mới được thành tựu. Các pháp ấy đều từ nơi sự tướng mà dẹp trừ trần lao, nên không phải là một phương pháp trường kỳ tu tập.

 Kính lạy đức Như Lai, xin Ngài gia hộ cho chúng sanh đời sau, đối với pháp môn này không còn mê lầm. Bạch Thế Tôn, phương pháp này rất là dễ tu, mau được thành đạo quả, có thể đem dạy A Nan và chúng sanh đời sau, y theo đây tu hành thì hơn các phương pháp khác. Đây là do lòng thành của con lựa chọn như thế.

**VI. Các vị nghe pháp được chứng ngộ**

A Nan và đại chúng nghe ngài Văn Thù nói bài kệ rồi thì tâm tánh đều được khai ngộ, đối với quả Phật Bồ đề và đại Niết bàn hiểu rất rành rõ, cũng như người đi xa quê hương, đã biết rõ con đường về nhà, nhưng chưa có dịp trở về. Trong đại hội có vô số Thiên, Long, Bát bộ, các hàng nhị thừa hữu học và các vị Bồ tát mới phát tâm, đều được xa lìa trần cấu, ngộ được chơn tâm. Bà Tánh Tỳ kheo ni nghe bài kệ này rồi, đặng thánh A La Hán và vô lượng chúng sanh đều phát Bồ đề tâm.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

LƯU Ý:  
Từ trước đến đây là nói về phần y ngộ đốn tu

Từ đây về sau là nói phần tiệm tu

A Nan cúi đầu lạy Phật kính cẩn thưa rằng: -Bạch Thế Tôn, con nay đã hiểu pháp môn tu  
hành để thành Phật rồi; trên đường tu hành con không lầm lạc nữa. Nhưng con thường nghe Phật dạy:

“Người chưa được ngộ mà muốn độ người, đó là tâm Bồ tát. Còn người đã được giác ngộ hoàn toàn, rồi giác ngộ cho người, đó là việc làm của Như Lai”. Nay con chưa được độ tất cả chúng sanh đời sau.

 Bạch Thế Tôn, tất cả chúng sanh đời sau cách Phật càng xa, lại gặp chúng tà sư ngoại đạo nói pháp nhiều như cát bụi. Vậy nếu có chúng sanh phát tâm tu hành, thì làm sao để tránh xa các ma chướng, đối với con đường với con đường Bồ đề, tâm không thối lui?

**VIII. Phật dạy phải tu giới, định, huệ**

Phật khen A Nan và dạy rằng: -Ông hỏi phương pháp tu hành để độ chúng sanh trầm luân đời sau, vậy ông nên chú ý nghe, ta sẽ vì ông chỉ dạy.  
– Này A Nan, ông đã thường nghe ta dạy, người tu hành quyết định phải đủ ba điều cần yếu:

***Dùng giới luật nhiếp phục tự tâm  
Nhơn giữ giới, tâm mới sanh định  
Nhơn định, tâm phát huệ  
Đây gọi là ba món tu vô lậu.  
(Vì tu ba phép này, thì không còn sa đọa)***

**LƯỢC GIẢI**

Ngài An Pháp sư nói: “Giới, định, huệ là cái cửa của người và đạo, cũng là cái ải trọng yếu để vào thành Niết bàn”.

Ngài La Thập Pháp sư nói: “Trì giới mới hay chiết phục được phiền não làm cho phiền não yếu thế. Thiền định như bốn cái núi để ngăn giòng nước phiền não. Trí huệ diệt được hết phiền não”.

Trong kinh Niết bàn nói: “Có phiền não thì không trí huệ, có trí huệ thì không phiền não”.

\*

 A. Trước đoạn lòng dâm: -A Nan, tại sao dùng giới luật để nhiếp phục tự tâm?  
– Này A Nan, nếu các chúng sanh trong tâm không còn nghĩ đến việcx dâm dục nữa, thì sẽ ra khỏi sanh tử luân hồi.

Ông tu hành quyết cầu ra khỏi trần lao, nếu tâm dâm dục không trừ, thì cảnh trần lao không bao giờ ra khỏi. Dầu cho ông hiện tiền đặng nhiều trí huệ và thiền định, cũng sẽ đọa vào ma đạo. Thượng phẩm làm ma chúa, trung phẩm làm ma dân, hạ phẩm làm ma nữ. Các loài ma kia cũng đều có đồ đệ và tự xưng đã thành đạo vô thượng Bồ đề.

Sau khi ta nhập diệt rồi, vào đời mạt pháp, chúng ma này rất thạnh hành trong thế gian, ưa làm việc tham dục, xưng là thiện tri thức của chúng sanh, khiến cho chúng sanh đọa vào hầm tà kiến, mất con đường Bồ đề.

A Nan, ông tu thiền định, nếu không đoạn lòng dâm, thì cũng như người nấu cát muốn cho thành cơm, dầu trải bao nhiêu kiếp cũng không thể thành cơm được.

Ông đem tâm dâm dục để cầu quả Phật, dầu cho ông có được diệu ngộ đi nữa, cũng không ra khỏi tam giới, vì gốc của nó là dâm thì làm sao ra khỏi sanh tử luân hồi được; huốn chi quả Niết bàn của Phật, ông làm sao chứng được.

Nên quyết định phải đoạn trừ dâm cơ: trong tâm ngoài thân đều đoạn, cho đến cái biết đoạn cũng không còn, được như thế thì đối với quả Phật Bồ đề, ông mới có hy vọng!

Vậy ông nên dạy người tu hành, điều thứ nhứt là quyết định phải đoạn trừ lòng dâm, đây là lời chỉ dạy sáng suốt trong sạch của ta và của các đức Phật quá khứ. Như lời ta dạy đây mới gọi là Phật nói, trái lại là Thiên Ma Ba tuần nói.

**LƯỢC GIẢI**

Đây là Đại thừa giới, cao siêu và khó hơn Tiểu thừa giới nhiều. Nếu tâm còn nghĩ tưởng đến dâm, sắc, đạo và vọng, thế là phạm giới rồi.

Tổ Đơn Hà dạy: “Nếu người chưa tỏ ngộ được chơn tâm thanh tịnh của mình, thì hột giống dâm còn ẩn núp”. Nói cho dễ hiểu, nếu còn vô minh, thì chơn tâm sáng suốt chẳng hiện, thế là giới thể chưa thanh tịnh.

Phật tử đọc đến đoạn này, chớ nên t hấy khó mà nản lòng. Phải biết rằng việc tu hành cũng như lóng nước để lâu quyết định sẽ trong, và cũng như lột bẹ chuối, lột mãi sẽ đến lỏi.

Người tu hành cũng thế, trước đoạn phần thô thiển ngoài thân, sau dần dần trừ đến phần tế nhị trong tâm, lâu ngày thành tánh quen, thì quyết định có ngày sẽ được thanh tịnh. Điều cốt yếu là nên nhớ lời Phật dạy có bốn chữ “bất tùy phân biệt”. Nghĩa là khi đối cảnh không khởi vọng niệm phân biệt, thì tham, sân, si không khởi. Tham, sân, si không khởi thì sát, đạo, dâm chẳng sanh. Đây là lối tu tắt của Đại thừa, để trở lại với chơn tâm thanh tịnh.

\*

B.Đoạn lòng sát hại: A Nan, nếu các chúng sanh trong tâm không nghĩ tưởng đến việc sát hại, thì không còn bị sanh tử luân hồi nữa. Ông tu hành quyết cầu ra khỏi trần lao, nếu ông không đoạn trừ tâm sát hại, thì cảnh trần lao không bao giờ ra khỏi. Dầu cho hiện tiền ông được nhiều trí huệ hay thiền định, nếu không đoạn tâm sát hại, thì ông chỉ đọa vào thần đạo. Bực thượng làm Đại lực quỷ, bực trung làm Phi hành dạ xoa và các loài quỷ soái, bực hạ làm Địa hành La sát và các quỷ thần. Các loài quỷ thần này cũng có đồ đệ, đều tự cho mình thành đạo vô thượng.

Sau khi ta diệt độ rồi, trong đời mạt pháp, các loài quỷ thần này rất thạnh hành trong thế gian, và tuyên bố rằng “Ăn thịt cũng được Bồ đề”. A Nan, trước kia ta cho các ông ăn ngũ tịnh nhục, là vì ở nhằm địa phương đất chai, nhiều đá sỏi, không trồng rau cải đưọc, nên ta tạm cho các ông dùng. Sau khi ta diệt độ rồi, tại sao những người ăn thịt chúng sanh, mà cũng xưng là tăng lữ.

**LƯỢC GIẢI**

Trong kinh Lăng Già, Phật dạy Ngài Đại Huệ Bồ tát: “Ta trước kia phương tiện cho các ông ăn năm thứ thịt hoặc mười thứ, hôm nay tất cả đều cấm tuyệt”.

\*

A Nan, những người ăn thịt, dầu cho có đặng tâm trí khai ngộ, cũng thành quỷ Đại la sát, đến khi mãn kiếp quỷ La sát rồi, quyết định phải trầm luân trong biển khổ sanh tử. Giết hại ăn thịt lẫn nhau, thì làm sao ra khỏi sanh tử luân hồi được.

A Nan, ông tu thiền định, nếu không trừ tâm sát hại mà muốn cầu được đạo, thì cũng như người tự bịt hai lỗ tai của mình, la tiếng thiệt lớn, mà muốn cho mọi người không nghe, thì không thể được.

A Nan, ông nên dạy người tu hành, điều thứ hai là quyết định phải đoạn trừ lòng sát hại. Đây là lời sáng suốt trong sạch của ta cũng là lời các đức Phật quá khứ đã chỉ dạy. Như lời ta dạy đây mới gọi là Phật nói, trái lại là Thiên Ma Ba Tuần nói.

C.Đoạn trừ trộm cướp: A Nan, nếu các chúng sanh, trong tâm không nghĩ tưởng đến đến việc (tham lam) trộm cướp, thì không còn sanh tử luân hồi nữa. Các ông tu hành quyết cầu ra khỏi cảnh trần lao, nếu tâm (tham lam) trộm cướp không trừ, thì không bao giờ ra khỏi.

Dầu cho hiện tiền ông đặng nhiều trí huệ hay thiền định, nếu không đoạn tâm (tham lam) trộm cướp thì quyết định đọa vào tà đạo, bực thượng làm loài tinh linh, bực trung làm loài yêu mỵ, bực hạ làm người tà, bị các loài tinh yêu này nhập (dựa). Bọn ngày cũng có đồ đệ, đều tự xưng rằng đặng đạo vô thượng.

Sau khi ta diệt độ rồi, trong đời mạt pháp, chúng tinh yêu tà mị này rất thạnh hành trong đời, tự xưng là thiện trí thức, dối gạt phỉnh phờ người, khiến cho người mất tâm chánh tính; chúng nó đi đến đâu thì làm cho người tiêu hao tài sản đến đó.

A nan, ông tu thiền định, nếu không đoạn trừ tâm trộm cướp, mà muốn cầu cho được đạo quả, thì cũng như người rót vào chén bể, mà muốn cho đầy, dầu trải bao nhiêu kiếp cũng không thể đầy được. Ông nên dạy người tu hành, điều t hứ ba là quyết định phải đoạn trừ tâm trộm cướp. Đây là lời nói sáng suốt trong sạch của ta cũng như của các đức Phật quá khứ. Đúng như lời ta dạy gọi là Phật nói, trái lại là Thiên Ma Ba Tuần nói.

\*

D.Đoạn trừ vọng ngữ: A Nan, nếu các chúng sanh, đã giữ hoàn toàn ba hạnh trên là không sát, đạo, dâm rồi mà còn đại vọng ngữ, thì tâm cũng không thanh tịnh, mất hột giống Phật, thành ma ái kiến. Thế nào là đại vọng ngữ? Nghĩa là chưa đặng đạo nói mình đặng đạo, chưa chứng quả nói mình chứng quả. Đối với người đời, nói: “Ta đã chứng Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát và Phật”, để trông cầu người lạy cúng. Những người nói dối như thế, làm tiêu diêu hột giống Phật, sẽ đọa vào trong biể khổ. Cũng như cây Đa la khi bị chặt đứt đọt rồi (như cây cau xứ ta) thì không thể mọc chồi đâm tược được.

A Nan, ta có dạy các vị Bồ tát và A La Hán: “Sau khi ta diệt độ rồi, các ông phải thị hiện thân hình, trong đời mạt pháp để cứu độ các chúng sanh đang trầm luân, làm thầy sa môn, cư sĩ, vua, quan, đồng nam, đồng nữ, cho đến hiện đàn bà góa, kẻ dâm nữ, người gian giảo, kẻ trộm cướp, người hàng thịt, kẻ buôn bán, để lẫn lộn trong từng lớp người, chung một nghề nghiệp, đặng giáo hóa chúng sanh trở về chánh đạo”.

Nhưng các vị ấy quyết chẳng bao giờ nói: “Ta đây thật là Bồ tát hoặc A La Hán v.v.” hay tỏ ra một vài cử chỉ gì làm tiết lộ sự bí mật, để cho người ta biết mình là Thánh nhơn thị hiện. Chỉ trừ sau khi mạng chung rồi, các vị ấy mới âm thầm để lại một vài di tích cho người biết thôi.

**LƯỢC GIÁI**

Các Phật tử đọc đến đoạn này nên chú ý: Phật và Bồ tát thị hiện, chúng ta không thể biết được; nếu chúng ta biết được thì đó không phải thiệt Phật hay Bồ tát. Chỉ trừ khi nào các vị ấy cởi bỏ xác phàm, mới lưu lại một vài di tích, lúc bấy giờ chúng ta mới biết được. Nhưng khi biết, thì không gặp các Ngài nữa.

Như Tổ Đạt Ma hiện thân đến Trung Quốc, vua Lương Võ Đế không biết; đến khi biết được Ngài là Thánh thì không còn thấy được Ngài.

Vậy hiện nay những người tự xưng mình là Phật hay Bồ tát v.v… giáng thế, thì căn cứ vào đoạn kinh này, chúng ta thấy rõ ràng và chắc chắn không phải thiệt Phật hay Bồ tát rồi, chớ nên tin mà bị hại.

\*

A Nan, chính thật Bồ tát hay A La Hán thị hiện, mà còn không cho người biết, tại sao những người phàm phu lại dám mạo xưng là Phật, Bồ tát, v.v… Cũng như người cùng đinh, mà mạo xưng mình là Đế vương, thì sẽ bị tội tru diệt.

A Nan, nếu người tu hành, không đoạn trừ đại vọng ngữ, mà muốn được đạo, thì cũng như người lấy đồ hôi tanh, tô đắp thành cái hình chiên đàn, muốn cho thơm chừng nào lại càng hôi chừng nấy. Cái nhơn đã chẳng ngay, thì kết quả phải cong vậy. Những người như thế mà cầu quả Phật Bồ đề, thì cũng như người muốn tự cắn rún của mình, làm sao cắn được.

A Nan, ông nên dạy người tu hành điều thứ tư là quyết định phải đoạn trừ đại vọng ngữ. Đây là lời nói sáng suốt trong sạch của ta, và các đức Phật quá khứ chỉ dạy. Đúng như lời ta dạy đây thì gọi là Phật nói, trái lại là Thiên Ma Ba Tuần nói.

**LƯỢC GIẢI**

Bốn đoạn trên Phật ân cần nhắc nhở, nói đi lặp lại nhiều lần. Phật tử chúng ta nên ghi xương tạc dạ những lời vàng ngọc chỉ dạy rất thống thiết của đức Từ phụ.

# Bài 14:Phật Dạy Trì Chú Lăng Nghiêm

*I. Phật dạy trì chú Lăng Nghiêm  
II. A Nan cầu Phật nói lại thần chú  
III. Phật phóng hào quang nói thần chú  
IV.Công năng của thần chú  
V. Các vị thiên thần phát nguyện bảo hộ người trì chú  
VI. Ông A Nan hỏi Phật tu hành phải trải qua bao nhiêu địa vị mới được thành Phật  
VII. Phật dạy ba món tiệm thứ  
VIII. Hành giả phải trải qua 55 địa vị mới đến qua Phật  
IX. 50 món ma chướng (ngũ ấm ma)  
X. Mười món ma về sắc ấm*

**I. Phật dạy trì chú Lăng Nghiêm**

– A Nan, người tu hành phải gìn giữ bốn điều luật nghi cần yếu: dâm, sát, đạo, vọng cho trong sạch, cũng như băng tuyết, nơi tâm không khởi vọng niệm duyên theo ngoại cảnh, thì chúng ma kia không làm sao sanh được (vì trong tâm vọng động, nên ngoại ma mới ứng)

Nếu người nào nghiệp chướng nặng nề, không thể trừ được, ông nên dạy họ chí tâm trì chú Lăng nghiêm này, thì các nghiệp chướng đều tiêu diệt. Bằng chứng là ông cùng với nàng Ma Ðăng Già, tình ân ái chồng vợ đã khắn khít với nhau từ nhiều kiếp, đâu phải mới một đời này; nhờ thần chú Lăng Nghiêm mà nàng Ma Ðăng Già nguồn tình khô cạn và được thành A La Hán.

Ma Ðăng Già là kẻ dâm nữ, không có tâm tu hành còn được quả thánh, huống chi các ông là bực Thinh Văn, có chí cầu đạo vô thượng, lại trì tụng chú này, thì quyết định thành Phật rất dễ, cũng như thuận gió tung bụi, chẳng có khó gì.

***LƯỢC GIẢI***

Trong đoạn kinh này Phật dạy phương pháp tu hành để thành Phật, tóm lại có ba điều:

1.Bất tùy phân biệt: Nghĩa là, khi đối cảnh không khởi vọng tâm phân biệt, thì tham, sân, si chẳng sanh. Tham, sân, si không sanh thì các nghiệp sát, đạo, dâm chẳng tạo. Nghiệp nhơn không tạo thì quả báo chẳng có. Nói tóm lại là “xoay các tri giác trở về chơn tâm”, không duyên theo trần cảnh thì vọng niệm không sanh; vọng không sanh thì chơn tâm hiện bày.

Tổ sư có dạy: “Kiến sắc phi can sắc, văn thinh bất thị thinh”; nghĩa là thấy sắc không can hệ gì đến sắc, nghe tiếng cũng không dính líu gì đến tiếng. Hay như câu: “Ngộ thinh ngộ sắc như thạch thượng tài hoa, kiến lợi kiến danh như nhãn trung trước tiết”: Gặp sắc đẹp hay nghe tiếng hay, như hoa trồng trên đá (không dính líu gì); thấy tài lợi và danh vọng như bụi rớt trong con mắt. Nếu người đến trình độ này rồi, thì dầu vào thanh lâu hay tửu điếm cũng đều là đạo tràng thanh tịnh (dâm phòng tửu tứ vô phi thanh tịnh đạo tràng).

2.Trì giới: Phải giữ gìn giới luật, trong tâm ngoài thân đều thanh tịnh như băng tuyết.

3.Trì chú Lăng Nghiêm: Nếu người nào nghiệp chướng nặng nề, thì phải trì tụng chú Lăng Nghiêm sẽ mau đặng thành đạo quả. Trong ba pháp tu này, bực thượng căn, trung căn và hạ căn đều tu được cả. Thật là lòng từ bi của Phật vô lượng, mưa pháp khắp trùm, cỏ cây lớn nhỏ đều được thấm nhuần.

\*\*\*

**II. A Nan cầu Phật nói lại thần chú**

Ông A Nan đứng dậy đảnh lễ Phật và kính cẩn bạch rằng: – “Con từ khi xuất gia đến nay, vì ỷ lại lòng thương yêu của Phật, chỉ lo học rộng nghe nhiều, chẳng chuyên tu tập, nên chẳng chứng được đạo quả, thành thử phải bị tà thuật của Phạm Thiên bắt; trong tâm con tuy thông suốt mà năng lực không được tự do, nên con phải nhờ Ngài Văn Thù đến cứu độ. Con tuy nhờ thần chú Lăng Nghiêm của Phật mới được giải thoát, nhưng chính con chưa được nghe, cúi xin đức Thế Tôn từ bi nói lại, khiến cho những người tu hành hiện tại và chúng sanh luân hồi đời sau, nhờ thần chú này mà thân tâm được giải thoát”.

III. **Phật phóng hào quang nói thần chú**

Khi đó từ nơi nhục kế (đảnh) của Phật, phóng ra hào quang trăm báu; trong hào quan xuất hiện ra hoa sen báu ngàn cánh. Trong hoa sen có đức Hóa Phật ngồi, trên đảnh Ngài phóng ra mười đạo hào quang sáng suốt trăm báu. Trong mỗi đạo hào quang đều có thị hiện vô số thần kim cang: vị bưng núi, vị cầm bảo tử v.v… đứng khắp cả hư không. Ðại chúng trông thấy vừa mừng vừa sợ, đều cầu Phật thương xót chở che và nhứt tâm chờ nghe Phật nói thần chú.

***Phật nói thần chú:***

*ÐỆ NHỨT*

01. Nam-mô tát đát tha  
02. Tô già đa da  
03. A ra ha đế  
04. Tam-miệu tam bồ đà tỏa  
05. Tát đát tha  
06. Phật đà cu tri sắc ni sam  
07. Nam-mô tát bà  
08. Bột đà bột địa  
09. Tát đa bệ tệ  
10. Nam-mô tát đa nẩm  
11. Tam-miệu tam bồ đà  
12. Cu tri nẩm  
13. Ta xá ra bà ca  
14. Tăng già nẩm  
15. Nam-mô lô kê A-La-Hán đa nẩm.  
16. Nam-mô tô lô đa ba na nẩm.  
17. Nam-mô ta yết rị đà dà di nẩm.  
18. Nam-mô lô kê tam-miệu dà đa nẩm.  
19. Tam-miệu dà ba ra  
20. Ðể ba đa na nẩm.  
21. Nam-mô đề bà ly sắc nỏa.  
22. Nam-mô tất đà da  
23. Tỳ địa da  
24. Ðà ra ly sắc nỏa.  
25. Xá ba noa  
26. Yết ra ha  
27. Ta ha ta ra ma tha nẩm  
28. Nam-mô bạt ra ha ma ni  
29. Nam-mô nhơn dà ra da  
30. Nam-mô bà dà bà đế  
31. Lô đà ra da.  
32. Ô ma bát đế  
33. Ta hê dạ da.  
34. Nam-mô bà dà bà đế  
35. Na ra dả  
36. Noa da  
37. Bàn dá ma ha tam mộ đà ra  
38. Nam-mô tất yết rị đa da  
39. Nam-mô bà dà bà đế  
40. Ma ha ca ra da  
41. Ðịa rị bác lặc na Dà ra  
42. Tỳ đà ra  
43. Ba noa ca ra da.  
44. A địa mục đế  
45. Thi ma xá na nê  
46. Bà tất nê  
47. Ma đát rị già noa  
48. Nam-mô tất yết rị đa da  
49. Nam-mô bà dà bà đế  
50. Ða tha dà đa câu ra da  
51. Nam-mô bát đầu ma câu ra da.  
52. Nam-mô bạc xà ra câu ra da.  
53. Nam-mô ma ni câu ra da  
54. Nam-mô dà xà câu ra da  
55. Nam-mô bà dà bà đế  
56. Ðế rị trà  
57. Du ra tây na.  
58. Ba ra ha ra noa ra xà da  
59. Ða tha dà đa da  
60. Nam-mô bà dà bà đế  
61. Nam-mô A di đa bà da  
62. Ða tha dà đa da  
63. A ra ha đế.  
64. Tam-miệu tam bồ đà da  
65. Nam-mô bà dà bà đế  
66. A sô bệ da  
67. Ða tha dà đa da  
68. A ra ha đế  
69. Tam-miệu tam bồ đà da  
70. Nam-mô bà dà bà đế  
71. Bệ xa xà da  
72. Câu lô phệ trụ rị da  
73. Bác ra bà ra xà da  
74. Ða tha dà đa da.  
75. Nam-mô bà dà bà đế  
76. Tam bổ sư tỷ đa  
77. Tát lân nại ra lặc xà da  
78. Ða tha dà đa da  
79. A ra ha đế  
80. Tam-miệu tam bồ đà da  
81. Nam-mô bà dà bà đế  
82. Xá kê dã mẫu na duệ  
83. Ða tha dà đa da  
84. A ra ha đế  
85. Tam-miệu tam bồ đà da  
86. Nam-mô bà dà bà đế  
87. Lặc đát na kê đô ra xà da  
88. Ða tha dà đa da  
89. A ra ha đế  
90. Tam-miệu tam bồ đề da  
91. Ðế biều  
92. Nam-mô tát yết rị đa  
93. ế đàm bà dà bà đa  
94. Tát đác tha dà đô sắc ni sam  
95. Tát đác đa bát đác lam  
96. Nam-mô a bà ra thị đam  
97. Bác ra đế  
98. Dương kỳ ra  
99. Tát ra bà  
100. Bộ đa yết ra ha  
101. Ni yết ra ha  
102. Yết ca ra ha ni  
103. Bạt ra tỷ địa da  
104. Sất đà nể  
105. A ca ra  
106. Mật rị trụ  
107. Bát rị đác ra da  
108. Nảnh yết rị  
109. Tát ra bà  
110. Bàn đà na  
111. Mục xoa ni  
112. Tát ra bà  
113. Ðột sắc tra  
114. Ðột tất phạp  
115. Bát na nể  
116. Phạt ra ni  
117. Giả đô ra  
118. Thất đế nẩm  
119. Yết ra ha  
120. Ta ha tát ra nhã xà  
121. Tỳ đa băng ta na yết rị  
122. A sắc tra băng xá đế nẩm  
123. Na xoa sát đác ra nhã xà  
124. Ba ra tát đà na yết rị  
125. A sắc tra nẩm  
126. Ma ha yết ra ha nhã xà  
127. Tỳ đa băng tát na yết rị  
128. Tát bà xá đô lô  
129. Nể bà ra nhã xà  
130. Hô lam đột tất phạp  
131. Nan giá na xá ni  
132. Tỷ sa xá  
133. Tất đác ra  
134. A kiết ni  
135. Ô đà ca ra nhã xà  
136. A bát ra thị đa câu ra  
137. Ma ha bác ra chiến trì  
138. Ma ha điệp đa  
139. Ma ha đế xà  
140 Ma ha thuế đa xà bà ra  
141. Ma ha bạt ra bàn đà ra  
142. Bà tất nể  
143. A rị da đa ra  
144. Tỳ rị câu tri  
145. Thệ bà tỳ xà da  
146. Bạt xà ra ma lễ để  
147. Tỳ xá lô đa  
148. Bột đằng dõng ca  
149. Bạt xà ra chế hắt na a giá  
150. Ma ra chế bà  
151. Bát ra chất đa  
152. Bạt xà ra thiện trì  
153. Tỳ xá ra giá  
154. Phiến đa xá  
155. Bệ để bà  
156. Bổ thị đa  
157. Tô ma lô ba  
158. Ma ha thuế đa  
159. A rị da đa ra  
160. Ma ha bà ra a bác ra  
161. Bạt xà ra thương yết ra chế bà  
162. Bạt xà ra câu ma rị  
163. Câu lam đà rị  
164. Bạt xà ra hắt tát đa giá  
165. Tỳ địa da  
166. Kiền dá na  
167. Ma rị ca  
168. Khuất tô mẫu  
169. Bà yết ra đa na  
170. Bệ lô giá na  
171. Câu rị da  
172. Dạ ra thố  
173. Sắc ni sam  
174. Tỳ chiếc lam bà ma ni giá.  
175. Bạt xà ra ca na ca ba ra bà.  
176. Lồ xà na  
177. Bạt xà ra đốn trỉ giá  
178. Thuế đa giá  
179. Ca ma ra  
180. Sát sa thi  
181. Ba ra bà.  
182. ế đế di đế  
183. Mẫu đà ra  
184. Yết noa.  
185. Ta bệ ra sám  
186. Quật phạm đô  
187. ấn thố na mạ mạ tỏa.

Ðệ Nhị

188. Ô Hồng  
189. Rị sắc yết noa  
190. Bác lặc xá tất đa  
191. Tát đác tha  
192. Già đô sắc ni sam  
193. Hổ hồng đô lô ung  
194. Chiêm bà na  
195. Hổ hồng đô lô ung  
196. Tất đam bà na  
197. Hổ hồng đô lô ung  
198. Ba ra sắc địa da  
199. Tam bác xoa  
200. Noa yết ra  
201. Hổ hồng đô lô ung  
202. Tát bà dược xoa  
203. Hắt ra sát ta  
204. Yết ra ha nhã xà  
205. Tỳ đằng băng tát na yết ra  
206. Hổ hồng đô lô ung  
207. Giả đô ra  
208. Thi để nẩm  
209. Yết ra ha  
210. Ta ha tát ra nẩm  
211. Tỳ đằng băng tát na ra  
212. Hổ hồng đô lô ung  
213. Ra xoa  
214. Bà già phạm  
215. Tát đác tha  
216. Già đô sắc ni sam  
217. Ba ra điểm  
218. Xà kiết rị  
219. Ma ha ta ha tát ra  
220. Bột thọ ta ha tát ra  
221. Thất rị sa  
222. Câu tri ta ha tát nê  
223. Ðế lệ a tệ đề thị bà rị đa  
224. Tra tra anh ca  
225. Ma ha bạt xà lô đà ra  
226. Ðế rị bồ đà na  
227. Man trà ra  
228. Ô hồng  
229. Ta tất đế  
230. Bạt bà đô  
231. Mạ mạ  
232. ấn thố na mạ mạ tỏa.

Ðệ Tam

233. Ra xà bà dạ  
234. Chủ ra bạt dạ  
235. A kỳ ni bà dạ  
236. Ô đà ca bà dạ  
237. Tỳ xa bà dạ  
238. Xá tát đa ra bà dạ  
239. Bà ra chước yết ra bà dạ  
240. Ðột sắc xoa bà dạ  
241. A xá nể bà dạ  
242. A ca ra  
243. Mật rị trụ bà dạ  
244. Ðà ra nị bộ di kiếm  
245. Ba già ba đà bà dạ  
246. Ô ra ca bà đa bà dạ  
247. Lặc xà đàn trà bà dạ  
248. Na dà bà dạ  
249. Tỳ điều đát bà dạ  
250. Tô ba ra noa bà dạ  
251. Dược xoa yết ra ha  
252. Ra xoa tư yết ra ha  
253. Tất rị đa yết ra ha  
254. Tỳ xá giá yết ra ha  
255. Bô đa yết ra ha  
256. Cưu bàn trà yết ra ha  
257. Bổ đơn na yết ra ha  
258. Ca tra bổ đơn na yết ra ha  
259. Tất kiền độ yết ra ha  
260. A bá tất ma ra yết ra ha  
261. Ô đàn ma đà yết ra ha  
262. Xa dạ yết ra ha  
263. Hê rị bà đế yết ra ha  
264. Xả đa ha rị nẩm  
265. Yết bà ha rị nẩm  
266. Lô địa ra ha rị nẩm  
267. Man ta ha rị nẩm  
268. Mê đà ha rị nẩm  
269. Ma xà ha rị nẩm  
270. Xà đa ha rị nữ  
271. Thị tỷ đa ha rị nẩm  
272. Tỳ đa ha rị nẩm  
273. Bà đa ha rị nẩm  
274. A du giá ha rị nữ  
275. Chất đa ha rị nữ  
276. Ðế sam tát bệ sam  
277. Tát bà yết ra ha nẩm  
278. Tỳ đà dạ xà  
279. Sân đà dạ di  
280. Kê ra dạ di  
281. Ba rị bạt ra giả ca  
282. Hất rị đởm  
283. Tỳ đà dạ xà  
284. Sân đà dạ di  
285. Kê ra dạ di  
286. Trà diễn ni  
287. Hất rị đởm  
288. Tỳ đà dạ xà  
289. Sân đà dạ di  
290. Kê ra dạ di  
291. Ma ha bát du bát đát dạ  
292. Lô đà ra  
293. Hất rị đởm  
294. Tỳ đà dạ xà  
295. Sân đà dạ di  
296. Kê ra dạ di  
297. Na ra dạ noa  
298. Hất rị đởm  
299. Tỳ đà dạ xà  
300. Sân đà dạ di  
301. Kê ra dạ di  
302. Ðát đỏa dà lô trà tây  
303. Hất rị đởm  
304. Tỳ đà dạ xà  
305. Sân đà dạ di  
306. Kê ra dạ di  
307. Ma ha ca ra  
308. Ma đác rị già noa  
309. Hất rị đởm  
310. Tỳ đà dạ xà  
311. Sân đà dạ di  
312. Kê ra dạ di  
313. Ca ba rị ca  
314. Hất rị đởm  
315. Tỳ đà dạ xà  
316. Sân đà dạ di.  
317. Kê ra dạ di  
318. Xà dạ yết ra  
319. Ma độ yết ra  
320. Tát bà ra tha ta đạt na  
321. Hất rị đởm  
322. Tỳ đà dạ xà  
323. Sân dà dạ di  
324. Kê ra dạ di  
325. Giả đốt ra  
326. Bà kỳ nể  
327. Hất rị đởm  
328. Tỳ đà dạ xà  
329. Sân đà dạ di  
330. Kê ra dạ di  
331. Tỳ rị dương hất rị tri  
332. Nan đà kê sa ra  
333. Dà noa bác đế  
334. Sách hê dạ  
335. Hất rị đởm  
336. Tỳ đà dạ xà  
337. Sân đà dạ di  
338. Kê ra dạ di  
339. Na yết na xá ra bà noa  
340. Hất rị đởm  
341. Tỳ đà dạ xà  
342. Sân đà dạ di  
343. Kê ra dạ di  
344. A-la-hán  
345. Hất rị đởm  
346. Tỳ đà dạ xà  
347. Sân đà dạ di  
348. Kê ra dạ di  
349. Tỳ đa ra dà  
350. Hất rị đởm  
351. Tỳ đà dạ xà  
352. Sân đà dạ di  
353. Kê ra dạ di  
354. Bạt xà ra ba nể  
355. Câu hê dạ câu hê dạ  
356. Ca địa bát đế  
357. Hất rị đởm  
358. Tỳ đà dạ xà  
359. Sân đà dạ di  
360. Kê ra dạ di  
361. Ra xoa vỏng  
362. Bà dà phạm  
363. Án thố na mạ mạ tỏa

Ðệ Tứ

364. Bà dà phạm  
365. Tát đác đa bát đác ra  
366. Nam-mô tý đô đế  
367. A tất đa na ra lặc ca  
368. Ba ra bà  
369. Tất phổ tra  
370. Tỳ ca tát đác đa bát đế rị  
371. Thập Phật ra thập Phật ra  
372. Ðà ra đà ra  
373. Tần đà ra tần đà ra  
374. Sân đà sân đà  
375. Hổ hồng hổ hồng.  
376. Phấn tra phấn tra phấn tra phấn tra phấn tra.  
377. Ta ha  
378. Hê hê phấn  
379. A mâu ca da phấn  
380. A ba ra đề ha đa phấn  
381. Ba ra bà ra đà phấn  
382. A tố ra  
383. Tỳ đà ra  
384. Ba ca phấn  
385. Tát bà đề bệ tệ phấn  
386. Tát bà na dà tệ phấn  
387. Tát bà dược xoa tệ phấn  
388. Tát bà kiền thát bà tệ phấn  
389. Tát bà bổ đơn na tệ phấn  
390. Ca tra bổ đơn na tệ phấn  
391. Tát bà đột lang chỉ đế tệ phấn.  
392. Tát bà đột sáp tỷ lê  
393. Hất sắc đế tệ phấn  
394. Tát bà thập bà lê tệ phấn  
395. Tát bà a bá tất ma lê tệ phấn  
396. Tát bà xá ra bà noa tệ phấn.  
397. Tát bà địa đế kê tệ phấn  
398. Tát bà đát ma đà kê tệ phấn  
399. Tát bà tỳ đà da  
400. Ra thệ giá lê tệ phấn  
401. Xà dạ yết ra  
402. Ma độ yết ra  
403. Tát bà dạ tha ta đà kê tệ phấn.  
404. Tỳ địa dạ  
405. Giá lê tệ phấn  
406. Giả đô ra  
407. Phược kỳ nể tệ phấn  
408. Bạt xà ra  
409. Câu ma rị;  
410. Tỳ đà dạ  
411. Ra thệ tệ phấn  
412. Ma ha ba ra đinh dương  
413. Xoa kỳ rị tệ phấn  
414. Bạt xà ra thương yết ra dạ  
415. Ba ra trượng kỳ ra xà da phấn  
416. Ma ha ca ra dạ  
417. Ma ha mạt đát rị ca noa  
418. Nam-mô ta yết rị đa da phấn.  
419. Tỷ sắc noa tỳ duệ phấn  
420. Bột ra ha mâu ni duệ phấn  
421. A kỳ ni duệ phấn  
422. Ma ha yết rị duệ phấn  
423. Yết ra đàn tri duệ phấn  
424. Miệc đát rị duệ phấn  
425. Lao đát rị duệ phấn  
426. Giá văn trà duệ phấn  
427. Yết la ra đác rị duệ phấn.  
428. Ca bát rị duệ phấn  
429. A địa mục chất đa  
430. Ca thi ma xá na  
431. Bà tư nể duệ phấn  
432. Diễn kiết chất  
433. Tát đỏa bà tỏa  
434. Mạ mạ ấn thố na mạ mạ tỏa.

Ðệ Ngũ

435. Ðột sắc tra chất đa  
436. A mạt đác rị chất đa  
437. Ô xà ha ra  
438. Dà bà ha ra  
439. Lô địa ra ha ra  
440. Ta bà ha ra  
441. Ma xà ha ra  
442. Xà đa ha ra  
443. Thị tỉ đa ha ra  
444. Bạt lược dạ ha ra  
445. Kiền đà ha ra  
446. Bố sữ ba ha ra  
447. Phả ra ha ra  
448. Bà tả ha ra  
449. Bát ba chất đa  
450. Ðột sắc tra chất đa.  
451. Lao đà ra chất đa  
452. Dược xoa yết ra ha  
453. Ra sát ta yết ra ha  
454. Bế lệ đa yết ra ha  
455. Tỳ xá giá yết ra ha  
456. Bộ đa yết ra ha  
457. Cưu bàn trà yết ra ha  
458. Tất kiền đà yết ra ha  
459. Ô đát ma đà yết ra ha  
460. Xa dạ yết ra ha  
461. A bá tất ma ra yết ra ha.  
462. Trạch khê cách  
463. Trà kỳ ni yết ra ha  
464. Rị Phật đế yết ra ha  
465. Xà di ca yết ra ha  
466. Xá câu ni yết ra ha  
467. Lao đà ra  
468. Nan địa ca yết ra ha  
469. A lam bà yết ra ha  
470. Kiền độ ba ni yết ra ha  
471. Thập phạt ra  
472. Yên ca hê ca  
473. Trị đế dược ca  
474. Ðát lệ đế dược ca  
475. Giả đột thác ca  
476. Ni đề thập phạt ra  
477. Tỉ sam ma thập phạt ra  
478. Bạt để ca  
479. Tỷ để ca  
480. Thất lệ sắc mật ca  
481. Ta nể bát để ca  
482. Tát bà thập phạt ra  
483. Thất lô kiết đế  
484. Mạt đà bệ đạt lô chế kiếm  
485. A ỷ lô kiềm  
486. Mục khê lô kiềm  
487. Yết rị đột lô kiềm  
488. Yết ra ha  
489. Yết lam yết noa du lam  
490. Ðản đa du lam  
491. Hất rị dạ du lam  
492. Mạt mạ du lam  
493. Bạt rị thất bà du lam  
494. Tỷ lật sắc tra du lam  
495. Ô đà ra du lam  
496. Yết tri du lam  
497. Bạt tất đế du lam  
498. Ô lô du lam  
499. Thường dà du lam  
500. Hắc tất đa du lam  
501. Bạt đà du lam  
502. Ta phòng án dà  
503. Bát ra trượng dà du lam  
504. Bộ đa tỷ đa trà  
505. Trà kỳ ni  
506. Thập bà ra  
507. Ðà đột lô ca  
508. Kiến đốt lô kiết tri  
509. Bà lộ đa tỳ  
510. Tát bát lô  
511. Ha lăng già  
512. Du sa đát ra  
513. Ta na yết ra  
514. Tỳ sa dụ ca  
515. A kỳ ni  
516. Ô đà ca  
517. Mạt ra bệ ra  
518. Kiến đa ra  
519. A ca ra  
520. Mật rị đốt  
521. Ðát liểm bộ ca  
522. Ðịa lật lặc tra  
523. Tỷ rị sắc chất ca  
524. Tát bà na câu ra  
525. Tứ dẫn dà tệ  
526. Yết ra rị dược xoa  
527. Ðác ra sô  
528. Mạt ra thị  
529. Phệ đế sam  
530. Ta bệ sam  
531. Tất đát đa bát đác ra  
532. Ma ha bạt xà lô  
533. Sắc ni sam  
534. Ma ha bát lặc trượng kỳ lam  
535. Dạ ba đột đà  
536. Xá dụ xà na  
537. Biện đát lệ noa  
538. Tỳ đà da  
539. Bàn đàm ca lô di  
540. Ðế thù  
541. Bàn đàm ca lô di  
542. Bát ra tỳ đà  
543. Bàn đàm ca lô di  
544. Ðát điệt tha  
545. Án  
546. A na lệ  
547. Tỳ xá đề  
548. Bệ ra  
549. Bạt xà ra  
550. Ðà rị  
551. Bàn đà bàn đà nể  
552. Bạt xà ra bán ni phấn  
553. Hổ hồng đô lô ung phấn  
554. Ta bà ha.

***LƯỢC GIẢI***

Tổ Ðơn Hà nói: Từ xưa đến nay không có ai dịch nghĩa thần chú. Vì có năm nguyên nhân: 1. Lời bí mật của Phật, duy có Phật với Phật mới biết, ngoài các vị thánh cũng không thể biết được. 2. Vì một chữ hoặc một câu có hàm vô số nghĩa. 3. Hoặc tên của các vị quỷ thần, kêu gọi các vị ấy liền đến để bảo hộ người tu. 4. Mặt ấn của chư Phật, kẻ âm người dương đều phải tuân theo, cũng như ấn sắc của nhà vua. 5. Người chí tâm tụng trì, sẽ được diệt trừ tội nặng và mau chứng quả Thánh.

Các nhà phiên âm có khác, song hành giả chí tâm trì tụng một bổn nào cũng đều được hiệu quả.

\*\*\*

**IV. Công năng của thần chú**

A Nan, mười phương các đức Như Lai đều nhờ “tâm chú” này mà hàng phục các ma, ngăn dẹp ngoại đạo, được thành quả Phật. Mười phương chư Phật đều nhờ “tâm chú” này mà cứu độ tất cả chúng sanh khỏi các tai nạn khổ não như thủy tai, hỏa tai, cơ cẩn v.v… và cứu độ chúng sanh ở địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, đều được giải thoát.  
Các ông là hàng Thinh văn hữu học chưa khỏi luân hồi, phát tâm cầu quả A la hán, nếu không trì chú này, mà muốn cho khỏi các ma chướng thì không thể được.

Sau khi ta diệt độ, các chúng sanh đời sau, nếu có người trì tụng chú này, thì các tai nạn: thủy tai, hỏa hoạn, thuốc độc, độc trùng, ác thú, yêu tinh, qủy quái v.v… đều chẳng hại được.

Nếu người phạm tội ngũ nghịch, phá trai, phạm giới, khi chí tâm trì chú này, thì các tội đều tiêu, cũng như nước nóng làm giá tan. Những người không con, muốn cầu con, tụng chú này sẽ được con, cầu trường thọ v.v… được trường thọ, mỗi mỗi đều như ý nguyện.

**V. Các vị thiên thần phát nguyện bảo hộ người trì chú**

Khi Phật nói thần chú này rồi, trong hội có vô số thần Kim cang, đồng lạy Phật và phát lời thệ nguyện: -Chúng con xin sẽ thành tâm bảo hộ cho người trì chú này.  
Lại có vô số các vị chư Thiên và Thánh Thần đều đứng dậy lạy Phật và phát nguyện bảo hộ người trì chú này, khiến cho họ khỏi các ma chướng và mau đặng thành đạo vô thượng Bồ đề.

Lại có vô số vị Kim cang Tạng Bồ tát, đồng đứng trước Phật, phát lời thệ rằng:

– Con tu hành chẳng chịu vào Niết bàn, nguyện ở lại đời sau để theo bảo hộ người tu hành, không cho các loài ác ma đến nhiễu hại, chúng nó phải ở cách xa người tu ngoài mười do tuần. Nếu có loài ác ma nào lai vãng đến người trì chú này, thì con dùng cây báo sử đánh nó nát như bụi, để cho người tu hành được như nguyện.

**VI. Ông A Nan hỏi Phật tu hành phải trải qua bao nhiêu địa vị mới được thành Phật**

A Nan đứng dậy lạy Phật và thưa rằng: – Bạch Thế Tôn, người tu hành từ khi phát tâm cho đến thành Phật, phải trải qua bao nhiêu địa vị, và thứ lớp tu hành như thế nào? Xin Phật từ bi chỉ dạy cho kẻ mê muội này.  
Phật khen không A Nan và dạy rằng: – Ta sẽ vì ông và chúng sanh đời sau cầu quả Ðại thừa, chỉ dạy con đường tu hành từ địa vị phàm phu, cho đến khi vào đại Niết bàn, vậy các ông phải chăm chú nghe ta chỉ dạy:

– A Nan, các ông phải biết: Từ nơi chơn tâm thanh tịnh, rời các danh tướng, không có thế giới và chúng sanh, vì vọng động nên có sanh, nhờ sanh có diệt; sanh diệt cũng đều là vọng, diệt hết vọng gọi là chơn, thế gọi là Vô thượng Bồ đề và đại Niết bàn là hai quả chuyển y của Như Lai vậy.

**VII. Phật dạy ba món tiệm thứ**

– A Nan, ông nay muốn tu hành để thành Phật, thì phải tuần tự y theo ba món tiệm thứ này, mới có thể diệt trừ được gốc rễ của loạn tưởng, cũng như người muốn súc sạch cái bình để đựng đồ quý, thì trước hết phải đổ độc ra, kế dùng tro chùi rửa, sau dùng nước nóng và chất thơm rửa lại thiệt sạch, rồi mới có thể đựng vị cam lồ được.

*Ba món tiệm thứ là:*

*1.Trừ các trợ duyên bên ngoài:* Ăn, không nên ăn những vật không hợp với người tu hành, như ăn thịt uống rượu và ngũ vị tân v.v… Ngũ vị tân, ăn sống thì nó tăng trưởng tánh nóng giận, ăn chín hay sanh tham dục, tụng kinh trì chú chẳng hiệu nghiệm, Thánh thần không bảo hộ. Còn chỗ ở tu thì phải tìm chỗ nào cho hợp với hoàn cảnh của người tu hành.

*2.Trừ các chánh nhơn bên trong:* Cốt yếu là hành giả phải nghiêm trì tịnh giới, không dâm, sát, đạo và vọng, gìn giữ ngoài thân không phạm, trong tâm không động, thân và tâm đều thanh tịnh như băng tuyết.

*3.Trừ các nghiệp hiện tiền:* Khi tiếp xúc với trần cảnh, không khởi vọng niệm phân biệt theo sáu trần, xoay các cảm giác trở về bản tâm thanh tịnh. Do ngoài không duyên theo trần cảnh, trong sáu căn không vọng động, đồng một thể thanh tịnh, nên mười phương thế giới đều được thanh tịnh sáng suốt; cũng như trong ngọc lưu ly có hàm chứa mặt trăng sáng. Hành giả lúc bấy giờ thân tâm thơ thới, chứng đặng vô sanh pháp nhẫn, mười phương chư Phật đều hiện trong tâm người ấy. Từ đây hành giả lần lần tăng tiến tu hành, tiến lên các quả Thánh.

**VIII. Hành giả phải trải qua 55 địa vị mới đến qua Phật**

A Nan, người tu hành khi ái dục khô khan, sáu căn không còn chạy theo sáu trần nhiễm trước, lúc bấy giờ chỉ có trí huệ khô khan, chưa thấm nhuần nước pháp của Phật. Ðây là địa vị đầu tiên tên Càn huê địa (huệ khô), lần lần tấn tu vào địa vị Thập tín (mười món tin):

*1. Tín tâm trụ  
2. Niệm tâm trụ  
3. Tinh tấn tâm  
4. Huệ tâm trụ  
5. Ðịnh tâm trụ  
6. Bất thối tâm  
7. Hộ pháp tâm  
8. Hồi hướng tâm  
9. Giới tâm trụ  
10. Nguyện tâm trụ*

 MÃN ÐỊA VỊ THẬP TÍN ÐẾN THẬP TRỤ

*Phát tâm trụ  
Trị địa trụ  
Tu hành trụ  
Sanh quý trụ  
Phương tiện cụ túc trụ  
Chánh tâm trụ  
Bất thối trụ  
Ðồng chơn trụ  
Pháp vương tử trụ  
Quán đảnh trụ*

MÃN THẬP TRỤ ÐẾN THẬP HẠNH

*1.Hoan hỷ hạnh  
2.Nhiêu ích hạnh  
3.Vô sân hận hạnh  
4.Vô tận hạnh  
5.Ly si loạn hạnh  
6.Thiện hiện hạnh  
7.Vô trước hạnh  
8.Tôn trọng hạnh  
9.Thiện pháp hạnh  
10.Chơn thật hạnh*

MÃN THẬP HẠNH ÐẾN THẬP HỒI HƯỚNG

*1.Cứu độ nhứt thế chúng sanh, ly chúng sanh tướng hồi hướng  
2.Bất hoại hồi hướng  
3.Ðẳng nhứt thế Phật hồi hướng  
4.Chí nhứt thế xứ hồi hướng  
5.Vô tận công đức tạng hồi hướng  
6.Tùy thuận bình đẳng thiện căn hồi hướng  
7.Tùy thuận đẳng quán nhứt thế chúng sanh hồi hướng  
8.Chơn như tướng hồi hướng  
9.Vô phược giải thoát hồi hướng  
10.Pháp giới vô lượng hồi hướng*

MÃN THẬP HỒI HƯỚNG ÐẾN TỨ GIA HẠNH

*1.Noãn địa  
2.Ðảnh địa  
3.Nhẫn địa  
4.Thế đệ nhứt địa*

MÃN TỨ GIA HẠNH ÐẾN THẬP ÐỊA

*1.Hoan hỷ địa  
2.Ly cấu địa  
3.Phát quang địa  
4.Diệm huệ địa  
5.Nan thắng địa  
6.Hiện tiền địa  
7.Viễn thành địa  
8.Bất động địa  
9.Thiện huệ địa  
10.Pháp vân địa*

(Khi mãn Thập địa đến địa vị Ðẳng giác, qua Ðẳng giác đến Diệu giác tức là Phật. Trừ địa vị Càn huệ ra, thì từ địa vị Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Tứ gia hạnh, Thập địa và Ðẳng giác, nghĩa là phải trải qua 55 địa vị này mới được quả Phật.

Song trong khi trải qua 55 địa vị này, phải gặp 50 món ma là những điều nguy hiểm nhứt trên đường tu hành).

**IX. 50 món ma chướng (ngũ ấm ma)**

Thuyết pháp gần xong, đức Như Lai đứng dậy, tay vịn ghế thất bửu, kêu Ngài A Nan và đại chúng dạy thêm rằng:

– Các ông chưa rõ trên đường tu hành, còn gặp nhiều cảnh ma rất là nguy hiểm. Nếu các ông không biết trước, sanh tâm tà kiến thì đọa vào ác đạo, cũng như người nhận lầm giặc làm con, thì bị hại chẳng ít. Vậy các ông phải chăm chú nghe, ta sẽ chín chắn chỉ dạy cho.

Này A Nan, tất cả chúng sanh cùng với người mười phương chư Phật, đồng một thể chơn tâm thanh tịnh không hai. Bởi các ông bị vô minh vọng tưởng, nên sanh ra mười phương hư không và thế giới nhiều như vi trần, nhưng mười phương hư không và hằng sa thế giới đó đều sanh ở trong chơn tâm của các ông, chẳng khác nào một điểm mây nhỏ sanh trong trời xanh. Nếu người ngộ được chơn tâm rồi thì mười phương hư không và thế giới đều tiêu hết.

Bởi các loài ma kia thấy người tu hành sanh tâm lo sợ cho bà con quyến thuộc của chúng sẽ tiêu diệt, nên chúng dùng đủ thần lực đến nhiễu hại người tu. Chúng nó cũng đủ năm phép thần thông biến hóa chỉ chưa được lậu tận thông.

Mặc dầu chúng đủ năm phép thần thông và sức mạnh, song vẫn còn ở trong vòng trần lao; nếu các ông trong khi tu thiền tâm được thanh tịnh sáng suốt, không vọng động, thì chúng ma kia không làm sao hại được. Cũng như dao chặt xuống nước, gió thổi ánh sáng, hoàn toàn không dính líu gì. Chúng ma kia phải lần lần tiêu diệt như băng bị nước nóng chế vào và tối tăm bị ánh sáng phá trừ; chỉ lo một điều là các ông cũng như chủ nhà, nếu chủ nhà mê muội rồi thì các ma chướng kia như khách dễ bề nhiễu hại, rồi các ông trở làm con cái của ma, sau thành người ma.

Ma Ðăng Già là thứ ma yếu hèn, nó chỉ làm ông phá một giới trong tám muôn giới mà thôi, nhờ tâm ông thanh tịnh nên chẳng bị trầm luân. Còn các chúng ma này rất là nguy hiểm, nó phá tan giới thân huệ mạng làm cho ông nhiều kiếp luân hồi. Chẳng khác nào như ông quan lớn bị cách chức, gia tài sự sản bị tịch thâu, trở thành một người dân trắng, không thể cầu cứu với ai được.

**X. Mười món ma về sắc ấm**

1.THÂN THỂ KHÔNG BỊ CHƯỚNG NGẠI

Này A Nan, người trong khi tu thiền do sức dụng công, nên tâm tánh được nhiệm mầu sáng suốt, tự thấy thân thể mình trong giây phút qua lại tự tại, không bị cái gì làm chướng ngại. Vì công dụng tu luyện, nên tạm hiện ra các việc như vậy, không phải là chứng Thánh; nếu sanh tâm nghĩ mình chứng Thánh, thì bị ma cám dỗ.

2.LƯỢM BỎ TRÙNG ÐỘC TRONG THÂN

A Nan, hành giả trong lúc dụng công tu thiền, thoạt thấy thân thể mình trong suốt, các loài trùng độc, sên bò qua lại, rồi lượm bỏ ra ngoài mà thân không đau đớn. Vì dụng công tu luyện nên tạm hiện ra cảnh như vậy, không phải chứng Thánh. Nếu nghĩ mình chứng Thánh thì bị ma nó cám dỗ.

3.NGHE TRONG HƯ KHÔNG CÓ TIẾNG NÓI PHÁP

Hành giả trong lúc tu thiền, nghe trong hư không có tiếng thuyết pháp, hoặc nghe Thánh, Hiền, Tiên, Phật trong mười phương thế giới đều nói ra nghĩa lý nhiệm mầu. Ðây vì hành giả dụng công tu luyện nên tự tâm biến hiện ra cảnh giới như vậy, không phải chứng Thánh, nếu nghĩ mình chứng Thánh, thì bị ma ám ảnh.

4.THẤY PHẬT HIỆN VÀ HOA SEN NỞ

Người tu thiền định, khi tâm thanh tịnh rồi, tự phát ra ánh sáng. Lúc bấy giờ thấy mười phương đều hiện ra sắc vàng, tất cả các vật loại hóa thành Phật cả. Lại thấy đức Phật Tỳ Lô Giá Na ngồi trên đài thiên quang, các đức Phật ngồi xung quanh và có vô số hoa sen đồng thời xuất hiện. Ðây do hành giả dụng công tu thiền, nên thấy có cảnh tạm hiện ra như vậy, không phải là chứng Thánh; nếu nghĩ mình chứng Thánh, thì bị ma cám dỗ.

5.THẤY CÁC VẬT BÁU ÐẦY CẢ HƯ KHÔNG

Người trong khi tu thiền thấy mười phương hư không đều thành bảy báu, nào màu xanh, sắc vàng, đỏ, trắng, hiện ra vô số, mà chẳng chướng ngại nhau. Ðây do trong lúc tu thiền, vì hành giả dụng công đè nén vọng niệm thái quá, nên nó biến hiện ra cảnh như vậy, không phải chứng Thánh; nếu nghĩa mình chứng Thánh, thì bị ma cám dỗ.

6.THẤY BAN ÐÊM NHƯ BAN NGÀY

Người tu thiền định, do tâm yên tịnh nên phát ra ánh sáng. Lúc bấy giờ mặc dù nửa đêm, ở trong nhà tối mà vẫn thấy rõ hết cả mọi vật, không khác chi ban ngày. Vì hành giả dụng công tu luyện nên tạm hiện ra cảnh như vậy, không phải chứng Thánh; nếu cho mình chứng Thánh, thì bị ma cám dỗ.

7.THÂN THỂ KHÔNG BIẾT ÐAU

Người tu thiền đến khi tâm tánh được rỗng không, thì thân thể chẳng biết đau. Lúc bấy giờ lửa đốt không cháy, dao chặt không đau. Ðây do sức dụng tâm tu luyện của hành giả nên tạm được như vậy, không phải chứng Thánh; nếu cho mình chứng Thánh, thì bị ma cám dỗ.

8.THẤY CẢNH GIỚI PHẬT HIỆN KHẮP NƠI

Người tu thiền định do dụng công cùng tột, nên thấy mười phương núi sông toàn cả thế giới đều biến thành cõi Phật, đủ cả bảy món báu chiếu sáng khắp giáp. Lại thấy hằng sa chư Phật ở trong cung điện tốt đẹp hiện đầy cả hư không. Trông lên trên thì thấy các cung trời, xem trở xuống lại thấy hết các cõi địa ngục đều không có chướng ngại. Ðây do lúc tu thiền, vì hành giả ngưng vọng tưởng lâu ngày, nên nó hóa hiện như vậy, không phải chứng Thánh; nếu cho mình chứng Thánh, thì bị đọa vào đường tà.

9.BAN ÐÊM THẤY, NGHE ÐƯỢC PHƯƠNG XA

Trong khi tu thiền, do tâm tham cứu sâu xa, nên trong lúc giữa đêm thấy được nào là chợ búa, đường sá, bà con họ hàng ở các phương xa, hoặc nghe được tiếng nói. Ðây do hành giả kiềm thúc cái vọng tâm thái quá, nên tạm hiện ra như vậy, không phải chứng Thánh; nếu cho mình chứng Thánh, thì bị đọa vào đường tà.

10.THÂN HÌNH BIẾN HÓA, NÓI PHÁP THÔNG SUỐT

Trong khi tu thiền, do hành giả dụng tâm tham cứu cùng tột, nên thấy có các vị Thiện tri thức, chỉ trong giây phút mà thân mình biến hóa nhiều cách. Ðây do trong khi tu thiền vì hành giả sanh tâm chấp trước, nên bị ma ám ảnh, làm cho người này thông suốt nghĩa mẩu, nói pháp vô ngại, không phải chứng Thánh; nếu chẳng chấp trước thì cảnh ma này lần lần tiêu; còn cho mình chứng Thánh thì bị đọa vào cảnh ma.

***TÓM LẠI***

Này A Nan! Mười cảnh ma này, đều do trong lúc tu thiền, hành giả dụng tâm phá trừ sắc ấm, nên nó biến hiện ra các cảnh như vậy. Nếu khi gặp những cảnh ấy, mê lầm không biết, cho mình đã chứng Thánh thì bị ma nó ám ảnh, rồi sanh đại vọng ngữ, nói mình thành đạo chứng quả v.v… sau khi chết rồi đọa vào địa ngục vô gián. Vậy khi ta nhập diệt rồi, các ông nên y lời ta dạy, đem những việc ma này giảng dạy cho người tu hành đời sau, bảo hộ người tu hành đặng đạo quả, chớ để cho họ bị thiên ma nhiễu hại.

# Bài 15:Mười Món Ma Về Thọ Ấm

**10 món ma về thọ ấm, 10 món ma về tưởng ấm**  
**I. Mười món ma về thọ ấm:**  
1. Thất loài vật, thương khóc  
2. Chí dõng mãnh bằng Phật  
3. Tâm nghĩ tưởng khô khan  
4. Đặng chút ít cho là đầy đủ  
5. Tâm buồn rầu vô hạn  
6. Vui cười không thôi  
7. Sanh đaị ngã mạn  
8. Tâm không khinh an  
9. Chấp không  
10. Vì quá tham ái nên sanh ra cuồng  
**II. Mười món ma về tưởng ấm:**  
1. Tham cầu diệu dụng  
2. Tham cầu du ngoạn  
3. Cầu ngộ chơn lý  
4. Móng tâm muốn biết nguồn gốc của muôn loài  
5. Tham cầu cảm ứng linh nghiệm  
6. Tham cầu chỗ ở vắng vẻ u tịch  
7. Tham cầu biết kiếp trước  
8. Tham cầu thần thông  
9. Tham cầu không không  
10. Tham cầu sống lâu

**I. MƯỜI MÓN MA VỀ THỌ ẤM:**

**1. Thấy loài vật, thương khóc**

Này A Nan, người tu thiền định khi phá trừ sắc ấm rồi, tâm trí sáng suốt, do hành giả dụng công dằn ép các vọng tưởng thái hóa, nên phát sanh lòng thương xót các loài vật vô cùng, cho đến thấy loài mòng muỗi, thương cũng như con ruột, thương cho đến nỗi sa nước mắt khóc ròng. Nếu hành giả giác ngộ thì cảnh ấy lần lần tiêu hết, không có hại chi; còn mê lầm không biết, thì bị ma sầu bi ám ảnh vào tâm, rồi thấy người tự khóc ròng, tâm mất chánh định, sau khi chết rồi đọa vào cảnh ma.

*2. Chí dõng mãnh bằng Phật*

Này A Nan, người tu thiền định khi sắc ấm tiêu, thọ ấm hiện bày, thấy có nhiều điều linh ứng và những cảnh tốt đẹp hiện ra. Vì trong lòng cảm khích thái quá, nên hành gỉả phát tâm đại dõng mãnh, lập chí đồng với chư Phật, quyết tu một đời thành Phật, không chịu trải qua bao vô số kiếp. Nếu hành giả giác ngộ thì cảnh ấy lần lần tiêu diệt; còn mê lầm không biết cho mình chứng Thánh thì bị ma nhập tâm, thấy người hay khoe khoang hống hách, ngã mạn không ai bằng, cho đến trên thấy không có Phật, dưới thấy không có người, mất chánh định, sau khi chết rồi bị đọa vào ác đạo.

*3. Tâm nghĩ tưởng khô khan*

Lại nữa, người tu thiền định, khi địa vị cũ đã qua khỏi, địa vị mới chưa chứng, lúc ấy bơ vơ giữa chừng, vị trí lực suy kém, nên trong tâm sanh ra rất khô khan, tất cả thời nhớ nghĩ vẩn vơ, rồi tự cho đó là tinh tấn. Đây vì trong lúc tu thiền, không có trí tuệ sáng suốt để phán đoán. Nếu hành giả hiểu biết thì không có hại; còn mê lầm không biết, cho mình chứng Thánh thì bị ma ám ảnh vào tâm, sớm chiều bóc quăng trái tim của mính, mất chánh định, chết rồi đọa vào ác đạo.

*4. Đặng chút ít cho là đầy đủ*

Người tu thiền định khi sắc ấm tiêu, thọ ấm hiện bày, vì dùng huệ nhiều hơn định, mất sự thăng bằng, nên gặp những cảnh thù thắng hiện ra, sanh lòng nghi ngờ cho là Đức Tỳ Lô Giá Na Phật, mới đặng chút ít cho là đầy đủ. Nếu hành giả hiểu biết thì không có hại; còn mê lầm không biết cho mình là Thánh, thì bị ma ám ảnh, khi gặp người tự xưng: “Ta đặng đạo vô thượng Bồ đề”, sẽ mất chánh định, sau đọa vào đường ma.

*5. Tâm buồn rầu vô hạn*

Người tu thiền định, khi cảnh cũ đã mất, địa vị mới chưa chứng, tự thấy bơ vơ; gặp cảnh gian nan nguy hiểm, sanh tâm buồn rầu vô hạn, như ngồi trên chông sắt, như uống thốc độc, tâm chẳng muốn sống, thường cầu xin người giết giúp thân mạng mình, đặng sớm được giải thóat. Đây là do trong khi tu hành, hành giả thiếu phương tiện để lướt qua những cảnh ấy. Nếu liễu ngộ thì không hại; còn mê lầm chẳng biết, hành giả cho mình chứng Thánh, thời bị ma u sầu ám ảnh, rồi tự cầm gươm dao lóc lấy thịt mình, ưa bỏ thân mạng, thường hay lo rầu hoặc vào ở trong núi non rừng rú, không muốn thấy người, mất tâm chánh định, sau chết rồi đọa vào đường ma.

*6. Vui cười không thôi*

Người tu thiền định, khi tâm được thanh tịnh an ổn rồi, bỗng nhiên sanh ra vui mừng vô hạn không thể ngăn được. Nếu hiểu biết thời không có hại; còn mê lầm cho mình chứng Thánh, thì bị ma nhập vào tâm phủ, Thấy người cười hoài, đi trên đường sá một mình ca múa, tự cho rằng “Ta đã đặng vô ngại giải thóat”, mất chánh định, sẽ đọa vào đường tà.

*7. Sanh đại ngã mạn*

Người tu thiền định, khi thấy sắc ấm tiêu, thọ ấm hiện bày, tự cho mình được như thế là đầy đủ rồi, sanh tâm ngã mạn, đối với mười phương chư Phật còn khinh khi, huống hồ là Thinh-văn, Duyên-giác. Nếu hiểu ngộ thì chẳng hại; còn hành giả mê lầm không biết cho là chứng Thánh, thì bị ma đại ngã mạn nó nhập tâm, không lạy Phật tổ, hủy họai kinh tượng. Hạng người ấy thường nói với tín đồ rằng: “Phật bằng cây, đất, đồng, chì; còn kinh tượng là giấy mực, có gì mà kính lạy; nhục thân này mới là chơn thật thường còn, sao chẳng cung kính, thật là điên đảo”. Tín đồ nghe rồi tin theo, đốt kinh chôn Phật. Người làm cho chúng sanh nghi lầm như thế, sau khi chết rồi bị đọa vào địa ngục vô gián.

*8. Tâm sanh khinh an*

Người tu thiền định, khi sắc ấm tiêu, thọ ấm hiện bày, trong tâm sanh ra vô lượng khinh an rồi tự cho mình đã chứng Thánh, đặng đại tự tại. Nếu hành giả hiểu biết thời không hại; còn mê lầm không biết thì bị ma nhập tâm, rồi tự cho mình đã đầy đủ, không cần tu tấn, mất chánh định, sau khi chết rồi bị đọa vào đường tà.

*9. Chấp không*

Người tu thiền định, khi sắc ấm tiêu, thọ ấm hiện bày, trong tâm bỗng sáng, rồi sanh ra chấp đọan diệt, bác không nhân quả, không tội phước, tất cả đều không. Nếu hành giả hiểu biết thời không hại; còn mê lầm không biết chấp mình chứng Thánh thì bị ma nhập tâm, rồi chê bai người trì giới cho là tu hành Tiểu thừa, tự xưng mình là Bồ-tát ngộ chơn lý chơn không rồi, không còn trì giới và phạm giới nữa, vẫn ăn thịt và uống rượu làm những việc tà dục. Do thần lực của ma nó làm cho tín đồ say mê, thương yêu cung phụng, luôn luôn trung thành, chẳng sanh lòng nghi ngờ hủy báng. Vì ma nhập lâu ngày làm cho phải điên, đến nỗi ăn uống những đồ nhơ uế, mà cho cũng như là uống rượu ăn thịt, phá các giới cấm của Phật, hoàn toàn chấp không, làm mất chánh kiến của mình, sau khi chết rồi đọa vào đường tà.

*10. Vì quá tham ái nên sanh ra cuồng*

Người tu thiền định, khi sắc ấm tiêu, thọ ấm hiện bày, sanh ra vô cùng ái dục, đến đỗi phát cuồng. Nếu hành giả giác ngộ thì cảnh đó hết dần, còn mê lầm không biết cho là chứng Thánh, thì bị ma nhập tâm, rồi khuyến hóa người đời bình đẳng hành dục, bảo họ rằng: “Hành dục là đạo Bồ-đề, người hành dâm dục là kẻ duy trì chánh pháp. Do thần lực của ma làm cho người cuồng kia chinh phục được cả ngàn muôn người, đến chừng ma nhàm chán, bỏ người tu thiền kia rồi, lúc bấy giờ hành giả không còn oai đức gì nữa, bị luật nước giam cầm, đến khi lâm chung đọa vào địa ngục vô gián.

***Tóm lại***

A Nan, mười cảnh ma này, đều do trong lúc tu thiền, hành giả dụng tâm phá trừ thọ ấm, nên tự hiện ra các cảnh như vậy. Nếu hành giả mê lầm không biết, cho rằng chứng Thánh, thì bị ma dựa vào, làm nhiều hại đến thế; chết rồi đọa vào địa ngục vô gián.  
Sau khi Ta nhập diệt, các ông nên đem lời Ta dạy đây mà truyền dạy cho chúng sanh đời sau, bảo hộ người tu hành được thành đạo Bồ-đề, chớ để cho họ gặp các loài ma chuớng làm hại, mà phải bị đọa vào ác đạo.

**II. MƯỜI MÓN MA VỀ TƯỞNG ẤM :**

*1. Tham cầu diệu dụng*

A Nan, người tu thiền định, khi phát minh được diệu định rồi, lại khởi tâm tham cầu những việc diệu dụng và linh nghiệm. Khi đó thiên ma được biết, gặp dịp thuận tiện, nên xuất hồn nhập vào người, mà người bị nhập kia lại không biết, tự cho mình đặng đạo vô thượng Niết-bàn, cũng thường nói ra kinh pháp. Trong giây phút, thân mình người bị nhập kia, biến hiện ông Thầy, cô Ni, vị Đế thích hay người phụ nữ v.v… hoặc ở trong nhà tối, từ nơi thân họ chiếu ra hào quang sáng ánh. Người đời lầm cho là Bồ-tát thật, rồi tin nghe theo lời ma giáo hóa, sanh tâm buông lung, phá giới luật của Phật, lén làm việc tham dục. Người này ưa nói những điểm tai biến lạ lùng, hoặc nói chỗ kia có Phật ra đời, năm nào nổi đao binh giặc giã, năm nào có hỏa họan v.v… khủng bố tinh thần dân chúng, khiến cho người hao tài tốn của. Đến khi ma kia nhàm chán bỏ đi, thì thầy trò người bị ma nhập kia đều bị giam cầm. các ông nếu biết trước thời khỏi vào luân hồi; còn mê lầm không biết thì đọa vào ác đạo.

*2. Tham cầu du ngọan*

A Nan, hành giả khi tu thiền, trong tâm muốn xuất thần dạo chơi. Lúc bấy giờ Thiên ma Ba tuần hiểu biết, được dịp thuận tiện nhiễu hại, nên xuất hồn nhập vào người, mà người bị nhập kia lại không biết, tự nói mình đặng đạo vô thượng Niết-bàn, miệng cũng nói kinh pháp thông suốt, làm cho những người nghe đều tự thấy thân mình hóa ra sắc vàng sáng rỡ, ngồi trên tòa sen báu, đặng những điều chưa từng có. Người đời lầm tưởng là Bồ-tát thị hiện. Người bị ma nhập kia lại dạy người phá giới luật của Phật, âm thầm làm việc tham dục, miệng ưa nói chuyện chư Phật giáng thế, như: ở xứ kia, ông đó là Đức Phật nào thị hiện, người nọ là vị Bồ-tát chi thị hiện v.v… làm cho người thấy, nghe sanh lòng khao khát, dâm tà kiến thêm mạnh, giống trí tiêu mòn. Đến lúc ma kia nhàm chán bỏ đi, thì thầy trò người bị ma nhập ấy đều bị bắt cả. các ông nếu sớm giác ngộ thì khỏi vào luân hồi; còn mê lầm không biết thì đọa vào địa ngục.

*3. Cầu ngộ chơn lý*

Lại nữa, người tu thiền định, trong tâm tham, cầu ngộ chơn lý. Lúc bấy giờ Thiên ma Ba tuần biết được ý muốn, nên xuất hồn nhập cho người, mà người tự không biết, tự cho rằng ta đặng đạo vô thượng niết-bàn, miệng cũng nói kinh pháp, làm cho thính giả tuy chưa nghe pháp, mà tâm tự khai ngộ, biết được việc nhiều đời trước, hoặc biết rõ được tâm tánh người, hoặc thấy các cảnh địa ngục, biết trước những họa phước ở nhơn gian, miệng tự đọc kinh hay nói kệ, mỗi người đều tự vui mừng, cho là đặng những việc chưa từng có. Người đời mê lầm cho là Bồ-tát thị hiện. Ma kia lại ưa nói: “Phật có lớn nhỏ, Phật thiệt, Phật giả, Phật nam, Phật nữ, Đức Phật kia là Đức Phật trước, Đức Phật nọ là Đức Phật sau; Bồ-tát cũng vậy”, làm cho người mầt chánh tín lại sanh tà kiến, tâm tánh buông lung, phá giới luật của Phât, lén làm việc tham dục. Đến khi chúng ma kia sanh tâm nhàm chán bỏ đi, thì thầy trò người bị ma nhập kia đều bị bắt. Các ông biết trước thời khỏi bị luân hồi; còn mê lầm tin theo thời đọa vào địa ngục.

*4. Móng tâm muốn biết nguồn gốc của muôn loài*

Lại nữa, người tu thiền định, khi ở trong định, móng tâm muốn biết cùng tột căn nguyên của muôn vật, thỉ chung sanh hóa thế nào. Khi đó Thiên ma hiểu biết ý muốn, gặp dịp thuận tiện để khuấy nhiễu, nên xuất hồn đến nhập cho người, mà người nhập kia lại không biết, cho mình đặng đạo vô thượng Niết-bàn, cũng thường nói kinh pháp. Chúng ma kia dùng oai thần nhiếp phục quần chúng, làm cho thính giả tuy chưa nghe pháp mà trong lòng đã tự kính phục. Chúng ma nói: “Thân thịt hiện tiền đây là Bồ-đề Niết-bàn, là Pháp thân của Phật”. Chúng ma lại nói: “Mắt, tai, mũi, lưỡi là cảnh tịnh độ, nam căn và nữ căn tức là Bồ-đề Niết-bàn”. Nhưng người mê lầm không biết tưởng là Bồ-tát thị hiện, tin tưởng quy y theo, cho là một đấng hy hữu chưa từng có. Mất tâm chánh tín, phá giới luật của Phật, âm thầm làm hạnh tham dục. Đến khi ma kia nhàm chán bỏ đi rồi, thì thầy trò người bị ma nhập kia đều bị bắt cả. Các ông nếu biết trước thì khỏi bị luân hồi, còn mê lầm tin theo thời đọa vào địa ngục vô gián.

*5. Tham cầu cảm ứng linh nghiệm*

Người tu thiền định vì móng tâm tham cầu sự cảm ứng linh nghiệm, nên Thiên ma biết được ý muốn, nó xuất hồn đến gá vào người mà người kia không biết, tự cho mình đặng đạo vô thượng Niết-bàn, cũng thường nói kinh pháp. Ma lại dùng thần lực khiến cho những người nghe pháp đều thấy thân thể người bị nhập kia già nua như người trăm tuổi sanh lòng thương mến, đêm ngày hầu hạ không biết mệt mỏi, và tứ sự cúng dường. Nó lại làm cho người người kính trọng là vị Tiên sư hay Thiện tri thức. Đối với người, nó ưa nói việc huyền ảo như: “Đời trước ta tế độ người kia, người nọ. Đời trước người kia là anh em hay vợ con của ta, đời nay ta tế độ, để cùng nhau sẽ sanh về thế giới kia và cúng dường Đức Phật nọ”; hoặc nói: “Có cõi Trời Đại quang minh, tất cả các Đức Phật đều ở đó”. Những người mê muội không biết, lầm cho là Bố-tát thị hiện, tin tưởng kính trọng vô cùng, mất tâm chánh tín, phá giới luật của Phật, âm thầm làm việc tham dục. Đến khi chúng ma kia sanh tâm nhàm bỏ. các ông biết trước thời khỏi vào luân hồi, còn tin tưởng nghe theo thì đọa vào địa ngục vô gián.

*6. Tham cầu ở chỗ vắng vẻ tịch mịch*

Người tu thiền định, khép mình nơi khổ hạnh tham cầu ở chỗ vắng vẻ tịch mịch. Khi đó Thiên ma Ba tuần biết được ý muốn, nên xuất hồn nhập vào người, mà người kia không biết, cho mình chứng đạo vô thượng Niết-bàn, cũng thường hay nói pháp. Ma dùng thần lực khiến cho các người nghe đều biết được đời trước của mình. Hoặc trong chỗ đông người, nó chỉ một người nào đó nói rằng: “Người này chưa chết, mà đã thành súc sanh”. Nói rồi, ma nó bảo một người khác đạp sau cái đuôi, thì người kia biến thành súc sanh, đứng dậy không được, làm cho đồ chúng hết sức kính phục. Có ai vừa móng tâm niệm gì, thì ma nó liền biết và nói ra ngay. Ngoài giới luật của Phật, chúng còn giữ thêm những điều khổ hạnh, phỉ báng các thầy Tỳ-kheo, mắng nhiếc tín đồ, làm tiết lộ việc bí mật của người mà không sợ người hiềm ghét, thường nói những việc họa phước sắp đến, không sai một mảy. Đến lúc ma kia nhàm chán bỏ rồi, thì thầy trò người bị ma nhập đều bị bắt. Các ông biết trước thời không vào luân hồi; còn mê mờ tin theo thì đọa vào địa ngục vô gián.

*7. Tham cầu biết kiếp trước*

Người trong khi tu thiền định, móng tâm tham cầu biết kiếp trước của mình. Khi đó Thiên ma hiểu biết, gặp dịp thuận tiện, nên xuất hồn nhập vào người, mà người bị nhập kia không biết, tự cho mình đặng đạo vô thượng Niết-bàn, cũng thường nói kinh pháp, hoặc làm cho người tình cờ đặng châu báu. Nó hóa ra một con vật ngậm hột châu hay những vật kỳ quái đem đến đưa cho người. Nó chỉ ăn rau rác đơn sơ, không dùng đồ ngon quí, có khi mỗi ngày chỉ ăn một hột mè, hột bắp, mà thân hình vẫn mập tốt. Chúng thường nói: “Xứ kia có kho báu, chỗ nọ có các Thánh Hiền ẩn”. Chúng làm cho người thấy những điều kỳ dị, hoặc nói những việc tham dục, phá giới của Phật, âm thầm làm hạnh dâm dục. Đến khi ma kia nhàm bỏ rồi, thì thầy trò người bị nhập đều bị bắt cả. Các ông biết trước thì khỏi đọa vào luân hồi; còn mê lầm tin theo, thì đọa vào địa ngục.

*8. Tham cầu thần thông*

Người khi tu thiền định, móng tâm muốn được thần thông biến hóa. Khi đó Thiên ma liền biết, nên xuất hồn nhập cho người mà người không biết, tự cho rằng: “Đặng đạo vô thượng Bồ-đề”. Miệng nói kinh pháp và một tay cầm lửa, một tay rứt ánh sáng phân phát để trên đầu của thính giá. Mỗi người đều thấy trên đầu có ánh sáng dài đến vài thước, mà chẳng biết nóng; hoặc đi trên nước hay ngồi trên hư không vẫn tự tại; hoặc vào trong bình, vô trong đãy (bọc), đi ngang qua vách tường, mà không bị chướng ngại. Chỉ trừ khi đối với binh đao, thì họ không tự tại. Họ xưng là Phật mà thân mặc đồ thế gian, thọ các thầy tỳ-kheo lễ bái, chê bai người tham thiền và trì giới, mắng nhiếc đồ chúng, làm tiết lộ việc nhà người mà không sợ người hiềm giận. Họ thường nói với người: “Ta đã đặng thần thông tự tại”; hoặc làm cho người thấy được cõi Phật (ma hiện ra cõi Phật) đem những điều dở hèn làm việc truyền đạo và khen ngợi việc hành dục. Đến khi ma kia nhàm bỏ, thì thấy trò người bị ma nhập kia đều bị bắt cả. Các ông biết trước thời khỏi vào luân hồi; còn mê lầm tin theo thời đọa vào địa ngục vô gián.

*9. Tham cầu không không*

Người khi tu thiền định, tâm ưa nhập diệt, tham cầu không không. Khi ấy Thiên ma liền biết, đặng dịp thuận tiện, nên xuất hồn nhập cho người, mà người kia chẳng biết, tự cho mình đặng đạo vô thượng Niết-bàn, miệng nói kinh pháp. Hoặc ở trong chỗ đông người, người ấy tự biến mất, không ai thấy được, rồi tình cờ từ hư không hiện ra, khi ẩn khi hiện thần diệu vô cùng, hoặc hiện thân trong suốt như ngọc lưu ly, khi duỗi tay chân ra thì thơm nực mùi hương chiên đàn, chê bai giới luật, hủy báng người xuất gia, bác không có nhơn quả, cho rằng chết rồi mất hẳn không có đầu thai, âm thầm làm việc tham dục, khiến cho những người thọ dục, cũng chấp không có nhơn quả tội phước v.v… Đến lúc ma nhàm bỏ, thì thầy trò người bị ma nhập kia đều bị bắt cả. các ông biết trước thời khỏi vào luân hồi; còn mê lầm không biết thì đọa vào địa ngục vô gián.

*10. Tham cầu sống lâu*

Người tu thiền định, móng tâm tham cầu sống lâu. Lúc bấy giờ Thiên ma hiểu biết, xuất hồn nhập cho người, mà người tự không biết, nói mình đặng đạo vô thựơng Niết-bàn, miệng thường nói kinh pháp và đi qua lại các thế giới được tự tại không ngăn ngại; mặc dù đường xa muôn dặm, nhưng đi không nháy mắt đã trở về đến chỗ, lại lấy những vật ở phương xa kia đem về làm tin. Hoặc ở trong một căn nhà nhỏ, nó bảo người đi thiệt mau, từ vách bên này qua vách bên kia, đi mấy năm cũng không đến; hoặc thường nói: “Chúng sanh trong mười phương đều là con của ta, ta sanh ra chư Phật, ta sanh ra thế giới, ta là Phật đầu tiên tự nhiên có, chẳng chơn tu hành mà được”; hoặc ngồi nói lầm thầm một mình như người cuồng, khiến cho người đời tin tưởng là Phật thiệt. Các ông biết trước thì khỏi bị luân hồi, còn mê lầm tin theo thời đọa vào địa ngục vô gián.

***Tóm lại***

A Nan, mười món ma tưởng ấm này, ở trong đời mạt pháp, sẽ giả làm người xuất gia tu hành, trong đạo của Ta, hoặc nhập cho người, hoặc tự hiện hình, đều tự xưng rằng: “Đã chứng quả Phật”. Chúng khen ngợi việc dâm dục, phá giới luật của Phật. Ma thầy, ma trò cùng nhau tryền dạy, làm hại cho người đến nhiều đời lắm, khiến người chơn tu mất chánh kiến, bị đọa làm bà con quyến thuộc của ma.

Các ông ngày nay đã được độ ra khỏi sanh tử luân hồi rồi, vậy các ông phải khởi lòng đại bi, không nên nhập diệt sớm, phải nguyện ở lại đời mạt pháp để cứu độ những người chơn chánh tu hành đời sau, khỏi bị ma nhiễu hại.

Các ông tuân theo lời ta dạy đây, mới gọi là đền đáp ơn Phật. Các ông gắng bảo hộ người tu hành, nên đem lời nói của Ta đây truyền dạy cho chúng sanh đời sau, khiến cho họ hiểu rõ các việc ma, để khỏi bị Thiên ma nhiễu hại và mau được thành đạo vô thượng.

# Bài 16: Mười Món Ma Về Hành Ấm

10 món ma về hành ấm, 10 món ma về thức ấm   
I. Mười món ma về hành ấm:  
1. Chấp không nguyên nhơn sanh  
2. Bốn món chấp thường  
3. Chấp một phần thường, một phần vô thường  
4. Chấp có bốn món biên giới  
5. Bốn món luận nghị rối lọan, không nhứt định   
6. Chấp mười sáu tướng có  
7. Chấp tám món vô thường  
8. Chấp tám món cu phi  
9. Chấp bảy món đọan diệt  
10. Chấp năm món Niết bàn hiện tại  
II. Mười món ma về thức ấm:  
1. Chấp minh đế  
2. Chấp năng sanh  
3. Chấp chơn thường   
4. Chấp cây cỏ cũng đều có biết  
5. Chấp hư vô  
6. ChẤp tứ đại hóa sanh  
7. Tham cầu sống lâu  
8. Tham luyến cảnh dục  
9. Định tánh Thinh văn  
10. Định tánh Duyên giác

**I. MƯỜI MÓN MA VỀ HÀNH ẤM :**

**1. Chấp không nguyên nhơn sanh**

A Nan, người tu thiền định khi tưởng ấm hết rồi, thì tâm được minh chánh, không còn khởi các vọng tưởng tham muốn như trên, nên các Thiên ma không gặp dịp thuận tiện để nhiễu hại nữa. Lúc bấy giờ hành giả tự nhiên cứu nguồn gốc của muôn lòai, rồi sanh ra hai lối chấp :

 a/ Vì chỉ thấy biết được chúng sanh từ tám vạn kiếp trở lại, ngòai tám vạn kiếp thì mù mịt không thấy biết, nên sanh ra chấp : “Chúng sanh từ tám vạn kiếp trở lại tự nhiên có, không có nguyên nhơn sanh “.

b/ Hành giả nghiên cứu chỉ thấy người sanh ra người, chim sanh ra chim, quạ từ hồi nào đến giờ vẫn đen, không phải do nhuộm mà đen, cò từ hồi nào đến giờ vẫn trắng, không phải do rửa mới trắng v.v… từ tám vạn kiếp đến nay đã vậy, thì từ đây về sau cũng thế. Hành giả tự nghĩ ta từ hồi nào đến giờ không thành Bồ-đề, thì về sau đâu lại có thành Phật, rồi khởi ra tà chấp : “Các vật tượng ngày nay đều không có nguyên nhân “. Bởi mê mờ tánh Bồ-đề, mất chánh tri kiến, sanh ra hai lối chấp trên, nên đều đọa về ngọai đạo.

**2. Bốn món chấp thường**

A Nan, người tu thiền định, khi tưởng ấm hết rồi, tâm được minh chánh, nên ngọai ma không còn thuận tiện để nhiễu hại được. Khi đó hành giả tham cứu tột cội gốc của muôn lòai, khởi ra bốn món chấp thường :

a/ Chấp hai vạn kiếp thuờng. – Vì hành giả nghiên cứu cùng tột cả tâm và cảnh đều vô nhơn, vì sức tu chỉ biết được chúng sanh sanh diệt xoay vần từ hai vạn kiếp trở lại không mất, nên chấp cho là thường.

b/ Chấp bốn vạn kiếp thường. – Hành giả tham cứu cùng tột tánh của tứ đại thường còn, do sức tu tập chỉ biết được chúng sanh từ bốn vạn kiếp trở lại, tuy có sanh diệt, mà bản thể nó vẫn thuờng còn thường mất, nên chấp là thuờng.

c/ Chấp tám vạn kiếp là thuờng. – Hành giả tham cứu cùng tận tám thức, thấy nó thường hằng. Vì thấy từ tám vạn kiếp trở lại chúng sanh xoay vần không mất, nên chấp là thuờng.

d/ Chấp cái không sanh diệt là thường. – Người tu thiền định khi các tưởng ấm sanh diệt đã hết, nhơn đó khởi tâm chấp cái không sanh diệt là thuờng.

A Nan, người tu thiền định, do mất chánh kiến, mê mờ tánh Bồ-đề, khởi ra bốn món chấp thường trên, nên đều đọa về ngọai đạo.

**3. Chấp một phần thường, một phần vô thường**

Người tu thiền định, khi tưởng ấm hết, nghiên cứu cùng tột cội gốc của sanh lọai, rồi khởi ra bốn lối chấp điên đảo :

a/ Chấp tâm là thường, chúng sanh vô thường. – Hành giả khi quán tâm mình yên lặng khắp cả mười phương, các chúng sanh từ trong tâm mình tự sanh và tự chết, rồi chấp tâm ta là thường, chúng sanh vô thuờng.

b/ Chấp thế giới, những chỗ bị họai là vô thuờng, những chỗ không bị họai là thuờng. – Người tu thiền định quán sát cả mười phương thế giới, chỗ kiếp họai (như từ Tam thiền trở xuống bị tam tai làm hại) thì chấp là vô thường ; những chỗ không họai thì chấp là thường (từ Tứ thiền trở lên, tam tai không làm họai được, chấp cho là cứu cánh Niết-bàn).

c/ Chấp cái tâm là thường, còn sanh tử là vô thuờng. – Người tu thiền định, quán as1t tâm mình không biến đổi, nó nhỏ nhiệm tinh vi như hạt bụi và lưu chuyển cả mười phương, lại khiến cho thân àny sanh và diệt mà nó không biến đổi; nên chấp cho : “Tâm là thường; tất cả các vật đều từ tâm sanh ra, có sanh tử nên vô thường “.

d/ Chấp hành ấm thường ; sắc, thọ, tưởng là vô thường. – Người tu thiền định, khi thấy sắc, thọ, tưởng ba ấm trước đã diệt, nên chấp là vô thường, thất hành ấm lưu chuyển thường còn nên chấp là thường.

Bốn lối chấp trên, đều sai lầm cả, do mê muội tánh Bồ-đề, mất chánh kiến, nên đọa về ngọai đạo.

**4. Chấp có bốn món biên giới**

Người tu thiền định, khi tưởng ấm hết rồi, thấy được cùng tột cội gốc của sanh lọai, lúc bấy giờ khởi ra bốn lối chấp có biên giới :

a/ Chấp ba đời. – Người tu thiền định, lúc bấy giờ chấp tâm niệm hiện tại tương tục (hành ấm) là vô biên, còn quá khứ và vị lai là hữu biên.

b/ Chấp chúng sanh. – Người tu thiền định vì chỉ thấy được chúng sanh trong tám vạn kiếp, nên chấp là hữu biên ; còn trước tám vạn kiếp thì tịch mịch không thấy và cũng không nghe, nên chấp là vô biên.

c/ Chấp tâm tánh. – Người tu thiền định khi thấy tâm mình biến khắp và biến ra tất cả người, nên khởi lên chấp tâm ta vô biên. Còn tất cả người đều ở trong tâm ta, là hữu biên.

d/ Chấp sanh diệt. – Người tu thiền định khi cùng tột hành ấm, thấy được tâm mình, sanh tâm chấp tất cả chúng sanh và thế giới đều có phân nửa sanh và phân nửa diệt; sanh là hữu biên, diệt là vô biên.

Các lối tà chấp trên, đều do trong khi tu thiền mất chánh kiến, mê mờ tánh Bồ-đề, nên đều đọa về ngọai đạo cả.

**5. Bốn món luận nghị rối lọan không có nhứt định**

Người tu thiền định, khi tưởng ấm hết, liền khởi ra bốn lối chấp điên đảo không nhất định :

a/ Chấp tám món cũng. – Người tu thiền định, khi quán sát nguồn gốc biến hóa của muôn vật, thấy có chỗ thì biến đổi, có chỗ lại thường còn ; có cái sanh, có cái diệt ; có pháp tăng, có vật giảm, có cái có, có cái không. Bởi thế nên có ai đến hỏi đạo thì nói rằng : “Cũng biến, cũng hằng, cũng sanh, cũng diệt, cũng tăng, cũng giảm, cũng có, cũng không “. Lúc nào cũng nói rối lọan như vậy, làm cho người không hiểu chi cả.

b/ Chấp duy cái ” không “. – Người tu thiền định, vì quán cả tâm và pháp đều không ; rồi cứ chấp ở nơi cái « không ». Có ai đến hỏi đạo thì họ chỉ đáp một chữ ” không ” ; ngoài cái ” không ” ra thì không còn nói chi nữa cả.

c/ Chấp duy cái ” có “. – Người tu thiền định, do quán sát tâm mình biến khắp tất cả, chỗ nào cũng có, rồi cứ chấp ở nơi cái ” có “. Có ai đến hỏi đạo, thì họ chỉ nói một chữ ” có “; ngòai cái ” có ” ra thì không còn nói gì nữa cả.

d/ Chấp ” cũng có ” và ” cũng không “. – Người tu thiền định vì thấy ở nơi cảnh đã lăng xăng, còn tâm thì rối lọan, nên có người đến hỏi đạo thì đáp rằng : ” cái cũng có ” cũng tức là ” cái cũng không ” ; trong cái ” cũng không ” cũng tức là cái ” cũng có “. Lúc nào họ cũng nói rối lọan như vậy, không ai gạn cùng được.

Người tu thiền định vì mất chánh kiến mê mờ tánh Bồ-đề, khởi ra các lối chấp như vậy, nên đều đọa về ngọai đạo.

**6. Chấp mười sáu tướng có**

Người tu thiền định khi tưởng ấm hết, chỉ còn hành ấm diêu động, họ thấy một nguồn sống vô tận, nên sanh tâm chấp cho ” chết rồi còn tướng “.

Chấp về sắc uẩn có bốn : a) chấp sắc uẩn là ” ta “, b) chấp ” ta ” có sắc uẩn, c) chấp sắc uẩn thuộc nơi ” ta “, d) chấp ” ta ” ở nơi sắc uẩn.

Còn Thọ, tưởng, hành mỗi uẩn cũng đều có bốn lối chấp như vậy, cộng thành mười sáu tướng. Hoặc chấp phiền não và Bồ-đề hai tánh thật có, hết phiền não mới được Bồ-đề ; hai tánh không chung gặp nhau.

Vì hành giả trong lúc tu thiền, mất chánh tri kiến, mê mờ tánh Bô-đề, khởi ra các lối tà chấp trên, nên đều đọa về ngọai đạo.

**7. Chấp tám món vô tướng**

Người tu thiền định khi sắc, thọ, tưởng đã diệt rồi, lúc bấy giờ thấy thấy thân hình hiện tiền đây còn không thật có, thì khi chết rồi làm gì có các hình tướng. Vì so sánh như vậy, nên chấp chết rồi không có hình tướng. Thấp sắc ấm như vậy thì thọ, tưởng, hành cũng như vậy chấp hiện tại và vị lai đều không tướng), thành ra tám món vô tướng. Hoặc chấp Niết-bàn chỉ có cái tên suông, không có nhơn quả, rốt ráo đọan diệt.

Vì hành giả mê mờ tánh Bồ-đề, mất chánh tri kiến, khởi ra các lối tà chấp như vậy, nên đều đọa về ngọai đạo.

**8. Chấp tám món cu phi**

Người tu thiền định, đối với ba ấm : sắc, thọ và tưởng, trước kia thấy có mà nay lại không ; còn đối với hành ấm thiên lưu hiện nay thì có mà về sau lại không. Vì họ chấp mỗi ấm đều có hai tướng : chết rồi phi hữu và phi vô ;cả bốn ấm thành ra tám tướng, Bởi hành giả mê mờ tánh Bồ-đề, mất chánh tri kiến nên đọa về ngọai đạo.

**9. Chấp năm món đọan diệt**

Người tu thiền định, khởi ra các chấp : cõi dục thì sắc thân ” diệt hết ; cõi Sơ thiền các ” dục ” diệt hết ; cõi Nhị thiền các ” khổ ” diệt hết, cõi Tam thiền các ” vui ” diệt hết ; cõi Tứ thiền các ” xả ” diệt hết.

Như vậy xoay vần cùng tột cả năm chỗ đều chấp hiện tiền tiêu diệt, diệt rồi không sanh trở lại. Vì hành giả mê mờ tánh bồ-đề, mất chánh tri kiến, sanh các lối tà chấp như vậy, nên đọa về ngọai đạo.

**10. Chấp năm món Niết-bàn hiện tại**

Người tu thiền định, khi thọ ấm hết, xét cùng cội gốc của sanh lọai, khởi ra chấp na7m chỗ Niết-bàn : a) Chấp dục giới là cảnh Niết-bàn, b) Chấp cõi Sơ thiền là Niết-bàn, c) Chấp Nhị thiền là Niết-bàn, d) Chấp tam thiền là Niết-bàn, e) Chấp cõi Tứ thiền là Niết-bàn.

Vì ành giả mê muội tánh Bồ-đề, chấp năm cảnh vui cõi trời hữu lậu mà cho là Vo vi Niết-bàn, nên đọa về ngọai đạo.

**Tóm lại:**

A Nan, mười cảnh ma về hành ấm này, là do hành giả dụng tâm sai lầm nên mới sanh ra như vậy. Vì hành giả mê mờ không biết, tự cho là chứng Thánh, sanh đại vọng ngữ, nên đọa vào ngục vô gián. Vây các ông nên đem các việc ma này truyền dạy cho chúng sanh đời sau, chớ để cho người tu thiền bị tâm ma khởi lên làm hại đến thế. Các ông phải bảo hộ người tu hành đi thẳng đến đạo Bồ-đề, chớ để cho họ gặp con đuờng chia tẽ.

**II. MƯỜI MÓN MA VỀ THỨC ẤM :**

**1. Chấp minh đế**

Người tu thiền định khi hành ấm hết, chỉ còn thứcấm, các tướng sanh diệt đã hết, mà tâm thanh tịnh tịch diệt chưa hiện bày. Lúc bầy giờ nếu hành giả móng tâm chấp là chơn thường, thì mất chánh kiến, mê mờ tánh Bồ-đề, thành bạn bè với phái ngọai đạo Ta-tỳ-ca-la, chấp minh đế (sơ tướng A-nại-da) là cái chỗ trở về của vạn vật trái với thành Niết-bàn, đọa về ngọai đạo.

**2. Chấp năng sanh**

Người tu thiền định khi hành ấm hết, các tướng sanh diệt đã diệt, mà tâm thanh tịnh tịch diệt chưa hiện, khi đó thấy thức tâm mình châubiến, rồi khởi ra cái chấp : « Tất cả chúng sanh đều do ta sanh ra ». Vì sanh tâm chấp như thế,nên mất cáhnh kiến, mê lầm tánh Bồ-đề, thành bà con của trời Đại-ngã-mạn (Mê-hê-thủ-la-thiên).

**3. Chấp chơn thường**

Người tu thiền định khi hành ấm hết, thức ấn hiện ra, rồi sanh tâm nghi : Thân mình và mười phương hư không đều từ thức kia hiện ra, nên sanh tâm chấp cho ” Thức là chơn thường “, mất chánh kiến, mê mờ tánh Bồ-đề, thành bè bạn của trời Tự tại.

**4. Chấp cây cỏ cũng đều biết**

Người tu thiền định khi hành ấm hết, tướng sanh diệt đã diệt, chơn tâm tịch diệt chưa hiện bày, lúc bấy giờ thức ấm biến khắp tất cả, rồi sanh tâm chấp : ” Mười phương cây cỏ cũng đều là hữu tình, cùng với người không khác. Cỏ cây chế làm người, người chết trở lại làm cỏ cây “.Mê mờ tánh Bồ-đề, mất chánh kiến, nên sẽ làm bè bạn với hai chúng ngọai đạo Bà-tra và Tán-ni, chấp tất cả vạn vật đều có tri giác (biết).

**5. Chấp tứ đại hóa sanh**

Người tu thiền định khi hành ấm hết, chơn tâm chưa hiện, lúc bấy giờ thấy lửa sáng, nước trong, gió động, đất cứng, do bốn món này sanh ra các vật, rồi chấp cho là thường còn, hế lòng cung kính phụng thờ. Như ông Ca Diếp Ba và phái Bà-la-môn thờ lửa, thờ nước v.v… để cầu ra khỏi sanh tử, mê mờ tánh Bồ-đề, mất cáhnh kiến, đọa làm ngọai đạo.

**6. Chấp hư vô**

Người tu thiền định khi hành ấm hết, thấy thức ấm viên minh, rồi sanh ra chấp cái thức ấm hư vô, là chỗ nương của muôn vật, tất cả các vật đều về chỗ hư vô. Vì vậy mà mất chánh kiến, mê mờ tánh Bồ-đề, nên thành bè bạn với trời Vô tưởng, Tứ không và thần Hư không.

**7. Tham cầu sống lâu**

Người tu thiền định khởi tâm tham cầu thân này thường còn, cố làm cho thân này được sống hòai không chết, nên thành bè bạn của tiên A Tư Đà, cầu mạng sống lâu, mê mờ tánh bồ-đề, mất cáhnh kiến, đọa về ngọai đạo.

**8. Tham luyến cảnh dục**

Người tu thiền định khi hành ấm hết, lúc bấy giờ thấy thân thể và thức tâm tiêu diệt, cho nên sanh tâm lưu luyến lại cảnh trần, tự biến hóa ra nhiều cảnh ab1u đẹp và nhiều mỹ nữ, rồi mặc tình vui thú. Vì mất chánh kiến, mê mờ tánh Bồ-đề, nên thành bè bạn của Thiên ma ở cõi trời Tự tại (trên đảnh cõi Dục).

**9. Định tánh Thinh-văn**

Người tu thiền định khi hành ấm hết, các tướng sanh diệt đã diệt, mà chơn tâm tịch diệt chưa viên, lúc bấy giờ khởi tâm tham luyến ở chỗ không tịch, chẳng muốn tăng tiến, vì mất chánh kiến, mê mờ tánh Bồ-đề, đọa về hàng Định tánh Thinh-văn, như ông Vô Văn Tỳ-kheo, sanh tâm tăng thượng mạn.

**10. Định tánh Duyên-giác**

Người tu thiền định khi hành ấm hết, chỉ thấy một màu thanh tịnh sáng suốt, lúc bấy giờ sanh tâm chấp cho đó là Niết-bàn ; rồi tham trước cảnh này, không cầu tăng tiến, mê mờ tánh Bồ-đề, mất chánh kiến, nên đọa về hàng Định tánh Duyên-giác.

**Tóm lại:**

A nan, mười món ma này, do người tu thiền, khi dụng tâm páh trừ thức ấm, nên nó biến hiện ra các cảnh như vậy. Vì mất chánh tri kiến, mê lầm tánh Bồ-đề, khởi tâm chấp trước, cho mình đặng thiền, đặng đạo, thành Phật, thành Thánh v.v… có người sanh ra diên cuồng, nên đều đọa về ngọai đạo cả.

Vậy các ông phải giữ gìn nơi lòng, vâng lời Ta dạy : Sau khi Ta diệt độ rồi, các ông phải đem lời Ta dạy đây mà truyền dạy cho chúng sanh đời sau, bảo hộ người tu hành, chớ để cho chúng ma làm hại. Trên đường tu hành họ được thẳng vào chỗ tri kiến của Phật chẳng gặp các đường tẽ.

Này A Nan, người trong khi tu thiền, gặp ma nó biến hiện ra nhiều cảnh rất là vi tế, nếu các ông hiểu biết, rửa sạch tâm cấu nhiễm, chẳng khởi tà kiến, thì cảnh ma kia lần lần tiêu diệt, các ông sẽ thẳng đến đạo Bồ-đề.

Còn như đời sau, có chúng sanh nào chẳng dám tu thiền, sợ bị các ma nhiễu hại, thì ông nên khuyên họ nhất tâm trì chú Lăng Nghiêm này, để các ma chướng kia không thể hại được, rồi cũng thẳng đến được đạo Bồ-đề.

Khi Phật nói Kinh này rồi, tòan cả hội chúng, nào là : tăng, Ni, thiện nam, tín nữ, trời, người, thần A-tu-la, Thánh, Tiên, quỉ thần, Thinh-văn, Duyên-giác, Bồ-tát, tất cả đều hoan hỷ lễ Phật rồi trở lui.

**LƯU Ý:**

Quý Phật tử đọc hết đọan ngũ ấm ma này rồi, từ đây về sau, trên đường tu hành cần phải thận trọng, chớ nên gặp chi tin nấy, mà nguy hiểm cho mình về hiện tại cũng như tương lai.

Chúng tôi thấy trong giới Phật tử, phần đông là hàng phụ nữ (xin lỗi quý bà) lòng tin tưởng dồi dào lắm ! Mỗi khi thấy một việc gì lạ thường, có tính cách thần kỳ huyễn hoặc, không chịu bình tâm suy xét chơn hay ngụy; cứ cho đó là Phật thị hiện hay Bồ-tát giáng thế v.v… rồi rủ nhau tin tưởng theo càn, say mê như người nghiện thuốc, rủ nhau theo rất đông cho đến đỗi như cả phong trào. Như những việc trước mắt… mà quý vị đã thấy vừa qua… kết cuộc rồi thế nào quý vị đã biết rõ… Thật nguy hại vô cùng ! Nếu lỡ một phen bước vào đường tà rồi, thì trăm kiếp ngàn đời khó trở lại.

Tôi xin dẫn một vài bằng chứng trong Kinh, để quý vị xem qua, đặng cẩn thận những điều nguy hiểm trong lúc tu hành.

« Thuở xưa, Tổ Ưu Bà Quật Tôn giả đang nhập định, bị Thiên ma Ba tuần khuấy nhiễu… Đến khi xuất định, ngài dùng thần thông hàng phục được Thiên ma. Sau khi chúng đã hối ngộ quy y Tam bảo rồi, vì cảm hồng ân tế độ của Tổ sư, nên đến xin cúng dường ngài một bữa cơm để tỏ lòng tri ân.

Tổ sư dạy : – « Ta vì chuyên lo tu hành không giờ rảnh để đi thụ trai. Ta chỉ muốn xem một việc, nếu ngươi bằng lòng, thế là đền ơn cho ta rồi ». Thiên ma : – « Dạ, đệ tử xin vâng ». Tổ sư dạy : – « Khi Phật ra đời đã có ngươi : vậy trong lúc đó Phật cùng các vị Thánh chúng như thế nào ? Hôm nay ngươi hóa hiện lại cho ta xem thử ». Thiên ma thưa : – « Con xin vâng lời Tổ sư dạy. Nhưng khi con hóa hiện ra Phật, xin Tổ sư nhớ đừng lạy, vì sợ tổn phước con nhiều ». Tổ sư hứa lời.

Thiên ma a tuần liền biến mất, trong giây phút hóa hiện ra Đức Phật, thân vàng rực rỡ, đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, hào quang sáng chiếu khắp cả một góc trời, trong rừng từ từ đi ra. Nào là ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, A Nan, Ca Diếp đứng hầu hai bên oai nghi tề chỉnh đủ cả 1.250 vị đệ tử, rần rộ theo sau…

Tổ Ưu Bà Quật Tôn giả thấy Phật đi đến phóng hào quang rực rỡ, các vị Thánh chúng theo hầu, oai nghi tề chỉnh v.v… nên hết sức vui mừng, liền đứng dậy kính lễ, mà quên hẳn lời hứa trước kia. Lúc bấy giờ Thiên ma biến mất ».

Phật tử chúng ta xem qua đọan này, nên xét nghĩ : Như Tổ Ưu Bà Quật Tôn giả đã biết trước là ma hiện ra Phật và có hứa hẹn trước « không lạy », mà đến khi ma hiện ra còn quên, không phân biệt là ma hay Phật. Nếu chúng ta tình cờ gặp cảnh ngộ như thế, thử nghĩ trong tâm chúng ta thế nào ?

Bởi thế trên đường tu hành, lúc nào chúng ta cũng phải cẩn thận cho lắm, chớ nên thấy cái gì lạ, không chịu suy xét kỹ, cứ nhắm mắt theo càn, ùa nhau tin tưởng cho là Thần, Thánh thật. Lỡ một phen sa vào đường tà rồi, thì trăm kiếp ngàn đời khó trở lại. Chúng ta nên nhớ rằng : cái gì thiệt thì nó vẫn thiệt, dù mình tin hay không tin nó cũng không mất. Còn cái gì giả thì ồ ạt trong một thời gian mà thôi, nếu người không tin thì nó sẽ tự tiêu diệt.

Phật dạy các đệ tử : « Không nên thấy Phật cứ theo, nghe lời Phật nói cứ tin ; mà phải luôn luôn suy nghĩ, nếu đúng chơn lý sẽ tin theo ». Phật dạy như thế, để cho các Phật tử khỏi bị tà ma ngọai đạo dối gạt.

Trong Kinh Kim Cang Phật dạy :

***Nhược dĩ sắc kiến ngã  
Dĩ âm thinh cầu ngã  
Thị nhơn hành tà đạo  
Bất năng kiến Như lai***

Đại ý đoạn này Phật dạy: Nếu ngời nào cho rằng thấy sắc thân của Phật có 32 tướng tốt, là thấy được Phật, thì ông Chuyển Luân Thanh Vương cũng có đủ 32 tướng tốt, hoặc ma nó hiện ra sắc thân Phật có đủ tướng tốt, vậy cũng là Phật hay sao? – hay nghe tiếng nói pháp thanh tao của Phật mà cho là nghe được tiếng Phật, thì tiếng chim Ca-lăng-tần-già, kêu rất thanh tao lảnh lót, vậy cũng là tiếng nói của Phật hay sao? Những người tin tưởng như vậy, là theo tà đạo, không bao giờ thấy được Phật.

Phật thường nhắc nhở dặn dò các đệ tử: Phải dùng giáo lý chơn chánh dạy người. Khi người hiểu được chơn lý rồi tin theo, thì lòng tin đó mới được chơn chánh. Phật cấm các đệ tử không cho dùng phép thần thông hay phép lạ để cảm hóa người. Chỉ trừ một vài trường hợp hàng phục Ngọai đạo hoặc quỉ thần; vì sợ sau này Thiên ma ngọai đạo dùng thần thông hay phép lạ làm mê hoặc người.

Vì thế nên Phật không từ trên hư không rớt xuống, hay tự nhiên xuất hiện; mà Ngài lại thị hiện cũng như người, lớn lên có vợ con, rồi đi tu và thành đạo v.v… để cho chúng sanh sau này, đừng tin tưởng những điều huyễn hoặc thần kỳ.

Khi Phật còn trụ thế, có người đàn việt đem dâng cái bình bát cho chư tăng, lại để trên đầu một cây cột phướn cao, và thưa rằng: “Nếu vị nào lấy được tôi sẽ cúng cho”.

Khi đó ông Tân Đầu Lô Phã Đọa Xà Tôn giả, dùng thần thông lấy cái bình bát ấy. Ông bị Phật quở trách rất nghiêm khắc, và phạt ông phải ở lại thế gian ứng cúng, làm phước điền cho chúng sanh, không được nhập diệt. Và Phật còn chế ra giới luật cấm các đệ tử không được dùng thần thông hay phép lạ trước người phàm phu.

Trong kinh cũng có chỗ nói, các Đức Phật và Bồ-tát thỉnh thỏang thị hiện ra đời để hóa độ chúng sanh, như Đức Di Lặc hay Ngài Quán Thế Âm v.v… Nhưng khi các Ngài hiện ra không ai biết được, chỉ trừ đến khi tịch diệt, các Ngài mới để lại vài di tích. Chừng đó người đời mới biết Phật hay Bồ-tát thị hiện; khi biết thì không còn thấy các Ngài nữa.

Như Đức Di Lặc bồ-tát hiện thân làm vị Bố đại Hòa thượng. Ngài thường xách bị lớn bằng vải, đi khắp đó đây để hóa độ chúng sanh, mà người đời không ai biết, chỉ gọi Ngài là vị Bố đại Hòa thượng(1). Đến khi thị tịch, Ngài nói một bài kệ, lúc bấy giờ người ta mới biết là Đức Di Lặc Bồ-tát hiện thân.

**Bài kệ:**

***Di Lặc chơn Di Lặc,  
Hóa thân thiên bách ức,  
Thời thời thị thời nhân,  
Thời nhân giai bất thức.***

Nghĩa là: Di Lặc thật là Di Lặc, biến hóa trăm ngàn muôn ức thân hình; thường thường thị hiện độ người, mà người đời chẳng ai biết.

**III. KẾT LUẬN**

Đại ý toàn cả bộ kinh này, Phật dạy chúng sanh phải trở về với thể tánh chơn tâm thường trụ, đồng với ý nghĩa như trong Kinh Pháp Hoa : « Khai thị ngộ nhập Phật tri kiến ».

Phật đã dạy cho chúng ta biết rằng : Chư Phật và chúng sanh cũng đồng một bản thể chơn tâm không khác. Vì chúng sanh mê muội thể tánh chơn tâm này, nên phải chịu sinh tử luân hồi ; còn chư Phật đã ngộ chơn tâm nên được tự tại giải thóat. Vì vậy mà Phật dạy : « Ta là Phật đã thành, còn các chúng sanh là Phật sẽ thành ».

Nguyên nhân Phật nói Kinh này, là do ngài A Nan thị hiện mắc nạn, bị nàng Ma-đăng-già bắt. Sau khi nhờ Phật cứu độ được thóat nạn rồi, ngài mới cầu Phật chỉ dạy cho phương pháp nào mà mười phương các Đức Phật tu hành đều được thành đạo chứng quả.

Nhơn đó Phật nói Kinh Lăng Nghiêm, để chỉ rõ chơn tâm. Nếu giác ngộ được chơn tâm là được thành Phật. Đó là một con đường tu duy nhứt của chư Phật quá khứ, hiện tại cũng như vị lai.

Trước khi chỉ chơn tâm thì Phật gạn hỏi cái tâm theo thường tình chúng sanh vọng chấp. Bảy đọan hỏi tâm làm cho ngài A Nan cùng đường tột lối ; lúc bấy giờ Phật mới từ từ chỉ cái tâm đến sáu lần. Ban đầu Phật tạm chỉ các giác quan về phần trực giác như thấy, nghe v.v… là tâm. Khi A Nan và đại chúng đều hiểu rồi, Phật lại chỉ lên một từng nữa : « Các giác quan tuy không phải vọng, nhưng cũng chưa phải là chơn tâm, nó cũng như mặt trăng thứ hai v.v… » Phật lại chỉ cái Bản thể sanh ra các giác quan (hiện tượng) mới thật là chơn tâm. Tức là ở về đọan, trong văn kinh chữ Hán chép : « Kiến kiến chi thời, kiến vi thị kiến, kiến du ly kiến, kiến bất năng cập v.v… ».

Phật dạy : vì các ông còn ở trong vòng mê, nên chỉ gọi là giác quan : Thấy, nghe, hay, biết của chúng sanh ; đến khi ngộ rồi thì gọi là bốn đức Niết-bàn của Phật : thường, lạc, ngã, tịnh. Và Phật dạy : Tất cả các pháp đều từ tâm biến hiện, như năm ấm, sáu nhập, mười hai xứ, mười tám giới và bảy đại đều do tâm sanh ra, rồi cũng trở về thể tánh chơn tâm. Thế là Ngài dẫn cái tướng qui về chơn tánh.

Đến đọan này ngài A nan mới ngộ được chơn tâm, nên đứng dậy lạy Phật và xứng theo thể tánh chơn tâm rộng lớn mà phát lời thệ nguyện rộng sâu vô tận.

Ngài nguyện rằng : ” Trong đời ngũ trược tội ác, con thề vào trước để độ chúng sanh ; nếu còn có một chúng sanh nào chưa thành Phật thì con thề chẳng lãnh quả vui Niết-bàn… ” Và câu ” Hư không kia có thể tiêu hết, chớ chí nguyện của con đây không hề lay chuyển “. Cũng vì ngộ được đồng thể chơn tâm, nên ngài mới phát lời thệ nguyện rộng lớn như thế.

Mình đã được độ, muốn cho chúng sanh cũng đều đuợc độ, nên ngài A nan cầu Phật chỉ dạy phương pháp tu hành cho chúng sanh đời sau :

Phật dạy có ba việc :

1. Khi đối cảnh không khỏi vọng niệm phân biệt theo vọng trần ; tức là câu « bất tùy phân biệt ». Nghĩa là, xoay các giác quan như thấy, nghe, hay, biết đều trở về thể tánh chơn tâm. Nếu vọng niệm không khởi thì chơn tâm hiện bày, đây là một pháp tu trực chỉ của bậc thượng căn.

2. Phật dạy trì giới. Nhơn trì giới tâm đuợc thanh tịnh, nhờ tâm tịnh mới phát sanh ra trí huệ, để phá trừ vô minh. Vô minh hết thì chơn tâm tự hiện bày. Nhưng trong Kinh này nói trì giới là chỉ cho tâm giới. Nghĩa là thân đã không sát, đạo, dâm vọng cho đến cái « biết mình đã đọan trừ » cũng không còn. Thật là cao siêu vô cùng, khó khăn tột bực. Vì nếu tâm còn móng một tý vọng niệm gì, thế là tâm chưa tịnh. Nếu tâm chưa tịnh thì giới thể chưa viên.

3. Phật dạy, nếu người nào nghiệp chuớng nặng nề, thì nên chí tâm trì tụng chú Lăng Nghiêm, dù nghiệp chướng nặng đến đâu cũng lần lần tiêu hết, phước lành tăng trưởng, sẽ thành đạo Bồ-đề ; như thuận gió tung bụi chẳng có khó khăn gì.

Trên đường tu hành, Phật dạy phải trải qua các thứ ma (sắc, thọ, tưởng, hành, thức mỗi ấm có mười) nó biến hiện đủ điều, nào là ma nội tâm, ma ngọai cảnh, đủ cách nhiễu hại hành giả. Cho đến khi gần thành Phật mà nó cũng vẫn còn theo phá. Như thái tử Sĩ Đạt Ta, trước giờ phút đại ngộ, dưới gốc cây Bồ-đề, vẫn còn bị ba người con của Ma vương tân lực khuấy nhiễu. Đến sao mai sắp mọc Ngài thành Phật mới hết.

Sau mỗi đọan ma hiện, Phật đều dạy rằng : ” Do hành giả dụng công tu thiền, nên nó biến hiện ra như vậy, không phải là đặng đạo hay chứng Thánh, nếu hành giả biết trước thì các cảnh ma kia lần lần tiêu diệt không hại chi, còn mê lầm không biết, cho mình đặng đạo hay chứng Thánh, sanh tâm chấp trước, thì bị ma nó cám dỗ, rồi phải đọa vào đuờng tà, làm quyến thuộc của ma.

Bởi thế, nên người tu hành cần phải thận trọng, chớ nên gặp chi tin nấy mà bị ma cám dỗ, rất nguy hiểm cho đời mình về hiện tại cũng như vị lai.

Phật nhắc đi nhắc lại nhiều lần, bảo các đệ tử : ” Nên đem lời Ta nói đây truyền dạy cho chúng sanh đời sau, khiến cho mọi người đều biết rõ, để tránh khỏi bị ma nhiễu hại, trên đường tu hành đuợc thẳng đến đạo Bồ-đề “.

Phật lại thiết tha kêu gọi các đệ tử : Hôm nay các ông đã được Ta tế độ rồi, vậy các ông không nên nhập diệt sớm, mà phải nguyện ở lại đời mạt pháp, để bảo hộ người tu hành đời sau, thế mới là người biết ơn Phật.

Lòng từ của Phật thật là vô biên, tế độ chúng sanh không cùng tận, thương chúng ta như mẹ thương con, dạy dỗ chúng ta như mẹ hiền khuyên con dại ; nhắc đi nhắc lại nhiều lần không biết mỏi. Thật đúng với câu : ” Đại từ đại bi mẫn chúng sanh. Đại hỷ, đại xả tế hàm thức… “.

Phật tử chúng ta phải làm thế nào để khỏi phụ lòng thương yêu của Từ Phụ, cho xứng với danh từ ” Phật tử “.

——————————–

*(1) Bố đại Hòa thượng là vị Hòa thượng tay cầm cái đãy lớn bằng vải. Người mập bụng to, sắc mặt thường hoan hỷ. Hiện nay ở các chùa phần nhiều đều có thờ Ngài, người đời thường gọi là Đức Di Lặc.*